

LONG THƯ TỊNH ĐỘ

Tác Giả : Vương Nhật Hữu

QUY TẮC TU HỌC CỦA ẤN QUANG ĐẠI SƯ

Bất luận là người tu tại gia hay xuất gia, cần phải trên kính dưới hoà, nhẫn nhục điều người khác khó nhẫn, làm những việc mà người khác khó làm, thay người làm những việc cực nhọc, thành toàn cho người là việc tốt đẹp.

Khi tĩnh toạ thường nghĩ đến điều lỗi của mình. Lúc nhàn đàm đừng bàn đến điều sai trái của người. Lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, mặc, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, chỉ niệm A Di Đà Phật không gián đoạn, hoặc niệm to, hoặc nhỏ, hoặc niệm thâm.

Ngoài việc niệm Phật, đừng dấy khởi một niệm nào khác. Nếu khởi vọng niệm, phải tức thời bỏ ngay. Thường có lòng hổ thẹn và tâm sám hối. Nếu đã tu trì, phải tự hiểu là công phu vẫn còn nông cạn, chẳng nên tự kiêu căng, khoa trương, chỉ nên chăm sóc việc nhà mình, đừng nên dính vào việc nhà người. Chỉ nên nhìn đến những hình ảnh tốt đẹp, đừng để mắt tới hình ảnh xấu xa bại hoại. Hãy coi mọi người là Bồ Tát, còn ta chỉ là kẻ phàm phu.

Nếu quả có thể tu hành được như những điều kể trên, thì nhất định được sinh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

MỤC LỤC

Thay lời tựa.....	3
Quyển 1: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	21
Quyển 2: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	59
Quyển 3: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	73
Quyển 4: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	93
Quyển 5: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	111
Quyển 6: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	148
Quyển 7: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	190
Quyển 8: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	200
Quyển 9: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	210
Quyển 10: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	238

Thay Lời Tựa

Nói về đạo, thì không có đạo nào lớn bằng đạo Phật. Nói về lý, thì không có lý nào thâm cho bằng lý Phật. Còn nói về tu, thì không tu nào dễ cho bằng tu Phật.

Người thế gian chỉ biết đạo lý của Phật khó hiểu chớ không biết pháp môn của Phật dễ tu, nghe nói Đức Phật Thích Ca tu nhiều kiếp mới thành, lại cho là khó, mà ít ai dám tu Phật.

Thù bất tri, pháp của Ngài tự tu rất khó, mà pháp dạy chúng sinh tu thì lại rất dễ.

Nguyên Đức Thích Ca trước khi Ngài chưa tu, thì Ngài cũng là một cá nhân ở trong cõi sinh tử như ta vậy. Cũng có nhiều kiếp hưởng phúc mà sinh làm Trời, làm Tiên, làm Người, làm A Tu La và cũng có nhiều kiếp thọ tội mà đọa vào đường địa ngục, đường ngạ quỷ và đường súc sinh, lăn lộn biết bao nhiêu kiếp, thay đổi biết là mấy thân, khổ sướng nhục vinh không phương xiết kể.

Đến khi Ngài đầu thai làm con của vua Tịnh Phạn Đầu Đà Na, thì Ngài chợt nghĩ sự đời, tỉnh cơn mộng寐, biết hồng trần là cuộc giả dối, góm thân thể là vật nhớp nhơ, chán mùi danh lợi, bỏ phú quý mà đi tu, nghe có thầy thuyết pháp ở xứ nào cũng đến nghe và hay tin có thầy giảng đạo ở nước nào thì cũng tới học. Đó là cái phương châm xu hướng của Ngài.

Còn đến như pháp môn của Ngài tu hành, thì chỉ có pháp khó, chớ chưa có pháp dễ như pháp môn Tịnh độ.

Vì cõi Tịnh độ do nơi bản nguyện của Phật A Di Đà sáng lập, mà Phật A Di Đà gốc là đồng tu với Ngài một lượt. Khi Ngài chưa thành Phật, thì Đức A Di Đà cũng chưa thành Phật. (Hồi kiếp vô lượng quá khứ trở về trước, có một thuở Đức A Di Đà và Đức Thích Ca đồng tu một lượt. Lúc Vô Trách Nhiệm tức là tiền thân của Đức A Di Đà làm vua, thì Ngài kết bạn rất thân mật với một vị đại thần tên là Bảo Hải, tức là tiền thân của Đức Thích Ca. Khi ấy có Phật Bảo Tạng ra đời mà hóa độ chúng sinh, hai vị đồng tới chỗ của Phật Bảo Tạng mà phát Bồ đề tâm. Vua Vô Trách Nhiệm nguyện rằng : Tôi nguyện tu pháp Đại thừa ứng hóa về Tịnh độ, chớ chẳng nguyện về cõi Uế độ. Nếu tôi chứng đặng bậc Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì tôi nguyện độ chúng sinh trong cõi Tịnh độ không có mọi điều khổ não. Bằng chẳng đặng như vậy, thì tôi thề không thành Phật. Còn ông đại thần Bảo Hải thì nguyện ứng hóa nơi cõi Uế độ tức là cõi Ta bà này, mà độ những chúng hữu tình).

Nếu Đức A Di Đà chưa thành Phật, thì làm sao có Tịnh độ. Bởi chưa có Tịnh độ, nên Đức Thích Ca phải tu các pháp khó như là : pháp trì giới, pháp tham thiền, pháp nhập định, và pháp chỉ quán; nếu đủ cả lục độ vạn hạnh, gồm hết chúng đức quản lý, trải không biết bao nhiêu vị thứ giai cấp, tốn không biết bao nhiêu lao khổ công phu.

Ngài tu một kiếp chưa thành, thì tu đến hai kiếp, ba kiếp cho đến trăm ngàn muôn ức kiếp, đồng mãnh tinh tấn, thề không trở lui.

Cập kỳ nhân tròn quả mãn, phần tự giác xong rồi Ngài bèn lấy Phật nhãn xem thấy cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà đã mở, cảnh giới rất vui và thấy chúng sinh ở trong quốc độ Ta Bà thọ không biết bao nhiêu điều thống khổ, ra vào nhà lửa, lặn mọc sông mê, biển tình ái chìm ngay, xe luân hồi quay mãi, làm cho Ngài đau lòng xót mắt, mới tính đem chính giáo ra bố hóa mà giác ngộ cho đời. Cho nên kể từ khi Ngài thành đạo, đến lúc nhập Niết Bàn tính trước sau là bốn mươi chín năm, thì thuyết pháp hơn ba trăm hội.

Mỗi hội đều có phát minh tôn chỉ, hoặc tôn chỉ Đại thừa hoặc tôn chỉ Tiểu thừa, hoặc tôn chỉ Thiên quán, hoặc tôn chỉ Tịnh độ, bảo người nghe rồi nghĩ, nghĩ rồi tu, lý nào cũng lý tỏ tâm tánh, môn nào cũng môn thoát sinh tử, đối với chúng sinh thì không một lời gì là dối gạt, không một sự gọi là thiệt hại. Ngài chỉ sợ chúng sinh có phần nhiều không đủ căn tri, nghe không hiểu, tin không thấu, rồi sinh lòng nghi báng mà phải chịu trầm luân.

Thế thì lực tự tu của Ngài hết sức mạnh mẽ, chỗ đắc đạo của Ngài hết mực thâm diệu, nguyện độ sinh của Ngài hết mực rộng lớn.

Nếu tưởng như lịch Tổ hồi trước, sinh nhằm đời chính pháp và đời tượng pháp, thì không có ai tu như Ngài đặng,

huống chỉ đương lúc thời kỳ mạt pháp này đâu có một người nào phưởng phát. Nếu đã không phưởng phát, thì làm sao tu các pháp khó như Đức Thích Ca cho nổi, mà hy vọng cho thấu cái địa vị thành Phật.

Vì Ngài biết trước như vậy, nên trong giáo pháp của Ngài tuy nói đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn mà rốt lại thì chỉ khen có một môn Tịnh độ là phương tiện dễ dàng hơn hết.

Nếu Ngài đã khen Tịnh độ là dễ, mà Ngài lại còn nói mấy pháp khó kia ra làm chi ? Đó chẳng qua là tùy theo căn tánh của chúng sinh hoặc ưa tu pháp khó hoặc ưa tu pháp dễ, nên Ngài phải nói đủ hai bên như vậy, rồi tùy ý ai muốn tu pháp nào cũngặng.

Tu pháp khó hay là tu pháp dễ, rồi cũng đều thành Phật. Tu tuy khác nhau, mà đến cái hiệu quả thành Phật thì cũng in như nhau.

Thí như có một cảnh đế đô ở tại xứ nào đó, lắm thú xinh lịch vui vẻ, ai nghe nói thì cũng muốn du lịch tới chơi. Song khi ra đi hoặc có kẻ muốn do theo đường bằng, đi xe lửa xe hơi, hay là muốn do theo đường biển, đi ghe đi tàu,ặng cho khỏe chơi và mau tới, hoặc có người lại ưng do theo đường hiểm, trèo non lội suối, dải tuyết dầm sương bất kể năm ngày, cứ thủng thỉnh đi hoài, chừng nào tới cũngặng.

Vậy thì cảnh tuy là một, mà đường sá khác nhau, tùy ý ai muốn đi đường nào cũngặng. Đi đường bằng thì dễ, đi đường

biển thì khó. Nếu khó đi thì lâu tới, còn dễ thì mau tới. Sự tới mau hay là tới lâu chẳng đồng như vậy nhưng rốt lại thì cũng đồng tới một chỗ. Nếu đã đồng tới một chỗ thì đi đường khó sao bằng đi đường dễ là tiện hơn.

Xét như nói trước đó, thì những người tu Phật mà chẳng tu Tịnh độ, thiệt là uổng biết bao nhiêu, vì pháp môn Tịnh độ đủ sự và đủ lý.

Lý, tuy quá mắc, mà sự thì quá rẻ; dầu kẻ hạ phàm tu cũng chắc đặng vãng sinh, mà nếu vãng sinh thì chắc đặng thành Phật.

Tu pháp môn Tịnh độ dễ như chim lướt gió xuôi, thuyền boi nước thuận, chẳng hề mệt sức mà lại đi chắc đến nơi, về chắc đến chốn, không đợi nhiều kiếp khổ tu nhọc chứng.

Vậy nên chúng tôi thường đem sự lý biện bạch rõ ràng để phát dương một pháp rất có lợi ích cho đời, mà công hiến đại đồng nhân giả.

Nhưng ngặt thay ! Trong thế gian có nhiều người không biết Lý, mà nghi Sự lại cho là không có Tịnh độ, không có vãng sinh. Như có ai hỏi làm sao biết rằng không có Tịnh độ và vãng sinh, thì họ đáp lại rằng : Bởi không thấy, nên biết là không có. Than ôi ! Kiến thức như thế mà lại phán đoán tới cái đạo vô thượng !

Vậy xin hỏi lại một điều này : Giả sử có một người nghèo khổ từ bé đến lớn, cứ ở nhà côi cút mà làm ăn, không hề bước chân đi chơi, không thấy đặng các vật tốt đẹp quý báu, nhà cửa sang giàu, cùng các nơi thành phố, đến khi có người khác du ngoạn đã thấy đủ những vật ấy, rồi trở về nói lại, mà người nghèo đó không tin, nhất định không cho là có sự thật.

Vậy người nghèo ấy tỉnh hay là mê, khôn hay là dại ?

Còn nói rằng các vật tốt đẹp quý báu đó, tuy người nghèo ấy không thấy mà người du ngoạn kia có thấy, chớ cảnh Tịnh độ có ai thấy đâu, thì lại càng thêm mê muội.

Bởi cảnh Tịnh độ không có sắc tướng, cũng như tâm của ta không có hình mạo. Như đã không hình sắc, thì con mắt thịt của người thế gian làm sao thấy đặng. Nhưng con mắt thịt tuy không thấy, mà con mắt tâm thấy.

Hễ tâm của ta thường tri mên và thường quán tưởng nơi cõi Tây phương, thì con mắt vô hình của tâm chắc thấy cảnh vô tướng của Tịnh độ.

Thí như chúng ta, trong khi hằng ngày, thường để yù về một cảnh xinh lịch nào đó cứ nhớ tưởng hoài, thì đến khi ban đêm cảnh ấy chắc có hiện ra trong giấc chiêm bao, làm cho ta đẹp ý vui lòng, cũng ăn uống, cũng chuyện trò, đủ các thứ như hồi còn thức vậy. Đó có phải là do nơi tâm mà hiện ra hay không ?

Nếu chấp cảnh ấy là cảnh giả trong lúc chiêm bao, chớ không phải cảnh thiệt, nên khi ngủ thò thấy đến khi thức thì không thấy, thì lại càng lầm nữa.

Bây giờ trước nói về trong thân tâm rồi sau sẽ bàn đến ngoại cảnh. Thân, tức là hình hài cốt cách; còn Tâm, tức là tư tưởng tinh thần.

Trong thế gian, bất kỳ kẻ trí người ngu. Và ý lại nơi tư tưởng tinh thần mới có sống có biết, mới có suy nghĩ chuyện nọ, hành vi sự kia. Song chẳng hiểu tại sao mà đương khi thức, thì biện biệt như vậy; còn đến lúc ngủ thì mê muội vô tri, thân của mình cũng không biết, nhà cửa của mình cũng không biết, cũng không biết tới cha mẹ vợ con, và cũng không biết tới phải dơ tốt xấu, hết thấy đều không biết cả.

Vậy khi ấy, tinh thần tư tưởng ở đâu, mất hay còn, không hay là có ?

Như nói còn nói có, thì làm sao không biết chi hết. Còn như nói mất nói không, thì làm sao thân lại còn sống ?

Đó là nói về tinh thần tư tưởng trong giấc ngủ. Còn trong khi thức thì xét coi tinh thần là cái gì, tư tưởng là thứ chi ? Nó có hình mạo hay không ?

Như nói rằng nó có hình, thì làm sao không thấy. Còn nếu nói rằng nó vô hình, thì làm sao lại có đi đứng vận động.

Nếu chấp cái đi đứng vận động đó là thuộc về thân, khi chết rồi sao thân không đi đứng vận động nữa ? Vậy nó ở vào chỗ nào ? Như nói rằng tinh thần tư tưởng ở tại tâm hay là ở tại não, thì mấy người chết đó, tâm và não cũng còn, mà sao không có cái tri biết.

Lại nữa, nó với thân là một vật, hay là hai vật ?

Như nói rằng một vật, thì nó nguyên không có khi nào tiêu diệt, mà nếu đã không tiêu diệt, thì đáng lẽ nó còn hoài, và thân cũng còn hoài mới phải, chớ sao thân lại có chết. Còn như nói rằng hai vật thì làm sao thân đâu nó đó, nó biết tức là thân biết, thân biết tức là nó biết, chớ không phân nhau đặng. Lại thân với tinh thần tư tưởng ly nhau hay là hiệp nhau ?

Như nói rằng ly nhau, thì thân nương theo cái gì mà biết đau biết mạnh, biết đói biết no, và biết hành động những các công việc nọ kia.

Còn như nói rằng hiệp nhau, thì trong khi ngủ, cái gì ly xác đi chơi mà có chiêm bao đó. Ấy là vật ở trong mình mà còn chẳng biết thay, huống chi biết được cảnh thiệt cảnh ở ngoài.

Tâm và Thân đã biện giải rồi, bây giờ nói qua cảnh. Tâm tuy đối với cảnh, nhưng cảnh thiệt sinh nơi tâm.

Nếu cảnh đã sinh nơi tâm thì đâu phải là tùy theo lúc thức hay là lúc ngủ mà có thiệt có giả. Bởi thức cũng là tâm, mà

ngủ cũng là tâm. Tâm khi thức đã chẳng khác với tâm khi ngủ, thì cảnh khi ngủ, lại đâu khác với cảnh khi thức.

Nếu chấp cái cảnh trong chiêm bao, đến chừng thức dậy chẳng thấy nó mà cho nó là giả, thì cái cảnh trong khi thức, đến chừng ngủ mê cũng không thấy nó, lại đâu đặt cho nó là thiệt.

Vả lại đem cái cảnh chiêm bao ngó thấy mà so sánh với cái cảnh khi thức ngó thấy, thì hai cảnh ấy nguyên chẳng khác nhau, vì khi thức thấy đủ trời đất núi sông và cỏ cây người vật thì trong lúc chiêm bao cũng thấy đủ như vậy.

Nói tóm lại, hễ khi thấy cảnh gì thì lúc chiêm bao cũng thấy cảnh nấy. Lại trong khi mình thấy cảnh ấy, mình đâu có biết rằng mình là chiêm bao. Nếu đã chẳng biết là chiêm bao, thì tức là cảnh thiệt, mà nếu cảnh chiêm bao đã thiệt, thì cảnh Tịnh độ làm sao lại giả ?

Nếu cảnh Tịnh độ đã chẳng giả, thì chắc là có, mà nếu đã chắc có, thì sao lại cho là không ?

Vậy chúng ta phải biết rằng thân của chúng ta sau khi chết rồi, hình chất tuy mất mà tinh thần chẳng mất và nghiệm trong khi chiêm bao, xác thân nằm tại giường mà thân hồn dạo chơi khắp xứ, vật gì cũng thấy, chuyện gì cũng thấy, chuyện gì cũng biết.

Nếu chiêm bao đã có thấy và có biết, thì chết rồi chắc cũng có thấy có biết như vậy. Nếu đã có thấy và có biết, thì tức có thân và có tâm, mà cũng tức là có đối cảnh có vãng sinh. Nếu chẳng sinh nơi cảnh xấu, thì cũng sinh nơi cảnh tốt, hay là chẳng sinh nơi cảnh sạch thì cũng sinh nơi cảnh nhơ, chớ lẽ nào lại không ?

Tại tinh thần của người đương khi còn sống tư tưởng về cảnh nào thì đến chùng chết, vãng sinh về cảnh nấy, cũng như ban ngày có tưởng sự gì, thì tối lại cũng chiêm bao sự ấy. Vậy thì nói sao không có vãng sinh, không có Tịnh độ, mà phòng phải nghi ?

Vả lại pháp môn Tịnh độ chẳng những dễ tu hơn các pháp của các đạo khác nữa.

Đại để như tu Tiên, thì phải xa lánh cõi hồng trần, ở nơi hang sâu núi thẳm, tu đơn dưỡng hống; luyện thần hườn hư, làm đủ các pháp bí mật.

Còn tu Trời, thì mười nghiệp ác của thân khẩu và ý hằng ngày không đừng phạm; mười nghiệp thiện của thân, khẩu, và ý hằng bữa cũng không đừng kém; tu hết những phúc nhỏ và lớn, mà không đừng để ý rằng mình có làm phúc, chưa hết mấy tội lớn và nhỏ mà không đừng tự ý rằng mình chắc khỏi tội.

Tu làm sao cho phúc lớn bằng Trời và đức hiệp với Trời, thì mới gọi là tu Trời. - Cách tu Tiên và tu Trời như vậy thì xét lại coi có khó hay không ?

Nếu tu Trời mà chẳng trọn bề phúc thiện như đã nói trên đó, thì Thanh y đồng tử chẳng rước về Thiên đường. Còn nếu tu Tiên mà chẳng đặng ra khỏi trần lụy, vào cảnh hư vô, thì tất phải làm con quỷ mê hồn, con ma khổ xác.

Xét lại coi xưa nay mấy ai tu Tiên mà đặng thành Tiên bao giờ, chỉ thấy có mấy người mê tin nghe theo tà thần, và tà sư, rồi tự vị rằng mình có tiên phong đạo cốt, y theo mấy quyển sách ngụy tạo như là Chỉ huyền, Khuê chỉ, Huệ mạng, Huệ cảnh, Huỳnh đình v.v...

Tu theo mấy quyển sách ấy, thì thêm tức ngực, nhức đầu, lớn bụng, mù mắt, bại tinh và thổ huyết mà Tiên đâu chẳng thấy, chỉ thấy mang cái xác bệnh, làm báo cha mẹ vợ con cực khổ mà thôi. Đó là nói về bên Tiên bên Trời khó tu và khó thành.

Còn dẫu tu Tiên và tu Trời mà thành về đặng Thiên đường, chứng đặng Tiên quả đi nữa, thì đến khi hết phúc, cũng còn hườn thọ luân hồi, vì Trời và Tiên còn ở trong vọng giác chớ chưa phải chân giác, còn ở trong Tam giới chớ chưa phải Niết Bàn.

Nếu đã chưa phải chân giác và Niết Bàn, thì không thể gì thoát khỏi hai đường sinh tử. Nếu muốn thoát khỏi đường sinh tử, thì phải tu pháp môn Tịnh độ.

Tịnh độ, nghĩa là cõi sạch, không có chút bợn nhơ uế nào cả. Đất ở trong cõi ấy, nguyên những ngọc lưu ly kết thành, còn nhà cửa đường sá, cho đến cảnh vật thì toàn bảy thứ châu báu trang sức hết mực sang trọng tốt đẹp, và lại có chim rất kỳ thuyết pháp, hoa lạ diễn kinh, mắt thấy tai nghe, thanh tao vui vẻ, không phải cái tình huống phiền não cực khổ như cõi thế gian này.

Đó là nói về cảnh. Còn người, thì trên có Đức Phật A Di Đà là ông vua Pháp, là một ngôi giáo chủ ở trong cõi ấy.

Tôi đại thần hầu hai bên Phật, thì có đức Quan Âm, với đức Thế Chí. Còn dưới thì có hàng đệ tử của Phật, đủ các bậc Bồ Tát, La Hán, Thanh Văn và Duyên Giác, lại dưới nữa thì có các Thánh, các Trời, các Long vương và các thiên thần hộ vệ.

Phong quang khác tục; nhân vật lạ đời, ấy là do cái từ lực của Đức Phật A Di Đà đối với các tư tưởng của chúng sinh mà tạo thành ra một cái thế gian ly kỳ, để nhiếp dẫn những người đọa lạc.

Vậy nên tư tưởng của chúng sinh hẳn có cảm thì từ lực của Phật ắt có ứng, nếu có cảm có ứng, thì chắc có vãng sinh.

Vãng sinh, nghĩa là ly bỏ cõi Ta Bà qua sinh nơi cõi Tịnh độ. Nhưng cõi Tịnh độ tuy là một cảnh, mà vãng sinh có chia nhiều phẩm khác nhau :

1 - Người thượng căn thượng trí hiểu lý Đại thừa giữ trọn giới luật, nhất tâm niệm Phật quán Phật trong một ngày không một phút nào là không niệm và không quán tưởng, cho đến trọn đời và đến khi lâm chung cũng vậy, không một khi nào là quên cái nguyện vãng sinh về cõi Phật, tu được như thế thì chắc chiếm đặng bậc thượng phẩm thượng sinh, mau đắc đạo thành Phật. Cũng như người thế gian tài trí siêu việt thì phẩm hàm chắc đặng cao thăng, lộc vị chắc đặng mau lớn vậy.

2 - Người trung căn trung trí, hiểu lý trung thừa, giới luật giữ đặng phân nửa, trọn đời cũng niệm Phật, phát nguyện cầu sinh, đến cái bậc nhất tâm bất loạn, thì không bì đặng với người thượng trí, tu như vậy thì đến lúc lâm chung chắc sinh về hạng trung phẩm, ít nữa cách hai kiếp sẽ đặng thành Phật. Cũng như người thế gian, tài trí bình thường, phải do theo giai cấp mà bỏ quan, lộc vị không đặng mau lớn.

3 - Còn người hạ căn hạ trí, đã không hiểu đặng đạo lý, không giữ đặng giới luật, mà niệm Phật cũng không đặng nhất tâm, khi tán tâm thì nhiều lúc định tâm thời ít, tu như vậy thì đến lúc lâm chung chắc sinh về bậc hạ phẩm, ít nữa cũng cách đến nhiều kiếp mới tỏ tánh đắc đạo mà thành Phật. Cũng như người thế gian đương khi tài chưa thành, trí chưa

mở, thì phải làm dân mà chờ thời, chớ không đặng vội trông đến sự làm quan vậy.

Song tuy làm dân nơi cõi Tịnh độ mà giải thoát đến đều sung sướng tốt bậc, các cõi Thiên đường đâu có bì đặng, vì người ở nơi cõi Thiên đường hưởng hết phúc thì phải chịu đọa, còn người ở nơi cõi Tịnh độ thì không có khi nào thôi chuyển mà bị đọa nữa.

Trong kinh nói rằng : “Bi Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp”. Nghĩa là : Thọ mạng của Phật A Di Đà và mạng của tất cả nhân dân trong nước Tịnh độ sống lâu đến vô lượng vô biên không có thể gì tính đặng.

Vậy nên những người sinh về hạ phẩm tuy chưa mau đặng thành Phật, nhưng chỗ ở đã sạch, mạng lại sống lâu như vậy, thì lo gì không có ngày tỏ đạo thấy tánh mà thành Phật. Đó là cái lý thông thường dễ biết; nhưng bởi tại người không xét mà nghi rằng cõi Tịnh độ là cảnh mơ màng, nói rằng cõi ấy không có người, và cũng không có vật, nên không chịu tu.

Phải chi cứ do trong cái tánh linh của mình mà suy xét cho rõ ràng, thì ngoài cảnh Tịnh độ đã chẳng tổn tiền, lại không mệt sức, bắt tất thông hiểu đạo lý, bắt tất luyện tập hằng ngày, bắt tất cầu thầy điềm đạo, và cũng bắt tất làm hạnh gì cho đặc biệt khác nữa.

Trong Kinh A Di Đà nói rằng : “Nhuộc hữu thiện nam thiện nữ chuyên niệm A Di Đà Phật danh hiệu, phát nguyện

cầu sinh Tịnh độ, thì nhân chung thời, Phật lai tiếp dẫn tức đắc vãng sinh”. Nghĩa là : Nếu thiện nam tín nữ cứ chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thường phát nguyện cầu sinh về Tịnh độ, thì những người ấy đến khi mạng chung, chắc có Phật đến tiếp dẫn, mà chắc đặng vãng sinh.

Lại trong Kinh Di Đà Sớ Sao nói rằng : “Tịnh độ pháp môn chí huyền chí diệu, bất tu dư hạnh nhi đắc lục Ba La Mật”. Nghĩa là : Pháp môn Tịnh độ rất huyền rất diệu, chẳng tu hạnh nào mà đặng tất cả sáu pháp Ba La Mật.

Trong kinh ấy lại nói rằng : “Đói hoặc vãng sinh, thiết vi phương tiện tối thắng đệ nhất”. Nghĩa là : Người tu Tịnh độ, đến khi lâm chung, tuy là tội nghiệp nặng nề, nhưng nhờ có Phật lực dắt khỏi sông mê, đem về Cực Lạc, thiết là một pháp phương tiện siêu thắng hơn hết.

Mấy lời luận trên đó, nguyên không phải chúng tôi có cái ý riêng gì mà trọng pháp Tịnh độ, khinh pháp Thiền định và cũng không phải có cái chỗ lợi dụng gì mà binh Phật bỏ Trời và Tiên.

Chẳng qua là vì đạo có cao thấp và pháp có khó dễ. Nếu chẳng biện biệt cho rõ, thì nẻo xu hướng phải mơ hồ, dầu có cầu đạo cũng uổng công, có tu hành cũng nhọc sức đâu có lên đặng con đường giải thoát mà mong ra cho khỏi luân hồi.

Phổ nguyện những người tu hành ngày nay tất cả đừng có bày đặt sửa đổi chi hết, chỉ sửa cái lòng tin về pháp môn Tịnh

độ cho hẵn hòì mà thôi, rồi cứ y theo nghi thức niệm Phật mà tu hành.

Vậy bộ LONG THƯ TỊNH ĐỘ bằng Hán văn này do ngài Vương Nhật Hưu đã sưu tập.

Hôm nay thầy Tỳ Kheo Lê Phúc Bình dịch Hán văn ra Việt ngữ để cống hiến cùng quý bạn đồng tu Tịnh độ. Y theo tuần tự thứ lớp trong bộ sách này để làm nguồn cội chỉ giác con đường nào phải đi, để khỏi phải lầm lạc vậy.

Nếu tin cho thâm, niệm cho thiết và nguyện cho chắc, thì chẳng đợi đến khi chết mới thấy Tịnh độ, hiện đương còn sống đây mà trong khi ta tịnh tọa quán tưởng, hay là chiêm bao, thì cũng thấy các lầu châu gác ngọc, thấy Phật và Bồ Tát, thấy La Hán và Thanh Văn, thấy đủ quốc độ nhân dân phong cảnh hy kỳ, dầu cõi Trời và cõi Tiên cũng không bì đặng.

Đó cũng tại cái tư tưởng của mình thanh tịnh như vậy, thì như bóng của mình tốt, thì chụp vào cái máy bóng cũng tốt, tiếng của mình thanh, thì thâm vào cái máy tiếng cũng thanh.

Vả lại bóng với tiếng vốn là vật vô tình, mà tinh thần còn đặng y nhau như vậy, huống chi lấy cái tâm hữu tình, mà tưởng cảnh hữu tình, thì làm sao lại không có cảm ứng.

Nên phải biết rằng tánh ta với tánh Phật hai tánh in nhau, như nước hòa với nước, như dầu hiệp với dầu. Nếu ta niệm

Phật, thì Phật tiếp ta, dắt dìu ta về cõi Tây phương, để như con rận nương theo áo người đi xa ngàn dặm vậy. Nhưng không vãng sinh là tại nơi người chớ không phải tại nơi pháp.

Xưa ngài Thiên Như Hòa thượng nói rằng : “Chính pháp tượng pháp chi hậu, chư kinh diệt tận, chi lưu A Di Đà Phật, tứ tự cứu độ mạng pháp chúng sinh, kỳ hữu bất tín giả ưng đọa địa ngục”. Nghĩa là : Sau khi chính pháp qua rồi, thì các kinh lần lần tiêu diệt, chỉ còn lại bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sinh, trong đời mạng pháp nếu ai không tin thì phải đọa vào địa ngục.

Lại ngài Liên Trì Đại sư nói rằng : “Mạng pháp Tỳ kheo tín tâm bất như cư sĩ, cư sĩ bất như nữ nhân”. Nghĩa là : Trong đời mạng pháp, tín tâm của mấy thầy Tỳ kheo phần nhiều thua mấy ông cư sĩ; còn mấy ông cư sĩ phần nhiều lại thua trong hàng nữ lưu.

Vì cái tín căn của nữ lưu thậm hơn Tỳ kheo và Cư sĩ, nên tuy họ không hiểu chi về đạo lý, mà nghe đặng cái pháp niệm Phật thì họ do cái tánh linh của họ, mà định y giáo phụng hành, không có cái lý thuyết nào đánh đổ họ đặng.

Còn mấy thầy Tỳ kheo và Cư sĩ thì tín căn không đặng quyết định, hay ý trí tư tưởng cao xa, hay làm sự thần kỳ mầu mả, nên cứu cánh vãng sinh thì ít mà bị đọa thì nhiều. (A Di Đà Phật, xin hoan hỷ).

Nếu Tỳ kheo và Cư sĩ đã sẵn trí huệ như đây mà chuyên tu Tịnh độ thì chắc đặng thượng phẩm thượng sinh.

Vậy hỡi ai ôi ! Ai là râu hùm cầm én, ai là đầu tròn áo vuông, xin đừng quá nhượng cái đài tọa sen vàng mà để cho khách hồng quần chiếm hết.

NAM MÔ SA BÀ GIÁO CHỦ ĐIỀU NGỰ BẢN SƯ
THÍCH CA MÂU NI PHẬT



QUYỀN NHẤT
CHỨC QUỐC HỌC TÂN SĨ
ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI :

Tôi xem khắp trong ba tạng kinh và các bộ ký; rút lấy ý chỉ nhiệm mầu mà viết ra bộ sách Tịnh độ này, không một chữ nào, mà không căn cứ. Vậy xin các trang hậu học đừng chấp tôi người hèn, mà không quan cố đến lời nói của tôi, trong bộ Long Thơ Tịnh Độ này.

Bởi tôi muốn ai ai cũng đồng tỏ ngộ, ai ai cũng đồng tu Tịnh độ. Thế cho nên tôi mới biện bạch những lời ngay thẳng, không dùng lời bóng bẩy và trau chuốt.

Tôi là họ Vương tên Nhật Hữu ở về quận Long Thơ (nước Trung Hoa). Xét ra sách Tịnh độ truyền đời nhiều lắm, cho nên tôi soạn bộ sách này để nhan đề đầu quyển hiệu là : Long Thơ Tịnh Độ, cho khác với các bộ sách kia vậy.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN
THỨ NHẤT

Cái thuyết Tịnh độ thường thấy người thực hành trong mỗi ngày, mà bao nhiêu công niệm Phật bèn thấy kết quả nơi đời sau, lúc vãng sinh về Tịnh độ. Người không biết, tưởng

niệm Phật là việc của đời sau, nào ngờ đâu công đức niệm Phật lại rất có lợi ích ngay trong đời này nữa vậy.

Vì sao ? Phật sở dĩ tha thiết dạy người làm lành, cũng như nhà Nho dạy người lánh dữ, nào có khác chi ! Khác là khác có danh từ Phật với Nho vậy thôi. Thế cho nên người niệm Phật tu Tịnh độ thường thấy trong mỗi ngày, ý tưởng Phật, miệng niệm Phật, thân làm việc Phật, thì đâu không phải là ba nghiệp thanh tịnh ? Ba nghiệp thanh tịnh là việc lành. Làm lành thời là quân tử, là trang đại hiền, đương đời ai cũng kính mến, phục lụy, Thánh thần phò hộ, phúc lộc được tăng trưởng, sống lâu vô cùng tận. Do đây mà nói, thời để tâm nghe theo lời Phật dạy, thực hành theo pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, thì ai dám bảo rằng không lợi ích ngay trong đời này ư ?

Lại nữa, người bị nghiệp duyên ràng buộc, không thể chuyên chú niệm Phật. Vậy nếu người có chí niệm Phật, thì ác duyên kia cũng có thể từ đây mà bớt lần, rồi thiện duyên cũng có thể từ đây tăng tiến. Ác duyên bớt lần bớt mãi không thôi, cho đến ngày bật dứt, không còn ác duyên nữa. Thì thiện duyên tăng tiến tăng mãi không thôi, cho đến ngày thiện duyên thuần thực.

Ác duyên bật dứt, thiện duyên thuần thực thì không phải người quân tử chớ chi ? Không phải kẻ đại hiền chớ chi ? Do thế, nên nghiệm xét, thời lời nói của Phật không phải là vô cơ, vậy niệm Phật cầu sinh Tịnh độ làm tâm, thì ai dám bảo rằng không lợi ích đương đời ư ?

Lại nữa, những người không biết lễ nghĩa là sự quý, không biết việc hình phạt là sự đáng ghê sợ; cứ đem tiền tài khí lực làm mạnh, cứ lấy quyền thế làm hơn. Vậy nếu biết lấy câu niệm Phật để vào tâm thời cũng biết xét mình, mà chừa cái lỗi của mình, phải trừ nơi tâm mình, không đặng móng các điều chê bai người, không hung dữ, không lòng ganh gổ người hiền, không tham muốn giận hờn, không ép uổng người gạt người lấy của, chỗ ra làm tuy không thể hợp lễ nghĩa cho mấy, nhưng cũng có thể kè gần sự lễ nghĩa không xa, tuy không thể khỏi hẳn việc hình phạt nhưng cũng lánh xa được việc hình phạt vậy. Gần lễ nghĩa, xa hình phạt, lần lần khỏi đặng khu vực của kẻ tiểu nhân, mà đi tới quốc độ của người quân tử.

Người thường biết được chút ít Phật lý, trong đời ai cũng ngợi khen là kẻ thiện nhân, và ai ai cũng bắt chước làm theo hành vi của người ấy. Do đây mà nghiêm xét thời lời Phật dạy, phải để tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, ai dám bảo rằng không lợi ích nơi đương đời ư ?

Có người hỏi ông Vương Nhật Hưu rằng : Theo lời nói của đức Khổng Tử, để tâm thực hành theo Nho giáo, đâu chẳng lợi ích nơi đương đời, hà tất phải niệm Phật cầu sinh Tịnh độ làm chi ?

ĐÁP.- Và chẳng Phật có nói : “Cái thân mộng ảo này phải thác, giác tánh còn hoài”. Còn lời Thánh thì nói rằng :

“Người noi làm theo sự nhân nghĩa thời đặng bất tử, mà kẻ nghe đạo thời chứng đặng quả vô sinh”.

Tóm lại thì như thuốc chẳng xứng tay nào, chỉ có biết dùng thời mới mau lành bệnh. Bởi thế thực hành theo Nho giáo, ấy đó là pháp thế gian mà thôi, chớ không phải pháp xuất thế gian vậy. Vì sao ? Pháp thế gian thời không ra khỏi luân hồi lục đạo, còn pháp xuất thế gian thời chóng khỏi luân hồi và sinh tử.

Thế cho nên niệm Phật cầu sinh Tịnh độ chẳng những ích lợi đương đời, lại còn lợi ích nơi đời sau nữa, cho nên pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ là một pháp siêu việt, vượt thế gian và xuất thế gian vậy.

Nay sóng sông ái hà nhận chìm đến đáy, mà chẳng lo, ở nhà lửa đốt cháy sao không sợ, dệt dày lưới (Si), ngọn gươm (Trì) lứt, cắt sao cho đứt, trồng sâu cội (Nghì), sức ít (Tín) nhỏ sao cho tróc, đó mới thật đành lòng đành dạ, cầu họa vui tai, lại chê cái cỗi trong sạch, tham mến cỗi đời phiền não, như châu châu bị cháy cánh, như chim ở trong lồng, cá trong chậu, lại khen vui vẻ. Than ôi ! Ở trong thế gian này, có một sự làm cho cả thầy nhân loại không ai trốn tránh đặng và cũng không ai từ chối đặng.

Những sự ấy chính pháp nguyên từ vô thi mà lưu độc cho đến ngày nay, chớ không phải là sự mới có. Thế mà ít thấy ai quan niệm và lưu tâm đến nó, thành thử, suốt đời cứ sống say

chết ngủ ở trong cái phạm vi của nó mà không tự biết. Thiệt là thảm não thay !

Sự ấy là gì ? Chính là sự khổ hiện tiền của nhân loại đó. Cổ nhân có nói rằng : “Ta Bà khổ, Ta Bà khổ, Ta Bà chi khổ thù nạng số. Tịnh độ lạc ! Tịnh độ lạc ! Tịnh độ chi lạc thù nạng giác”. Nghĩa là : *Ta Bà là cái cõi khổ mà cái khổ ở nơi Ta Bà có ai kể xiết. Tịnh độ là cõi vui mà cái vui ở nơi Tịnh độ có ai biết đặng.*

Vậy chúng ta đã hiểu rằng : Tịnh độ là cõi khoái lạc tối thắng rồi, mà muốn sinh về cõi ấy phải làm cách nào ? - Và chẳng Đức Phật A Di Đà có lời nguyện rằng : “Bằng có người nào niệm danh hiệu Ta, thì đặng về nước Ta; nếu chẳng như vậy, thì Ta thề không làm Phật”. Từ Đức Phật Thích Ca giáng trần đến nay đã hai ngàn năm trăm ba mươi sáu năm, trong bấy nhiêu năm ấy, có những bậc cao tăng, thánh hiền, cụ nho, nông, công, thương, sĩ, cổ, đàn ông, đàn bà, nô tỳ, hoặc mình cũng khuyên người, hoặc biên văn lập thế. Trọng giáo pháp như báu, khinh thân mình như bụi, gặp việc nặng chẳng sợ, cứ sửa mình lập hạnh, mà gắng sức học đạo này.

Hoặc người tu tùy hỷ, hoặc người tin mà quy y số ấy càng đông như sao, như bụi, song chưa gọi là nhiều vậy. Hoặc người niệm Phật nửa tin, nửa nghi, dự dự không quyết, mà còn đặng sinh về Tây phương ở nơi biên địa nghi thành

thay ! Huống chi người chính kiến chính nguyện thì có chi nghi ngờ ?

Nay có người muốn vui cõi thiên nhân, mà không tu phúc, muốn khỏi biển sinh tử, mà không niệm Phật, cũng như chim không lông cánh mà muốn bay, cây không gốc mà muốn sống há dễ dàng nào !

Vậy nếu biết được như thế, thì chẳng những hiện tại, mà cho đến ngày sau chúng ta đặng rảnh phần khổ não, hưởng sự an vui, và hết lăn lộn trong trường sinh tử.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ HAI

Luận về lý, thời thượng thấy trong mỗi ngày, không hề xa cách, như bài trước đã nói. Luận về tích thời thấy trong khi xoi trà buổi ban mai bất tất vì chấp cả ngày, cứ niệm mười câu Nam mô A Di Đà Phật là được rồi. Vì sao ? Bởi pháp môn tu trì có chia ra chín phẩm ai ai cũng có thể tu miễn là hồi tâm hướng thiện thời là được. Cho nên pháp môn mười câu niệm Phật đây ai ai cũng có thể làm được cả.

Ông Bạch Lạc Thiên làm lời tụng rằng : Ta tuổi bảy mươi mốt, chẳng ham việc ngâm nga, coi kinh mỗi con mắt, làm phúc sợ bôn ba, lấy chi độ tai mắt, cứ một tiếng niệm Di Đà, đi cũng niệm A Di Đà, ngồi niệm A Di Đà, dẫu việc chi gấp rút, chẳng lia câu Di Đà, khuyên chúng trong pháp giới, đồng niệm A Di Đà, muốn thoát luân hồi khổ, phải niệm A Di Đà.

Hồi đòi Phật còn tại thế, có một ông già cầu đi tu, ông Xá Lợi Phật chẳng cho, Phật xem lại người ấy, kiếp trước là tiều hái củi, bị cọp rượt, trèo lên cây, hoảng sợ niệm tiếng Nam mô Phật, vì có chút lành ấy, nên nay gặp Phật độ đặng siêu thoát, chứng quả A La Hán.

Hỡi ôi ! Chỉ kêu tên Phật một tiếng còn đặng thoát hưởng chi mình trọn đời niệm Phật thì sao ?

Trong Thập Lục Quán Kinh nói : Lòng chí thành niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật thì đặng tiêu tám mươi ức kiếp sinh tử tội nặng.

Những người tội ngũ nghịch thập ác, đến cơn lâm chung, niệm mười câu niệm A Di Đà Phật còn đặng về Tây phương, hưởng chi người ăn chay giữ giới niệm Phật lâu ngày. Tuy người tạo ác trăm năm, nhưng một giờ tu thiện thì ác cũng có thể diệt trừ, ví như nhà tối ngàn năm chong một ngọn đèn thời là sáng vậy, cho nên tuy kẻ giết trâu xẻ ngựa lúc buông dao hàng thịt, cũng có thể tu chứng.

Vì lẽ biết hồi tâm sợ sự nhân quả mà tránh điều dữ làm việc lành. Có người nói rằng : Hai chữ nhân quả không đủ tin. - Nếu lấy sự trước mắt mà luận, thì những người bình sinh trong sạch, làm những điều phúc thiện đáng lẽ được phúc đặng thọ mới phải, mà sao thấy có người cứ nghèo hèn tật bệnh và lại thọ mạng không dài ?

Trái lại, những người bất nhân ác nghiệp, hại vật sát sinh, lý ung phải chịu mấy điều cực khổ hoạn nạn mới phải, mà sao thấy cũng có người lại được sống lâu, giàu có và sang trọng ? - Như vậy hai chữ nhân quả có chứng nghiệm gì, mà buộc người ta phải tin chớ ?

Ôi ! Nói như thế cũng chẳng khác nào ngồi dưới giếng mà ngó lên trời, dòm ống quần mà coi con beo, thì cái thấy ấy có nhằm gì đâu, mà bảo không làm sao đặng ?

Kinh Niết Bàn nói rằng : “Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình, tam thế nhân quả, tuần hườn bất thất, nhất sinh không quá, hậu hồi nan truy”. Nghĩa là : *Lẽ báo ứng về sự thiện ác như bóng theo hình, nhân quả trong ba đời xoay quanh chẳng mất, nếu kiếp này bỏ qua, thì sau ăn năn không kịp.*

Sách Châu Dịch nhà Nho nói rằng : “Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”. Nghĩa là : *Nhà nào chứa điều lành, ắt có phúc dư. Nhà nào chứa điều chẳng lành ắt có họa dư.* Nếu xét theo lấy câu nói của các kinh sách đã dẫn chứng đó thì biết trong tam giáo, cũng đều dạy người, phải tin nhân quả, phải biết tội phúc, chớ có lẽ nào chưa thấy đặng cái chung cuộc của sự báo ứng thế nào mà vội bác khước, rằng không có nhân quả thì sao phải ? Thập Luận Kinh có nói rằng : “Bác vô nhân quả, đoạn diệt thiện căn”. Nghĩa là : *Bác khước cho là không có nhân quả, thì dứt mất căn lành.*

Vậy nên xưa có thầy Tỳ kheo đối với người tham vấn nói rằng : Bậc đại tu hành không khi nào lạc nhân quả (*chính nghĩa là không mất nhân quả*). Thế mà người nghe lầm tưởng rằng không có nhân quả, thầy Tỳ kheo bị cái ảnh hưởng thuyết pháp bất minh ấy mà năm trăm đời đọa làm thân con cáo.

Còn ông Thiện Tinh Tỳ kheo, thì khởi lòng tà kiến bác khước nhân quả nói rằng : Không có nhân quả rồi trong lúc sống mà đọa địa ngục. Nếu chúng ta muốn nghiên cứu về Phật lý cho đặng đạt tới mục đích thâm diệu, thì trước hết phải tin hai chữ nhân quả cho cùng cực thấu đáo rồi mới do đó, mà vào chỗ chính tri chính kiến của Phật đặng.

Huống chi tội ác đã nhiều, phúc duyên không có, thì làm sao được cuộc tao phùng thắng hảo, thành thử suốt đời không khi nào thấy Phật nghe pháp, và cũng không có người thiện tri thức nào dạy bảo, cho biết đường lành nẻo dữ, đi lại rồi cũng chìm xuống nổi lên, ở trong sông mê bể khổ.

Bởi vậy cho nên lời Tiên đức có nói rằng : “Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp, mạc báng Như Lai chính pháp luân”. Nghĩa là : *Muốn đặng chẳng chiêu vô gián nghiệp, đừng chê chính pháp của Như Lai*.

Có người đương bị đày đọa trong đời hiện tại này, mà biết tự nghĩ rằng : mình cũng một hạng người trong nhân loại mà sao người ta thì phú quý phong lưu muôn phần tự tại, còn mình thì nghèo hèn khổ cực, khốn đốn trăm bề, chắc chỗ tạo

nhân kiếp trước của mình lắm điều bất thiện, nên ngày nay mới chiêu cảm cái tội báo như vậy.

Nếu những người ấy nghĩ như thế, rồi hồi tâm cải quá, nét cư xử phải do đường chính đạo, trăm điều ngàn chuyện tự xét lấy mình, ngoài ra thì ăn chay niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ, niệm câu Nam mô A Di Đà Phật.

Nghĩ tưởng Đức Di Đà thiệt là cha lành của chúng sinh, cho nên khởi một lòng mong tưởng, thời đức vạn linh đã biết mình ngộ mình tu, đặng cầu về Cực Lạc, cho nên nói công phu tu trì chỉ thấy trong khi xoi trà một buổi ban mai, mà công đức lại muôn đời bất hoại.

Thế mà người đời vì sao mà không tu ! Tiếc thay, uổng thay. Sách Nho có câu rằng : “Thiên đường hữu lộ vô nhân đáo, địa ngục vô môn hữu khách tầm”. Nghĩa là : *Đường về Tịnh độ rộng thênh thang không ai tìm biết mà đến, còn địa ngục không cửa nẻo lại cứ tìm cách mà vào cho đặng, thế mới thật là khổ.*

Vậy có phải cái quả Thiên đường của người tác phúc, cái quả địa ngục của kẻ tạo tội đó không ?

Nếu người tác phúc kia mà muốn cho cái quả vị của mình càng ngày càng cao, phúc duyên của mình càng ngày càng lớn, thì phải lo bái sám tụng kinh ăn chay niệm Phật, ngoài ra để lòng nghiên cứu về diệu lý mà mở mang trí khôn, lấp cạn nguồn tình, lóng trong biển thức. Được như thế chẳng những

trong lúc hiện tại này, cái mầm tai gốc họa được tiêu khô, và ruộng phúc, hoa duyên được tươi tốt đó thôi, mà lại cũng có ngày được chúng quả vô sinh rồi tiêu diêu trên con đường Cực Lạc nữa.

Bằng như người thừa cái thiện nhân đời trước mà hưởng đặng cái phúc quả của ngày nay, rồi lại sinh lòng đắm sắc mê tài, tham danh tiếc lợi khiến cho thần hồn quý giận, kẻ oán người thù, thì cội phúc càng tiêu, dây oan càng buộc, rồi phải trở lại bị cái ác nghiệp nó lôi kéo vào trong con đường thống khổ, cũng như người tạo tội kia không khác vậy.

Còn những người đương bị đày đọa trong đời hiện tại mà biết tự nghĩ rằng : mình cũng con người như người ta, mà sao người ta lại giàu có, sung sướng, lên xe xuống ngựa, quần này áo kia, còn mình thời nghèo khổ trăm bề, thiếu trước hụt sau, quần áo vá trăm miếng, có lẽ chỗ tạo nhân kiếp trước của mình, lắm chuyện không lành, nên ngày nay phải mang cái tội báo như vậy.

Nếu những người ấy nghĩ như vậy, rồi hồi tâm cải quá, nét cư xử phải do đường chính đạo, sự hành vi phải giữ mực thanh bản, đừng gian, đừng tham, đừng láo, đừng dối, trăm điều ngàn chuyện tự xét lấy mình, ngoài ra thì ăn chay niệm Phật cầu nguyện cho thoát kiếp trầm luân được phần khoái lạc, nếu đặng như vậy thời Phật giúp, Trời thương, quỷ kiêng thần nể, tội hoa héo rụng, phúc quả tròn nên, rồi được thừa

cái thiện nghiệp ấy mà tự tại tiêu diêu, trên con đường bất sinh, bất diệt, chớ có chút gì thua kém ai đâu ?

Ta nên biết rằng : Cái kết quả của cái khổ với lạc là do cái tạo nhân của Thiện với Ác, như bóng theo hình đeo đuổi lẫn nhau, hễ hình ngay thì bóng thẳng, hình vạy thì bóng cong, lý vốn như thế rõ ràng, không sai một mảy.

Hướng chi pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, không phí thì giờ bao nhiêu, dụng công rất ít, mà chỗ kết quả không nói cho hết đặng. Thế mà làm người sao chẳng tu ? Đời này không tu, một ngày kia lấy gì làm bằng cứ, thật đáng thương đáng tiếc, mà sự thương tiếc ấy nó cũng đã qua rồi.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ BA

Có người chợt nghe nói cảnh tượng Tịnh độ phần nhiều ít có người tin. Không đủ lấy làm lạ. Bởi họ chấp những sự thường thấy trước mắt, còn những việc không thường thấy, tưởng là không có vậy thôi. Ví như người ở nhà hẹp bản thủ, đâu có biết tòa nhà cao rộng mát mẻ, ăn bát sành rau lê rau quất, đâu có biết thực phẩm quý giá ở trước nhà phương trượng.

Kẻ đựng đồ vật mọn trong chiếc rương bể; đâu có biết nhà vua có kho lẫm vật quý ê hề, thì đủ biết rằng ở cõi Ta Bà ác thế này, không tin có cõi Phật thanh tịnh là lẽ dĩ nhiên.

Cho nên người đời hầu hết đều đầu thai trong xác người phàm, chớ đâu có biết, sự hóa sinh nơi hoa sen ở cõi Tịnh độ, ở cõi này người sống lâu chỉ bất quá trăm tuổi là cùng, đâu có biết, cõi Tịnh độ hà sa số thọ.

Ở cõi này sự ăn mặc ắt phải nhờ người làm ra mới có; đâu có biết cõi kia có áo cơm sẵn sàng. Cõi này có lúc vui, rồi lại có lúc buồn. Cõi kia thường có cái vui bất tuyệt.

Thế thì ta nên nghe theo lời Phật, không nên chấp theo những việc trước mắt không thấy mà vội không tin lời Phật. Trong Đại Di Đà Kinh có nói rằng : “Mười phương vô lượng Bồ tát nguyện vãng sinh về nước A Di Đà Phật kia”, như các vị Bồ tát còn muốn vãng sinh thay, huống chi ta là người bậc nào, mà chẳng cầu vãng sinh về đó ?

Như hậu thân của ông Tăng Lỗ Công là ông Triết Lão, thân sau chịu nhiều điều ưu khổ. Hậu thân ông Cổ Lão ham mê việc giàu sang, hậu thân bà vãi Pháp Hoa làm con hát cho nhà quan. Đều bởi chẳng tin phép niệm Phật cầu về Tây phương, nên mắc xoay vần trong đường luân hồi mà chịu khổ. Huống chi Đức Phật Ngài lại tha thiết dạy người, bảo người đừng vọng ngữ, thì lẽ nào Ngài lại nói vọng ngữ, mà đối gạt người hay sao ?

Người đời sở dĩ nói vọng ngữ, một là cầu danh, hai là cầu lợi và ba là lánh nạn.

Còn Phật, Ngài đã không màng đến ngôi vua có chi là cầu danh. Kho lắm dẫy dầy Ngài không đoái hoài, thì cầu lợi nào nữa. Phật xem đường sinh tử như không, dầu kẻ ác liêng búa chém hư không, cũng như cầm dao chặt dưới nước, có dính đập gì ai, mà phải nói vọng ngữ để mong lánh nạn.

Thế là Phật không dùng lời vọng ngữ để gạt người đã rõ rệt. Vả chẳng, nhọc ta ở nơi thai bào, có già mới cướp sức mạnh ta, có bệnh mới tồn hình dạng ta, có chết mới bắt thần linh ta, có vinh mới sinh sự kiêu căng, có nhục mới sụt chí khí ta, có sang ta mới kiêu ngạo, có hèn mới dập sự hành lòng ta, có giàu thì nặng lòng tham lam ta, có nghèo thì thiếu y báo ta, có vui mới động cái tình ta, có khổ mới đau tinh thần ta, có khen mới khởi lòng cao ta, có chê mới có diệt danh giá ta. Nhấn đến khi lạnh thời ép ngọt thân ta, nóng thời bực bội lòng ta, khát thời khô cổ họng ta, đói thời xót ruột ta, kinh thời khiếp hồn ta, sợ thời mất vía ta, thuận thời lớn lòng ái ta, nghịch thời khiến ta ghét. Rồi lại đối với vua, trái cùng cha, ngạo người đời, đua theo thời, sinh lòng thú, tham sự lợi cầu tiếng danh, phỉnh gạt người, nếu dèm dúa, nương quyền thế khi cô quả, sâu lòng hại tạo nghiệp nhiều, quạt lửa dục, thổi gió tham, rong theo trần, bỏ tính giác, làm việc bậy, lấp thiện nhân, chỉ ngó trước chẳng xem lại sau, chỉ đi chẳng tưởng lo về, tưởng cầu sống đâu biết chết, thời mỗi niệm như đốt nấu, mỗi bước sa hầm vậy. Phương chi nếu chúng ta biết lẽ đi tới cõi Niết Bàn là khởi sự sinh tử luân hồi, hưởng phần an lạc thì cần phải biết do con đường nào mà đi đến đó, có phải là do theo đường Bát Chính không ?

Đường bát chính ấy là :

- 1/ Trông thấy theo lẽ chân chính.
- 2/ Suy nghĩ theo lẽ chân chính.
- 3/ Nói năng theo lẽ chân chính.
- 4/ Sự làm theo lẽ chân chính.
- 5/ Nuôi sống theo lẽ chân chính.
- 6/ Tinh tấn theo lẽ chân chính.
- 7/ Ghi nhớ theo lẽ chân chính.
- 8/ Và Thiên định theo lẽ chân chính.

Trong mọi lẽ chân chính nói trên đây có đủ năng lực làm cho những bậc tu hành từ xưa đến nay, được nhờ cái ánh quang minh soi thấy đường tà nẻo vọng khỏi bị lạc lầm mà thẳng tới cõi chân không tịch diệt. Còn con ma sinh tử kia, không có ngõ nào mà đem hột giống luân hồi gieo rải trong miền thế gian được nữa.

Như vậy thì đường Bát chính là một nơi cơ sở cho người xuất gia và một cái căn bản cho người học đạo. Nói tóm lại, pháp môn Tịnh độ dạy người cho biết rằng cả thấy mọi sự hữu vi trong thế gian đều là giả dối như cảnh chiêm bao thấy đó rồi bỗng không đó, như bọt nước nổi đó rồi tan đó, như

hạt sương đọng đó rồi khô đó, có cái gì mà làm cho đời người đặng nương cây đậu !

Cho nên vị Tiên hiền nói : Lời Phật không tin chớ tin lời ai bây giờ ? - Huống chi người ở nhà cửa thấp xấu, lại khen là nhà cao rộng lớn, ăn cơm hầm canh rau, lại khen mùi ngon vật lạ, mặc áo quần to xấu, lại khen là tổ nhiều nhỏ diêu.

Bằng nói tâm Tịnh độ, quốc Tịnh độ, như vậy thời chẳng còn chi mà phân biệt, huống chi nay mắc cái khổ, già, bệnh, chết, trong việc đời có khi trái tình, thời nhan sắc kẻ ấy với nhan sắc người chưa tỏ ngộ đồng nhau, như vậy mà dám nói tâm Tịnh độ quốc Tịnh độ, mình bị chỗ trước buộc việc khổ não, sao lại dối mình chi lắm vậy ? Chẳng đặng vậy khá nên tin giáo pháp, vâng chính lý cõi Tịnh độ mà tu.

Như thuở xưa có người khắc tên một vị trung thần vào tấm bảng đá, nói vị trung thần kẻ gian ác, liền bị trời đánh (sét) chết người vu oan và tấm bia tan nát.

Nay ta dùng vàng ngọc lụa là khắc chạm rương tráp, đựng lời vàng Đức Phật nói, mà đã chép trong kinh. Nếu lời kia là lời nói vọng, thì còn lắm tai hại hơn tấm bia của kẻ gian ác nói trên, có đâu đợi tới trăm năm, ngàn năm mà trời không đánh đó ư ? Thì đủ biết rằng lời Phật là lời thành thật vậy. Lời thành thật không tin, chớ hỏi, tin lời nào nữa ?

Cho nên tôi (lời ông Vương Nhật Hưu) nói, không còn nghi ngờ, đã không nghi ngờ mà lại còn thậm tín hơn nữa. Huống chi

từ xưa đến nay, những người tu theo pháp môn Tịnh độ này, sự cảm ứng rất nhiều chớ nên đem lòng không tin mà nói rằng không có.

Nếu làm lành mà nói không có kết quả, vậy thì bây giờ thử làm ác coi có tai hại hay không ?

TỊNH ĐỘ KHỎI LÒNG TIN THỨ TƯ

Người nhà Nho hoặc thấy những người tín đồ bên đạo Phật không giữ giới hạnh, rồi buông lời chê đạo Phật, nhân đó mà cái thuyết Tịnh độ của Đức Phật dạy không tên nữa, như vậy là không phải.

Vì sao ? Thử hỏi, bên đạo của ông Lão Tử có những kẻ đạo sĩ bất chính không nhân, không nghĩa, mà rồi khinh đức Lão Tử sao đành và kẻ học trò Nho chẳng hiền, mà trở lại chê đạo cang thường của đức Khổng Tử dạy ư ?

Người trí còn không bỏ một lời nói phải của người thường, huống chi ta đi chấp những tín đồ làm không đúng, mà chê giáo lý cao thượng của Đức Thích Tôn ư ?

Chính các đệ tử của Đức Phật Tổ thuở xưa cũng vậy, ông được hạnh kia, lại thiếu hạnh nọ. Như ông Mục Kiền Liên thì sáng suốt về phép thần thông thứ nhất, ông A Nan thì nghe nhiều nhớ giỏi, ông Xá Lợi Phất thì trí huệ sáng suốt hơn các vị Thanh Văn khác, ông Ca Diếp thì kiên tâm bền chí, tu theo hạnh đầu đà, khổ hạnh bậc nhất v.v...

Nếu các vị ấy mà được cả công đức đầy đủ muôn hạnh viên dung, thì ngang hàng với Đức Phật chớ đâu còn ở địa vị Thanh Văn hoặc Bồ Tát nữa.

Ví dụ như mấy vị đồ đệ hiện triết môn đồ của đức Không Tử, thì cũng có ông này ông khác. Nếu đem so sánh từ ông hiện số một đến ông hiện chót, thì ông hiện chót có lẽ tài đức kém hơn mấy ông hiện trước là dường bao ? Nhưng cũng được dự vào địa vị thánh hiền như ai vậy. Huống chi đời nay các ông Tăng cũng có ông tu nhiều, cũng có ông tu ít, có ông đủ tài mà thiếu đức, lại có ông đức hạnh đầy đủ, mà tài năng khiêm khuyết, thì hà tất chúng ta lại đi chê giáo lý ư ?

Vả lại giáo pháp Đức Phật lập ra không những một pháp mà là có pháp thế gian, và có pháp xuất thế gian nữa kia mà.

Thế nào là pháp thế gian ?

Pháp thế gian, Đức Phật lập cũng in như pháp của đức Không Tử dạy người đời không khác. Nay lược nói chỗ đại đồng, xin nhân giả để tâm nghiệm xét. Đức Phật sở dĩ khẩn khẩn dạy người đời đâu không răn người đời bỏ việc ác làm việc lành. Mà đạo Nho ta nào không từng răn ác khuyến thiện ư ! Nay đem những việc trước mắt thường thấy, nói cho dễ hiểu.

Như đạo Phật thì có năm giới như là : sát, đạo, tà, vọng, tửu. Còn nhà Nho thì có ngũ thường như là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cũng như nhau.

Nhà Phật chẳng sát sinh, nhà Nho lòng nhân lớn, Phật không trộm cướp, nhà Nho nghĩa thanh liêm, nhà Phật không tà dâm, nhà Nho lễ minh chính, nhà Phật không uống rượu, nhà Nho trí tỏ sáng, nhà Phật không nói vọng, nhà Nho tín chí thành là phải vậy.

1/ Đức Phật dạy kẻ tín đồ quy y đạo Phật bảo đừng sát sinh, đừng trộm cướp, đừng tà dâm ba nghiệp của thân. Cũng như bên nhà Nho đức Khổng Phu Tử nói : “Thắng tàn khử sát”, ngăn việc tàn nhẫn cấm việc sát hại, có câu người làm thi nói : Vua Văn Vương, đức kịp đến loài điều thú, côn trùng. Loài điều thú côn trùng, ngài không nở ra tay sát hại, hưởng chi hại người, như thế nhà Nho đâu không răn việc sát sinh đó ư ?

Còn việc trộm cắp nhà Nho lại còn cấm gắt hơn nữa. Đức Khổng Tử lại nói câu : “Ngô vị kiến háo đức như háo sắc giả”. Nghĩa là : *Ta chưa từng thấy người nào ham đạo đức, ví như ham sắc đẹp*. Kẻ làm thi cũng nói : Chê người không ham đạo đức, mà cứ ưa sắc đẹp, như thế đạo nhà Nho đâu không răn việc tà dâm ư ?

2/ Đức Phật dạy tín đồ đã thọ giới bất vọng ngữ, thì đừng nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ là bốn nghiệp của miệng. Đức Khổng Tử lại nói : Nhân nhi vô tín bất lập. Người mà xã hội không ai tin, ấy là người vô dụng, như vậy thì nhà Nho đức Khổng Tử nào không ngăn cấm việc nói vọng ngữ ư ? Ngài lại nói : Lời nói chuốt ngọt điểm tô sắc

cho đẹp, người như thế là người ít có lòng nhân. Thế là đức Khổng Tử đã răn cấm không cho nói lời thù dật đã rõ rồi.

Huống chi trong sách Nho Thiên Nhĩ Nhã, đức Khổng Tử có bảo đồ đệ ngài rằng : Người chớ nói phải trước mặt, lui sau có lời dị luận. Thế là đức Khổng Tử còn cấm thêm không cho nói lời nói hai lưỡi vậy. Kể đến lời nói hung dữ. Lời nói hung dữ, là lời thịnh nộ, mắng nhiếc người, ông Tuân Tử nói : Một lời nói, có thể hại người lắm hơn gươm dao. Như vậy thì nhà Nho không bao giờ đức Khổng Tử không cấm ngăn lời nói hung dữ.

3/ Đức Phật dạy tín đồ phải giữ ba nghiệp của ý mình cho được trong sạch, đừng sân đừng si. Đức Khổng Tử nói : Thấy việc người ta làm ơn, thời mình phải lo trả nghĩa, đó là Khổng Tử răn học trò ngài đừng có oán tham. Đức Khổng Tử lại dẫn nhắc cái hạnh tốt của ông Bá Di, ông Thúc Tề là người không để tâm nghĩ đến cái thù xưa (*bất niệm cựu thù*). Đó là nhà Nho đức Khổng Tử răn cấm những kẻ học trò ngài, không muốn có những tính cách sân hận. Ngài lại muốn học trò ngài có những tính cách thông minh, cho nên ngài nói câu “Khôn nhi bất học, dân tư vi hạ”. Nghĩa là : *Đốt mà không học, ấy là dân bậc hạ*, thế là nhà Nho đức Khổng Tử phàn nàn răn việc ngu si triệt để.

Do đây mà nói thời đạo Nho cùng với đạo Phật chưa từng có lúc nào chẳng đồng vậy. Song chẳng đồng là đạo Nho thì chỉ nói về pháp thế gian, dạy đời như là : chính tâm, tu thân,

tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, chỉ nói trong một đời hiện tại rồi bao nhiêu cũng đổ trút về cho ông Trời.

Còn đạo Phật, chẳng những nói về pháp thế gian mà lại còn dạy về pháp xuất thế gian (ra ngoài đời), và biết đến các việc nhiều kiếp, thấy rõ nguồn cơn nhân duyên nghiệp báo của chúng sinh nhiều đời nhiều kiếp luân hồi trong lục đạo và rồi tại làm sao tu phương pháp gì mà dứt nghiệp báo luân hồi sinh tử và thành ngôi đạo Vô thượng Bồ đề Chính đẳng Chính giác như các Đức Phật.

Thế mới nói đạo Phật với đạo Nho không đồng là vậy. Vậy muốn biết chỗ sở trường của đạo Phật thắng diệu như thế nào, thời cần nên xem kinh Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác, Kinh Vô Cái Chương Bồ Tát Sở Vấn, và hiểu nghĩa lý của bộ Kinh Kim Cang, thì tự nhiên hiểu thấu đạo Phật, còn chưa được như vậy, thời khoan vội chê đó.

Nếu không biết mà chê, thời bị câu đức Không Tử quở rằng : “Bất tri nhi tác, khả bất giới tai, khả bất giới tai”. Nghĩa là : *Không biết mà làm khá chẳng răn u ! Khá chẳng răn u !* Đúng như thế thời lời nói Đức Phật Thích Tôn đáng tin lắm, lời nói của Ngài đáng tin thời cái thuyết Tịnh độ của Ngài nói lẽ nào không tin ?

Chỗ gọi rằng pháp xuất thế gian, pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ là hơn hết. Thế nào, người đời sao mà chẳng gắng vậy, tiếc thay ! Uổng thay !

4/ Kẻ hoặc hỏi ông Vương Nhật Hưu : Tại sao đạo Phật là đạo bình đẳng, mà Ngài lại phân biệt đạo Phật lại cao hơn đạo Nho ? Đáp rằng : Đạo Nho là đạo trong thế gian chỉ nói trong một đời. Còn đạo Phật là đạo xuất thế gian, luận đến những việc nhiều đời nhiều kiếp, tự nhiên phải cao hơn. Đạo Nho ví như ngôi sao. Đạo Phật dụ như mặt trời. Mặt trời không chấp nó sáng, mà ánh sáng của mặt trời tự nhiên phủ lấp ngôi sao vậy thôi. Hơn nữa đạo Nho, nếu cao bằng đạo Phật thì đạo Nho là đạo Phật, có chi còn phân biệt Phật với Nho.

Huống chi Đức Phật dạy : “Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh”. Nghĩa là : *Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật*. Tuy đồng có tánh Phật, nhưng có tu mới thành vị Phật, thành Phật thời vượt ngoài thế gian. Còn không tu thời vẫn ở trong vòng luân hồi lục đạo làm loài chúng sinh, làm chúng sinh thời là phải ở trong thế gian, rồi bây giờ ông cứ bảo, chúng sinh cũng bình đẳng, cũng ra ngoài thế gian như Phật, thì làm sao nghe được ?

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ NĂM

Trong đời có người chuyên tu về phép tham thiền nói Tâm là Tịnh độ đâu có Tịnh độ nào. Tánh là Di Đà, bất tất câu thấy Di Đà nào nữa.

Lời ấy mới nghe qua tưởng như là phải, mà xét lại thời không phải. Vì sao ? Bởi cảnh Tây phương Tịnh độ, có lý có

sự. Luận lý, thời hể tâm mình tịnh thời tất cả đều tịnh, thật đúng cái nghĩa tâm là Tịnh độ. Luận về sự thời quả có thể giới Cực Lạc, Đức Phật đã căn kẽ dạy rành Ngài đâu có nói vọng.

Nghĩa là người nào cũng có thể thành Phật đặng, đó là tánh mình đã có ông Phật Di Đà, quyết chắc không sai vậy. Nhưng mà bây giờ đây cái tâm chưa đặng thanh tịnh, thời làm sao nói : Tâm là Tịnh độ, Tánh là ông Phật Di Đà ?

Ví như có một thứ cây danh mộc, cây ấy có thể chạm trở hình tượng Phật, hình Bồ Tát cực kỳ xinh đẹp, song cần phải gia công đòi mài khắc chạm. Vậy sau mới thành, chớ chẳng lẽ vội chỉ cây danh mộc kêu là tượng Phật thật khéo, tượng Bồ Tát rất đẹp.

Thế là người tham thiền nói : Tâm là cõi Tịnh độ, Tánh mình là ông Phật Di Đà, bắt tất cần thấy Di Đà nào khác, ấy là không phải lẽ vậy. Lại nữa hoặc tin có Tịnh độ mà chấp Tịnh độ là ở trong tâm mình, không muốn cầu sinh về Tây phương kia vậy. Nghĩa là họ nói : hể tham thiền tỏ ngộ tánh mình, thì cố nhiên bằng Phật, bằng Tổ, Di Đà không đủ ra mắt đó, lời nói ấy cũng quấy nữa. Vì sao ? Lời ấy thật là cao quá cao, nhưng mà không thiết hành cho kịp lời ấy : “Năng thuyết bất năng hành”, nghĩa là : *Nói được mà làm không được*.

Huống chi cõi Tây phương Tịnh độ kia là một cõi không tham, không luyến, không sân, không si. Còn cái tâm ta đây đã không tham, không luyến, không sân, không si chưa ?

Cõi Tây phương Tịnh độ kia : Tưởng áo đặng áo, tưởng cơm đặng cơm, muốn tịnh thời tự nhiên tịnh. Còn cõi ta đây : Tưởng áo mà không có áo thời nó lạnh cứng ruột ta, tưởng cơm là không có cơm ăn thời nó đói thất lòng ta, muốn tịnh mà không đặng tịnh thời nó rộn ràng trong óc ta, muốn đi mà bị sông rạch, hầm hố, chông gai, không thể đi liền đặng, thời nó bút rút trong ý tánh ta.

Thế thì chỗ nói rằng : Tâm là cõi Tịnh độ thật không dễ gì được vậy. Huống chi Đức Phật A Di Đà kia phúc lớn hơn non sông, sức cao trên trời đất, biến địa ngục làm hoa sen, dễ như trở bàn tay, xem thế giới vô tận, gần như ở trước mắt.

Còn phúc đức, sức lực của ta đây, không thể độ mình, e bị nghiệp nặng kéo trước, mà phải đọa vào địa ngục đấy chứ ! Đâu có thể biến địa ngục làm hoa sen ư ? Kìa những việc cách vách, còn có khi không ngó thấy là khác. Huống nữa là thấy thế giới vô tận à ? Thế thì chỗ nói : Tánh mình là ông Phật Di Đà, thật không dễ gì được vậy.

Vậy thời tâm là Tịnh độ, mà rốt cục chưa được như cõi Tịnh độ. Tánh mình là Phật Di Đà mà rốt cục chưa được Di Đà. Thì đâu nên khinh cõi Tịnh độ mà không tin, bỏ Đức Di Đà mà chẳng muốn ra mắt ư ?

Thế cho nên, người tu pháp môn niệm Phật cầu sinh Tây phương ra mắt Phật Di Đà, cầu đắc đạo thời rất dễ. Bằng cứ ở thế giới ngũ trược này, muốn tham thiền cầu tỏ ngộ tánh mình, hơn Phật, hơn Tổ, thật rất khó. Huống chi, người tu pháp môn Tịnh độ không ngại gì những việc tham thiền. Có sao ? Những người tham thiền ắt chê Tịnh độ mà chẳng tu ư ?

Trong Kinh Đại A Di Đà nói : Có vô lượng Bồ Tát ở trong mười phương đều vãng sinh về quốc độ Phật A Di Đà, thì thử nghĩ Bồ Tát kia còn muốn vãng sinh. Còn chúng ta là người bậc nào, mà không trông mong về cõi ấy ? Hay là có lẽ ta hơn các vị Bồ tát kia chăng ?

Do đây mà nói : Tâm là Tịnh độ, Tánh là Phật Di Đà, thực lời to mà chẳng thiếu yếu cao mà không rớt ráo vậy. Những người tu chưa đến bậc ấy (*tâm và tánh*) nghe lời đây thì lầm lắm vậy.

Chi bằng cứ bước từng bước một đi lần đến chỗ thật, niệm Phật tu hành thời người người ắt sinh về Tịnh độ, mau khỏi luân hồi lục đạo. Bây giờ đối với lời nói suông không thật kia, xa nhau một trời một vực vậy.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ SÁU

Đức Như Lai, dùng Phật nhãn thấy những việc vô lượng kiếp về trước và vô lượng kiếp về sau, cho nên những việc từ xưa đến nay, không việc gì mà Ngài không thấy. Và Phật lại

dạy người đừng nói vọng thì quyết chắc rằng Ngài không nói vọng ngữ, dối gạt người đời vậy. Và chính Ngài dạy người đừng chấp ngã, lẽ đâu Ngài lại chấp ngã, để khoe khoang với người, thế nên biết lời nói của Ngài thật đáng bắt chước vậy.

Xét trong Lăng Nghiêm nói : Có mười bậc Tiên đều đang sống lâu tới ngàn muôn năm, đến khi số tận, lại phải bị luân hồi. Bởi không rõ bản tánh mình sẵn có tánh Phật, nên luân hồi làm chúng sinh trong sáu đạo, mà đạo Tiên là một đạo cũng đồng ở trong vòng luân hồi, nên gọi là bảy đạo (*hay là thất thú*) tuy danh từ có khác, chớ cũng một hạng người trong luân hồi như nhau vậy.

Sở dĩ người đời, những số người học theo đạo Tiên hàng muôn, mà những người đắc quả thành Tiên muôn người không đặng một. Dầu có đặng đi nữa cũng không khỏi kiếp luân hồi, vì chấp hình thần nơi thân tứ đại mà không thể rời bỏ xác tứ đại vậy.

Xét cho đúng hình thần ấy, cũng là một cái vọng tưởng, ở trong chân tánh của mình mà hiện ra, cũng như cục bọt nổi lên từ nơi nguyên nhân của nước vậy, chớ không phải chân thật có.

Thế mà người mê, tưởng thân ấy là thiệt, tu luyện nơi thân mà không tỉnh ngộ nơi tâm. Vì sao ? Bởi tâm như vị công tào, còn thân như kẻ tòng giả, kẻ tòng giả do vị công tào sai khiến, nếu công tào không có thì kẻ tòng giả cũng tiêu vong.

Ôm ấp lấy thân, luyện tập lấy thân, cũng như người chấp lấy một vật giả mà không biết bỏ vật giả dối, để cầm nắm vật thật đó vậy !

Cho nên ngài Hàn Sơn Thập Đắc có làm một bài thi như vậy : “Nhiều nhữ đắc Tiên nhân, cấp tợ thủ thi quý, phi nhược Phật gia chi sinh tử tự như, nhi vô sở câu giả”. Nghĩa là : *Dầu tu đặng làm người Tiên khác nào quý giữ thân chết, không bằng tu bên đạo Phật đường sinh tử tự như, mà không câu chấp vậy.*

Vừa rồi, cỡ vài trăm năm sắp lại đây, kể người chúng đặng quả Tiên, thời duy có ông Chung Ly và ông Lữ Đồng Tân, chẳng những ngàn muôn, chính tôi (*Vương Nhật Hưu*) được biết trong số ấy cũng không phải là ít, thế mà rốt cục, cũng đều tử vong, mai vu hạ thổ.

Thiệt uổng lúc bình sinh, luống hao tâm lực rốt cục không ích lợi gì cả. Vậy ai là người muốn cho đặng trường sinh bất tử, thì không phương pháp chi bằng pháp tu niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ là hơn hết.

Vì sao ? Bởi người sinh về cõi Tịnh độ số thọ kiếp kiếp đời đời, nên gọi trường sinh bất tử vậy.

Thế mà phân đông, lắm người không biết tu theo pháp môn này, cứ học theo pháp thần tiên, khác nào bỏ hòn ngọc tốt trước mắt, mà mãi đi kiếm những thứ đá vỡ phu há chẳng lầm ư ? Kể hoặc hỏi : Những người tu Tịnh độ sau khi nhắm mắt có chứng nghiệm gì ?

Ông Vương Nhật Hưu đáp : Trong Tịnh độ truyền, có chép đủ những việc cảm ứng của những người tu Tịnh độ đành rành đâu không chứng nghiệm !

Có đâu như bên nhà tu theo pháp thân tiên, hễ có sở đắc chút chi, thời dấu kín (*bí mật*), không dám truyền ra và nói sợ tiết lậu thiên cơ mà có tội.

Còn đạo Phật thời pháp môn của Đức Phật dạy truyền mãi cho người đời biết, để tu hành. Thế mà sợ truyền không rộng rãi nữa kia. Bởi mục đích muốn độ tận chúng sinh, nhiên hậu dĩ mới mãn nguyện.

Thế là chỗ rộng lớn của đạo Phật thật không thể lường, không phải phép thân tiên kia, mà hằng sánh kịp vậy.

Lại có kẻ thưa rằng : Tôi là người phàm đâu dám trông mong về Tịnh độ mà làm Phật, vậy tôi thiệt có lòng đó lại e là vọng tưởng ? Chẳng phải thế đâu, ông Phật đó là tánh giác mình, cõi Tịnh độ là cái tâm mình. Lòng ấy ai mà chẳng có, hễ giác là Phật, mê là chúng sinh vậy.

Người bỏ giác tánh hiệp sáu trần, luân hồi ba cõi, bốn loại sáu đường, gây nghiệp lành dữ, quả báo tốt xấu, đều bởi nhìn tứ đại đó là thân ta, sáu trần thiệt có, theo mãi cảnh đối, ngày đêm trôi nổi chẳng chịu xét suy đặng trở lại chỗ sáng, mà ăn chay niệm Phật.

Thì từ khi sinh đến lúc già, chỉ lo gia nghiệp chẳng rồi, của cải tuy nhiều cũng chẳng vừa lòng, càng nhiều càng cầu lòng tham chẳng đầy.

Tuy nói làm lành thờ Phật, đánh lễ đốt nhang làm phúc chỉ nguyện giàu có, sang cả, sống lâu đừng chết, mới làm chút đỉnh sự phải và phục nguyện vài điều, thì cầu cho lúa gạo đầy kho, tầm tơ vạn bội, con cháu vinh hiển, trâu ngựa sinh nhiều. Rủi xảy có điều chi chẳng vừa lòng, thì họ oán Phật sao không bảo toàn, họ chỉ muốn mỗi ngày của tới thường thường, thì mới nói vị thiên long cảm ứng, tham cầu như vậy mới gọi là vọng tưởng chứ ! Đâu có phải cầu sinh Tịnh độ gọi là vọng tưởng ư ? Và chẳng trong lời sám của đức Phổ Hiền Bồ Tát có nói rằng : Nguyện tôi đến lúc lâm chung, trừ hết việc chướng ngại, trước mặt thấy Đức A Di Đà, đặng sinh về cõi an vui là phải vậy.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ BẢY

Có người không tin nhân quả, nhân đó không tin Tịnh độ luôn. Và chẳng nhân quả đâu khá chẳng tin ?

Kinh Nhân Quả nói : “Yêu tri tiền thế nhân, kim sinh thọ giả thị, yếu tri hậu thế quả, kim sinh tác giả thị”. Nghĩa là : *Muốn biết nhân đời trước, coi đời nay thọ quả gì đây, muốn biết quả đời sau, coi đời nay ta tạo cái nhân gì đó.* Nếu không tin lời này, sao chẳng lấy những việc trước con mắt mà xem thử :

Người đời sở dĩ có người giàu, có người nghèo, có người làm chủ nhà, có người làm đầy tớ, có người ăn không hết, có người bòn không ra, có người ở nhà rộng năm căn bảy lớp, có kẻ lại ở sân hè xó chợ, có người vui, có kẻ buồn, có người sống lâu, có người chết yểu v.v... mỗi mỗi không đồng.

Tuy nói rằng số mạng do nơi trời, nhưng xét cho đúng lý, Trời đâu có riêng tư cho ai ư ? Bởi vì người đời trước tạo cái nhân chẳng đồng nên đời nay hưởng thọ quả báo cũng không đồng, mà trời thì là chủ chứng cho vậy thôi.

Thế cho nên cái thân này, kêu bằng cái thân quả báo. Thế nào là quả báo ? Nghĩa là : Đời trước ta gây tạo cái chi, đời nay sinh cái thân này, để chịu quả báo ấy, chứ Trời nào có dung cho cái Tâm ta được ư ? Vì sao ? Ví như người đời, hoặc người có công, hoặc người có tội với triều đình vậy, có công thìặng thưởng, còn có tội thì phải trừng.

Đời trước ta tạo cái nhân thiện ác gì đây, nên đời này phải chịu cái ảnh hưởng, hoặc hưởng phúc, hoặc mang họa, để đền bù lại, đó gọi rằng trả quả vậy.

Kìa như những người nào tạo thiện nhân được thuần thực, thời bây giờ hưởng phúc được hoàn toàn.

Còn như những người nào đời trước tạo nhân nửa thiện nửa ác, thời đời nay cũng tùy theo mà lấy những sự ảnh hưởng ấy. Bởi vậy mới có người đầu tắt mặt tối, làm đổ mồ hôi rơi nước mắt mà cũng không đủ cơm ăn áo mặc, lại có kẻ

ăn rồi thả rông, không làm gì động móng tay, lại cũng quần này áo kia, nay ăn cao lâu, mai ăn tiệt nọ tiệt kia.

Bởi thế trong kinh có nói rằng : “Giả sử bá thiên kiếp sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hườn tự thọ”. Nghĩa là : *Ví dầu trăm ngàn kiếp mình làm việc chi cũng chẳng mất, nhân duyên lúc gặp gỡ, quả báo lại mình chịu.*

Nhân nào quả ấy, như bóng theo hình, vang theo tiếng dội, hào ly không hề sai chạy, vậy cho nên có câu : “Chúng đào đắc đào, chúng lý đắc lý”, nghĩa là : *Trông đào thời đặng đào, trông lý thời đặng lý.* “Vị hữu chủng ma, nhi đắc đậu, chủng mạch nhi đắc tắc giả”, nghĩa là : *Chưa có khi nào trông mè mà đặng đậu, hay là trông bắp mà đặng lúa bao giờ.*

Duy có lúc trông thì ít mà lúc thu gặt thời nhiều. Ví dụ như lúc trông chỉ có một hột lúa, mà lúc hái thời được nhiều hột lúa, trái lại việc thiện ác, họa phúc cũng vậy.

Lúc làm cái thiện hoặc cái ác không bao nhiêu, mà lúc sau hoặc hưởng, hoặc chịu tội, cũng đầy đầy nên có câu : “Xuân chủng nhất liệp túc, thu thu vạn quả tử”, nghĩa là : *Mùa Xuân gieo một hột, mà mùa Thu thu được nhiều hột.*

Người đời tạo thiện ác, cảm thọ sự quả báo cũng như vậy, không hơn không kém, ấy là lý tự nhiên như thế, chớ không phải Thượng đế nào thưởng phạt ta đặng. Lại nữa thử hỏi :

nếu nói không có nhân quả hiện tại, thì thử nghĩ tại sao những kẻ trộm cắp sát nhân, sợ gì mà lại phải trốn tránh ? Ấy rồi có khi nào, kẻ sát nhân trộm cướp có tránh khỏi những ác nghiệp của họ đã làm không nào ?

Trong Kinh Niết Bàn nói : Nghiệp báo có ba điều : một là Hiện báo, hiện đời nay làm nghiệp lành dữ, hiện chịu quả báo khổ vui đời này. Hai là Sinh báo, hoặc kiếp trước làm nghiệp, đời sau chịu quả báo, hoặc đời nay làm nghiệp đời sau chịu quả báo. Ba là Tốc báo, trước mắt gây việc bèn thấy mắc quả báo.

Vậy xét trong một lần nữa : những người đã thọ cái nhân không tốt, nên mắc lấy cái quả khổ là một tội rồi, mà bây giờ đổ thừa cho trời khiến, trời phạt, ấy là chồng thêm một tội vu oan là hai tội, khác nào kẻ không cẩn thận để lửa cháy nhà rồi đổ thừa họ Toại nhân xưa bày kéo lửa, người trí không bao giờ tin quấy, nói lầm như thế vậy.

Vậy thì đủ chứng minh cho cái lý nhân quả này đáng tin. Vả chẳng một đứa bé thơ có tội tình gì mà mới lọt lòng mẹ lại phải chịu tật nguyên ? Hoặc đui hoặc dư thiếu tay chân hoặc không biết đi biết đứng, nói cười, thì thử hỏi cái mầm gốc ấy tự nơi đâu mà sinh ra ?

Vậy thì cái lý nhân quả này đáng tin, thời cái thuyết Tịnh độ Đức Phật nói chắc khá đáng tin. Vì sao ? Bởi hai thuyết cũng là một lời Phật nói vậy, Phật nói lý nhân quả đã rõ ràng

như hai với hai là bốn chắc như thế, thời cái thuyết Tịnh độ Đức Phật nói : Không bao giờ Ngài nói vọng vậy.

Đây là nhân người không tin nhân quả mà rồi cũng không tin thuyết Tịnh độ luôn, cho nên bài này tôi (*ông Vương Nhật Hưu*), phân giải chỗ lầm đó vậy.

TỊNH ĐỘ KHỎI LÒNG TIN

THỨ TÁM

Có người thấy những việc thiện ác trước mắt chưa có quả báo, nhân đó mà không tin cái lý nhân quả, và không tin có cõi Tịnh độ. Đâu có biết, thiện ác chưa có quả báo, tuy chưa có chớ không phải là không vậy, chỉ vì sớm với muộn mà thôi.

Thí như kẻ cướp và người làm công siêng năng cần mẫn, thì được chủ yêu vì, mà lại đăng lên lương thăng chức, còn kẻ cướp kia không kíp thì chày cũng phải sa vào lưới pháp luật rồi một ăn ít, hai phải trả nhiều năm lao tù khổ cực, ấy đó cũng là một cái hiện tiền nhân quả.

Đức Phật từng kêu ông A Nan mà bảo rằng : “Này A Nan ông có biết vì sao, có người đời nay làm lành mà chết đọa địa ngục, lại có người đời nay làm ác mà chết được sinh lên thiên đường không ?”.

Ông A Nan bạch Phật, con thiệt không biết có làm sao cúi xin Như Lai từ bi chỉ giáo.

Phật bảo này A Nan, những người đời nay làm lành mà chết đọa vào địa ngục đó, là cái lành đời nay chưa thuần thực, mà cái ác đời trước đã thuần thực vậy.

Những người đời nay làm ác, mà khi chết được sinh lên thiên đường, đó là cái ác đời nay chưa thuần thực, mà cái lành đời trước đã thuần thực vậy, sở dĩ cái nào thuần thực trước thời là đi chịu quả báo trước. Ví như người thiếu nợ, mỗi nào gặp đòi thời trả trước.

Họ Tả thị là bộ sách Xuân Thu nói : Ông Lăng Võ Tử có đức để lại cho con ông là người Âm, cho nên người Âm tuy làm ác, mà có thể khỏi được họa hại; còn con người Âm là thằng Đinh hết sức làm lành mà rốt cuộc bị cái ác của Âm lây lụy đến đổi đời Đinh phải chịu, cho nên Đinh tuy làm lành song sống mà rồi phải mắc nạn.

Song những việc thế gian, thiện ác, quả báo, ngó thấy trước con mắt còn như thế, huống chi những việc cách đời, làm sao biết được. Cho nên phương ngôn thường có câu : “Đời xưa trả báo thời chầy, đời nay trả báo một giây nhần tiền”.

Thật quả như vậy có người lúc trước hồng hách bao nhiêu, bây giờ lại hiền lành bấy nhiêu, bởi vì hồi nào còn của còn quyền, kêu dân dân dạ, bây giờ dạ dân, ấy đó cũng là một quả báo ! Vậy ta đem một thí dụ mà suy nghiệm thì đủ chứng tỏ coi có quả báo không vậy ?

Ví như thân ta đang có bệnh ghê ngứa, đến lúc tới cơn ngứa thì ta gãi có phải nó đã ngứa lắm ư ? Ấy mà sau khi đã sự ngứa ngấm rồi, thì có phải nó đau nhức nhối lắm không ? Mà sự đau nhức mới lại khó chịu hơn lúc ngứa ngấm, ấy đó cũng là một quả báo, nếu khi cơn ngứa mà ta dần tâm đừng gãi thì đau đến nỗi nhức nhối đau đớn sau khi ! Cứ suy như thế thì đủ biết, dù ở trường hợp nào cũng có sự báo ứng, dù thiện dù ác, đều có sự quả báo đi đôi, nên phương ngôn có câu rằng : “Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí”, nghĩa là : *Cái phúc thì không đến cho ta hai lần, chớ cái họa thì bao giờ cũng chực chờ trước ngõ.*

Bởi vì ta làm việc phải trong một xóm thì ít ai khen, nhưng không mắc họa, chí ư, ta thử làm một chuyện quấy thì cả xóm nhao nhao, nếu không tù rạc thì cũng đồn bộng tiếng tăm.

Đó là làm lành sẽ gặp lành, còn làm ác gặp ác, thì không phải quả báo chớ chi ?

Trong kinh thơ lại nói : “Thiên đạo phúc thiện họa dâm”, nghĩa là : *Trời ngài giáng phúc cho người lành, giáng họa cho kẻ dữ (tiếng nói Trời là chỉ cho công lý).*

Cho biết đời trước, chỗ làm có lành có dữ nên đời nay dùng họa phúc mà đền đó. Chỗ bởi chẳng đặng trọn việc lành, nên chẳng đặng trọn hưởng phúc.

Bởi vậy mới có giàu sang mà khổ chết yểu, có người nghèo hèn sống lâu đặng vui vẻ, có người sang yêu mà bị nhục, có người thấp thỏi mà an nhàn, có người tuổi nhỏ thi đỗ cao khoa, có người thi không đậu, có người tiền gạo đầy dẫy mà không con trai con gái, người nghèo mặt ghét con, mà lại sinh con liền liền, có người sao lại chồng chết trước vợ còn sống, vợ chết mà chồng sống, có người con mà lại chết trước cha mẹ ông bà, có người vui trước mà sau lại khổ, có người khổ trước mà sau lại vui, có người trước sau vui mà ở giữa chừng lại khổ, có kẻ trước sau khổ giữa chừng lại vui, có người trọn đời vui vẻ, có kẻ trọn kiếp lại buồn.

Nếu không tin có nhân quả vậy chớ mấy có nói trên bởi đâu mà ra ?

Phải biết việc lành dữ rõ ràng nhân quả chẳng mất. Phật nói chắc đoán nhân quả, ắt không nói dối việc nơi cõi Tây phương. Vả luận thân đứng làm người, phải biết việc phải quấy, biết việc liêm sỉ, tin việc nhân quả, sợ việc tội phúc, xét việc lành dữ, phân lẽ tà chính, trên chẳng hờn trời, dưới chẳng trách người, sang hèn chẳng hay động lòng, đặng mất chẳng hay rùn chí, ở chỗ giàu sang chẳng vui, rũi nghèo hèn chẳng buồn, tới lui biết tự lượng sức gánh việc, đáng dùng đó thời làm, đáng bỏ đó thời bỏ, ngay thảo nhân từ, trước sau chẳng dối. Như thế chẳng là quân tử, là bậc đại hiền chớ chi ?

Ông Lão Tử nói : “Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu”, nghĩa là : *Lưới trời lồng lộng tuy thưa mà chẳng lọt*, chính tam

giáo đều đồng một lý đây, nhưng chỉ có chậm và mau vậy thôi đâu nên lấy việc trước mắt chưa thấy mà vội cho rằng không có quả báo, không có nhân quả, mà rồi không tin có cõi Tịnh độ vậy ?

TỊNH ĐỘ KHỎI LÒNG TIN THỨ CHÍN

Kẻ hoặc nghi hỏi : Người trong cõi này niệm Phật, bên Tây phương trong ao thất bảo thế nào lại mọc lên một đóa hoa sen ?

Ông Vương Nhật Hưu đáp : Việc ấy dễ hiểu chẳng khó gì. Ví như một cái minh kiến, phàm có vật chi đến, liền hiện bóng trong đó, kiến kia nào từng chẳng có tâm dung nạp, bởi kiến kia cũng là lẽ tự nhiên vậy thôi.

Trong cõi nước Đức Phật A Di Đà một màu thanh tịnh trong sạch, tự nhiên chiếu thấy mười phương thế giới, cũng như minh kiến kia, xem thấy mặt mày.

Cho nên người cõi này niệm Phật, thời bên cõi Tây phương trong ao thất bảo tự nhiên sinh ra một đóa hoa sen không đủ nghi vậy.

Kẻ hoặc lại nghi hỏi nữa : Niệm thân chú vãng sinh Đức Phật A Di Đà thường đứng trên danh, vệ hộ người đó, nếu vô

lượng chúng sinh niệm thần chú ấy, Đức Phật A Di Đà đâu hay khắp, đứng trên đảnh người kia mời ?

Đáp rằng : Đó cũng tự nhiên vậy. Vì sao ? Ví như trên trời chỉ có một mặt trăng, mà phổ hiện trong tất cả lũng nước, đâu chẳng phải tự nhiên ư ?

Có người đương tu hành tinh tấn lại nghi hỏi : Người niệm Phật khi lâm chung, Phật và Bồ tát đến rước, và như trong mười phương thế giới có vô lượng chúng sinh cũng tinh tấn niệm Phật, Phật đâu biết kỳ lâm chung kia, mà đến rước cho hết.

Đáp rằng : Cũng tự nhiên vậy. Ví như trên không trung có một mặt trời khắp chiếu tới vô lượng thế giới nước này qua nước khác đâu chẳng phải là lẽ tự nhiên chớ gì ?

Hướng chi oai thần Đức Phật, chẳng phải như thế lục mặt trời mặt trăng vậy, thời sự khắp đứng trên đảnh, khắp biết thời kỳ lâm chung, nào đủ nghi vậy.

HẾT QUYỂN NHẤT



QUYỂN NHÌ**CHỨC QUỐC HỌC TÂN SĨ****ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN****LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI :**

Ta xét trong Đại Tạng có bộ :

Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đăng Giác Kinh.

A Di Đà Quá Độ Nhân Đạo Kinh.

Vô Lượng Thọ Kinh.

Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh.

Trong bốn bộ này gốc cũng là một bộ, song người dịch chẳng đồng, nên mới đặt ra các tên bốn bộ, trong đó câu văn và chữ viết có sai lạc nhiều lắm, nhưng tôi đã có giáo chính và cũng đã khắc bản ấn hành lâu rồi.

Hôm nay tôi rút trong bốn bộ nói trên và các kinh truyện khác làm lời tổng yếu, để cho những người muốn tu Tịnh độ dễ hiểu, để thực hành làm theo.

**TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU
THỨ NHẤT**

Nói tóm lại trong Đại Tạng, chẳng những có mười ngoài bộ kinh, nói về việc Tây phương Tịnh độ. Lời đại lược trong các bộ nói, cõi kia, toàn dùng bảy báu trang nghiêm không có

địa ngục, ngạ quỷ, và cầm súc cho đến loài bò bay máy cưa. Thường được thanh tịnh tự nhiên, không còn tất cả tập ác, cho nên kêu là cõi Tịnh độ.

Người trong cõi này trong hoa sen sinh ra, sống mãi không già, ăn mặc cửa nhà tùy ý muốn đều hiện ra, cảnh tượng ấy vẫn trường xuân, không còn có nóng, rét, hoàn toàn khoái lạc không có chút khổ, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Tên Đức Phật ở thế giới ấy, hiệu là A Di Đà, A Di Đà là tiếng Phạm ngữ (A-mi-ta Bu-đa)

Theo tiếng nói nước Trung Hoa dịch là Vô lượng. Bởi do hào quang Đức Phật kia chiếu khắp mười phương thế giới không có hạn lượng.

Phàm chúng sinh phát tâm niệm Phật, không một chúng sinh nào mà Ngài không soi thấu cho nên lại có tên là : Vô Lượng Quang Phật.

Thọ mạng Đức Phật kia, cùng nhân dân trong nước ấy đều không có hạn lượng. Dù kiếp số hà sa còn có hết, chớ số thọ mạng kia không bao giờ cùng tận. Cho nên có tên là : Vô Lượng Thọ Phật.

Đức Phật kia có đại thế, nguyện độ người, oai thần Ngài thật bất khả tư nghị ! Cho nên người nào chí tâm tin hướng niệm danh hiệu Ngài, hiện đời được tiêu tai, tiêu nạn, dẹp trừ được loài quỷ quái oan khiên, thân tâm được yên tịnh. Tăng

thêm phúc thọ cảm đến bên Tây phương kia, trong ao thất bảo tự nhiên sinh một đóa hoa sen, một ngày nọ gá sinh trong đó, mau thoát khỏi cõi luân hồi.

Những chuyện như đây, đều có sự tích không phải lời bịa đặt hoang đường dối gạt.

Cái thuyết niệm Phật, rất dễ làm, cả trong Đại Tạng, có tám vạn bốn ngàn pháp môn, tóm tắt, những pháp môn cho dễ tu hành, thời không có pháp môn nào bằng pháp môn Tịnh độ. Thế mà, người hoặc không biết, đáng thương đáng tiếc ! Nhưng biết mà không làm, lại càng thương tiếc vậy !

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ NHÌ

Trong Kinh Đại A Di Đà nói : “Đức Phật Thích Ca, một bữa dung nhan khác thường. Thị giả là ông A Nan thấy lấy làm lạ hỏi. Phật bảo hay thay lời ông hỏi, công đức nhiều hơn đem cả của bảy báu cúng dường tất cả thế giới (*thiên hạ*) nào Thanh Văn, nào Duyên Giác, và bố thí bao nhiêu chư Thiên, nhân dân, hẳn hẳn đến loài quỳên phi xuân động, trải qua nhiều kiếp, và hơn trăm nghìn muôn kiếp công đức nhiều biết bao, thế mà không thể kíp một phần công đức của ông hỏi đây !

Sở dĩ vì sao ? Bởi chư Thiên, Đê Thích nhân dân, cho đến loài quỳên phi xuân động, đều nhờ câu hỏi của ông mà được đạo, độ thoát.

Do đây xem đó, thiết Đức Phật Thích Ca khi muốn nói hạnh nguyện Đức Phật A Di Đà, còn trong tâm mà đã lộ bày ra ngoài sắc mặt, khác với lúc bình thường thời đủ biết Đức Phật A Di Đà, sở dĩ cảm đến chư Phật một cách phi thường.

Huống chi cảm tất cả chúng sinh ư ? Chúng sinh chưa được độ thoát, nhờ ông A Nan hỏi, Phật trả lời mà được độ thoát.

Ấy là trên từ chư Thiên Đế Thích, dưới đến loài quỳên phi xuẩn động đồng một hạng còn ở trong vòng luân hồi, chưa được độ thoát, nay nhờ nghe đại nguyện đại lực Đức Phật A Di Đà mà được độ thoát vậy.

Lời nguyện ban đầu, Đức Phật A Di Đà rằng : Đến khi ta thành Phật, danh tiếng ta đồn khắp mười phương. Người, Trời, vui mừng đặng nghe, thời đều được sinh về nước ta vậy. Ngài lại nói : “Chẳng những loài người, mà là tất cả loài địa ngục, ngạ quỷ, và súc sinh cũng được sinh về trên nước của ta nữa”.

Thế là tất cả lục đạo chúng sinh luân hồi trong ba cõi, không một chúng sinh nào mà không nhờ Đức Phật A Di Đà từ bi tế độ, thì đủ biết vậy.

Cho nên kinh này Di Đà nói : Đức Phật A Di Đà hiện ở cõi Tây phương Cực Lạc thế giới, mà cũng ở trong mười phương thế giới khác giáo hóa vô ương số, chư thiên, nhân

dân, dĩ chí loài quỳên phi xuân động, đầu đầu cũng đều được siêu độ và giải thoát.

Quyên phi xuân động : Loài bò bay, máy cưa. Loài bò bay máy cưa, mà Đức Phật còn tế độ. Huống chi người thực là hạnh nguyện quảng độ chúng sinh của Đức Phật A Di Đà, không thể cùng tận.

Phàm người nhất niệm quy y, thời liền sinh về nước Ngài không còn nghi vậy.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ BA

Trong Kinh A Di Đà lại nói : Vô lượng số kiếp về trước có một Đức Phật hiệu là Thế Tự Tại Vương ra đời, hóa độ chúng sinh, khi đó một ông vua nước lớn, đến nghe pháp tỏ ngộ liền bỏ ngôi vua đi xuất gia tu hành hiệu là Pháp Tạng Tỳ Kheo (*tức là Phật A Di Đà*).

Đối trước Phật Thế Tự Tại Vương phát 48 lời đại nguyện. Nguyện nào nguyện nào cũng đều một mục đích cứu độ chúng sinh.

Phát nguyện rồi, Ngài tinh tấn tu hành thoát khỏi sinh tử, vào quả vị Bồ Tát. Khởi sinh tử là đối với sự sinh tử tự như vậy. Vào quả vị Bồ tát là : trong thời tu huệ, ngoài thời tu phúc vậy.

Tu Huệ là trau dồi huệ tánh, càng ngày càng xán lạn, đến khi thành Phật, thời huệ tánh trùm khắp cả hư không thế giới, không chỗ nào không biết, không chỗ nào không thấy.

Tu Phúc là gá sinh trong tất cả mọi loài đồng hình thể, đồng tiếng nói, lập phương pháp giáo hóa, cho nên trên từ vị Đế Thích, dưới cho đến loài trùng kiến vi tế, đều gá sinh trong đó cả.

Như vậy, vô lượng, vô số kiếp lại đây, lập pháp giáo hóa chúng sinh. Vả chẳng lập phương pháp như thế, đâu không phải đặng phúc.

Nhưng đặng phúc mà không thọ dụng, cho nên phúc càng chứa, càng chứa thì càng lớn, càng lớn càng lâu, càng lâu thời tràn khắp cả hư không thế giới vậy.

Phúc lớn thời oai thần lớn. Ví như người đời làm lớn, thời thế lực lớn.

Do oai thần ấy, không chỗ nào chẳng đặng, cho nên mới đặng thành tựu đại nguyện, vì thành tựu đại nguyện cho nên được chứng vào ngôi vị Phật vậy.

Từ lời nguyện ban đầu, đến lời nguyện cuối cùng không lời nguyện nào mà không cứu độ chúng sinh.

Song nay Ngài đã thành Phật trên mười đại kiếp rồi, hẳn không trái nguyện độ sinh. Thế nên người nào một lòng tín

hương, niệm danh hiệu Ngài hiện đời ắt nhờ phúc giúp, thân sau chóng sinh về thế giới Cực Lạc. Người hay chuyên lòng tưởng hình tượng Ngài hiện đời cũng được thấy chân dung Ngài. Bởi oai thần Phật không chỗ nào chẳng có mà người tâm hằng niệm Phật cho thuần thực thời tự nhiên cảm ứng, cho nên Phật hiện thân vậy (*sự tích này quyển thứ 5, có nói*).

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ TƯ

Trong Kinh A Di Đà nói : Đức Phật A Di Đà trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp, tu hạnh Bồ Tát, nhẫn lực đã thành tựu, chẳng màng các sự khổ, thường hiện nhan sắc tươi hòa, và lời nói êm ái, làm lợi ích chúng sinh, khéo giữ khẩu nghiệp không chê nói lỗi người, khéo giữ thân nghiệp, không sai phép tắc. Khéo giữ ý nghiệp trong sạch không nhiễm, trong tay thường phóng ra, tất cả y phục, tất cả ẩm thực, tất cả tràng phan bảo cái, tất cả âm nhạc và tất cả đồ cần dùng tối thượng.

Đem thí cho tất cả chúng sinh, làm cho chúng sinh được tâm hoan hỷ và nghe lời giáo hóa Ngài.

Cho nên vô lượng, vô ương số chúng phát tâm Vô thượng Bồ đề. Ngài thi hành từ hạnh như vậy, vô lượng vô số, trăm nghìn muôn ức kiếp, công đức đầy đủ, oai thần lừng lẫy, mới đặng thành tựu sở nguyện mà vào ngôi chính giác. Do đây mười phương vô ương số thế giới chư thiên nhân dân, nhẫn

đến loài quỳên phi xuân động, không một loài nào mà chẳng nhờ lòng từ bi Ngài tế độ.

Sở dĩ ta dùng một niệm quy y, bèn sinh về nước kia, đều ở trong hoa sen, trong ao thất bảo sinh ra tự nhiên khôn lớn, cũng không đợi phải có người cho bú và nuôi ăn, cơm tự nhiên tương có, dung mạo hình sắc đoan chính tươi đẹp, chẳng phải người cõi này sánh đặng, cũng chẳng phải người trời bì kịp ! Thân thể tự nhiên trong sáng, nhẹ nhàng, sống lâu vô cùng cực.

Khắp cả trong cõi, toàn là người bậc thượng thiện nhân, hẳn không hàng phụ nữ. Đều thọ mạng vô ương số, có Thiên nhân thông thấy suốt, Thiên nhĩ nghe cùng xa mấy cũng thấy, nhỏ mấy cũng nghe, một hạng người cầu đạo “Thiện”, không hạng người khác. Dù trải qua muôn kiếp, những việc từ lâu hẳn lại, không việc nào mà không biết rõ.

Lại biết tới mười phương thế giới, những việc đời quá khứ đời vị lai và đời hiện tại. Lại biết vô ương số, trên trời dưới trời, nhân dân, hẳn đến loài quỳên phi xuân động, tâm muốn nghĩ gì, miệng muốn nói gì, và lại biết những chúng sinh ấy, đến kiếp nào, năm nào, tháng nào, ngày nào đều được độ thoát kiếp, lên làm người và đặng sinh về thế giới Cực Lạc. Do vì được huệ tánh của Phật nên mới thấy biết được như vậy.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ NĂM

Trong bộ truyện Tịnh độ nói : Đức Phật A Di Đà, cùng Quan Âm, Thế Chí hai vị Bồ tát, ngồi thuyền Đại nguyện, qua biển sinh tử đến thế giới Ta bà này, kêu rước những chúng sinh lên thuyền Đại nguyện đưa về cõi Tây phương, những người chịu đi không người nào mà chẳng sinh về vậy.

Xem đây thì Phật với hai vị Bồ tát, thương xót chúng sinh, trầm luân trong biển khổ, không do đâu ra khỏi đặng, cho nên Ngài dùng sức oai thần, thế nguyện diu dắt người đời về cõi Tịnh độ.

Cũng như kẻ đưa đò kêu hú hành khách lên đò, đưa qua bờ bên kia vậy. Chỉ sợ người không tin vậy thôi, bằng người tín tâm tin chịu, thì dù tội ác đến đâu, cũng có thể vãng sinh về Tịnh độ được cả. Vì sao ? Một là do lời thế nguyện Phật và hai là do lòng thành tín của mình, cho nên nói oai thần Phật, chẳng khá sánh với người phàm vậy.

Vì người phàm chẳng vì thế lực, chẳng cùng ta làm bạn, chẳng có ích lợi cho mình, thì chẳng cùng làm bạn, thế cho nên chỉ làm người phàm vậy.

Bậc hiền nhân quân tử còn chẳng như thế huống nữa là bậc Phật. Vì sao ? Bởi không lòng từ bi, không đủ làm Phật, không té độ chúng sinh, không đủ làm Phật, không có đại oai lực, không đủ làm Phật vậy.

Do vì Đức Phật dữ lòng từ bi, thấy chúng sinh trầm luân trong bể khổ mà muốn tế độ. Do vì Đức Phật có đại oai lực, cho nên hay đem tâm tế độ, bèn thành công tế độ, sở dĩ làm Phật là vậy.

Trong kinh Đại A Di Đà nói : Vị Đại Y Vương hay trị tất cả bệnh, nhưng mà không thể trị lành được cái bệnh của người số tận, cũng như Đức Phật hay độ tất cả chúng sinh, nhưng mà không thể độ nổi những chúng sinh bất tin khá gọi là người cứng vậy, nên có câu : Ông vua phải thua thằng cùng là nghĩa đây vậy.

Phải chăng người có tín tâm, muôn việc thu về một niệm như người khi sống đây, một niệm tâm muốn đi, thời cái thân đứng dậy đi liền. Tâm muốn ở, thời thân bèn ở lại, thế là thân phải tùy tâm niệm.

Song có khi tâm niệm muốn đi, mà thân bị giam cầm nào có đi được. Nhưng thân bị giam cầm là cầm giam lúc sống, chớ khi thân hoại mạng thác, vẫn còn có một tâm niệm mà thôi.

Tâm niệm xu hướng chỗ đó, thời quyết định đi tới chỗ đó, bởi vậy cho nên, lúc ta còn sống đây, hằng ngày ăn chay niệm Phật, tâm niệm cầu sinh về cõi Tịnh độ dù thân bị ràng buộc đến đâu, khi thác thế nào cũng được sinh cõi Tịnh độ.

Huống chi cõi Tịnh độ sẵn có Phật Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, lại dắt dìu rước ta về cõi ấy nữa kia mà !

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ SÁU

Đức Phật A Di Đà có phát lời thề nguyện rằng : “Những chúng sinh nào đã sinh về nước Ta rồi, bây giờ muốn sinh về nước khác cũng đặng như nguyện hẩn không còn sa đọa trong ba đường ác đạo nữa”. Vì sao ? Bởi người sinh về cõi Tịnh độ, là người đã được chứng lên bậc vô sinh pháp nhẫn rồi vậy. Và chẳng người mà chứng lên được bậc vô sinh pháp nhẫn rồi, chính là người đã không còn sinh tử nữa vậy. Người đã dứt hết đường sinh tử rồi, thì dù có vào cõi sinh tử, một linh tánh ấy vẫn sáng suốt, không hề mê muội, thời do đâu mà trôi lăn trong ba đường ác ư ?

Luận theo lý, đã quyết định không sa đọa trong ba đường ác rồi, hưởng chi nhờ sức hộ trì, lẽ cố nhiên sự sa đọa quyết hẩn là không. Cho nên luận như người sinh về cõi Tịnh độ chẳng những trường sinh bất lão, mà lại sống lâu kiếp kiếp đời đời mà đường sinh tử cũng như như bất động.

Cho nên muốn lập phương pháp để giáo hóa tất cả chúng sinh, vào trong tất cả cõi sinh tử của chúng sinh, mà một chân tánh vẫn thường vắng lặng thường sáng suốt, không còn làm mê ngoại vật, không còn nghiệp duyên lôi kéo, mặc dầu ở trong thế giới luân hồi, mà không còn luân hồi như ai, nên gọi rằng : Thế xuất thế gian. Nghĩa là : Tuy ở trong đời mà đã ra khỏi ngoài đời vậy.

Thế cho nên người được vãng sinh về cõi Tịnh độ kia rồi, toàn là người đã được, đường sinh tử như như bất động rồi, lúc bấy giờ muốn sinh qua cõi trời cũng đặng, muốn sinh lại cõi người cũng đặng, muốn sinh trong nhà đại phú quý cũng đặng, muốn sinh vào cõi thanh tịnh cũng đặng, cho đến muốn sống hoài chẳng chết cũng đặng, hay là muốn chết rồi sống trở lại cũng đặng. Tùy ý mình muốn chi, và chi, không việc chi mà không vừa ý muốn (*Tự tại ý dục, vô bất tự tại*) thế, sở dĩ ta muốn một điều quý nhất, là muốn sinh về Tịnh độ vậy !

Người đời không rõ ý muốn như đây, luống ở trong đường sinh tử, muốn sinh trong nhà giàu sang, mà trở lại sinh trong nhà bần tiện, muốn sinh trong cõi khoái lạc, mà lại trở sinh trong cảnh buồn thảm, muốn sinh cho được trường thọ, là cứ sinh rồi bị chết yếu chết non, muốn sinh làm đạo lành mà trở sinh vào ác thú, mỗi mỗi đều bị cảnh ngoài cảm dỗ, duyên nghiệp kéo lôi, không thể tự tại.

Từ vô lượng kiếp mãi đến ngày nay, luân hồi trong lục đạo, chưa có lúc nào ra khỏi. Cứ một niệm tưởng những việc ưu khổ như vậy, quày tâm niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ cho dứt hết mọi sự ưu hoạn. Một cõi mọi sự ưu hoạn đã dứt hết, mà không kêu cõi ấy là cõi thế giới Cực Lạc chớ chi ?

Người có trí để ý ngấm ngấm nghiệm xét khá thấy vậy.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ BẢY

Ông Vô Vi cư sĩ tên Dương Kiệt, hiệu Thứ Công tuổi trẻ đậu khoa cao, tỏ tông chỉ thiên môn, nói: Chúng sinh căn cơ lợi钝, theo chỗ gần dễ hiểu chỗ gọn dễ làm. Duy có pháp môn Tây phương Tịnh độ, hễ nhất tâm quán niệm, nhờ nguyện lực Phật mau sinh về nước An dưỡng.

Ông, vì ông Vương Mẫn Trọng làm lời tựa bộ “TRỰC CHỈ TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI” nói Phật A Di Đà phóng quang như mặt trăng tròn sáng lớn chiếu khắp mười phương, nước trong và tịnh thời trăng hiện toàn thể.

Trăng chẳng phải theo nước mà đi mà đến, hễ nước đục xao động, trăng không có ánh sáng, nhưng trăng cũng không bỏ nước mà đi.

Ở nơi nước có trong, có đục, có động, có tịnh, ở nơi mặt trăng thời không thủ, không xả, không khứ, không lai. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm có chép : Ông Trưởng giả tử nói : Biết tất cả chư Phật cũng như bóng dạn.

Tâm mình dụ như nước. Các Đức Như Lai kia không đi đến cõi này, song ta bằng muốn thấy nước An dưỡng thế giới A Di Đà Như Lai tùy ý liền thấy, cho nên chúng sinh chuyên niệm thì chắc thấy A Di Đà. Bằng sinh cõi Tây phương kia, thời không các sự khổ.

Kinh Ban Châu Tam Muội nói : Ông Bạc Đà Hòa Bồ Tát, bạch Đức Phật Thích Ca rằng : Thừa Đức Đại Giác Thế Tôn ! Chúng sinh đời vị lai sau này, làm sao thấy các Đức Phật trong mười phương ? Phật dạy phải niệm Phật A Di Đà thời liền thấy mười phương tất cả chư Phật.

Lại Kinh Đại Bửu Tích nói : Hoặc chúng sinh ở thế giới phương khác, nghe danh hiệu Đức Vô Lượng Thọ A Di Đà Như Lai, nhẫn đến hằng Phật một niệm thanh tịnh tín tâm, hoan hỷ ham mộ, chỗ tu căn lành hồi hướng nguyện sinh nước kia, tùy nguyện vãng sinh đặng bậc bất thối chuyển.

Đây là lời Đức Phật Thích Ca nói vậy. Lời Phật nói không tin, lời nào đáng tin ? Chẳng cầu sinh về Tịnh độ, chớ cầu sinh về cõi nào ?

Ông Tô Đông Pha nói : Ông Thứ Công tuổi già làm quan Giám Tư Thái Thú thường vẽ tượng Phật A Di Đà một trượng sáu (1m60) đi đâu mang theo cúng dường và quán tưởng, đến ngày lâm chung, cảm Phật đến rước vãng ngôi mà qua đời.

HẾT QUYỂN HAI



QUYỂN BA

CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HƯU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HƯU NÓI :

Ông Vương Nhật Hưu dẫn lời ngài Mạnh Tử nói Người ai ai cũng có thể làm hạnh lành như vua Thuấn vua Nghiêu. Ông Tuân Tử nói Người đi ngoài đường cũng kêu là vua Võ được.

Ông Thường Bất Khinh Bồ Tát nói Ta đối với tất cả người, không dám khinh tất cả người, vì tất cả người; nếu tu cũng có thể thành Phật. Thế là người người đều khá làm Thánh Hiền, ai ai cũng có thể làm Phật, thời đủ biết cái pháp môn niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ, quyết không có một người nào mà không tu được vậy. Cho nên hôm nay tôi (*Vương Nhật Hưu*) soạn quyển này là quyển Phổ Khuyến Tu Trì (*khắp khuyến ai nấy gắng tu gắng làm*).

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ NHẤT

Kẻ hoặc hỏi đức Khổng Phu Tử rằng Có người sang đổi nhà quên cả vợ chẳng ? Đức Khổng Tử đáp Cũng có lắm người vậy, vua Kiệt vua Trụ thời quên cả thân mình. Nếu dùng đạo nhân xem, thì người đời bây giờ phần nhiều quên cả đời mình

nữa. Vì sao ? Từ sớm mai thức dậy, mở mắt khỏi chỗ nằm. Đến tối tới chỗ nằm nhắm con mắt lại, không đâu là không để tâm lo lắng việc trần lao. Chưa từng tạm xét lấy thân mình, ấy là quên cả thân mình đó vậy.

Vả chẳng, thân người, lấy việc trước mắt mà nói Chi lớn hơn việc đói khát, ắt phải sắm những món uống ăn. Lấy việc quanh năm mà nói Chi lớn hơn sự lạnh, nóng, ắt phải sắm những áo “Cừ” áo “Yết”. Lấy việc trọn đời mà nói Chi lớn hơn đường sinh tử, không lo sắm những món tư lương để đi về cõi Tịnh độ, là sao ư ?

Vả như người có món vàng trăm cân, rủi có đại nạn không thể mang theo ắt phải bỏ vàng mà đi không. Nếu ham tiếc ôm vàng theo thì ắt phải chết. Đời gọi là người ngu si (đại ngu). Thân này rất trọng hơn món vàng trăm cân vậy.

Song ngày bình nhật thời bo bo cầu danh đua lợi, tuy vật nhỏ cỡ trăm đồng tiền, cũng không chịu nói bỏ, mà mình chẳng quý trọng thân mình là sao ư ?

Hoặc người mắng mình là trộm cắp, hoặc nhiếc mình là cầm súc, thời mình uất ức tức giận, có người đến trọn đời oán trách mà không thể nguôi hết, có người đập đánh đến nổi thành ra kiện cáo. Song cái tên trộm cắp hay cầm súc của người nói, cũng không hại gì đến thân ta, mà ta ghét giận như thế, ấy là luống tiếc cái danh giả nơi mình, mà không biết những cái chân thật của mình, là sao ư ?

Vả chẳng cái chân thật của mình là chi ? Gượng kêu là cái chết, mà thật chưa từng chết được vậy. Người vẫn thấy kẻ bỏ cái thân giả này mà đi, chính gọi đó là chết. Mà không biết bỏ cái thân này rồi, thời đi đầu thai làm cái thân khác vậy. Song chỗ đi đó ta đâu không dự bị tư lương trước ư ?

Cho nên cái thuyết Tây phương Tịnh độ thiệt chẳng nên bỏ vậy.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ HAI

Khi người sinh, cha, mẹ, vợ, con, nhà cửa, ruộng vườn, trâu, bò, xe, ngựa, cho đến ghé đặng, bát, bòn, y phục, dây lưng, hết thảy đồ đạc không luận vật lớn hay vật nhỏ. Hoặc Tô phụ để lại cho mình, hoặc tự mình làm ra mới có, hoặc con cháu, hoặc người khác vì mình tom góp, mỗi món đâu không phải là vật của mình. Vả như những giấy dán cửa sổ, tuy là vật rất mỏng, nhưng mà bị người khác chọc lủng đi, ta còn có tâm giận, một cây kim tuy nhỏ, bị người khác lấy đi, ta còn có tâm tiếc. Kho lẫm đã đầy, lòng tham chưa đủ. Vàng bạc đã nhiều sắm mãi không thôi. Mở mắt dở chân, đâu không ái trước. Một đêm ngủ ngoài đã lo ở nhà, một đũa đầy tớ chưa về, đã lo nó đi mất. Trăm việc tính toán, chẳng có một việc nào mà chẳng để vào lòng toan tính.

Song một mai đại hạn tới rồi, thảy đều bỏ ráo, dù thân ta đây cũng là vật bỏ, huống chi những vật ở ngoài thân ư ? Chạnh lòng ngẫm nghĩ, khác nào một giấc mộng trường (dài).

Cho nên ông Trang Tử nói Vả có bậc Đại giác, vậy sau mới biết thân này, là trường đại mộng.

Người xưa nói câu “Nhất nhật vô thường đáo, phương tri mộng lý nhân, vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân”, nghĩa là Một mai vô thường đến, mới biết người ở trong mộng, lúc chết muôn vật đem theo chẳng đặng, duy có nghiệp đeo đuổi theo mình. Rất đúng thay lời ấy vậy.

Hôm nay tôi (Vương Nhật Hưu) cũng thể theo hai câu sau của bài trên, thêm vào hai câu thành một bài kệ như dưới đây Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân, đản niệm A Di Đà, định sinh An lạc quốc”, nghĩa là Muôn việc đem theo chẳng đặng, chỉ có nghiệp theo mình, nếu niệm A Di Đà quyết sinh nước an dưỡng.

Song nghiệp, có hai nghiệp một là nghiệp lành, hai là nghiệp dữ. Luận như hai món nghiệp này, đều đem theo đặng. Đâu chẳng nên để tâm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ làm nghiệp ư ?

Có ông Minh Liễu Trưởng lão vì cả trong chúng, chỉ thân này mà nói rằng Thân này là vật chết, ở trong cái thân chết này nó có cái không chết, cái không chết đó gọi là Thức Tâm, tâm này sống mãi mãi tới vô lượng kiếp. Vậy chớ lầm, nè trên vật chết làm kẻ sống. Phải chính trên vật sống, tìm cầu vật sống mới được.

Tôi (Vương Nhật Hưu) rất phục lời nói ông Trưởng lão này, cho nên tôi thường nói với người rằng Phàm tham các món vật ở ngoài, dùng phụng dưỡng nơi thân, dầu là ngay trên vật chết, mà làm làm kế sống vậy. Người đời tuy chưa khỏi thế, nhưng phải ở trong việc làm ăn nuôi sống. Thừa trong lúc rảnh, cũng phải quày tâm suy xét, để tâm với pháp môn Tịnh độ này, là trên vật sống làm kế sống vậy. Vả như bo bo lo sống, tuy có giàu như ông Thạch Sùng, sang đến bậc nhất phẩm, rồi cuộc cũng có ngày số tận, đâu bằng niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ, hưởng sự khoái lạc vô cùng tận vậy ư ?

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ BA

Người vốn chưa từng chết, mà cái tên chết nó đã có sẵn trên thân này rồi. Vì sao ? Bởi thần thức nó đi đâu thai mà gá nơi cõi thân tứ đại, thân này do có thần thức mà được lớn được mạnh, nên gọi đó là sinh. Lúc thần thức lìa thân tứ đại, thời thân này do đây là hư hoại nên gọi đó là chết (tử).

Thần thức là gì ? Dụ như thân ta đây.

Thân tứ đại là gì ? Dụ như nhà ta ở vậy.

Ta có đi có đến nên nhà ta có thành có hoại.

Thế thì lúc sống đây, không phải là sống thiệt do thần thức đến, mà thân này hình như có sống vậy thôi. Lúc chết, cũng chẳng phải là chết hẳn, chỉ vì thần thức đi mà thân này phải tan

ra vậy thôi. Song người sinh ở đời, ít ai được nhận thức cứ chấp cái thân tứ đại này thôi. Bởi chấp tứ đại này cho là thiệt có, là trường tồn, nên hy vọng việc sống, mà toan ghét sự chết, mê lầm đến thế, khá chẳng thương ư ?

Thần thức khi đi, từ đâu mà đi ?

Đáp rằng Tùy nghiệp duyên mà đi.

Hỏi Nghiệp duyên là gì ?

Do chỗ người tạo tác nghiệp lành hay dữ chi đó, thần thức đi theo duyên nghiệp, mà đầu thai chịu quả báo ấy, như người tạo nghiệp nhân gian (thọ tam quy, ngũ giới). Thần thức cũng tùy đó, mà đầu thai sinh trong loài người. Còn tạo nghiệp cõi thiên thượng (tu thập thiện) thì thần thức cũng tùy nơi đó, mà đầu thai sinh lên cõi trời.

Còn tạo nghiệp về cõi A tu la (cũng tu Thập thiện nhưng mà sân hận nhiều) thần thức cũng tùy nơi đó mà đầu thai sinh lại cõi A tu la. Còn tạo nghiệp trong ba đường ác (Tham, sân, si nhiều) thì thần thức cũng tùy nơi đó, mà đầu thai sinh vào trong ba đường ác (Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh). Thế là thần thức, tùy theo nghiệp duyên tạo tác mà luân hồi, mãi trong sáu thú, không hẹn thời kỳ nào ra khỏi vậy.

Song mà thần thức này, từ vô thi, nhẫn đến ngày nay, đầu thai đổi xác, chẳng đặng ở lâu một chỗ là vì lẽ gì ? Bởi do nghiệp ta gây tạo chẳng lâu, cho nên thần thức ở trong các thân

này một thời kỳ ngắn ngủi rồi tùy nghiệp đi qua xác khác, giữ gìn thân khác đến khi nghiệp hết thân thức đi ra, thời thân hình phải hoại, hình hoại thời thân thức không chỗ nương tựa, vì không chỗ nương tựa nên tùy theo cái nghiệp trong đời này đã tạo, thân thức tùy nghiệp ấy mà đi đầu thai chịu xác khác (thân đời sau) vậy. Ví như người cấu tạo nhà cửa, rồi ở trong nhà cửa, người sắm đồ ẩm thực ắt hưởng sự ẩm thực, cho nên hãy tạo những nghiệp như thế nào thời ắt phải chịu quả báo cũng phải như thế ấy cả. Là lý tự nhiên vậy.

Thế thời đời này ta tạo những nghiệp gì đây há chẳng cần thận cho lắm ư ?

Như những người muốn chóng khỏi luân hồi, hằng lia khổ não, không chi bằng đề tâm nơi pháp môn niệm Phật cầu sinh về Tây phương Tịnh độ là cần hơn. Cho nên tôi (Vương Nhật Hưu) xin các nhân giả chớ khá dằn dà mà chẳng tu cho sớm vậy.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ TƯ

Người sống trong bầu thế giới này, khác nào một cục bọt nổi trên mặt nước, có đó rồi không đó sinh diệt vô thường. Hoặc có người sống một tuổi hoặc có người sống hai tuổi, hoặc có người sống một mươi, hai mươi tuổi. May phúc được bốn năm mươi, cũng đã khá, dù cho bảy mươi (gọi là thất thập cổ lai hy) cũng rất ít có.

Người đời chỉ thấy những người chưa già trước con mắt, chớ không biết xét những kẻ chưa già mà đã chết mất kia cũng lắm vậy. Huống chi trong thế gian này, không có cái gì mà không phải khổ, ngặt vì không để tâm suy xét cho nên không rõ biết vậy thôi, coi như trong lúc ta không vừa lòng, vẫn đã khổ rồi. Bằng gặp những việc vừa lòng, cũng không bao lâu, cha, mẹ, vợ, con, suôi gia, quyến thuộc hoặc tật bệnh chết mất, hoặc bị sát phạt, ly tán, hoặc mình tới hạn số một cách tình cờ (bất ngờ).

Xét lại đời sống, cả đời đâu đặng toàn thiện không chút tội ác ?

Vậy lấy việc trước con mắt dễ thấy mà nói Như tâm ta khởi một niệm bất chính, nói một lời bất chính, ngó cái vật bất chính, nghe một tiếng bất chính, làm một việc bất chính, đâu không tội lỗi. Huống chi những vật ăn dùng, là thịt của chúng sinh, áo ta mặc sát hại tâm tư mà có.

Hơn thế nữa, tội lỗi chẳng những ăn thịt, mặc tơ tằm chẳng tương thì thôi, tương ra thật khá ghê rợn vậy.

Từ nhỏ đến già, từ sinh đến chết, một đời chất chứa đã nhiều, buộc ràng nhiều lớp, không do đâu giải thoát. Sau khi nhắm mắt, chẳng khỏi theo nghiệp duyên mà đi, mờ mờ, mịt mịt biết ở chỗ nào ? Hoặc sa trong địa ngục, chịu các cực hình, hoặc sinh trong loài ngựa quỷ, lừa đói đốt thân, hoặc vào Tu la sân hận đầy bụng, dù có chút nghiệp lành, đặng sinh lên cõi trời

hay trong cảnh người, hưởng hết phúc báo rồi, cũng không khỏi luân hồi trở lại như cũ, trời lặn chìm nổi, không thể biện ra vậy.

Duy có pháp môn niệm Phật cầu sinh về Tây phương Tịnh độ, là một con đường thẳng tắt mau ra khỏi luân hồi mà thôi.

Huống chi thân này khó đặng, vậy đương lúc chưa già không bệnh phải lo cho xong cái đại sự (sinh tử) này, phải thường nghĩ như vậy Ta từ vô lượng kiếp lại đây, đã từng trải trong vòng luân hồi lục đạo, mà chưa lúc nào biết được pháp môn này, cho nên không ra khỏi cảnh luân hồi lục đạo.

Ngày nay ta đã biết, đâu khá không tức thời làm đi, những người tuổi cao, vẫn nên cố gắng, còn người trẻ tuổi cũng chớ dần dà.

Khi mạng chung, đặng sinh về thế giới Cực Lạc rồi ngó lại thấy những người chết, vào âm phủ, ra mắt vua Diêm La chịu những việc cực hình ghê tởm. Cách nhau như trời với vực không thể đồng ngày mà nói vậy.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ NĂM

Vậy như người vào trong một cái thành lớn, tất nhiên phải tìm chỗ ở yên, rồi mới trở ra làm việc, lúc chiều tối có chỗ về nghỉ ngơi.

Trước hết tìm chỗ ở yên là nghĩa tu pháp môn niệm Phật vậy. Đến khi chiều tối, là nghĩa con đại hạn (chết) nó tới rồi

vậy. Có chỗ nghỉ ngơi, là nghĩa sinh trong hoa sen, khỏi sa vào ác thú vậy.

Lại như ta đi đường xa, trước phải sắm đồ che mưa, rui gặp lúc trời mưa thời khỏi sự lo ướt át lang thang.

Trước sắm đồ che mưa là gì ? Là người tu Tịnh độ vậy. Rủi trời mưa là gì ? Là đại mạng sắp hết vậy.

Khỏi lo sự ướt át lang thang là gì ? Nghĩa là chẳng đến nỗi mà bị trầm luân trong ác thú chịu các sự khổ éo le vậy.

Vả chẳng trước tìm chỗ ở yên, cũng không hại gì việc ra làm. Sắm đồ che mưa trước, cũng không ngại gì đi con đường xa. Người tu Tịnh độ cũng không ngại gì tất cả việc đời. Có sao người đời chẳng tu niệm ư ?

Chính tôi (Vương Nhật Hưu) được biết có một người, ngày bình sinh phần nhiều tạo tội sát ngư; khi tuổi già mang bệnh, dường như chứng trúng phong. Tôi thương người kia gây tội ác mang bệnh khổ, bèn đến thăm. Tôi khuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà Anh ta cần nhẫn chẳng chịu niệm, chỉ ngó tôi rồi nói chuyện phi pháp (bậy bạ).

Thế đâu chẳng phải là bị nghiệp ác nó chướng ngại (ngăn trở) óm đầu mê sáng ư ? Vậy mình chẳng hay hồi tâm niệm thiện (nghĩ nhớ việc lành), sau khi nhắm mắt đi rồi, sẽ lấy chi nương cậy ?

Cho nên người tu pháp môn niệm Phật đây, phải chóng hồi đầu cho sớm vậy.

Ở trong thế gian, ban ngày thì ắt phải có ban đêm, lạnh thì có nóng. Mỗi người ai cũng biết thì đây không có dấu điếm đi đâu. Như nói Sống thì ắt phải có chết, mỗi người đều sợ mà tránh né, đến nỗi không dám nói ra, đưa trẻ hờ miệng buông lời (tôi chết), thì cha mẹ la rầy, đừng nói tầm xàm, sao mà tệ thế ?

Ôi! Đâu có biết chỗ nói chết đây, vốn chưa từng chết. Nhưng chỉ theo nghiệp duyên hết, là thần thức lìa khỏi xác thịt mà đi thế thôi.

Cho nên chúng ta cần tu Tịnh độ cầu sinh trong hoa sen để thọ cái thân như Phật, sống lâu vô cùng, và được thoát khỏi tất cả sự ưu bi, khổ não ở trong vòng sinh tử vậy!

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ SÁU

Người sinh về phẩm hạ, chính khi lâm chung tướng địa ngục hiện trước mắt, người đó chí tâm niệm mười câu Nam mô A Di Đà Phật, thời biến hình tướng địa ngục trở thành hoa sen, người đó cũng được sinh về Tịnh độ. Đây là do lòng từ bi của Đức Phật, chí thâm oai đức rất lớn, cho nên mới có tài năng như vậy.

Bài này nói mười câu niệm Phật chính lúc sinh tiền (khi còn sống), tự mình niệm mười câu Nam mô A Di Đà Phật. Chớ

không phải lúc hậu thân (chết rồi), thỉnh người khác niệm thế vậy.

Sinh tiền mình niệm, khi lâm chung có Phật cùng Bồ Tát thân hành đến tiếp rước, cho nên quyết chắc sinh về Tịnh độ. Còn thân hậu thỉnh người khác niệm, thì tôi (Vương Nhật Huru) chưa biết được!

Kinh Nhân Quả nói Thân hậu, thỉnh người khác niệm, làm phúc độ vong, thì trong bảy phần công đức, vong chỉ được một phần; còn sinh tiền (lúc chưa chết), mình tự niệm, thời trăm ngàn phần mình hưởng trọn trăm ngàn phần.

Người đời tội gì mà không chính lúc sinh tiền, mỗi ngày niệm mười câu hiệu Phật, hà tất đợi khi chết, mới rước thầy niệm Phật thế cho ư ?

Lại nữa! Sắt đá tuy nặng, nhưng nhờ sức ghe tàu chở qua sông to cũng đặng. Còn một cây kim tuy nhỏ, nếu không nhờ tàu, bè, dù sông nhỏ cũng không thể qua. Nghĩa là nói người tuy có tội nặng, nhưng nhờ sức chư Phật hộ trì, đặng về Tịnh độ. Còn người tội ác tuy ít (nhẹ), nếu không nhờ chư Phật hộ trì, thì Tịnh độ khó sinh.

Lại nữa! Như người cả một đời làm ác một bữa thôi làm, cũng trở thành người thiện, người hồi tâm hướng thiện niệm Phật, nhờ Phật hộ trì, tội ác được tiêu, cũng lại như vậy.

Lại nữa! Như con kiến, con rận muôn đời muôn kiếp có lúc nào đi tới được ngàn dặm. Song nếu nó đeo trong thân áo người, dù ngàn dặm cũng có thể tới. Nhờ sức hộ trì chư Phật được sinh về Tịnh độ, cũng in như vậy. - Xin chớ nghi!

Người có tội ác, hồi tâm niệm Phật mà không muốn vãng sinh một mình mình, tâm chỉ muốn thấy Phật, đắc đạo rồi, trở lại độ tất cả, những kẻ oán người thân, cũng đều đặng vãng sinh, thì không có một người nào mà chẳng đặng sinh về vậy.

Kẻ hoặc (có người nghi) hỏi Người thuở bình sinh làm ác, sát hại chúng sinh, ngược đãi dân lành, khi chết niệm Phật, cũng được vãng sinh, thì như những chúng sinh bị sát, bị khổ kia, nó sẽ ôm lòng uất hận (ức) biết bao giờ nguôi phai thì sao ?

Đáp rằng Miễn ta sinh về Tịnh độ, sau khi đắc đạo rồi trở lại độ tất cả, kẻ oán, người thân, cũng đồng về nước an dưỡng.

Đâu không hơn những kẻ gây thù kết hận, oan oan tương báo, rớt cuộc mình và người cả hai đều lặn hụp trong khổ luân hồi, không biết đến kiếp nào hện ra ư ?

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ BẢY

Tôi (Vương Nhật Hưu) lập cái thuyết Tịnh độ muốn khuyên tất cả, kẻ thấy người nghe, phát tâm quảng đại (rộng lớn) lấy tâm Phật làm tâm mình, khiến cho mọi người đều biết đó, đồng sinh về Tịnh độ. Phải đem tâm tưởng rằng Pháp môn

này, nếu người biết đó, cũng như mình biết đó, đâu không khoái (mừng) ư ? Bằng người không biết, cũng như mình không biết, há chẳng buồn ư ?

Chẳng phải để tu riêng một mình mình. Nếu tu riêng một mình mình, thời là chúng Thanh Văn, Phật gọi là bậc Tiểu thừa.

Tiểu là nhỏ. Thừa là cỗ xe, hay thừa là chở. Nghĩa là Người tu Tiểu thừa, dụ như cỗ xe rất nhỏ, chỉ chở được một mình mình mà thôi. Phật nói người này, là người đoạn hột giống của Phật. Vì tu theo lối ích kỷ vậy (lợi cho mình).

Còn người phát tâm rộng lớn khuyên tất cả mọi người đồng tu, thời gọi là Đại thừa Bồ Tát. Ví như cỗ xe rất lớn, chở luôn cả mình và người đồng đi đến chỗ cứu cánh, quả vị các Đức Phật.

Cho nên phúc báu của người này, cũng đặng to tát đến vô lượng vô biên. Mười phương hằng hà sa số các Đức Phật, Đức Phật nào cũng đều khen ngợi công đức Phật A Di Đà, là bất khả tư nghì. Nghĩa là Không thể lấy tâm suy nghĩ, không thể dùng lời nói mà luận bàn được vậy.

Công đức to lớn như thế, không thể mô tả cho cùng tận. Cho nên chỉ mượn hai chữ mà tung hô rằng “Tột bậc”. Song công đức to lớn tột bậc như thế, thì ra làm việc chi mà lại không đặng ?

Cho nên khuyên đặng một người tu pháp môn Tịnh độ, nhờ duyên lành này, tiêu mòn tội ác cũng đặng vậy, chẳng những tiêu tội ác, mà lại tăng cao phúc và thọ nữa.

Chẳng những tăng cao phúc thọ, mà cũng có thể thành tựu công đức vãng sinh về cõi Tịnh độ. Chẳng những được vãng sinh về cõi Tịnh độ, mà cầu cho vong giả vãng sinh về cõi Tịnh độ nữa cũng được vậy.

Song cần phải chí thành chú nguyện mới đặng công đức, và đặng vãng sinh về cõi Tịnh độ. Xem như trong truyện ông Phòng Chử thời biết vậy (ông Phòng Chử là tội nặng niệm Phật cũng được vãng sinh lên quả vị bất thối).

Huống chi khuyên đặng một người, nhần đến năm người, mười người ư! Ta khuyên người, rồi bảo người lần lượt khuyên rộng ra nữa. Đòi đòi bất tuyệt như thế thì cái thuyết Tây phương, rải rác khắp cùng trong thiên hạ, tất cả chúng sinh trong bể khổ cũng đều đặng sinh về Tịnh độ hết vậy.

Khuyên người làm đạo lành, gọi là Pháp thí. Mà pháp môn Tịnh độ này là một môn Pháp thí đứng đầu trong các Pháp thí. Và muốn ra khỏi luân hồi không chi bằng môn Pháp thí này vậy.

Cho nên phúc báu của sự thí pháp chẳng khá nói cho cùng tội vậy.

Ngài Đại Từ Bồ Tát làm bài kệ khuyên người tu Tịnh độ
như vậy

Năng khuyên nhị nhân tu,

Tỷ tỵ tỷ tinh tấn,

Khuyên chí thập dư nhân

Phúc đức kỹ vô lượng.

Nghĩa là

Khuyên đặng hai người tu,

Sánh bằng mình tinh tấn.

Khuyên đặng hơn mười người,

Phúc đức mình vô lượng.

Và câu

Như khuyên bá dư thiên,

Danh vi chân Bồ tát.

Hựu năng quá thử số,

Tức thị A Di Đà.

Nghĩa là

Bằng khuyên trăm nghìn người,

Gọi ông chân Bồ Tát.

Lại khuyên hơn số ấy,

Tức Phật A Di Đà.

Xem đây thời biết, cái thuyết Tây phương Tịnh độ há không dùng tâm rộng lớn. Khuyến hóa mọi người, đồng biết pháp môn này để cứu nhóm vô lượng phúc báu hay sao ?

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ TÁM

Vả như thấy người đói, ta cho họ một bữa ăn. Người lạnh khổ ta giúp một cái áo, đã là ơn lớn rồi.

Huống chi chúng sinh trầm luân trong lục đạo không có thời kỳ nào ra khỏi. Ta chỉ dạy pháp môn niệm Phật, khiến mau ra khỏi luân hồi, hưởng sự khoái lạc dài lâu vô cũng vô tận, ơn ấy đâu kể xiết ư ?

Kinh Kim Cang nói Nếu người dùng hằng hà sa đấng thân mà bố thí. Như thế vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp phúc đức lớn biết bao. Thế mà không bằng có một người nghe hiểu kinh điển này, tín tâm chẳng trái, thời phúc đức lại nhiều hơn.

Vì sao ? Bởi đem thân bồ thí, bất quá là hưởng phúc báu cõi thế gian này, có khi phải hết.

Còn kẻ nghe hiểu kinh điển này, thời lần hồi tỏ ngộ chân tánh đặng phúc không cùng không tột. Cho nên hơn là vậy.

Do đây tôi (Vương Nhật Hưu) xét nghiệm, người tin Kinh Kim Cang còn đặng phúc báu như thế. Bằng khuyên người tu Tịnh độ phúc báu cũng như trên không kém thiếu vậy.

Vì sao ? Bởi tu pháp môn Tịnh độ, không còn luân hồi và đặng bậc Bất thối chuyển, thẳng đến thành Phật, quả vị cứu cánh viên mãn.

Huống chi người sinh về cõi kia rồi, dù chưa chứng quả Phật liền. Nhưng cũng chính là giai cấp đi lần lên quả Phật. Cho nên khuyên một người tu Tịnh độ, là thành tựu một chúng sinh thành Phật vậy.

Phàm những người thành Phật, tất nhiên phải độ vô lượng chúng sinh, mà những chúng sinh đắc độ kia, đều do ta làm đầu, thì lẽ cố nhiên phúc báu ấy phải nhiều hơn những người đem hàng hà sa đặng thân bồ thí tới vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp chớ sao.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ CHÍN

Phàm ta thọ ơn sư, hữu giáo huấn, ơn cha mẹ dất diu, ơn bè bạn lẽ đưa, thấy đều khuyên bảo tu Tịnh độ, để đáp đền lại,

nhấn đến mang ơn tất cả người, hoặc có cái ơn cho ta uống một bát nước trà, hoặc giúp một lời nói, cùng tôi tớ có công lao hầu hạ.

Phàm chỗ ta thọ dụng, tất cả ân lực của người. Ta đều đem pháp môn này khuyên bảo, khiến cho họ thoát ly bể khổ, chẳng những người có ân với ta, mà là tất cả người ta biết, cùng không biết, quen cùng không quen, đều toan dạy một cách này mong cũng nhau sinh về Tịnh độ.

Chẳng những như đây. Xem như hồi thời kỳ Đức Phật Thích Ca còn tại thế, có một nước nhỏ khó giáo hóa. Phật nói Dân chúng ở quốc độ này, có nhân duyên với ông Mục Kiền Liên. Liên sai ông Mục Kiền Liên đến giáo hóa, thì người trong nước ấy, đều rắc rắc phục tùng theo lời nói của ông Mục Kiền Liên.

Cô người hỏi Phật rằng Những người trong quốc độ ấy, với ông Mục Kiền Liên có nhân duyên như thế nào ? Phật dạy Hồi đời trước ông Mục Kiền Liên làm ông tiều đốn củi làm kinh động một bầy ong trong núi. Ông Mục Kiền Liên phát lời thệ rằng Sau khi ta đắc đạo, nguyện độ hết bầy ong này. Nay dân chúng trong thành đây, chính là bầy ong hồi đó vậy. Vì ông Mục Kiền Liên phát lời nguyện đó, cho nên nay có nhân duyên này.

Do đây mà xem đó, chẳng những ta đối với tất cả người khuyên tu Tịnh độ, mà là với tất cả cảm thú bay chạy, cho đến loài mối, kiến, muỗi, mòng, phàm có hình tướng mà có thể thấy

được đó, ta đều niệm Nam mô A Di Đà Phật vài tiếng phát lời thiện thệ rằng Các người chúng sinh, đều sinh về thế giới Cực Lạc, sau khi ta đắc đạo, độ hết các người.

Chẳng phải đối với loài có hình tướng ta thấy được mà loại hình tướng không thấy được ta cũng phải như thế cả.

Như vậy, thì thiện niệm ta được thuần thực. Đối với tất cả chúng sinh đều có nhân duyên. Ta sinh lên bậc thượng phẩm, sinh lên bậc thượng phẩm rồi, trở lại trong cõi này, hóa độ mọi người. Bây giờ không có một ai mà không ưa thích và phục tùng lời nói của ta vậy.

Cho nên có câu Nói một lời người nghe một vạn là thế.

HẾT QUYỂN BA



QUYỀN TU

CHỨC QUỐC HỌC TÂN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI

Pháp môn Tịnh độ, thoáng thấy trong Kinh “Đại A Di Đà” cùng Kinh “Thập Lục Quán” có nói pháp tu Tịnh độ, có thấp và có cao. Người tu theo pháp thấp thời công nhỏ, mà ở trong quả vị “Chín phẩm” cũng chỉ ở về phẩm hạ (*thấp*). Còn người tu theo pháp cao thời công lớn, mà ở trong quả vị “Chín phẩm” lại được phẩm thượng (*cao*). Song miễn sinh về trong chín phẩm, dù thượng hay hạ, cũng đều được thoát kiếp luân hồi và trường sinh bất lão cả.

Nay trước kê quả vị của người tu cao thấp mà bày ra nói có phẩm thượng, phẩm trung, và phẩm hạ vậy.

TU TRÌ PHÁP MÔN

THỨ NHẤT

Đức Phật A Di Đà, Ngài có phát 48 lời nguyện, cứu độ chúng sinh, trong đó có lời nguyện rằng Khi Ta thành Phật, chúng sinh trong mười phương, chí tâm tín chịu, muốn sinh về trong nước của Ta, thì phải niệm mười tiếng danh hiệu Ta, thời được sinh về trong nước của Ta. Nếu không được như thế, Ta thề không làm Phật.

Thế là Đức Phật, Ngài đã sẵn có lời thệ nguyện độ người, chỉ nương nơi mười tiếng niệm của người, để tỏ lòng chí thành quy y với Phật.

Cho nên chúng ta, mỗi ngày sớm mai, chấp tay, quay mặt về hướng Tây đánh lễ và niệm Nam mô A Di Đà Phật (*to tiếng*). Lại đánh lễ, niệm bài kệ Đức Đại Từ Bồ Tát. Phát nguyện một biến như vậy Tôi nguyện cho người đồng niệm Phật, đồng sinh về nước Cực Lạc, thấy Phật dứt sinh tử như lời Phật thệ độ tất cả! Đọc xong đánh lễ rồi lui.

Chí thành như vậy không có một ai mà chẳng được sinh về trong chín phẩm. Dù phẩm hạ cũng được nghe Phật thuyết pháp. Nhờ nghe pháp rồi lần lần chúng lên phẩm trung, và phẩm thượng vậy.

HỎI Những người không biết chữ thì sao ?

ĐÁP Tuy không biết chữ, nhưng ta dạy họ niệm bài kệ này cho thuộc lòng cũng đáng phúc báu rất lớn.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ HAI

Mỗi ngày sớm mai, chấp tay quay về hướng Tây, đánh lễ xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát. Nam mô nhất thiết Bồ Tát, Thanh Văn, chư Thượng thiện nhân (*mỗi hiệu 10 lần*).

Lại đánh lễ, và niệm bài Đại Từ Bồ Tát khen Phật, sám hối tội và hồi hướng phát nguyện, toàn bài kệ niệm một biến như vậy

Trong ba đời mười phương Phật.
 Di Đà là Phật thứ nhất.
 Chín phẩm độ chúng sinh,
 Oai đức không cùng tốt.
 Con nay cả quy y,
 Sám hối ba nghiệp tội.
 Phạm có bao nhiêu phúc thiện,
 Một lòng đem hồi hướng.
 Nguyện cầu người đồng niệm Phật.
 Cảm ứng tùy thời Phật hiện.
 Khi lâm chung Tây phương cảnh.
 Phật, rõ ràng ở trước mắt.
 Kẻ thấy người nghe đều tinh tấn.
 Đồng sinh về nước Cực Lạc.
 Thấy Phật hết sinh tử,
 Như Phật độ tất cả chúng sinh.
Lạy đánh lễ rồi lui

Bài kệ này oai lực rất lớn, tiêu trừ đặng tất cả tội, thêm lớn tất cả phúc, phạm khi niệm lại thêm đánh lễ, đốt hương, lạy Phật, càng thêm phúc nữa. Mỗi ngày như vậy, thời quyết đặng sinh vào trung phẩm.

Bằng dạy người niệm bài kệ này, đặng phúc báu rất lớn.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ BA

Mỗi mỗi cũng niệm tụng như trước, chỉ có lúc niệm Phật, tâm tưởng thân mình ở cõi Tịnh độ, trước Phật, chắp tay cung kính niệm. Khi niệm danh hiệu các vị Bồ Tát cũng như vậy. Khi niệm danh hiệu tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, các bậc thượng thiện nhân, thời tâm tưởng thân ta ở cõi Tịnh độ. Tiếng ta niệm tụng vang rền khắp cả, trước các Bồ Tát, Thanh Văn và bậc thượng thiện nhân. Khi đánh lễ, cũng tưởng ở trong cõi Tịnh độ mà lễ Phật. Khi niệm bài kệ cũng tưởng ở cõi Tịnh độ, trước Phật chắp tay cung kính niệm bài kệ.

Duy khi có tượng Phật, và Bồ Tát thời khởi cần phải quán tưởng như vậy. Song phải tưởng tượng kia như Phật và Bồ Tát hiện thân thiết tại nơi đây, thọ ta lễ bái và nghe ta niệm tụng, chuyên chí như vậy, đặng vãng sinh phẩm đệ, cũng chẳng phải thấp (*rất cao*).

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ TƯ

Sự tích Hồi Đức Phật Thích Ca còn tại thế Ngài dạy hai người già niệm danh hiệu Đức A Di Đà đây không nên nghi vậy. Nếu người chí tâm trì niệm và tụng thân chú vãng sinh, đã vãng sinh, mà còn được diên thọ (sống lâu) đặng phúc báu rất lớn. Chúng lên quả Vô thượng nhần ở địa vị Bất thối, đâu chẳng quý ư ? Ông Lữ Nguyên Ích biên lời này để khuyên tu.

Nhắc lại thời kỳ Đức Phật Thích Ca còn tại thế có ông già, bà già, lụm cùm, lấy lúa để ghi số niệm. Niệm Phật A Di Đà cầu về Tây phương, hễ niệm Nam mô A Di Đà Phật thì bỏ trong hũ một hột lúa. Đức Thích Ca Ngài dạy Ta riêng có một pháp rất hay, dạy người niệm Phật một tiếng, đặng số lúa rất nhiều. Hai người mừng quýnh liền đánh lễ xin dạy.

Phật bảo niệm Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới, tam thập lục vạn ức, nhất thập nhất vạn cửu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu, đại từ, đại bi, A Di Đà Phật. Trút lúa ra đếm tới một hộc, một ngàn tám trăm hộc (tức là 2.000 tạ lúa vậy).

Phật thường lấy danh hiệu đây, dạy hai người già, xem đây thời biết công đức niệm Phật to lớn biết bao, nên phải biết vậy. (rút trong Bửu Vương Luận).

Nếu người tội dốt, không thể nhớ niệm câu dài ấy được, thì giữ niệm sáu chữ thường đó cũng đặng. Và dạy người niệm, đặng phúc báu rất lớn, hoặc gồm trì tụng Kinh Tiểu A Di Đà hoặc Kinh Đại A Di Đà, hoặc kinh Phật khác (Dược Sư, Phổ Môn v.v...).

Tùy số tụng nhiều ít, tụng rồi hồi hướng, cầu về Tây phương cũng đặng. Và niệm thần chú “Bạt nhất thế nghiệp chướng căn bản đắc sinh Tịnh độ Đà la ni”. Nghĩa là Tụng thần chú vãng sinh về cõi Tịnh độ. Tụng thần chú vãng sinh như vậy

Nam mô A di da bà dạ, đa tha già da dạ, đa điệt dạ tha. A di rị đô bà tỳ, A di rị đa tất đam bà tỳ. A di rị đa tỳ ca lang đế, A di rị đa tỳ ca lang đa, dà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ NĂM

Phật hỏi ông A Nan rằng Ông muốn thấy người trong địa ngục không ?

Ông A Nan bạch Dạ, con muốn thấy, nhưng làm sao thấy đặng ?

Phật dạy Người trong địa ngục, là người thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ việc ác, ấy là người trong địa ngục vậy.

Luận rằng Người đời thiện, hay là ác chẳng qua ngoài ba nghiệp thân, khẩu và ý.

Nay nói ba nghiệp đều ác, toàn gọi là hắc nghiệp thế mới vào địa ngục vậy.

Nếu ba nghiệp đều thiện, toàn gọi là bạch nghiệp mới sinh lên cõi Thiên đường.

Còn trong ba nghiệp, có một nghiệp lành ấy gọi là tạp nghiệp, cũng khỏi vào địa ngục.

Cho nên thân nghiệp, ý nghiệp tuy ác mà khẩu nghiệp niệm danh hiệu Phật cũng kêu là một nghiệp thiện. Còn xa hơn ba nghiệp đều ác.

Hướng khẩu nghiệp khi niệm Phật, lại hay tâm tưởng Phật, thời ý nghiệp thiện. Thân ngồi ngay thẳng, tay cầm xâu chuỗi thời thân nghiệp thiện. Ba nghiệp thường đặng thiện, dùng tu Tịnh độ, thời ắt sinh lên bậc thượng phẩm thượng sinh.

Tôi (Vương Nhật Hưu) từng ở đất Trấn Giang nghe người bán tôm. Rao tôm một tiếng, mà biết ba nghiệp kia đều ác.

Vì sao ? Thân gánh tôm, thời là thân nghiệp ác, ý muốn bán tôm, thời là ý nghiệp ác. Miệng rao bán tôm, thời là khẩu nghiệp ác. Thế biết rao tôm một tiếng, mà biết ba nghiệp đều ác. Sở dĩ Phật nói người đó là người ở trong địa ngục vậy.

Lấy đây mà quán xét, thời trước con mắt, đã thấy người trong địa ngục nhiều lắm, khá chảng sợ ư! Chúng sinh do tâm ngu si, chảng biết nhân quả sa nơi tội ác, rất khá thương xót. Ta vì muốn mở mang dạy bảo cho chúng nó ấy gọi là Pháp thí. Pháp thí là một môn bố thí rất vĩ đại đặng phúc báu há dễ lường được ư!

Kẻ hoặc hỏi Người mà niệm danh hiệu Phật một tiếng cùng hai mà thôi, cứ một mực niệm hoài, chi khỏi Phật ghét. Cũng như kêu tên một người nào đó, bắt quá đôi ba lượt mà

thôi, bằng cứ réo dặc một thì làm gì cho khỏi người kia hãy sinh lòng giận!

Cho nên biết rằng Một mực xưng niệm danh hiệu Phật hoài, theo tôi tưởng chưa phải là thiện vậy!

ĐÁP Luận như thế, không phải đâu. Bởi chúng sinh từ vô thỉ kiếp đến giờ, tội lỗi của khẩu nghiệp, nhiều hơn núi, biển. Cần phải niệm danh hiệu Phật cho thật nhiều mới mong rửa sạch, còn e chưa đủ. Đâu nên chấp cái tên của người thường, mà sánh với danh hiệu Phật, là một đáng chí tôn từ bi chan chứa!

Huống chi các Đức Phật, Ngài mở dạy pháp môn niệm Phật, sở dĩ dắt dẫn chúng sinh thiện nơi khẩu nghiệp, lần thiện đến thân nghiệp, và ý nghiệp. Cho nên nói một bề xưng niệm danh hiệu Ngài luôn mà chưa đủ là thiện kia, đâu nên chấp miệng nói thế tục, mà chê lời kim khẩu của Đức Từ Phụ dạy bảo cho chúng sinh ?

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ SÁU

Người nào giữ toàn trai giới, lại lễ Phật, niệm Phật, đọc tụng kinh điển Đại thừa, hiểu nghĩa đệ nhất, dùng công đức đây hồi hướng nguyện sinh về Tây phương thì chắc đặng sinh lên bậc thượng phẩm vậy.

- Thế nào gọi là trì trai ư ?

- Nghĩa là Không ăn thịt, không uống rượu, không dâm dục, không ăn năm món hôi nồng (ngũ vị tân) vậy.

- Thế nào gọi là giữ cấm giới u ?

- Nghĩa là Những chuyện như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, là ba nghiệp của thân. Nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, là bốn nghiệp của khẩu. Tham dục, sân hận, tà kiến, là ba nghiệp của ý. Tổng cộng là mười điều giới.

Nếu giữ đặng mười điều giới cấm đây, không phạm thời gọi là mười điều thiện (Thập thiện). Bằng không giữ để cho phạm thời gọi là mười điều ác (Thập ác).

Giữ hoàn toàn mười giới này, mới đặng sinh lên cõi trời. Còn giữ bốn giới trước, thêm giới bất ẩm tửu (uống rượu) cộng là năm giới (tại gia giữ ngũ giới). Nếu người nào giữ đặng năm giới này thường khỏi mất nhân thân.

Nếu phát tâm tu Tịnh độ thời chẳng ở nơi hạng này. Bằng người nào giữ trọn mười giới, thêm lên như văn trước chỗ đặng công đức, chắc chắn sinh về phẩm thượng vậy.

Nhược bằng chỉ giữ năm giới, mà tu Tịnh độ cũng chẳng mất sinh vào phẩm thượng của bậc trung, hay là phẩm hạ của bậc thượng vậy. Còn nếu không giữ nổi năm giới, đâu khá chẳng ráng giữ giới sát sinh u ? Vì sao ? Bởi sát sinh là giới đầu trong năm giới. Cũng là giới đầu trong mười giới, và cũng là giới đầu trong hai trăm năm chục giới của thầy Tỳ

Kheo. Thế là giới (bất sát sinh) mà giữ đặng, thời kêu là người Đại thiện. Còn sát sinh, thời kêu là kẻ Đại ác.

Cho nên Kinh Lăng Nghiêm nói Phàm người muốn sát sinh, sao chẳng xét mình! Ví như ai sát hại mình, mình có chịu không? Vật mạng cũng là thể (như nhau). Cho nên người không sát sinh được phúc báu sống lâu. Kẻ sát sinh thời mắc báo chết yểu, què xuội. Luận rằng Mình muốn mạng mình sống lâu, loài vật cũng muốn mạng nó sống lâu. Nếu ta sát mạng, mà muốn nó khẩu phúc (miệng và bụng). Thời sự thèm muốn của khẩu phúc nào nó chán. Sau khi bông đũa, vị ngon đã hết, mà nghiệp sát vẫn còn.

Nếu sát sinh, để đãi khách. Nếu người khách ấy biết ta bình nhật không sát sinh, thì khách ấy không trách buồn chi cả. Huống chi tội sát sinh, mình làm mình chịu (ăn chung mà tội riêng). Cho nên trong kinh có nói Đến đầu thai, cũng một mình mình, chết đi cũng một mình mình đi. Luân hồi một mình mình lãnh. Quả báo một mình mình mang.

Xem đây thì đâu nên vì người khách mà sát sinh đãi đặng! Bằng sát sinh để cúng tổ tiên, thì cũng có hiếm chi thứ com chay vật quý. Đức Khổng Tử nói rằng Tuy com hầm canh rau, cúng tế cũng là kính vậy, mà đã thành kính, thời nào khá chẳng đặng.

Nhưng sự cúng tế chẳng những ở nơi món đồ, mà cần nhất phải đốt hương, tụng kinh, nhờ Phật lực, để cầu cứu giúp vong nhân, thời vong nhân ắt đặng siêu sinh thoát tử. Cho

nên sự cúng tế đều chẳng phải ở nơi việc sát sinh đã quyết định.

Nếu ai giữ đặng một giới bất sát này, rồi cứ tu Tịnh độ, chẳng ở phẩm hạ vậy (được sinh lên phẩm trung hay phẩm thượng).

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ BẢY

Trai giới sạch mình, thanh tâm tịnh lự (yên lòng đừng vọng tưởng). Ngồi quay mặt về hướng Tây phương, nhắm mắt lim dim quán tưởng chân thân sắc vàng, Đức Phật A Di Đà ở Tây phương trong ao thất bảo, ngồi trên một hoa sen rất lớn, mình cao một trượng sáu (10m60) ở chặn giữa chân mày, có một đường hào quang chiếu sáng, mặt sắc vàng, thân cũng sắc vàng.

Kế lặng lòng chuyên tưởng nơi hào quang trắng, chẳng đặng vọng động có chút mảy niệm khác, phải nhắm mắt hơi hơi (hí hí) thấy đều thấy Phật. Như thế muốn mỗi niệm, mỗi niệm đừng quên vậy. Như thế lâu lâu, tâm niệm thuần thực, tự nhiên cảm ứng được thấy toàn thân Phật.

Phép này rất là bậc thượng. Nghĩa là Khi tâm tưởng Phật, tức nhiên tâm này là Phật. Lại có thắng phần hơn miệng niệm vậy. Hậu thân (thân đời sau) chắc sinh về bậc thượng phẩm thượng sinh.

Đời Đường, ông Khải Phương, ông Viên Quả hai người thường tu pháp quán này, chỉ có năm tháng tự biết thân mình đi đến cõi Tịnh độ, thấy Phật và nghe Phật thuyết pháp (sự tích này sẽ có trong quyển thứ năm) chẳng những ở đây, dạy pháp quán tướng, mà trong Kinh Thập Lục Quán đã nói đủ.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ TÁM

Quán tướng thân Đức Phật A Di Đà rất cao rất lớn. Ngồi trên hoa sen, cũng cao lớn xứng nhau. Lại chuyên tướng giữa chặn mày, có một đường hào quang trắng xẹt ra. Mỗi mỗi như bài trước đã nói. Phép quán tướng này thật là bậc thượng. Vì khi tâm tướng Phật tâm này tức là Phật. Lòng tướng lớn, thời niệm lành cũng lớn. Không vậy, thời lại quán tướng tượng nhỏ cũng đặng. Nhưng phải chuyên tinh, đừng cho tán loạn vọng niệm xen vào.

Cứ trong Kinh Thập Lục Quán nói Quán Phật A Di Đà cả thân tướng và hào quang, rực rỡ như trăm nghìn muôn ức vàng Diêm Phù Đàn. Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na do tha([1]), hằng hà sa do tuần([1]). Hào quang trắng giữa chặn mày, khắp trùm năm hòn núi Tu Di. Mắt Ngài trong như nước bốn biển lớn, trắng, xanh rõ ràng, dùng lòng từ vô duyên nhiếp độ chúng sinh.

Chỉ nói một hằng hà sa do tuần rất lớn không thể nói được. Huống chi tới sáu mươi vạn ức và vạn ức hằng hà sa số do tuần ư ?

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ CHÍN

Tưởng Phật A Di Đà, và tưởng đức Quán Thế Âm Bồ Tát thân cũng cao lớn. Tám mươi vạn ức na do tha do tuần. Thân sắc vàng thắm, bàn tay hóa ra hoa sen nhiều sắc nhiều màu có tám vạn bốn nghìn đường hào quang, dịu dàng mát mẻ, kẻ gặp hào quang, hết bệnh hết nã, do tay quý báu của Ngài diu dắt chúng sinh.

Kể tưởng đức Đại Thế Chí Bồ Tát. Thân cũng có tám vạn ức na do tha do tuần cả mình đều có hào quang ửng màu sắc vàng, những chúng sinh nào có duyên mới được thấy hào quang ấy.

Kể tưởng thân mình sinh về Tây phương Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen, ngồi trên kiết già, trong hoa sen búp, rồi tưởng hoa sen nở thấy Phật thấy Bồ Tát đầy dãy giữa hư không.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ MƯỜI

Tu Tịnh độ, phát tâm cứu độ chúng sinh, phát tâm chí thành, phát tâm kiên cố, phát tâm thâm thúy và thêm lễ bái niệm Phật. Như vậy, thời đương đời nhờ Ngài gia hộ. Hậu thân (đời sau), ắt sinh về bậc thượng phẩm thượng sinh.

Phát tâm cứu độ chúng sinh là Ta nguyện sinh về Tịnh độ, kiến Phật đắc đạo rồi trở lại độ tất cả chúng sinh ngấm chìm trong biển khổ, chớ không phải độ một mình mình vậy.

Phát tâm chí thành là Chí thành quy hướng về Phật, không cầu thả (lơ đãng) vậy.

Phát tâm kiên cố là Kiên cố tấn tu, hằng không thôi chuyển vậy.

Phát tâm thâm thúy là Chỗ dụng tâm thâm thúy thẳng tới cõi Tịnh độ. Như kẻ lặn sâu dưới đáy biển, để tìm choặng ngọc châu vậy. Ba đời chư Phật cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới, cũng đều có một tâm mà có ra vậy, tâm ta như thế, đâu chẳng đặng sinh về bậc thượng phẩm thượng sinh ư ?

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ MƯỜI MỘT

Trai Tăng, cúng Phật, đốt hương, dâng hoa, treo phan, dựng tháp, niệm Phật, lễ sám, mỗi việc kính thờ ngôi Tam Bảo. Dùng công đức đây hồi hướng nguyện sinh về Tây phương cũng đặng vậy, hoặc vì trong thế gian, những việc nào có lợi ích, ta phương tiện dạy người, như làm con thời phải hiếu dưỡng cha mẹ, làm anh thời phải thương yêu các em, làm em thời kính thuận huynh trưởng, trong khuê môn (gia đình) đâu không trọn lành, trong tôn tộc đâu chẳng thuận hòa. Hương thôn xóm làng thân nhân quyến thuộc, tiếp với nhau bằng lễ nghĩa, làm ơn nhuận cho nhau. Cho đến kẻ thờ vua thời hết lòng vì nước, kẻ làm quan, thời nhân từ lợi dân. Làm người lớn thời khéo điều hòa trong chúng. Làm bậc hạ thời siêng thờ bề trên, hoặc dạy bảo kẻ ngu mê, hoặc giúp đỡ

kẻ cô cút, yếu đuối. Hoặc giúp người cấp nạn, hoặc cho kẻ bần cùng, hoặc sửa cầu, đào giếng, hoặc thí thuốc thí com, hoặc bớt phần mình, nuôi kẻ thiếu, lợi ích tha nhân (người khác), hoặc cho của lợi người mà phần mình bớt ít, hoặc dạy người làm phải, hoặc khen ngợi việc làm lành, cản ngăn việc làm dữ. Tùy sức tùy trường hợp làm tất cả thiện sự trong thế gian, lấy công đức đây mà hồi hướng, nguyện sinh Tây phương cũng đặng.

Hoặc vì trong thế gian, tất cả việc lợi ích, chẳng luận là lớn hay nhỏ, chẳng luận nhiều hay ít, bằng cứ lấy một đồng tiền cho người, hoặc bung một bát nước cho người, nhả đến lượm một chà gai giữa đường cho người đi khỏi đạp cũng là việc thiện, ta cũng khởi một niệm tưởng rằng Dùng công đức làm nhỏ mọn này đây, hồi hướng cầu sinh về Tây phương Cực Lạc cũng đặng. Thường khiến tâm giữ một niệm như vậy, đừng cho gián đoạn, mỗi niệm mỗi niệm chí thú nơi cõi Cực Lạc, thời quyết định một ngày kia được sinh về bậc thượng phẩm thượng sinh vậy.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ MƯỜI HAI

Trong Kinh Thập Lục Quán, Đức Phật dạy Muốn sinh về Tịnh độ phải tu ba món phúc

1/ Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bát sát, tu mười thiện nghiệp.

2/ Vâng giữ phép Tam quy, giữ tròn các giới, chớ phạm oai nghi.

3/ Phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa. Khuyến người tu hành, ấy là ba chính nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật vậy.

Tam quy là quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng vậy.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ MƯỜI BA

Tôi (Vương Nhật Huru) khắp xem trong kinh tạng không có chỗ nào nói việc gởi kho dưới minh phủ. Vậy tôi kính khuyến người đời đừng bày đặt gởi kho tổn phí vô ích.

Nên thỉnh chúng Tăng, sắm lễ cúng dường và nhất tâm cầu về cõi Tây phương, thời chắc đặng vãng sinh. Nếu không như thế mà làm việc gởi kho minh phủ, thời chí quyết ở nơi minh phủ, lúc chết hã vào ngay minh phủ không sai vậy.

Vì sao ? Ví như có người không chịu làm theo hạnh người quân tử, giao kết với bạn hiền nhân, quân tử, mà cứ khum lưng đút tiền lo lót với mấy chú giữ ngục ở dưới âm ty đợi lúc vào ngục, dùng tiền ấy mà chuộc tội đâu chẳng làm ư

THỰC NHỤC THUYẾT THUYẾT NÓI VỀ ĂN THỊT

Kinh Lăng Nghiêm nói Có vô lượng nhân duyên, chẳng nên ăn thịt. Thịt các loài chúng sinh, vốn không phải vật của ta ăn. Vì sao ? Bởi loài động vật nó có thức tánh như ta, biết đau, biết ngứa, biết khổ, biết vui không khác, bởi vì chúng ta, bấy lâu tai nghe mắt thấy quen thường, tưởng là sự phải ngờ đâu sự tội lỗi hằng sa (*vô số*) mà nào ai có xét.

Vậy chúng ta bằng ai có thể đoạn bỏ, thời người ấy mới đáng gọi là người bậc thượng, hay là bậc Bồ Tát cứu độ chúng sinh. Còn người nào đoạn trừ chưa nổi, thì tạm quyền cho ăn ba thứ tịnh nhục, dần dần giảm bớt.

Ba tịnh nhục là Không thấy sát, không nghe sát, không nghi người sát cho ta ăn, ấy là ba món tịnh nhục.

Lại nữa, hoặc như bữa ăn đôi món thời ta giảm bớt đi một món. Ví như đáng hai bữa thịt ta nên dùng một bữa chay.

Người đời bằng lộc có chừng, cứ như đây, thời được thêm tuổi thọ (*sống lâu*).

Kể nói Khá vì chúng sinh (*bị sát*) đó niệm tụng cầu siêu, ngõ hầu giải oan tiêu tội.

Cứ theo lời vua Diêm La, bảo người Trịnh Lân([1]) thời biết rằng hễ chí thành vì chúng sinh kia, niệm danh hiệu Phật, thì chắc đặng vãng sinh vậy.

QUÁN ÂM TỌA TƯỚNG THUYẾT THUYẾT NÓI VỀ TƯỚNG NGỒI ĐỨC QUÁN THẾ ÂM

Xét trong tạng kinh nói Chư Phật, Bồ Tát, tay, chân, cả lục căn đều được đoan chính, cho nên có câu Tứ bát đoan nghiêm Quán Thế Âm Bồ Tát. Do vì ngài đủ 48 tướng đoan nghiêm, ngồi kiết già cách thần thông tự tại, tùy theo cảm ứng của chúng sinh mà phóng hào quang để cứu độ cho, nên gọi là ông Quán Tự Tại Bồ Tát. Người đời bây giờ bắt chước cũng ngồi co giò duỗi tay, rồi nói Ta đây là tự tại Quán Thế Âm ấy lắm lắm vậy.

HẾT QUYỀN TU



QUYÊN NĂM**CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ****ÔNG VƯƠNG NHẬT HUU SOẠN**

Đời Đông Tấn, ngài Pháp sư Huệ Viễn ban đầu xưng pháp tu Tịnh độ.

Trong bản triều (*triều vua đời nhà Tấn*), có ông Vương Mẫn Trọng Thị Lang, và ông Dương Lục Cư Sĩ biên tập “Sự tích cảm ứng” kể ngoài (200) hai trăm truyện, đã khắc bản lưu truyền. Nay không kịp chép hết, chỉ chép sơ lược những người trì trai giữ giới và người bậc trung với bao nhiêu người tội ác, cùng người đương ở trong cảnh bệnh khổ mà có tu Tịnh độ, cũng đều đặng vãng sinh. Cộng kể ba mươi mấy truyện. Sở dĩ để phát giác tín tâm cho người tu Tịnh độ vậy.

ĐÔNG TẤN, HUỆ VIỄN PHÁP SƯ

Đời Đông Tấn, có ông Tăng tên Huệ Viễn người sinh trưởng tại đất Nhạn Môn, qua ở non Lô Sơn cùng ông Lưu Di Dân v.v...

Cả Tăng và tục hai trăm ba chục người kết làm bạn Liên Xã (*hội tu Tịnh độ*) nói Ngày kia gá sinh trong hoa sen vậy.

Ngài Huệ Viễn trùng tâm quán tưởng mới mười một năm (11) ba phen thấy tướng hảo Phật A Di Đà, thế mà ngài Huệ Viễn ngấm ngấm không nói. Sau tới năm mười chín (19) đêm

30 tháng 7, bỗng nhiên trước mặt thấy Đức A Di Đà Phật, thân to lớn đầy cả hư không, trong viên quang hóa ra vô số Phật, đức Quan Âm, đức Thế Chí hai vị Bồ Tát, đứng hầu hai bên. Lại thấy nước chảy, hào quang tỏa ra bốn ngả, mỗi ngả nước chảy lên rồi lại xuống, tự nhiên diễn nói ra tiếng nói giáo pháp khô, không, vô thường và vô ngã. Như trong Kinh Thập Lục Quán nói. Khi đó Đức A Di Đà lại kêu ông Huệ Viễn mà bảo rằng Do vì sức bản nguyện của Ta, nên đến đây an ủi người, người sau 7 ngày nữa, sẽ sinh về nước của Ta.

Rồi ông Huệ Viễn nói lại thấy ông Tăng là ông Phật Đà Da Xá, với ông Huệ Trì, cùng ông Đàm Thuận, đứng ở bên Phật. Bước tới xá ngài Huệ Viễn mà rằng Chí nguyện Pháp sư ở trước chúng tôi, vì sao về đây muộn vậy ? Huệ Viễn mắt thấy rõ ràng và để tâm nhớ kỹ, thuật lại cho các môn đồ (*đệ tử*) nghe và nói Ban đầu ta ở đây 11 năm, chuyên tu Tịnh độ ba phen thấy tướng Phật Di Đà rồi, nay lại thấy nữa đây, chắc ngày giờ ta sắp về Tịnh độ đã tới vậy.

Kể bữa sau cảm bệnh sơ qua trong 7 ngày rồi ngài quy tịch.

Nhắc lại đời ngài, tuổi còn thơ mà đã bác lãm kinh sử, và rất thông sách Lão, Trang. Nhân một hôm qua non Thái Hành, nghe ngài Đạo An Pháp sư giảng kinh Bát Nhã. Thoạt nhiên tỏ ngộ bèn nói Sách cứu lưu dị nghị đều là bả xác, chẳng bằng kinh Phật siêu thoát hơn. Nhân đây, Viễn xin xuất gia theo hầu

ngài Đạo An học đạo, sau trở về non Lô Sơn ở tu trong đó 30 năm không ra khỏi núi, hưởng thọ 82 tuổi.

ĐỜI ĐÔNG TẤN, ÔNG LƯU DI DÂN

Ông Trình Chi tự Trọng Tư, hiệu Di Dân. Theo ngài Huệ Viễn đồng tu tịnh nghiệp chuyên ngồi thiền, thực hành pháp quán tưởng, mới nửa năm, trong khi ngồi thiền định thấy hào quang Phật chiếu sáng, lại thấy đất đều sắc vàng, ở tu trong núi 15 năm, chót lại trong lúc quán tưởng niệm Phật, thấy Phật A Di Đà thân vàng, thắm hào quang chiếu sáng duỗi cánh tay, đến trong nhà ông, ông Trình Chi vui mừng rơi lụy thừa rằng Hân hạnh được Như Lai vì con ma đánh (*rờ đầu*) và y phục phủ trên đầu con, Phật liền đưa tay rờ đầu và dùng áo ca sa phủ trên mình ông.

Ngày kia trong khi quán tưởng niệm Phật, cũng lại thấy thân mình vào trong ao thất bảo đại trì, hoa sen xanh, trong, xem màu nước trong veo vắt, dường như không bờ mé, trong ao có một người, nơi đầu có viên quang (*hào quang tròn*) trước ngực có dấu hình chữ vạn chỉ nước trong ao mà rằng Nước bát công đức này, người khá uống đi! Ông Trình Chi uống nước, ngọt thơm cả miệng. Bèn thức dậy còn biết mùi thơm của nước, phát hực mấy lỗ chân lông, ông bèn nói đây là duyên Tịnh độ ta đã đến vậy.

Chư Tăng trong hội Lô Sơn đều nhóm họp, ông Trình Chi tới trước tượng Phật đốt hương kê trên trán chúc rằng Con nhờ Đức Phật Thích Ca để kinh giáo lại, cho nên biết có Đức Phật A

Di Đà. Vậy con nguyện đốt nén hương này, trước cũng dường Thích Ca Như Lai, kế cúng dường Phật A Di Đà, sau cúng dường trong hội Pháp Hoa, Phật và Bồ Tát chúng, cho đến mười phương Phật Bồ Tát chúng, cầu nguyện cho chúng hữu tình đồng sinh về Tịnh độ.

Chúc nguyện xong, cùng cả thầy nói lời từ biệt, quay mặt hướng Tây vững ngồi xếp bằng, ngậm miệng nín hơi quy tịch, tuổi thọ được 59.

ĐÒI ĐÔNG TẤN, ÔNG QUAN CÔNG TẮC

Ông Công Tắc là người trong hội Bạch Liên Xã, là hội tu Tịnh độ của ngài Huệ Viễn. Qua đời, người bạn của Tắc bắt được tin qua đất Đông Kinh, chùa Bạch Mã làm chay thất, siêu độ thấy cả cây rừng chùa am, đều ứng hiện sắc vàng, giữa hư không có tiếng kêu nói Ta là Quan Công Tắc đây, bấy lâu cầu nguyện vắng sinh về Cực Lạc bửu quốc, nay đã về đặng rồi nên ta trở lại đây báo tin cho người bạn biết. Nói rồi đi đâu mất, không thấy nữa.

ĐÒI TẤN, CHỨC HÀN LÂM HỌC SĨ ÔNG TRƯỞNG KHẢN

Ông Trương Khản lúc bình sinh làm việc tích thiện, tín trọng đạo Phật, vái tụng chú Đại Bi Đà la ni mười vạn biến để nguyện sinh về Tây phương. Khi tụng vừa xong, tuổi quá lục tuần (60), thoát nghe trong mình có bệnh cảm, nắm tay lần chuỗi, miệng niệm Phật A Di Đà. Liền nói với người rằng

Tây phương Tịnh độ hiện ở giữa căn nhà phía Tây kia, Đức Phật A Di Đà ngồi trên tòa sen. Thăng cháu của tôi là “Ông Nhi” ở trong ao thất bảo hoa sen, trên đất vàng toàn bằng Kim Sa, lễ Phật vui mừng.

Nói rồi giấy lát, niệm Phật mà qua đời, “Ông Nhi” là tên thăng cháu của Khả mới 2, 3 tuổi mà qua đời được vãng sinh trong ao thất bảo vậy.

ĐỜI TỔNG, ĐẤT GIANG LĂNG ÔNG TẶNG TÊN ĐÀM GIÁM

Ông Đàm Giám, tu hành thận trọng, thường nguyện thân này được về nước An dưỡng (*Tịnh độ*) được thấy Phật A Di Đà. Cho nên mỗi khi ông làm được chút lành chi, đều hồi hướng cầu sinh về Tịnh độ. Một ngày nọ, trong khi ông đương ngồi thiền định thấy Phật A Di Đà đem nước rải trên mặt nói rằng Ta rửa trần cấu cho ngươi, sạch tâm niệm ngươi, cùng thân nghiệp, khẩu nghiệp ngươi đều được nghiêm tịnh. Rồi ở trong bình lấy ra một bông sen đưa cho ông cầm.

Đàm Giám khi xuất định, thuật lại cho chúng Tăng trong chùa nghe và tỏ lời từ biệt. Rồi thì đêm thanh, thoát một mình đi dưới mái hiên, tay lần chuỗi niệm Phật A Di Đà gần đến canh năm tiếng niệm càng khuya càng lớn.

Kịp đến sáng y theo lệ thường các đệ tử đến hầu hạ và thăm hỏi, thì thấy ông ngồi kiết già không cựa cựa, xúm lại gần xem thời ông đã thị tịch còn hơi nóng nóng.

ĐỜI NAM TÊ ĐẤT DƯƠNG ĐỒ ÔNG TẶNG TÊN HUỆ TẤN

Ông Huệ Tấn ngoài 40 tuổi, nguyện tụng Kinh Pháp Hoa, mới cầm quyển kinh, bắt sinh bệnh, ông vái cầu nguyện tả một trăm bộ Pháp Hoa để sám hối nghiệp chướng, xin tiền mua giấy tả kinh vừa xong thì là bệnh ông vừa hết.

Ông nguyện đem công đức tả kinh hồi hướng sinh về Tịnh độ. Bỗng nhiên giữa thình không có tiếng rằng Việc người làm đã xong, nguyện người cũng đã toại sinh về Tịnh độ kia, chẳng phải người chớ ai!

Huệ Tấn nói Tôi không dám mong cầu bậc thượng phẩm, miễn được về bậc hạ phẩm, cũng được bậc bất thối chuyển vậy.

Khi ấy đời Tề Ninh niên hiệu thứ 3, ông Tấn không bệnh mà tự nhiên qua đời hưởng thọ được 80 tuổi.

TRIỀU HẬU NGỤY XỨ BÍCH CỐC ÔNG TẶNG TÊN ĐÀM LOAN

Ông Đàm Loan, trước gặp ông Đào Ân Quân trao cho kinh tiên 10 quyển. Loan vui mừng tự đắc, tưởng là phép thần tiên chắc đặng vậy.

Sau gặp ông Tăng Bồ Đề Lưu Chi, vấn nạn rằng Đạo Phật có đặng trường sinh không ? Và có được khỏi già và khỏi chết không ?

Lưu Chi đáp Trường sinh bất tử chính là đạo Phật ta vậy. Nói xong liền lấy đưa cho ông quyển Kinh Thập Lục Quán nói rằng Người khá đọc quyển kinh này, thời không còn đi lại trong ba cõi, không còn lui tới trong sáu đường sang trọng, nhục vinh, mất còn, họa phúc, nên hư, không với có không còn dính mắc, đó là trường thọ vậy. Trường thọ có số kiếp thạch vậy, có số hà sa vậy. Song số kiếp thạch và hà sa còn có hạn lượng, chớ số thọ mạng của người đã sinh Tây phương không bao giờ cùng tận. Đây là phép trường sinh bất tử của họ Kim Tiên (*Đức Phật*) ta vậy.

Ông Đàm Loan càng thâm tín liền đốt kinh Tiên, mà chuyên tu theo Kinh Thập Lục Quán. Dù thời gian thấm thoát trải qua cơn trời lạnh rét, nắng chang đời đổi, tật bệnh rấp thân, cũng không lúc nào là lúc thôi chí ngã lòng và giải đãi. Chúa nước Ngụy thương chí hướng của ông, lại khen ông là người biết tự hành hóa tha, lưu truyền pháp môn Tịnh độ rất rộng, bèn tặng hiệu ông là Thần Loan.

Thần Loan ngày kia bảo các kẻ đệ tử ông rằng Khổ trong địa ngục, các người chẳng khá đừng chẳng sợ, nghiệp lành nơi chín phẩm sen, chẳng khá đừng chẳng tu (*là tu*). Nhân đó ông bảo các đệ tử cao tiếng niệm Nam mô A Di Đà Phật.

Thần Loan quay mặt về hướng Tây nhắm mắt cúi đầu mà qua đời, khi đó cả Tăng và người tục đồng nghe những tiếng âm nhạc, từ góc trời phía Tây thổi tới, giây lâu mới dứt.

ĐỜI TÙY TẠI CHÙA KHAI GIÁC CÓ ÔNG TẶNG TÊN ĐẠO DŨ

Ông Đạo Dũ niệm danh hiệu Phật A Di Đà lên cột Phật bằng cây Chiên đàn bề cao ba tấc, xong rồi ông chết, trong bảy ngày tỉnh lại thuật nói.

Trong khi thấy Phật A Di Đà, Ngài hỏi Tại sao người tạo tượng ta rất nhỏ thế ?

Tôi bạch Tâm tướng lớn thời lớn, tâm tướng nhỏ thời nó nhỏ. Nói dứt lời, tượng kia lớn đầy khắp cả hư không.

Phật lại bảo Người trở về bản quốc dùng nước thơm tắm rửa, ngày mai, chừng giờ sao mai mọc Ta đến rước người. Kịp đến giờ, quả nhiên thấy các ông hóa Phật đến rước, hào quang sáng chiếu đầy nhà, chúng nhân ai nấy đều nghe và thấy ông Đạo Dũ qua đời. Nhằm thời niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 8.

ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT KINH SƯ ÔNG TẶNG TÊN THIỆN ĐẠO

Ông Thiện Đạo, trong niên hiệu Trinh Quán thấy hội tu Tịnh độ cứu phẩm của ngài Tây Hà Xước Thiên lập. Ông xin vào tu tập, cần lao khổ hạnh, như cứu lửa cháy đầu. Mỗi khi ông vào điện lễ Phật, chấp tay quỳ gối, hết lòng niệm Phật. Nếu không phải kiệt lực, thời ông chưa nghỉ. Dù mùa trời lạnh, ông cũng lại niệm cho tháo mồ hôi mới chịu. Để nêu tấm lòng chí thành của ông hy sinh với Phật.

Lúc ra ngoài, liền vì chúng nhân giảng nói pháp môn Tịnh độ, không hề tạm bỏ những việc làm có lợi ích, tuổi ngoài 30, không bao giờ có chút ngủ nghỉ.

Tu theo pháp Ban Châu (*niệm Phật đứng*), pháp Hành Đạo (*đi niệm*), và pháp lễ Phật (*vừa lay vừa niệm*). Cùng pháp Phương Đăng (*niệm Phật được chính định*).

Có chỗ nói pháp Ban Châu là cả ba nghiệp thân, khẩu, và ý không gián đoạn và đều được thanh tịnh niệm Phật.

Ông dùng mấy pháp niệm đây, để làm trách nhiệm cho mình giữ gìn hạnh không phạm, không ngó tới nữ nhân, không cầu danh lợi, xa bật các sự lý luận.

Mỗi khi làm Phật sự, lấy sự tịnh thân để cúng dường. Những ẩm thực, y phục có dư, đem hộ cho kẻ thiếu, có món ăn ngon, nhũ, lạc, đề hồ, ông nhường lại không dám uống. Ai có cho tiền thời mua giấy tả kinh (*A Di Đà*) trên 10 muôn bộ. Họa ảnh tượng cõi Tịnh độ trên 300 bức.

Thấy chùa hư tháp sập đều tu bổ, thấp đèn cúng Phật nổi ánh sáng hằng năm không tắt, ba y (*y ngũ, y thất, và y đại*). Bình bát, tự mình xếp và rửa, tự đầu chí cuối y như vậy không thay đổi, chẳng cùng với chúng đồng đi, vì ngựa có những khi nói qua việc đời, khuyết phạm chính hạnh, lần hồi truyền pháp môn Tịnh độ cho người tu vô số.

Khi đó có người đến hỏi Người lành niệm Phật sinh về Tịnh độ, sự ấy có thật không ?

Đáp Như người niệm toại chí nguyện người. Nói rồi ông liền niệm Nam mô A Di Đà Phật một tiếng, tự nhiên trong miệng phóng ra một đường hào quang. Niệm 10 tiếng, nhãn đến 100 tiếng hào quang cũng y như vậy.

Ông thường dùng bài kệ này khuyến hóa người đời tu. Kệ rằng

Tiệm tiệm kê bì hạt phát,

Khan khan hành bộ lung chung.

Giả nhiên kim ngọc mãn đường,

Nan miễn duy tàn lão bệnh.

Nhậm thị thiên ban khoái lạc

Vô thường chung thị đáo lai.

Duy hữu kinh lộ tu hành.

Đảnh niệm A Di Đà Phật.

Dịch nghĩa

Lần lần tóc bạc da gà,

Chân đi lóng cồng bộ là cò ma.

Dầu cho vàng, ngọc đầy nhà,

Khó mà tránh khỏi cái già bệnh suy

Dầu cho nghìn món vui gì ?

Vô thường rớt cuộc cũng thì bỏ đi.

Chỉ có đường tắt tu trì.

Một câu A Di Đà Phật ấy thì đem theo.

Nhắc lại vua Cao Tôn thấy ông tu hành tinh tấn, từ thỉ chí chung không hề thối chuyển, mỗi khi niệm Phật trong miệng thường bay ra những đạo hào quang làm cho dân chúng trong đất Tràng An (*thành vua*) đều bắt chước làm theo. Tỏ ra đời là một cảnh thái bình. Vua mừng khen tặng và ban hiệu chùa ông là Quang Minh Tự.

Có chỗ nói Ông Thiện Đạo tức là Đức Phật A Di Đà hóa thân. Và có chỗ nói Hậu thân (*thân đời sau*) ông Thiện Đạo tức là ngài Pháp Chiếu Đại Sư vậy.

ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT THÁI CHÂU ÔNG TẶNG TÊN HOÀI NGỌC

Ông Hoài Ngọc, nhất sinh tu tịnh nghiệp (*niệm Phật*) gần 40 năm. Thời kỳ vua Thiên Bửu tức vị năm đầu. Trong khi ông

Ngọc đương niệm Phật, thoát thấy cảnh Tây phương các vị Thánh chúng đông đến hằng hà sa số, trong đó có một người, tay bung ngân đài (*đài bạc*) đến trước đưa cho ông Hoài Ngọc. Ngọc nói Như tôi đây, bản vọng (*y muốn*) cái kim đài (*đài vàng*). Vì sao hôm nay ngân đài đến đây ? Nói rồi, ngân đài ẩn mất, người bung đài cũng ẩn.

Từ đấy ông Ngọc càng gia công tinh tấn khổ hạnh đến 21 ngày, người trước bung kim đài đến bảo rằng Do pháp sư tinh cần khổ hạnh, nên đăng sinh lên bậc thượng phẩm. Lại nói Sinh bậc thượng phẩm ắt trước thấy Phật, vậy ngài ngồi yên, đợi chút Phật Ngài đến. Chưa bao lâu dị quang (hào quang lạ) chiếu sáng cả nhà. Lại ba ngày sau, hào quang lạ lại phát ra nữa. Hoài Ngọc nói Nếu nghe mùi hương lạ đây, chắc là báo thân ta đã mãn. Liên cầm bút đề bài kệ như vậy

Thanh tịnh kiến khiết vô trần cấu.

Liên hoa hóa sinh vi phụ mẫu.

Ngã kim thập kiếp tu đạo lai.

Xuất thị Diêm phù yêm chung khổ.

Nhất sinh khổ hạnh siêu thập kiếp.

Vĩnh ly Ta bà quy Tịnh độ.

Nghĩa là

Sáng suốt trong sạch không như bọn.

Hoa sen hóa sinh là cha mẹ.

Ta đã mười đời tu đến nay.

Sinh cõi Diêm phù nhằm các khổ.

Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp.

Hằng lìa Ta bà về Tịnh độ.

Viết kệ xong, hương lạ bốn phía bay lại. Đệ tử có người thấy Phật, thấy hai vị Bồ Tát đồng ngồi đài vàng, một bên đài, có nghìn trăm vị hóa Phật, từ góc trời phía Tây giáng xuống tiếp rước ông Hoài Ngọc. Hoài Ngọc hết lòng cung kính chấp tay vui vẻ, lên ngồi kim đài theo Phật đi về nước An dưỡng một giây.

An dưỡng tức là nước Cực Lạc. Hào quang lạ tức là bấy lâu chưa từng thấy hào quang Phật, bấy giờ mới thấy nên gọi hào quang lạ.

ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT PHÂN CHÂU ÔNG TĂNG TÊN KHẢI PHƯƠNG VÀ VIÊN QUẢ

Ông Khải Phương và ông Viên Quả là hai vị Pháp sư, chuyên tâm quán tưởng Tịnh độ. Kế năm tháng, trong khi quán tưởng, đồng biết thân mình đến ao thất bảo đại trì. Trong ao có tấm màn báu lớn, thân hai ông liền vào trong ấy, thấy đức Quan

Âm và Thế Chí, hai vị Bồ Tát đang ngồi trên hai bửu tòa đài Liên Hoa, còn dưới tòa có nghìn vạn hoa sen đầy dẫy.

Đức Phật A Di Đà từ hướng Tây lại ngồi trên một cái hoa sen rất lớn, cả phóng hào quang chiếu suốt mười phương. Ông Khải Phương và ông Viên Quả lễ Phật và bạch Phật Thưa Đức Đại Từ! Giả sử chúng sinh cõi Diêm phù (*cõi Ta bà*), này y theo kinh dạy niệm Phật có được sinh về đây không ?

Phật dạy Như niệm danh hiệu Ta đều đặng sinh về nước Ta, không có một người nào là người niệm Phật, mà không sinh về được bao giờ.

Hai ông Khải Phương và Viên Quả lại thấy quốc độ kia, đất đai bằng phẳng, tràng báu lưới ngọc trên dưới xen pha. Lại có một ông Tăng, từ xa đi lại bảo Khải Phương và Viên Quả rằng Ta đây là Pháp Tạng vậy (*tiền thân Phật Di Đà*). Bởi do nguyện đời trước của ta nên nay đến đây rước hai nhà người.

Khải Phương và Viên Quả, cũng cứ ngồi trên xa báu đi tới trước, lại biết thân mình ngồi trên hoa sen báu. Lại nghe Phật Thích Ca và đức Văn Thù Bồ Tát, khen ngợi cõi Tịnh độ. Đi tới trước, lại có một bửu điện rất lớn. Điện ấy có ba cấp đường bằng ngọc. Cấp đường thứ nhất toàn người thế tục đi. Cấp đường thứ hai Tăng và tục phân nửa (*nửa Tăng nửa tục*). Bước qua cấp đường thứ ba duy có Tăng chứ không có tục. Đức Phật chỉ đó mà bảo hai ông Khải Phương và Viên Quả rằng Phong

cảnh đây, để dành cho những chúng sinh cõi Diêm phù đề (*cõi Ta bà*), người nào niệm Phật, thời sinh về ở đây. Vậy hai người hãy tự gắng.

Bấy giờ Khải Phương, Viên Quả trực giác thức dậy (*xuất định*), kể chuyện cho các đồ đệ (*đệ tử*) nghe sự tích này. Qua 5 ngày sau, hai ông không bệnh tự nhiên nghe tiếng chuông, thế mà các người khác không nghe. Ông Khải Phương và Viên Quả nói Tiếng chuông ấy là cái việc của ta, nói rồi vui vẻ trong giây lát hai ông đồng lâm chung một lượt (*vì đồng một tịnh nghiệp*).

ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT CHÂN CHÂU ÔNG TẶNG TÊN TỰ GIÁC

Ông Tự Giác, do có phát nguyện mà được đức Quán Thế Âm Bồ Tát, dẫn ông đến yết kiến Phật Di Đà. Bấy giờ ông Tự Giác tự mừng thầm mình có nhân duyên với đức Đại Bi hóa độ. Liên đi xin tiền đức tượng đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, bề cao 49 thước (49m) dựng chùa thờ đó. Lời chúc nguyện đã thành tựu.

Đêm đó canh ba thoát có hai đạo hào quang kim sắc (*sắc vàng*), ông thấy Đức Phật A Di Đà từ trong hào quang đăng vân giáng xuống có đức Quan Âm và đức Thế Chí theo hầu hai bên. Phật đưa cánh tay sắc vàng rờ đầu ông Tự Giác mà rằng Ngươi ráng giữ lời nguyện đừng có cải đổi, lấy việc lợi người làm trước nhất (*lợi vật vi tiên*). Rồi đây hãy sinh về ở trong ao thất bảo, đâu chẳng y lời nguyện. Nói rồi ẩn mất.

Cách 11 năm sau, trong đêm ngày rằm tháng bảy thấy có một người ở trong mây hiện ra nửa thân mình, hình như ông trời Tỳ Sa Môn thiên vương, cúi xuống bảo ông Tự Giác rằng Nay đã đến thời kỳ đại đức hãy về nước An dưỡng (*Tịnh độ*) rồi vậy. Ông Tự Giác nghe nói liền đến trước tượng đức Đại Bi Quán Thế Âm ngồi kiết già, mà thác hóa (*chết*).

ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT LẠC CHÂU ÔNG TĂNG TÊN THIỆU KHƯƠNG

Ông Thiệu Khương trong niên hiệu Trinh Quán năm đầu, đến đất Lạc Hạ nơi chùa Bạch Mã thấy trong chùa có một quyển kinh thường phóng hào quang chiếu sáng, ông thò tay rút ra xem thời là quyển văn của ông Thiện Đạo viết để khuyên người niệm Phật vậy.

Ông Thiệu Khương nghĩ rằng Nếu ta có duyên với quyển này, thời xin hào quang phóng ra lần nữa làm tin. Nói chưa dứt lời, hào quang liền tủa ra lòe mắt. Thiệu Khương tin sâu vào óc, liền đi qua đất Trường An (*kinh thành*), lại nhà thờ có thờ tượng ông Thiện Đạo, cả bày lễ cúng. Ông Thiện Đạo ở trên hư không ứng tiếng rằng Người y theo việc của ta lợi lạc cho người đời, thời công đức của người, cũng đồng sinh về nước An dưỡng vậy. Lại gặp một ông Tăng bảo rằng Người muốn dạy người niệm Phật, hãy qua đất Tân Định, nói rồi ẩn mất. Đất Tân Định tức là quận Nghiêm Châu (*xứ Trung Hoa*) bây giờ vậy.

Thiếu Khương bèn qua xứ kia, thì người ở đất ấy chưa có ai biết niệm Phật, mà ông Thiếu Khương giảng lý nhân quả khuyển niệm, người ta lại còn ghét hơn nữa. Thiếu Khương mới tìm cách đi xin tiền về dụ các đũa con nít cho nó và dạy Phật A Di Đà là bản sư của các em, nếu các em niệm đặng một tiếng, ta cho một đồng tiền. Các đũa con nít ham tiền, theo tiếng ông niệm mà niệm theo. Sau một tháng ngoài, các em niệm Phật xin tiền số đông.

Ông Thiếu Khương mới bảo lại Hễ niệm Phật 10 tiếng ta mới cho các em một đồng tiền, các em cũng nghe lời cứ niệm. Như vậy niệm suốt một năm. Bấy giờ không luận kẻ lớn người nhỏ, kẻ quý người tiện, hễ thấy mặt ông Thiếu Khương thời đều niệm A Di Đà Phật.

Vì duyên có như trên, cho nên người niệm Phật đầy cả đường lộ, niệm Phật thuần thực, không còn ai dùng tiếng thô tục. Gia đình cư xử, bạn bè giao tiếp, trước cũng niệm Phật rồi mới nói chuyện. Thật là Cảnh cuộc thuần phong mỹ tục, thiên hạ đời sống vui thú làm sao!

Sau ông Thiếu Khương qua núi Ô Long kiến lập đạo tràng Tịnh độ. Lập đàn ba cấp rủ người ngày đêm niệm Phật. Thiếu Khương trước xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật, kế các người niệm rập theo. Khi ông Thiếu Khương đương xưng các người bên cạnh có người thấy một vị Phật, từ trong miệng bay ra. Xưng luôn 10 tiếng, thời có 10 vị Phật cũng từ trong miệng bay ra liên luôn như râu chuỗi.

Ông Thiều Khương hỏi Các người thấy Phật chăng ? Như người nào thấy thì quyết định sinh về Tịnh độ.

Song trong số người lễ Phật, mấy nghìn người, nhưng cũng có người hoàn toàn không thấy (*do thiếu lòng thành vậy*).

Sau rốt ông dạy người, phải đối với nước An dưỡng phát khởi tâm cho tăng trưởng (*chí thành tâm*) và với cõi Diêm phù đề (*cõi Ta bà*), phải sinh tâm nhằm chán.

Ông lại nói Hết thấy các người trong giờ phút này, mà hễ ai thấy được hào quang, mới thật là đệ tử ta (*ngã chân đệ tử*), nói xong liền phóng hào quang lạ vài đường mà viên tịch (*chết*).

ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT TINH CHÂU ÔNG TẶNG TÊN DUY NGẠN

Ông Duy Ngạn, chuyên tu pháp Thập Lục Quán (16 pháp thiền định). Nhân khi xuất định, thấy đức Quán Thế Âm và Đại Thế Chí hai vị Bồ Tát, hiện thân ở giữa không trung, hồi lâu mà chưa diệt. Duy Ngạn, cúi đầu đánh lễ sa nước mắt, mà than rằng Ôi! May phúc cho nhục nhãn ta được thấy hình tượng Ngài, nhưng tiếc đời sau không truyền lại.

Vừa nói dứt lời, vừa ưa đằng kia có hai người song song đi lại, tự xưng mình họa sĩ, trong chưa bao lâu, vẽ rồi hai bức tượng của hai vị Bồ Tát. Vẽ rồi hai họa sĩ đầu mất.

Đệ tử thấy lầy làm lạ hỏi. Duy Ngạn nói Hai người ấy đâu không phải là họa sĩ!

Duy Ngạn lại nói Thời kỳ ta về Tây phương đã tới rồi, trong các đệ tử có người nào muốn theo, thời sáng ngày nói cho ta biết.

Có tên Tiểu Đồng Tử nói Thầy cho con theo thầy đi về. Duy Ngạn nói Nếu có muốn đi theo ta thời nên về nhà nói với thân phụ, thân mẫu người đã.

Lúc Đồng Tử về nói. Cha mẹ nó cười mắng mà nói rằng Con đừng có nói chơi không nên. Đồng Tử trở về chùa, dùng nước thơm tắm gội, tới trước tượng Phật A Di Đà ngồi tẻo kiết già mà hóa vãng.

Có người lại cho ông Duy Ngạn hay. Ngạn tới vỗ vai nó mà rằng Người làm thị giả hầu ta, sao mà đi về trước ta vậy.

Nói rồi cầm bút, đốt hương, tới trước tượng hai vị Bồ Tát, làm bài kệ như vậy

Quan Âm trợ viễn thiếp.

Thế Chí phụ diêu nghinh.

Bửu bình quang thượng hiển.

Hóa Phật đánh tiền minh.

Cụ du thập phương sát.

Tri hoa hầu cử sinh.

Nguyện dĩ Từ bi thủ.

Đề tượng cộng Tây hành.

Nghĩa là

Đức Quan Âm xa nương diu dất.

Đức Thế Chí tới rước đem về.

Bửu bình trên mào bày tỏ rõ.

Hóa Phật trước đầu hiện quang minh.

Đồng đạo mười phương cùng các cõi.

Cầm hoa chờ chực sinh chín phẩm.

Nguyện cánh (tay) từ bi ngài nhiếp thọ.

Dắt diu về đến cảnh Tây hành (Tây phương).

Viết kệ xong, liền bảo các đệ tử xúm lại trợ niệm (*niệm Phật*). Mỗi người đều cất tiếng niệm Nam mô A Di Đà Phật, Duy Ngạn mở mắt ngó về hướng Tây, rồi cúi đầu rú rú đi.

ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT TRƯỜNG AN NI CÔ PHÁP DANH TỊNH CHÂN

Cô Tịnh Chơn, ở đất Trường An, nơi chùa Tích Thiện, mặc áo bá nạp, đi hành khát (*khất thực*), cả đời tánh cách không sân, tụng kinh Kim Cang mười muôn bộ, chuyên tinh niệm Phật.

Trong niên hiệu Hiền Khánh năm thứ 5, nhiễm bệnh bảo các đệ tử rằng Ta nội trong tháng năm này, mà mười phen thấy Phật A Di Đà, hai phen thấy thế giới Cực Lạc, trên hoa sen báu, Đồng tử giỡn chơi. Ta chắc đặng vãng sinh về thượng phẩm. Nói rồi ngồi kiết già mà thác hóa hào quang chiếu sáng cả chùa.

(Nếu tu mãi báo thân này, được vãng sinh về Tây phương, từ trong hoa sen sinh, hóa làm thân như Đồng Tử (đứa nhỏ), người tu Tịnh độ thuần thực, thấy Đồng tử chơi giỡn nơi ao thất bảo, thời người đó được biết mình chắc sinh về Tịnh độ).

ĐỜI ĐƯỜNG ÔNG PHÒNG CHỮ

Ông Phòng Chữ chết giấc, hồn xuống dưới Âm phủ ra mắt vua Diêm La.

Vua nói Cứ tra trong sổ bộ thời thấy nhà người đã có lần khuyên một ông già niệm Phật, mà ông ấy đã sinh Tịnh độ, nhờ phúc ấy, người cũng được sinh về Tịnh độ, cho nên ta mời người đến đây cho thấy nhau.

Phòng Chữ đáp Ngày trước tôi có nguyện tụng Kinh Kim Cang một muôn bộ và qua non Ngũ Đài, làm lễ đức Văn Thù Bồ Tát nên chưa muốn vãng sinh.

Vua nói Tụng kinh làm lễ vẫn là việc tốt, song mà sao cho bằng sớm sinh về Tịnh độ.

Vua biết chí hướng của ông không thể ngăn, bèn thả về.

Do đây, thời biết khuyên người tu niệm, chẳng những được vãng sinh, mà lại cảm động đến chốn u minh nữa vậy.

ĐỜI ĐUỜNG ĐẤT TRƯỜNG AN ÔNG LÝ TRI DIÊU

Ông Tri Diêu giỏi thông kinh Tịnh độ. Lập năm hội niệm Phật, ông làm vị sư phạm trong đại chúng.

Sau nhân có bệnh thoát nói Ta nay niệm Đức Phật Hòa Thượng để đi về vậy. Nói rồi, rửa mặt súc miệng, bung lư hương ra trước nhà đánh lễ Phật. Bỗng nghe giữa thanh không có tiếng nói bài kệ như vậy

Báo nhữ Lý Tri Diêu,

Công thành quả tự chiêu.

Dẫn quân sinh Tịnh độ.

Tương nhĩ thương kim kiều (*Kim Đài*)

Nghĩa là

Tin người Lý Tri Diêu

Công thành quả tự chiêu (đặng).

Đất người về Tịnh độ.

Đem người lên cầu vàng (Đài vàng).

Ông Tri Diêu nghe rồi, lui lại giường ngồi mà qua đời. Chúng nhân nghe mùi hương lạ, từ góc trời phía Tây bay lại rồi bay đi (*hết nghe thơm gọi là bay đi*).

ĐỜI ĐƯỜNG PHỐ THƯƠNG ĐẰNG CÔ DAO BÀ

Cô Dao Bà, nhờ bà Phạm Hạnh khuyên tu niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Khi lâm chung thấy Phật và Bồ Tát đến rước. Dao Bà bạch Phật rằng Con chưa kịp đến tạ biệt bà Phạm Hạnh vì bà có ơn dạy con niệm Phật, xin Phật nán đợi dùm con một chút. Phật đứng giữa hư không, chờ bà Phạm Hạnh đến, cô Dao Bà lễ tạ ơn rồi, đứng mà thác hóa (*chết*).

ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT TỊNH CHÂU VỢ ÔNG ÔN TỊNH VĂN

Vợ ông Tịnh Văn đau lâu tại giường, Tịnh Văn khuyên vợ niệm danh hiệu Phật A Di Đà, tin theo niệm hai năm không

dứt, liền thấy cõi Tịnh độ, bèn nói với ông Tịnh Văn rằng Tôi thấy Phật rồi, tháng sau tôi chắc đi về. Lại đem đồ ăn dâng cho cha mẹ, và từ tạ cha mẹ rằng Con nay theo Phật đi về. Xin cha mẹ và chồng ở lại ráng tu niệm, chừng về Tây phương thấy nhau. Nói rồi qua đời (*nhắc lại 3 ngày trước thấy hoa sen, lớn bằng vầng mặt nguyệt*).

ĐỜI ĐƯỜNG ÔNG TRƯỞNG CHUNG QUỲ

Ông Chung Quỳ, làm nghề sát kê mắc nghiệp báo. Bỗng thấy một người mặc áo đỏ, đuôi bầy gà đến nói mỗ mỗ, bầy gà xúm lại mổ. Mỗ bốn phía rồi lại mổ lên trên hai con mắt đỏ máu, chịu khổ đau nhức. Có ông thầy vì tượng trưng Phật đốt hương niệm danh hiệu Phật A Di Đà và bảo ông kia niệm, Chung Quỳ nhất tâm niệm. Thoạt vậy nghe mùi hương thơm bát ngát đầy nhà, vui vẻ mà qua đời.

ĐỜI ĐƯỜNG ÔNG TRƯỞNG THIỆN HÒA

Ông Thiện Hòa làm nghề sát trâu, mắc nghiệp báo, khi lâm chung thấy bầy trâu nói tiếng như người rằng Người sát ta, nay ta báo oán. Thiện Hòa cả sợ, nói với vợ rằng Mau thỉnh thầy đến cứu ta! Ông Tăng đến giảng Trong Thập Lục Quán Kinh có nói Bằng người khi lâm chung tướng địa ngục có hiện ra, thời chí tâm niệm 10 tiếng danh hiệu Phật như vậy Nam mô A Di Đà Phật, thời liền đặng vãng sinh về Tịnh độ.

Thiện Hòa nói Chắc vào địa ngục quá! Rồi không kịp bung lư hương, tay trái cầm lửa, tay phải nắm nắm nhang,

xoay mặt về hướng Tây chuyên thiết niệm Phật. Chưa đầy 10 tiếng, Thiện Hòa nói Ta thấy Phật A Di Đà từ Tây phương đến, cho ta một cái tòa báu. Nói rồi lâm chung.

ĐỜI TÙY ĐẤT THẠCH TÁN QUẬN PHỤNG TƯỜNG ÔNG CHÍ THÔNG

Ông Chí Thông, thấy ngài Trí Giả Đại Sư làm nghi thức Tịnh độ lưu truyền, không xiết vui mừng, không nhỏ hướng Tây, không ngồi xoay lưng về hướng Tây, chuyên tâm tu tấn.

Sau thấy chim Bạch hạc, Khổng tước bay lớp lang, từ hướng Tây đến. Lại thấy hoa sen, tướng hào quang, nở, búp ở trước mặt.

Ông Chí Thông nói Bạch hạc, Khổng tước là chim ở cảnh Tịnh độ, còn tướng hào quang hoa sen là chỗ ta gá sinh về vậy. Tịnh độ đã hiện rồi.

Ông liền đứng dậy lễ Phật, ngó Phật mà qua đời. Lúc phân hóa (*thiêu*), có năm sắc mây lành, đánh phủ trên lửa.

ÁP QUỐC SỞ, CHÙA VĨNH MINH NGÀI THỌ THIÊN SƯ

Ngài Thiên sư tên Diên Thọ, vốn người đất Đơn Dương. Sau qua đất Dư Hàng. Hồi nhỏ tụng Kinh Pháp Hoa. Lúc ra làm quan Huyện, hằng lấy bớt tiền quan. Tra ra thì ông lấy số tiền ấy, để mãi vật phóng sinh. Triều đình nghị tội đáng chết,

dẫn đến Thị Tào (*chỗ xử trảm*). Tiên Vương (*Vua, chủ tiên*), sai người nom theo dò xét, nếu nhan sắc biến liền trảm (*chém*). Bằng không biến đổi về tâu lại.

Quả nhiên, tới giờ gần xử trảm nhan sắc không đổi, mà lại càng vui tươi nói “Chết một mạng, mà cứu được nhiều mạng, dù chết cũng sung sướng nơi lòng”.

Quân hồi trào báo tin. Vua bèn tha được sống và cho đi xuất gia làm ông Tăng. Trong khi ngài đang tham thiền quán tưởng, thấy đức Quan Âm dùng nước cam lồ rưới miệng ông, ông đặng biện tài của đức Quan Thế Âm, thuyết pháp vô ngại. Khi xuống bút là thành sách. Ông viết bộ sách nhan đề là “Vạn Thiện Đồng Quy tập” và bộ “Tông Kính Lục” v.v... cộng vài trăm quyển. Ngài làm trụ trì nơi chùa Vĩnh Minh, non Tuyết Đậu.

Mỗi ngày tụng 108 việc (10 phương Phật, 3 đời Phật, 7 Đức Như Lai, và 88 Phật, cộng 108 việc), tinh tấn tu Tây phương. Lâm chung, ngồi qua đời, khi phân hóa xong, dựng một bửu tháp.

Bấy giờ có ông Tăng, mỗi ngày tới đi nhiễu và lễ bái cái tháp ngài. Người đời thấy lấy làm lạ hỏi, ông Tăng đáp Tôi là ông sư quận Phủ Châu vậy. Nhân đau nặng, hồn đến Âm phủ, đền Diêm Vương, vua nói Mạng nhà người chưa tới tha về. Thấy bên cạnh đền có cái bức tượng hình một ông Tăng khôi ngô nghiêm nghị. Vua Diêm La bảo tôi đến lễ bái cúng dường. Tôi hỏi Tượng này là ai ? Tên quân lại đáp Ngài Thọ Thiền sư ở chùa Vĩnh Minh, Hàng Châu vậy.

Phàm ai chết, cũng đều đến chỗ này, chỉ có một ông Tăng này, không đến chỗ này, mà là đã sinh về bậc thượng phẩm thượng sinh, bên thế giới Tây phương Cực Lạc kia rồi. Nên vua tôi vẽ tượng này thờ nơi đây để cúng dường kính trọng.

Tôi nghe thế nên tôi phát tâm đến đây nhiều tháp và lễ bái. Do đây mà thấy người tinh tấn niệm Phật đặng Âm phủ vua Diêm Vương chẳng những hoan hỷ và lại còn kính trọng bội phần.

ĐỜI TỔNG ĐẤT MINH CHÂU ÔNG TĂNG TÊN KHẢ CỬU

Ông Khả Cửu thường tụng Kinh Pháp Hoa cho nên người đời kêu ông là ông Cửu Pháp Hoa cả bình sinh tu nghiệp Tịnh độ.

Triều vua Nguyên Hựu năm thứ 8, tuổi 81 ông ngồi mà tịch. Ba ngày sống trở lại thuật việc Tịnh độ như trong Kinh Thập Lục Quán nói Thấy đài Liên Hoa đều nêu người nào sinh về có tên và họ hẳn hoi

Một cái Tử Kim đài, nêu rằng Triều Đại Tổng phủ Thành Đô, chùa Quảng Giáo, ông Cửu Pháp Hoa đã sinh trong đó.

Lại một cái Kim đài, nêu rằng Đất Minh Châu ông Tôn Thập Nhị Loan, được sinh trong đó.

Lại một cái Kim đài nêu rằng Ông Cửu Pháp Hoa Đài (đài này để dành cho ông Cửu Pháp Hoa).

Lại một cái Ngân đài, nêu rằng Đất Minh Châu Bà Từ Đạo Cô Đài (*Đài này để cho bà Từ Đạo sinh về ngôi*).

Ông Cửu Pháp Hoa, thuật câu chuyện của ông đã thấy, xong lại chết luôn. Cách 5 năm, bà Từ Đạo chết, mùi hương lạ đầy nhà. Lại cách 12 năm, ông Tôn Thập Nhị Loan qua đời, nhạc trời réo rất từ phía Tây xích lại, giây lâu mới hết.

ĐÒI TỔNG, NON CẦU KÊ, ÔNG KIM THÁI CÔNG

Ông Thái Công, tên Thích làm nghề vũng ngư (*chài lưới*). Một bữa đòi nghề làm (*làm nghề khác*), chuyên niệm Phật A Di Đà mỗi ngày một vạn tiếng, trai tố (*chay lạt*) tu hành, không hề tạm bỏ. Sau không tật bệnh, chỉ nói Ta thấy Phật A Di Đà cùng Quan Âm, Thế Chí, ở trước cửa, ta nay về Tịnh độ vậy.

Qua ngày sau lại nói Ta đã thấy hoa sen vàng đến rước ta vậy. Ông cảm lưu hương ngôi yên bất án mà qua đời. Hương thôn xa gần ai cũng nghe âm nhạc, mùi hương bát ngát, phương phát cả ngày không phai. Khi ấy, nhằm thời kỳ vua Chính Hòa năm thứ 6.

ĐÒI TỔNG, ĐẤT ĐÀM CHÂU ÔNG HUỲNH ĐẢ THIẾT

Ông Huỳnh Đả Thiết, vốn người trong quân lính làm nghề đập sắt, mỗi khi đập sắt, niệm A Di Đà Phật không ngớt tiếng.

Một hôm không bệnh, ông mượn người bạn bên xóm viết dùm bài kệ để ông in ấn tống, đặng khuyên nhiều người niệm Phật. Bài kệ như vậy

Đinh đinh đang đang.

Cửu luyện thành cang.

Thái bình tương cận.

Ngã vãng Tây phang.

Dịch nghĩa

Cổn cổn cản cản.

Luyện lâu thành cang.

Thái bình gần đây.

Ta về Tây phang

Đọc bài kệ rồi, vui vẻ ngồi qua đời như ngủ. Bài kệ này truyền bá đất Hồ Nam rất rộng, người niệm Phật rất nhiều.

**ĐỜI TỔNG, PHỦ LÂM AN,
LÀNG HÒA NHÂN, ÔNG NGÔ HUỲNH**

Ông Ngô Huỳnh, trước làm ông Tăng, sau hườn tục, trước sau hai đời vợ, sinh đặng hai đứa con, nghề rượu thịt,

không nghề mô không làm, thậm chí làm bồi bếp cho người nữa.

Mỗi khi cắt cổ gà, sát vịt, các vật mạng tay cầm đưa lên nói A Di Đà Phật, mau thác kiếp (*thân*) này đi, rồi giết, niệm Phật vài tiếng. Mỗi khi xắt thịt, một mặt xắt thịt, một mặt niệm A Di Đà Phật, thường niệm Phật không thôi. Dạy người trong thôn, niệm kinh, làm phép sám hối, và khuyên người niệm A Di Đà Phật.

Sau trên con mắt sinh brou (*mọc mọt*) như trứng gà rất sợ hãi. Tạo một am cỏ (*thảo am*) chia giao của cải cho vợ con, rồi ông ngày đêm niệm Phật sám hối. Qua đời vua Thiên Hưng năm thứ 23, mùa Thu ông dặn người bà con trong làng rằng Ngày mai giờ Tuất, tôi (*Huỳnh*) đi về Tây vậy.

Người tưởng nói chơi cười. Huỳnh đem chén bát, nôi, trách, cho người ta hết. Qua buổi chiều ngày sau ngỏ (*nói*) cho các đạo hữu tên Hạnh Bà rằng Giờ đây (*Huỳnh*) đi sắp gần đến, hãy cao tiếng niệm Phật (*trợ niệm*) giúp tôi, lấy áo vải đổi rượu uống liền viết bài tụng như vậy

Tợ tửu giai không, vấn thâm thiền Tông,

Kim nhật trân trọng, minh nhật thanh phong.

Dịch nghĩa

Tuồng, rượu vốn không, hỏi chi thiền tông.

Ngày nay trân trọng, ngày mai thanh phong.

Đại ý bài tụng này. Câu Tuồng, rượu vốn không là nói muôn pháp rảnh rang không dính mắc, còn có tu chi nữa mà phải nhọc hỏi tới Thiên tông (*pháp tu tham thiền*).

Câu Ngày nay trân trọng, là nói cái nhân niệm Phật chí thành.

Câu Ngày mai thanh phong (*gió mát*) là nói kết quả của sự niệm Phật, là được giải thoát hay được vãng sinh về Tịnh độ.

Ông viết bài tụng xong, ngời vũng chấp tay niệm Phật. Kêu nói một tiếng Phật đến rồi liền tắt hơi.

ĐỜI TÔNG BÀ KINH VƯƠNG PHU NHÂN

Trong niên hiệu triều vua Nguyên Hựu, bà Kinh Vương phu nhân, cùng với kẻ tỳ thiếp (*tôi tớ*) ba, tinh tu niệm Phật, trong đó có một người thiếp giải đãi, bà phu nhân thét và đuổi. Thiếp kia hồi ngộ tinh tấn, lâu rồi nói với các người thiếp khác mà rằng Tôi đêm nay sẽ sinh về Tây phương.

Quả thật đêm đó, mùi hương thơm lạ đầy nhà, thiếp ấy không bệnh mà qua đời. Sáng ngày mấy người thiếp (*tớ*) đồng sự (*đồng một việc giúp đỡ chủ nhà*) tới tin cho bà phu nhân hay rằng. Đêm hôm qua tôi chiêm bao thấy thiếp đã chết kia, về dặn gửi lời giã từ bà như vậy Tôi nhờ ơn bà phu

nhân dạy quả, tôi tu Tây phương (*niệm Phật*), nay đã đặng vắng sinh, cảm đức bà vô lượng.

Bà phu nhân đáp là không tin và nói Phải nó mà cho tao cũng chiêm bao, thời tao mới đáng tin.

Quả thật đêm đó, khuya lại bà phu nhân chiêm bao, thấy vong thiếp về tự trần cảm tạ lời y như trước (*nhờ bà dạy quả tôi tu Tây phương v.v...*)

Phu nhân hỏi Giả sử ta đi về Tây phương có đặng chăng ? Thiếp đáp Đặng, nhưng bà đi theo tôi, phu nhân theo đó, thấy hồ ao rộng lớn, hoa sen hồng, hoa sen trắng lãng xãng, lớn có nhỏ có, hoặc có bông thì héo, có bông khô, đủ thứ không đồng.

Phu nhân hỏi Như vậy đó là vì sao ?

Thiếp trả lời Đây đều là trong thế gian, mà chính là người phát tâm tu Tây phương vậy. Vừa phát một niệm thời sen trong ao mọc lên một đóa hoa. Bằng tâm nguyện tinh tấn, thời hoa sen mỗi ngày nở tốt, cho đến lớn như bánh xe. Bằng tâm nguyện thôi lui, thời hoa sen mỗi ngày mỗi khô héo, cho đến phút cùng là hư rụng.

Kế thấy một người ngồi trên hoa sen, chéo áo phát phơ lui tới, mũ ngọc anh lạc trang nghiêm thân mình. Phu nhân hỏi Đây là người nào ? Thiếp đáp Ông Dương Kiệt vậy. Lại

thấy một người ngồi trên đài hoa. Thiếp chỉ Còn đây là chú Mã Vu vậy.

Phu nhân hỏi Còn ta sinh về chỗ nào ? Người thiếp dẫn đi cỡ vài dặm xa xa trông thấy một đài vàng xẹt hào quang chiếu diệu. Thiếp nói Đây là chính chỗ của phu nhân hóa sinh bậc thượng phẩm thượng sinh vậy. Phu nhân bây giờ thức giấc, hỏi thăm ông Dương Kiệt và Mã Vu, thì Kiệt đã chết rồi còn Vu thì còn mạnh giỏi.

Thế cho nên biết rằng Người tu tinh tấn không lui sụt ấy, thân tuy ở cõi Ta Bà, mà thần thức đã gá sinh bên cõi Tịnh độ vậy.

Sau bà phu nhân đến ngày sinh nhật (*gọi là ngày đáo tuế*). Bà bung lư hương, đốt nhang đứng trước tượng đức Quan Thế Âm cúng dường cầu nguyện.

Các con và cháu, sắm lễ dâng (*chúc thọ*) nhưng mà thấy bà đứng trước tượng đức Quan Thế Âm Bồ Tát một cách thẳng thốn và nghiêm trang, coi lại thì hồn đã đi đâu chỉ có cái xác còn lại.

ĐỜI TỔNG BÀ QUAN ÂM HUYỆN QUÂN

Bà Huyện Quân, tên Ngô thị, chồng bà là ông Lữ Hoằng, quan chức Viên ngoại Loan cũng tỏ ngộ Phật lý. Hai ông bà (*chồng và vợ*) đều là người trai giới lo tu. Bà Ngô thị có hai đứa

thị nữ (*gái hầu*) cũng không ăn đồ huân huyết (*cá thịt*) gắn bó lo làm Phật sự.

Hôm nọ một đứa thị nữ, ham mộ việc Thiên lý (*tu thiên*). Báo thân đã mãn, trả xác tứ đại lại cho cõi hồng trần, ôm một linh tánh vui tươi, vừa nói, vừa cười, xuất thần ra khỏi thể, như ve kia lột vỏ vậy. Còn một đứa thứ hai, thời giữ giới cần khổ hoặc có khi trọn tháng không ăn, một ngày uống nước một lần. Bà Ngô thị, tụng chú Quán Thế Âm uống một chén nước mát mà thôi. Bỗng thấy sen vàng đỡ chân ba bông. Lại vài ngày thấy một cái đầu gối (*Phật*). Lại vài ngày thứ hai, thấy cái mình (*Phật*). Lại vài ngày thứ ba, thấy cái mặt và con mắt (*Phật và Bồ Tát*). Ba bông sen vàng xét lại thì là chính giữa Đức A Di Đà, con hai bên thời Quan Âm, Thế Chí hai vị Bồ Tát vậy.

Lại thấy cả đường điện quốc giới (*đền đài cõi nước*) rõ ràng như thấy chỉ trong bàn tay trong khi xòe tỏa, hiển nhiên là một cõi Tịnh độ.

Bà hỏi gã thị nữ tường tận. Thị nữ đáp cõi Tây phương kia đều là cõi thanh tịnh chỉ toàn người nam, đi kinh hành, vui chơi không có nữ nhân vậy.

Bà Ngô thị lại hỏi Cõi kia Đức Phật thuyết làm sao ? Thị nữ thưa Tôi mới được Thiên nhãn (*chỉ thấy được*) chớ chưa được Thiên nhĩ vậy chưa nghe được. Cho nên tôi chỉ thấy người hỏi Phật đáp và Phật chỉ thời tôi thấy có Phật chỉ vậy

thôi. Chớ Phật Ngài thuyết pháp làm sao thời tôi không nghe được.

Bà Ngô thị hỏi Tại sao Thiên nhãn là con mắt thấy, Thiên nhĩ là lỗ tai nghe, mà nhà người nói chỉ thấy được, mà không nghe được ?

Đáp Chưa chứng được pháp Thiên nhĩ vì như người tuy có lỗ tai mà bị điếc cho nên dù có lỗ tai mà không thể nghe được. Còn chứng được pháp Thiên nhãn rồi cũng như kẻ con mắt hết bệnh lành sáng lại, thì lẽ dĩ nhiên, ngó thấy đều được sáng suốt.

Thị nữ là tôi, thấy như vậy, cả ba năm nay, chưa từng có một nháy mắt nào, mà không từng thấy trước mặt. Kế bỗng nhiên cảm bệnh tự nói Tôi vãng sinh. Nói vừa rồi là vừa nghĩ thờ.

Bà Ngô thị, Xuân mãn Thu qua, một lòng thờ kính đức Quán Thế Âm, đem hết tâm hồn, gọi đường sinh tử, tưởng có linh nghiệm. Mỗi khi trong tịnh thất bà rinh vò, lu, và bình, sắp để vài chục cái trong thất, mức nước rót vô đầy mấy cái, rồi tay cầm cành dương tụng chú Đại bi thấy đức Quan Âm phóng quang trong mấy cái đựng nước. Nước ấy dùng cho mấy người bệnh uống liền được lành mạnh. Do vì tụng chú nước ấy lâu ngày và nước ấy dù để mấy năm cũng không hư (*hôi*), gặp tiết Đại hàn (*trời lạnh*) cũng chẳng đông đặc.

Nên người đời tặng hiệu bà là Quan Âm Huyện Quân.

ĐỜI TÓNG BÀ PHÙNG THỊ PHU NHÂN

(Người đàn bà, chồng làm quan theo tục xưa gọi bà phu nhân)

Phu nhân, tên Pháp Tín, tặng hiệu Thiệu Sư, con gái ông Hứa Tuân, gả cho quan Tuyên Sứ là ông Trần Tư Cung. Hồi nhỏ hay bệnh, kịp gả bệnh lại càng hung, Lương y nói Chứng bệnh ngoài khoa dược *(nghĩa là không có thuốc trị lành được)*. Một hôm phu nhân đến chùa, ra mắt ngài Từ Thọ Thâm thiền sư hỏi thăm phương dũ tật *(lành bệnh)*. Ngài Thâm Sư dạy trì trai niệm Phật, phu nhân dẹp hết đồ huân huyết, và dùng đồ trang sức với bao nhiêu y phục quý giá, trải nơi tháp *(điện Phật)* để cúng dường Phật.

Chuyên niệm pháp môn Tây phương, đi cũng Tây phương, ngồi cũng Tây phương, lúc ăn, lúc nghỉ cũng Tây phương, nói, nín, động, tịnh, cũng Tây phương, châm nước, hiến hoa cũng Tây phương, tụng kinh đi đường cũng Tây phương, trong một phút nghỉ, cái lành mây may, cũng hồi hướng, làm cầu bến để đi về Tây phương, cả trong 10 năm trường, không chút biếng trễ. Tâm an thể kiện, thần khí chăm hãm, người ai đều tôn trọng, thời gian thăm thẳm. Một hôm thoạt viết bài kệ như vậy

Tùy duyên nhậm nghiệp hứa đa niên.

Uông tác lão, ngu, vi canh điền.

Đã diệp thân tâm tao qui khứ.

Miễn giao tử khổng thọ nhân xiêng.

Nghĩa là

*Theo duyên mắc nghiệp bấy nhiêu năm.
Luống làm trâu lão bắt cày ruộng.
Tóm dẹp thân tâm sớm đi về.
Cho khỏi lỗ mũi chịu người xỏ.*

Bà con trong họ lầy lăm lạp không hiểu nói cái chi. Phu nhân đáp Ta làm kệ về Tây phương, chớ có cái chi đâu mà lạp. Kế có bệnh nằm, vừa có chút hơi ngạt ngộp, bà liền gượng ngồi dậy nói Thân ta qua Tịnh độ. Điện lễ Phật A Di Đà, Quan Âm bên tả ngó, Thế Chí bên hữu xem. Trăm nghìn muôn ức thanh tịnh Phật tử, cúi đầu chào ta về cõi nước. Hoặc thấy cung điện, rừng, ao, hào quang báu lạp, giống in như trong Kinh Hoa Nghiêm, cùng Kinh Thập Lục Quán đã nói. Đêm đó, người trong gia quyến nghe mùi hương lạp thơm lừng ngào ngạt, trong đời xưa nay chưa từng nghe cái thơm như hương ấy. Sáng ngày cũng y như lệ thường thị tỳ, đồng nữ đến phụng sự hạ hầu. Thì! Chỉ thấy bà để lại một tòa nhà vàng ngọc (*thân tứ đại*) mà thức thần đã đi đâu vắng. Làm lễ trà tỳ (*thiêu*) cả 3 ngày mà thân hình như khi còn sống.

HẾT QUYỂN NĂM



QUYỂN SÁU**CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ****ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN****LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI**

Người tu Tịnh độ, nên tùy trường hợp, ra công làm lành, để giúp sự tu hành mau tiến triển, cho nên quyển này, tên là quyển KHUYẾN DỤ. Nếu người nào không biết chữ, nhờ trang từ nhân quân tử, phát tâm Bồ Tát, vì kia giải nói. Đây cũng là một sự bố thí rất lớn.

Nội dung của quyển này Trước, sau thứ lớp, từ gần đến xa, từ gấp đến hưỡn, bắt câu người cao, thấp, đồng khuyến dụ vậy.

KHUYẾN NGƯỜI HỌC THỨC

SĨ NHÂN Hoặc có người đọc sách chưa bao nhiêu, mà thi đỗ khoa cao, có người đọc sách rất nhiều, mà trọn đời thì không đậu. Thế đâu chẳng phải đời trước trồng cái nhân thiện ác chẳng đồng, mà nay phải chịu cái cảnh hưởng ấy không ?

Song tuy nhiên người tuổi trẻ đỗ khoa cao, rõ ràng tôn tộc, công nghiệp cậy nhờ trong một thuở, rồi phúc báu cũng có khi cùng tận.

Vậy kính khuyên trang hậu sinh, cần nơi học vấn dồi dào lòng hiếu thuận, xa nghĩ ông Cao, Tăng, ta nhân nay, những người còn sống đó, cũng để tâm nơi đạo này, lâu ngày chày tháng, dần chứa công nhiều lâu rồi tự có chỗ khá vui, kíp người tuổi cao, nên nghĩ việc dĩ vãng dường như mộng ảo, thí như chúng ta người và muôn vật, ở đâu mà đến đây ?

Chúng ta đến đây để làm gì, đến đây chúng ta chết, rồi chúng ta sẽ đi đâu ? Hay nghĩ bằng cách khác

Chúng ta sống nguồn gốc ở đâu ? Mục đích sự sống ra thế nào ? Đến đâu là cùng tận của sự sống, và đến cả sự sống nữa, sống đây là gì ?

Nếu nói sự sống để chống chọi lại sự chết, thì trước phải định nghĩa cái chết đã. Mà chết! Chết tức là hết sống. Vậy thế là không phải định nghĩa, thì lại rơi vào cái vòng quanh quẩn, rồi ngày lại ngày qua, có ai tránh khỏi ? Đâu khá chẳng để tâm đạo này vậy.

Không luận già, trẻ, nếu ta đem giáo môn này dạy người, khiến người thay nhau khuyến hóa, thời hiện đời ta đặng phúc báu, thân đời sau được sinh lên bậc Thượng phẩm vậy.

KHUYẾN NGƯỜI QUÂN TỬ CÓ CHỨC QUAN

Khuyến người quân tử có chức quan.

Người quân tử có chức quan! Đâu không phải đòi trước tu trồng cội phúc, nên nay hưởng chức đây!

Ví như Mùa Xuân xuống giống, mùa Thu thu gặt. Nếu không tu phúc, duyên gì được thế!

Song phúc đây có ngày hưởng hết. Nếu lại tu phúc, làm các việc phương tiện, như thương người, lợi vật. Muốn sức vị tha được phát ra một cách tự nhiên không miễn cưỡng, muốn sự hy sinh không đau khổ, cần phải có tình thương.

Có bao giờ người mẹ hy sinh cho con mà nghe đau khổ đâu ? Tình thương càng rộng lớn thì những cử chỉ hào hiệp càng dễ dàng, chỉ có kẻ thiếu tình thương mới ích kỷ, chỉ có kẻ thiếu tình thương mới dửng dưng được trước nỗi khổ của mọi người. Tình thương càng mãnh liệt, thì sức che chở giữa người và mình càng hùng hậu, rồi lấy công đức đây hồi hướng cầu sinh về Tây phương, thời chóng khỏi luân hồi, thọ mạng và khoái lạc vô cùng tận, đâu phải phúc báu của thế gian chỗ hay bì kịp ?

Nếu người dốc lòng thương dân chẳng nở bỏ đó. Lại nguyện sinh Tây phương, cho dứt sinh tử rồi, trở lại thế gian này, hiện làm thân Tể tướng, làm công lợi lớn lao nào chẳng đặng ?

Nếu hay đem pháp môn niệm Phật này dạy người, và bảo người rộng khuyến hóa ra nữa, thời người ắt trọng lời nói của mình, vui lòng làm theo, cứ thi hành theo bài kệ đức Đại Từ

Bồ tát, thời đời sống đây, cũng có thể tiêu tai đặng phúc, lúc chết thức thân được gá sinh lên đài sen bậc thượng phẩm vậy.

KHUYẾN NGƯỜI CHỐN CÔNG MÔN

Người ở tại chốn công môn, phải tự nghĩ rằng Người kia có chức quan, ta phải hầu hạ kia. Kia cao ta thấp, kia khỏe ta mệt, phụng sự người được vừa ý, ta khỏi có cái lo hành phạt, hoặc khi lỡ lầm, lại bị trách mắng. Thế là đời trước của ta chổ tu phúc chẳng bằng người cho nên ngày nay phải chịu nỗi khốn khổ này, rồi tự an ủi nơi lòng rồi phải thấp lòng giữ nề, để bảo thủ thân này, mỗi việc không câu lớn nhỏ, tùy cơ phương tiện gánh vác, để cho người ngó thấy sinh tâm hoan hỷ, thời ta khỏi lo hậu họa, tích thiện mãi mãi phúc đến cho con cháu.

Nhưng vị tha chưa đủ, vị tha mới là phần lý trí do sự hiểu biết mối tương quan cần thiết giữa quyền lợi, chung cùng và riêng biệt mà ra, nó là sự tính toán phải lẽ sáng suốt. Nhưng cái gì thuộc lý trí cũng khô khan, và có khi trái với con tim mình nữa. Vì thế có những sự hy sinh tuy rất đẹp đẽ, nhưng cũng rất khổ đau cho người phải hy sinh.

Nên biết, những người ở chốn công môn, con cháu họ được vinh hiển, đâu chẳng phải Tổ phụ tích đức tu thiện ư.

Công lý rõ ràng chẳng khá chẳng tin, và thường niệm Phật A Di Đà, nguyện sinh Cực Lạc thế giới, lại đem pháp niệm này dạy người, khiến người thay nhau khuyến hóa,

chẳng những hiện tiền đặng phúc. Thân đời sau mau sinh lên phẩm thượng bậc trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI LÀM NGHỀ THẦY THUỐC

Những người làm nghề y khoa (*thầy thuốc*), phải tự nghĩ rằng

Thân người tật bệnh, cũng như ta có bệnh, hễ đến rước thì tức đi liền, hoặc người đến xin thuốc, ta liền hốt cho, chớ luận kẻ sang người hèn, chớ lựa kẻ giàu người nghèo, chỉ chuyên một lòng cứu mạng để kết duyên người và tích phúc cho mình, thời trong chỗ u u minh minh cũng có thánh thần giúp trợ.

Nếu ta dùng tâm bất nhân, thừa khi người bệnh ngặt dốc lòng đời của đáng một nói mười, thời trong chỗ minh minh sẽ có tai to họa dữ.

Phương chi, bác ái chỉ là áp dụng trong phạm vi người, từ bi lan cùng cho đến cỏ cây muôn vật, có một tình yêu thương rộng lớn như thế thì may ra đối với người mới thiết thật bác ái được, nếu không thì cũng tiếp tục giết hại lẫn nhau mà thôi.

Vả lại mang thân xác này là đã chất chứa đầy đầy biết bao sự bệnh tật, mà sự bệnh tật ấy là nền tảng của tất cả sự khổ của nhân sinh. Bệnh tật càng lớn lên chừng nào, nhân loại càng khổ sở điêu đứng chừng ấy.

Rốt cuộc nhân loại từ giàu đến nghèo, từ thông minh đến ngu dốt đều gồm thâu trong một chữ khổ, nên Phật Ngài nói thế giới loài người là một bể khổ mênh mông. Hiện trạng của thế giới ngày nay đã chứng cứ cho chúng ta về chữ khổ vậy.

Như sự đau đớn bệnh tật không những chỉ tàn hại người già nua, mà nó cũng dày xéo luôn những tấm thân tráng kiện nữa, một khi chết là hết. Bao nhiêu lâu đài hạnh phúc tạm bợ đã xây dựng trên cuộc đời đều đổ sụp.

Cuối cùng chỉ mang theo nghiệp lực đã tạo trong kiếp sống để rồi đi đầu thai vào một kiếp sống khác cũng chẳng kém phần đau khổ.

Nhắc làng tôi (*Vương Nhật Hưu*) có ông Trương Ngạn làm nghề y khoa có tiếng. Các ông Tăng, bần sĩ, quân lính, quan viên, và phàm dân nghèo hèn đến ông hốt thuốc, ông chẳng thọ tiền, lại còn có khi lấy tiền nhà mua gạo cho nữa.

Những người đến rước, dù là người hết sức nghèo ông cũng đi. Người giàu đem tiền hốt thuốc, không hỏi tiền nhiều ít, cứ lấy thuốc cho nhiều, mong sao cho lành mạnh, chưa hề để ý trong kia đem tiền đến hốt thuốc.

Cũng có khi biết người bệnh ngặt, khó mà cứu sống nhưng cũng vẫn cho thuốc tốt, để an ủi tâm người bệnh, không chịu thọ tiền. Ta Vương Nhật Hưu ở chung với hấn (*thầy thuốc*) rất lâu, rõ biết hấn làm thuốc không lúc nào thấy hở miệng hỏi tiền, thật đáng gọi là Y nhân trung đệ nhất đẳng

nhân hỷ. Nghĩa là *Trong các người thầy thuốc, hẳn là người bậc nhất vậy.*

Một hôm tình cờ trong thành hỏa tai nổi dậy, trong khi ngọn lửa bốc cháy, đầu đó cháy hết chỉ chỗ ở của ông vẫn còn lại. Lại nữa, có một năm tai dịch, trâu chết rất nhiều, thế mà chuồng trâu của ông vẫn còn nguyên không mất một con nhỏ.

Lấy đây mà nghiệm đâu chẳng phải Thần minh giúp hộ ấy ? Hơn nữa con ông đọc sách (*đi học*) sau thi đậu khoa khôi giáp (*đậu trạng nguyên*), cháu ông có ba người thuần hậu sáng ngỏ. Đó cũng là Đạo Trời ban phúc cho người thiện, hay là lý công Người thiện thì được phúc, thật đúng vậy.

Giả sử ông ta làm thuốc, cứ bo bo tiền của, tham tâm keo rít, tốn phí còn nhiều hơn số ấy nữa. Chỗ lời cũng chưa bù đắp chỗ thiếu, hưởng lại có phần thưởng lớn lao như thế.

Vậy thời những người đồng môn (*đồng nghề thuốc*) sao khá chẳng lấy đây làm gương ? Nếu thường giữ tấm lòng như ông, rồi niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ, quyết định sinh lên bậc thượng phẩm.

Nếu nhân trong người đang bệnh khổ mà dạy họ tu pháp môn này, thời họ dễ phát tín tâm, và khuyên người phát lời đại nguyện dùng rộng truyền pháp niệm Phật để chuộc tội đời trước, mong cầu lành mạnh ắt toại sở nguyện. Hoặc tuổi trời đã hết, cũng khá nhờ nguyên lực đây mau sinh Tịnh độ. Cứ

thường như vậy dạy người, chẳng những thân sau hóa sinh phẩm thượng mà hiện đời ai cũng tôn thờ và kính trọng, phúc báu vô biên, kịp đến đời con cháu nữa vậy.

KHUYẾN NGƯỜI XUẤT GIA

Tăng già, phải tự nghĩ rằng Ta là người xuất gia, liễu đạt sinh tử, mới phải là việc bản phận, chẳng đặng như thế, bèn sa chân theo trần tục, một mai đại hạn tới rồi, biết lấy chi nương cậy. Tuy ngày bình nhật có làm việc lành, cũng không khỏi đi trong cảnh luân hồi, lúc thiện nghiệp hết rồi, lại phải đọa xa, chi bằng sớm tu Tịnh độ, mau khỏi luân hồi, diện kiến Phật A Di Đà, mới là xong việc của người xuất gia, như ngài Vĩnh Minh Thọ Thiền sư, ngài Trường Lô Trách Thiền sư, ngài Vạn Niên Nhất Thiền sư, đều tu pháp này. Lại đem pháp niệm này dạy người, và khiến người thay nhau khuyến hóa, ta đâu chẳng bắt chước các ngài ư ?

Vả lại cố gìn giữ tham cầu làm chi những vật vô thường giả hiệp quanh ta, khi chính ta đây cũng vô thường giả hiệp. Cố nắm bắt làm chi cái có không ấy, trong lúc chính ta đây cũng không có rồi. Đã suy nghiệm như thế nên bao giờ cũng cố tâm diệt trừ dục vọng cố tập tánh thân nhiên, trước những sự còn, mất, có, không. Đây là một điều chúng ta cần phải suy nghĩ kỹ.

Phàm thọ người ta một đồng tiền, hộ ta một bữa ăn, ta đều sẽ vì kia mà giảng nói pháp môn Tịnh độ này, để đáp bù ân đức kia. Dù kia không tin, cũng khiến cho họ biết, lỗi tai

quen lâu rồi tự tin hay là tin liền, lợi ích biết mấy, thường khuyên hóa người như thế, hiện đời được người kính nể, thiện duyên ta càng thêm thuần thực.

Lại hay chuyên tâm quán tưởng, quyết chẳng bao lâu thấy được chân thân của Phật, mãn tận báo thân này, sau chắc sinh lên phẩm thượng đồng bậc Bồ Tát bất thối chuyển vậy.

Nên lời cổ ngữ có câu Thử thân bất hướng kim sinh độ. Cảnh hướng hà thời độ thử thân. Nghĩa là *Thân đời này chẳng liền độ nó ngay trong đời này, lại đợi đến đời nào mới là độ nó ?* Thường đề ý niệm đây, chớ nên trễ nãi vậy.

KHUYẾN NGƯỜI TU THIỀN

Trang tham thiền đại ngộ, mau thoát sinh tử luân hồi, vốn là bậc thượng, song người được như thế trong số trăm người không đặng hai ba. Chi bằng tu Tây phương chóng khỏi luân hồi, mà đường sinh tử tự như, muôn người chẳng mất một.

Hôm nay tôi (Vương Nhật Hưu) muốn khuyên các Tăng già, những người bậc thượng căn lợi khí, ngoài giờ tham thiền, mỗi ngày trong giờ phút rảnh tu Tây phương.

Hoặc tham thiền đại ngộ, liền mau khỏi luân hồi, còn cách Phật rất xa, chi bằng về Tây phương ra mắt đức Phật A Di Đà thì lễ rất kính, có chi không đặng ?

Nếu người chưa đặng đại ngộ, mà thọ số rủi hết, cũng mau sinh Tây phương thấy Phật nghe pháp, lo gì không được đại ngộ! Vậy, nếu không tu Tây phương, quyết không khỏi theo nghiệp duyên mà đi vậy. Dù như ông Thanh Thảo Đường, ông Giới Thiên sư, và ông Chân Như Kiết, đều trầm ngập trong cảnh luân hồi, thật khá đáng thương, mà cũng thiệt đáng sợ (tích này trong quyển bảy có nói).

Vậy lời nói đề hình dung mô tả sự thật mà thôi. Muốn thấy sự thật phải sống với nó, phải hành sự thật, phải thể nhập với sự thật. Chỉ khi ấy lòng tin mới đủ điều kiện của nó và mới mạnh mẽ đứng đắn được.

Nếu quý ngài không khinh pháp môn này, một lòng tu tấn, và đem truyền dạy người, lại khiến người thay nhau khuyến hóa, người tưởng mình là một ông danh Tăng, ắt ưa nghe theo lời nói của mình, thời mình được sự lợi ích vô cùng tận, lẽ dĩ nhiên ta được sinh lên phẩm thượng, bậc thượng vậy.

KHUYẾN NGƯỜI GIÀU CÓ

Người bậc phú giả phải tự biết rằng Ta đời này được giàu có, đều do đời trước có gieo trồng thiện căn.

Ví như lúa ta ăn trong năm này, đều là thứ giống mạ ta đã cấy trồng ở năm ngoái. Song áo cơm tài lộc của nhân sinh, chôn âm ti (*cân nhân quả*) đều có số nhất định. Chậm rãi làm ăn, như số ta đáng có tự nhiên nó đến. Song bằng lộc nó đến,

tuy là chậm chậm đến, nhưng nó được lâu dài. Ví như, nước chảy ít, thì thời lâu hết vậy.

Bằng chóng gấp tham cầu, thì cũng chỉ chừng số ấy. Nếu ngoài số ấy mà đặng (*đặng của hoạnh tài*) thời họa sinh mà chết như nước đầy quá, lẽ phải ngập tràn vậy.

Cho nên phải tùy phận làm ăn nuôi sống, đừng quá tham tràn, và bớt chút ít giúp người, để phòng sự tràn ngập. Được như thế, chẳng những khá dùng hưởng phúc đương đời được yên ổn, mà lại bố thí, để trồng phúc qua đời vị lai. Nhưng phải nghĩ tưởng, phúc thế gian cũng có ngày hết. Nếu dùng tâm hồi hướng Tây phương thời phúc không cùng tận.

Đã bao nhiêu lần kết quả của bao nhiêu kinh nghiệm đã trượt khỏi bàn tay và khi cái mà người ta tưởng đã nắm được, ấy chính là lúc chúng tiêu tan mất.

Huống chi sự giàu có của thế gian, cũng không đặng mỗi món vừa lòng. Duy có để tâm Tây phương, thời tự có chỗ khá an lạc. Lại thay nhau ấn thí văn tự Tây phương để rộng khuyên người và khiến thay nhau giáo hóa, thời đây tức gieo trồng cội phúc vô cùng tận, được vậy, đương đời có thể khá dùng tiêu tai khỏi nạn, quý thần cung kính mà ủng hộ cho. Thân đời sau, ắt sinh lên phẩm thượng bậc thượng vậy.

KHUYÊN NGƯỜI THAM LAM

Người đặng của ba ngàn, mà chưa lấy làm nhiều là tham vậy. Mới chi phí vài ngàn mà cho là nhiều, ấy là tiếc vậy. Cái tội tham tiếc, ai cũng có, nhưng ít người tự biết. Nếu người nào bỏ được tánh cách đây, mới kêu là ông Hiền giả.

Nào, chúng ta thử xét trước kia lòng ta tham lam, giận dữ, kiêu mạn, nghi ngờ nó ép bức, khuấy rối, sai khiến, thúc giục, làm cỗi lòng chúng ta phải làm tội để chịu kiếp kiếp đọa đày, phong ba bão tố tấp làm tan nát lòng người, giọt lệ máu đào nhuộm đầy cả vũ trụ.

Nay ta trông thấy cảnh đau thương của cả nhân loại, nó sát cánh với ta quá đi, ta giật mình tỉnh giấc mộng lớn, thì lòng ta có vui chi, thiết chi những cái sương mai bọt nước.

Những nỗi đau khổ của kiếp người, nếu không phải là của tất cả, thì một phần lớn đều do sự mê mờ. Nếu kip nghĩ thế thì thiện nghiệp Không lành nào mà chẳng làm. Ác nghiệp Không cái dữ nào mà chẳng răn dứt. Vì sao ? Bởi không tiếc của là thiện nhân, bằng có tham của thì là ác nhân vậy. Nếu như vậy mà tu Tịnh độ quyết chẳng sinh ở phẩm hạ vậy. Lại hay đem pháp này dạy người và khiến người lần hồi truyền rộng ra, thời người thấy mình không có tâm tham tiếc thế tất họ phải tôn kính, và ưa nghe theo lời thiện ngôn của mình đó là pháp! Nhất đặng truyền vạn đặng (*một ngọn đèn môi ra trăm vạn ngọn*). Thời vãng sinh bậc thượng phẩm ta còn nghi chi nữa ? Phúc báu đương đời cũng khá mau thấy được vậy, nên nói Phúc báu giả bất khả dĩ

ngôn tận, hành giả đương tự tri chi. Nghĩa là *Phúc báu ấy, chẳng khá dùng nói cho hết, người tu phải tự biết đó.*

KHUYẾN NGƯỜI HIẾU THẢO

Ngài Trường Lô Trách Thiên sư, làm bài văn Khuyến Hiếu, một trăm hai mươi bài Một trăm bài trước, nói về sự hiếu dưỡng cha mẹ, món ngon ngọt là cái hiếu của thế gian. Hai mươi bài sau là nói về cái hiếu khuyên cha mẹ tu Pháp môn Tịnh độ, là cái hiếu của người xuất thế gian.

Luận rằng Cái hiếu thế gian, chỉ có một đời trong khi cha mẹ còn sinh tiền mà thôi, cũng là cái hiếu rất nhỏ vậy.

Còn cái hiếu xuất thế gian, là cái hiếu vô cùng tận. Vì sao ? Nếu cha mẹ được sinh về Tịnh độ, hưởng sự phúc thọ như hà sa số kiếp, thì có cái chi hơn cái hiếu này vậy.

Có người báo ân cha mẹ bằng cách an hưởng thú vui vật chất, có người làm cho cha mẹ vui hưởng về tinh thần, hoặc hưởng cái vui chốc lát, vui lâu dài, vui đậm đà đầm ấm, và vui siêu thoát v.v... Ấy, đàng nào cũng gọi là hiếu, đàng nào cũng tìm cách đem lại sự an vui cho cha mẹ. Nhưng xét cho thấu đáo, thì chỉ có cái vui siêu thoát mới đem lại cho cha mẹ sự an vui đời đời, mới thật hoàn toàn đạt được sự báo hiếu mà thôi. Cha mẹ còn, mà không đem pháp môn này khuyên gắng ngày kia luống uổng dầu làm việc hậu lễ, cũng nào có ích chi!

Nếu đem pháp này dạy người, bảo người thay nhau khuyến hóa, lấy công đức đây giúp cha mẹ được phúc thọ thêm thiện báo cho cha mẹ nữa.

Phật không ngăn nguyện chúng sinh, ý đây ắt khá toại vậy. Trong văn Thượng phẩm Thượng sinh nói Người mà được lên bậc thượng phẩm thượng sinh, là cái nhân hiếu dưỡng cha mẹ trước nhất. Tôi (*Vương Nhật Hưu*) đề tâm suy nghiệm theo đây, làm bài văn nói về sự hiếu dưỡng, phẩm đệ vãng sinh, khá thấy vậy.

KHUYẾN CỐT NHỤC, TÌNH ÂN ÁI

Nghĩa cốt nhục, tình ân ái, phải tự nghĩ rằng Đức Đại Từ Bồ Tát có làm bài kệ nói Cốt nhục ân tình yêu nhau, ít mong tuổi thọ đến bạc đầu, những trang cường tráng bao nhiêu chết, lại có lúc khờ mạng chẳng lâu, rủ nhau niệm Phật A Di Đà sen vàng ao báu nở hoa, bà con tụ hội một nhà, vạn kiếp thượng sinh khoái lạc.

Chẳng đặng như thế, luống sắm áo tốt, cho rực rỡ thân mình. Món ăn ngon, cho đẹp miệng mình, một mai thân tình ly tán, rốt cuộc rồi không nơi nhờ cậy.

Hướng chi trong khoảng từ sinh đến tử, sự sống chung đụng người với người hằng ngày trong gia đình, giữa xã hội, sợi giây ân ái cột trói người này qua người khác, ân ái chùng nào sự chia ly càng đau khổ chùng ấy, và càng oán thù chùng nào mà phải gặp gỡ lại càng bực bội thêm chùng ấy.

Lại còn làm người hy vọng quá nhiều. Đến khi thất vọng thì nổi khở lại càng tăng. Cái luật vô thường sớm còn tối mất, mới trắng răng phút đã bạc đầu. Cho nên lúc sinh tiền, phải khuyên nhau niệm Phật.

Nếu lại đem pháp môn niệm Phật đây dạy người, bảo người thay nhau khuyên hóa. Thế, chẳng những khiến cốt nhục của mình có ái ân vô cùng, mà cũng khiến cốt nhục người khác có ân ái vô tận.

Thì phúc báu ta đâu có cùng tận ? Chắc sinh lên phẩm thượng bậc trung vậy.

KHUYẾN NỮ NHÂN

Các người phụ nhân, phải nghĩ rằng Đức Phật, là đấng chí tôn Vô thượng giác, biết cùng tột nghiệp tách chúng sinh chỉ một lòng từ bi vô lượng muốn làm sao đem chúng sinh ra khỏi bể luân hồi, trở về đường sáng suốt.

Cứ theo lời Phật dạy Người phụ nữ do tâm dục nặng nhiều, nên mới chịu sinh làm tấm thân người phụ nữ. Ấy đã là không phải thiện nghiệp, nếu không tự xét mình, còn thêm tâm tật đố, tâm tham dục, nghiệp duyên càng sâu quả báo khá ghê sợ.

Loài người đã tạo ra vô lượng vô biên khổ não, gây ra sát hại, trộm cắp, dâm dật, nói láo, phóng đãng, lường gạt v.v... quả khổ của thân này chịu chưa vừa, lại gây thêm nhân làm

lạc cho thân khác, thành thử quả gây nhân, nhân cảm quả, xoay vần vay trả đời đời kiếp kiếp không bao giờ thôi.

Nếu hay hồi tâm sám hối, cải đổi niệm xằng (quấy) lòng nhân từ tha thứ cho kẻ tỳ thiếp, ôn hòa lễ nhượng dưới trên và thường niệm Phật A Di Đà phát nguyện rằng Nguyện cho hắc nghiệp (nghiệp ác) càng ngày tiêu tan, bạch nghiệp (nghiệp lành) mỗi ngày thêm lớn, hiện đời trong sạch, thân tâm nhẹ nhàng. Đời này hết rồi, hằng chẳng còn chịu quả làm thân người nữ nữa.

Mỗi niệm không dứt, niệm tự thuần thực, chắc sinh về thế giới Cực Lạc. Nếu đem pháp này giáo hóa, từ kẻ tỳ thiếp đến nội nhà, cả trong tôn tộc bà con, thời phúc báu vô cùng, ắt sinh lên bậc thượng phẩm. Xem trong truyện bà Kinh Vương phu nhân khá thấy vậy. (Tích này ở quyển thứ 5)

KHUYẾN NGƯỜI TÔI TỐ

Người làm kẻ bộc thiếp (tôi tớ), phải nghĩ rằng Đời trước ta không tu trồng cội phúc, nên đời này phải chịu làm kẻ bần tiện, người hưởng sự an vui, ta chịu cần lao, người ăn vị ngon, ta ăn hẩm hút, người mặc đồ nhẹ nhụyễn, ta mặc áo xấu thô. Ấy đều là bởi nghiệp duyên đời trước, việc đó đã qua rồi dù có ăn năn cũng không đặng.

Bởi nghiệp báo của mình tuân theo luật nhân duyên nhân quả, tất đều phát sinh hiển hiện, tiếp nối theo những tiền

nhân. Và những tiền nhân ấy đã cấu tạo thành hiện quả mà mình đang cảm nhận hay thọ lãnh.

Vậy bây giờ, bắt đầu từ đây về sau, ta phải gieo niệm thiện cái ác, cái quá, trung trực cần cần, hết lòng phụng sự chủ nhân, để bảo thủ thân này, và gắng trồng cội phúc về sau, thường niệm Phật A Di Đà, niệm hoài không dứt, tâm niệm thuần thực, tự nhiên sinh về thế giới Cực Lạc.

Lại đem pháp này truyền dạy cho bạn đồng nghiệp, và bảo thay nhau khuyến hóa, thời phúc báu vô cùng, ta ắt được sinh về phẩm thượng bậc trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI LÀM NGHỀ NÔNG

Người làm nghề nông, phải tự nghĩ rằng Nghề nông này tuy là việc căn bản, song việc cày ruộng cuốc đất chi cho khỏi sát hại các loài vật mạng vi tế cũng chẳng phải ít.

Việc đây, tuy không biết làm sao được, không lẽ không làm lấy cơm đâu mà ăn ?

Như thế nghĩa là trong thực tế, ta không thể phân chia một cách đúng đắn loài hữu tình và loài vô tình, chúng ta chỉ phân chia một cách độc đoán ở trong trí não mà thôi. Trí não là một lưỡi dao rất sắc bén, đã cắt đứt sự tương liên, tương tục của Nhân và Vật. Nhưng trí não phải độc đoán như thế mới có thể giải quyết mọi vấn đề phiền phức của sự sống.

Vậy nếu hay tránh né toàn bộ, và sám hối tội trước thường niệm Phật A Di Đà, phát lời đại nguyện rằng Nguyện sau khi ta kiến Phật đắc đạo rồi, trước độ tất cả những chúng sinh vi tế mà ta đã lỡ làm sát hại, từ khi cày trồng đến nay, kể đến độ tất cả những kẻ oan người thân, đều đặng giải thoát, đều đặng sinh về Tịnh độ. Thường niệm như thế, khiến cho mỗi niệm đừng quên, niệm tự thuần thực, quyết định sinh lên thế giới Cực Lạc. Nếu đem pháp môn này truyền dạy người khác khiến người khác khuyến hóa rộng ra, thời đương đời đặng phúc và thân sau ắt đặng sinh về phẩm bậc trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI NUÔI TÂM

Những kẻ dưỡng tâm phải tự nghĩ rằng Nuôi tâm kéo tơ, để làm áo cho người mặc, việc này vốn là lý thường của thế gian song cũng là một chuyện sát hại vật mạng.

Xứ Ấn Độ, người đời truyền nhau họ nói Việc làm tâm tơ, là do ngài Mã Minh khai sáng, song xét trong kinh tạng thì không có chuyện đó. Duy có thuyết Phật dạy các ông đệ tử Ngài đừng mặc áo bằng tâm tơ và dùng da trâu bò làm giày dép, vì các thứ ấy, cũng là sát vật mạng mới có.

Bởi loài người đối với loài vật, thường có sự tự cao vô lý, sự tự cao ấy xui sử người ta bắt công, mà khi đã sẵn trong lòng một mối bắt công, thì trong lúc đối đãi, không những với loài vật mà ngay người với người, cũng khó mà bình đẳng được. Trước sự sống mọi sinh vật đều như nhau, con kiến, con bọ cũng có quyền được sống như loài người, thì loài

người không thể viện lý gì để gom góp sự sống riêng cho mình.

Người đã dùng nuôi tằm làm nghề dâu khá chẳng biết sợ tội, phải thường sám hối, thường niệm Phật A Di Đà phát lời đại nguyện rằng Nguyện sau khi ta kiến Phật đắc đạo rồi, độ hết tất cả tằm mạng mà ta đã lỡ làm, sát hại từ ngày ta nuôi tằm tới nay đồng sinh về Cực Lạc. Khiến mỗi niệm mỗi niệm không dứt, niệm tự thuần thực, cũng sinh về thế giới Cực Lạc.

Nếu đem pháp môn này truyền dạy người khác khiến người khác thay nhau khuyến hóa, thời hiện đời ắt đặng phúc báu, thân đời sau được sinh lên phẩm trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI BUÔN BÁN

Người làm việc thương cở (*buôn bán*) phải tự nghĩ rằng Một đời bình sinh ta đứng ra buôn bán, chỉ cho khỏi đối trá chút đỉnh. Nếu là một cây lúa cũng đều là do mạng con tằm mới có, không nên cượng nói rằng mình không tội lỗi, một ngày mạng tận phải theo nghiệp duyên mà đi. Chẳng bằng sám hối rồi đổi qua làm nghề khác hay hơn, tùy phận làm ăn nuôi sống.

Mạng mình nếu nhiều của tự nhiên lần có, mạng mình nếu của ít, dù đặng nhiều cũng thất sinh tai này họa khác. Huống chi đời người tai số có phần gấp cầu mà, rủi số mãn,

thời phải chết sớm. Cầu hưởng mà của đến chậm mới đặng lâu dài.

Nên biết, ta thông minh có một tâm hồn, nhưng ta lại bắt buộc sự thông minh và tâm hồn ấy phải hạ thấp sống ngang hàng với vật chất phải phụ thuộc vật chất, không hiểu rằng Vật chất không phải là sự sống, mà chỉ là cái dùng để nương tựa, sự sống chưa hoàn mỹ. Vậy hình tướng dầu sai khác, tinh thần vẫn một thể, hơn nữa phải noi theo giáo lý Đức Phật mà hoán cải đời sống tươi sáng hơn, phải lấy đây để lòng, thường niệm Phật A Di Đà nguyện sau khi ta đắc đạo thấy Phật rồi, trước độ tất cả những người giao thiệp với ta. Kế độ kẻ oan người thân và sau độ tất cả chúng sinh có duyên cùng không duyên đồng sinh về Cực Lạc thế giới. Như vậy, mỗi niệm mỗi niệm nối liền, niệm tự thuần thực, ắt sinh về thế giới Cực Lạc.

Nếu đem pháp này truyền dạy người làm, bảo người khuyên hóa rộng ra, thời hiện đời đặng phúc, thân sau sinh lên phẩm thượng của bậc trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI THỢ

Làm người công tợng (thợ) phải tự nghĩ rằng Ta làm người thợ, hoặc vì người cất nhà cửa hoặc vì người làm đồ dùng.

Đây tuy là thiện nghiệp, bởi đời trước ta chẳng tu phúc, nên đời này tự không được giàu có, cả đời cứ lo cất nhà, mà

bao giờ cũng cất nhà cho người khác ở, còn mình thì chui đút chòi nhà tranh lá rách dột. Cả đời cứ lo làm đồ dùng, mà bao giờ cũng làm đồ dùng cho ai đâu, chớ phần mình không có cái bàn để uống nước v.v...

Nếu không như vậy, áo cơm thiếu thốn, phải tùy phận làm lành, khi vì người cất nhà cửa, tài vật chớ quá mong, việc làm cho hết lòng.

Đây cũng là trồng ruộng phúc, thường niệm Phật A Di Đà khi cầm búa đẽo cây, cũng một lòng niệm Phật, khiến mỗi niệm không thôi, niệm tự thuần thực, quyết định sinh về Cực Lạc.

Nếu đem pháp niệm này dạy người, và khiến người rộng khuyến hóa, thời hiện đời đặng phúc, thân đời sau ắt sinh lên phẩm thượng bậc trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI NHIỀU VIỆC ĐỒN KIẾN

Người nhiều việc đồn kiến (*cản đẫn*), chớ oán trời, chớ trách người, đều là nghiệp duyên đời trước của mình gây tạo. Nếu thấy người hoan hỷ, thời đặng báo hoan hỷ, đời trước nào hại người nay mắc báo người nào hại, trước làm việc lợi ích, nay đặng báo mọi điều như ý. Cho đến trước cản trở người, nay mắc báo bị người cản trở, món món cũng đều do sự làm của mình đời trước tất cả, như bóng theo hình vang theo tiếng dội. Và như hôm nay ta mang nhiều việc cản đẫn

đây, chính đời trước ta gây cái nhân bất thiện, không làm phúc nghiệp.

Quanh ta mọi vật tương tục chảy trôi như thác đổ mà ta cũng là dòng suối không bao giờ dừng. Cái khổ của người đời đã để dòng suối đời mình chảy ngược lại với dòng thác đổ của sự vật, và cuối cùng cũng không làm sao cưỡng lại ngọn thác cuốn phẳng đi.

Thôi đã qua rồi biết làm sao, và có ăn năn cũng chẳng đặng. Vậy thì bây giờ và từ đây về sau ta cần sám hối, thường niệm Phật A Di Đà, chẳng những khá dùng tiêu trừ chướng trước, mà lại còn có thể tăng trưởng thiện duyên, đời sau sinh lên thế giới Cực Lạc, không còn có việc cần dẫn nữa vậy. Đừng nói đời sau đâu xa, chỉ ngay trong khi nhắm mắt tức là đó.

Nếu đem pháp này dạy người, và bảo người thay nhau khuyến hóa, thời hiện đời đặng phúc, thân sau cũng quyết chắc sinh lên phẩm thượng của bậc trung vậy.

KHUYẾN KẺ CỐT NHỤC OÁN TẮNG

Kẻ cốt nhục oán tắng, phải tự nghĩ rằng Ta do đời trước có làm ác nghiệp nên mắc báo như thế này. Hoặc sát mạng người, hoặc thiếu nợ người, hoặc tổn hại người. Nếu làm duyên lành, ắt chẳng đến nỗi như đây. Dù sao hiểu được căn nguyên của bệnh đã là một chuyện quý, sự khổ vui, dầu là kết

quả tiếp nối theo tiền thân, con người bị ràng buộc khổ sở, một phần nhỏ bởi ngoại cảnh, phần lớn tại nội tâm.

Cái ngục thất giam hãm còn rộng rãi hơn ngục thất tối tăm của cái ta ích kỷ.

Khi mà cái ta không còn nữa, thì dục vọng cũng không biết vào đâu để đòi hỏi. Mà ích kỷ cũng không còn thấy có cái kỷ, để mà làm ích riêng. Chừng ấy người và mình sẽ giao hòa trong biển sóng mênh mông không bờ lũy, không ngăn ngại.

Bởi tâm chúng ta bao giờ cũng quen suy nghĩ những việc quấy hơn việc phải, nghĩ dữ nhiều hơn nghĩ lành. Nếu hay giác ngộ sám hối nghiệp đời trước, tui mình mà lại trách lấy mình, chẳng còn cùng người làm ác, thường niệm Phật A Di Đà. Đều là các người thượng thiện, không còn có khổ ấy vậy.

Nếu biết đem pháp này truyền dạy người khác rồi bảo người thay nhau khuyến hóa, thời hiện đời khá đặng phúc báu, hậu thân ắt sinh phẩm thượng bậc trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI CHÀI LƯỚI

Ngư giả (người chài lưới) phải tự nghĩ rằng Cá sinh trong nước, không hại chi nơi người. Ta bèn lập xảo kế bắt nó toan đem mua bán, để nuôi mạng sống ta. Bằng ta để tâm thử nghĩ Cá ở trong nước nó cũng có bà con của nó, trong bụng nhiều con, mỗi con đều có tánh mạng ta bèn sát hại, tội kia vô

lượng. Nếu hay cái nghiệp (đổi nghề) ấy là bậc thượng vậy, bằng chưa hay vội bỏ. Và đừng sát mạng loài cá nhỏ và các thứ ốc, sò, chình, lươn, những vật khó chết ấy.

Bởi tất cả chúng sinh đều do nhân duyên tạo thành, mà loài người tuy ở một tầng bậc cân đối, té nhị hơn loài súc vật. Nhưng cũng vẫn thuộc tầng ấy nguyên liệu, vâng theo tầng ấy luật nhân quả nhân duyên, cho nên chỗ chung cùng thì không có những cái riêng biệt.

Vậy nên thường niệm Phật A Di Đà, sám hối và phát lời đại nguyện rằng Nguyện sau khi ta kiến Phật đắc đạo rồi, độ hết tất cả những vật mạng bị ta sát, từ trước đến giờ đều sinh Tịnh độ, niệm niệm không dứt, niệm tự thuần thực cũng được sinh về thế giới Cực Lạc.

Nếu đem pháp này dạy người, và khiến người truyền bá rộng ra, thời hiện đời, cũng có thể trừ tai đặng phúc, thân hậu cũng chẳng ở phạm hạ của bậc hạ vậy.

KHUYẾN NGƯỜI LÀM NGHỀ BẦY CHIM

Người làm nghề võng phi cầm (rập chim) phải tự nghĩ rằng Loài chim bay trong rừng, ngoài đồng nội, giữa hư không, không hại chi đến người, ta tham ăn thịt, hay sinh nhiều chước khéo để bắt. Ta tiếc mạng ta, nó cũng thương mạng nó, ta thương bà con ta, nó cũng có con của nó.

Nếu hay cái nghiệp (đổi nghề) ấy là người bậc thượng, bằng chưa bỏ liền đặng, thì đừng sát mạng của loài nhỏ và những giống có ấp trứng. Và một khi loài người chưa hiểu nỗi đau khổ của đồng loại, của tất cả chúng sinh. Là, hay sẽ là, nỗi đau khổ của chính mình, thì người ấy còn nông nổi và ích kỷ.

Và nếu ta đã biết giác ngộ rằng Cái Tâm rất bình đẳng, phổ biến chung cùng như nước đại dương, thì lẽ nào lại còn đi làm việc trái đạo ?

Vậy nên thường niệm Phật A Di Đà sám hối phát lời đại nguyện rằng Nguyện sau khi ta kiến Phật đắc đạo rồi, độ hết tất cả vật mạng bị ta sát hại từ trước đến giờ, đồng sinh về Tịnh độ, niệm niệm không ngớt, niệm tự thuần thực, cũng sinh về thế giới Cực Lạc.

Nếu đem truyền dạy người đời, và bảo người lần lượt khuyến hóa rộng ra, hiện đời cũng có thể trừ tai hết tội, thân hậu cũng chẳng mất phần sinh về phẩm hạ của bậc hạ (du thắng thiên cung).

KHUYẾN NGƯỜI LÀM BỒI BẾP

Người đứng ra làm vị trừ tử (bồi bếp) phải tự nghĩ rằng Đời trước của ta không tu phúc nghiệp, nên đời giờ phải chịu cái bần khốn và khi chung, ram, bằm, xắt thịt chúng sinh. Tuy chẳng phải chính tự mình sát song cũng đồng mang một cái trọng tội, chớ chẳng phải không. Nếu hay đổi nghiệp vốn

là bậc thượng, bằng không bỏ liền đặng, dè chớ chặt giết loài đang sống.

Thường niệm Phật A Di Đà, sám hối làm việc thiện, phát lời đại nguyện rằng Nguyên sau khi ta tu đắc đạo rồi, độ hết tất cả những vật mạng bị sát hại từ trước đến giờ và bao nhiêu chúng sinh đã bị ta bằm xắt, đều sinh về Tịnh độ một nhà, niệm niệm mãi không thôi, niệm tự thuần thực, cũng sinh về thế giới Cực Lạc.

Nếu đem pháp này truyền dạy người khiến người thay nhau khuyến hóa, thời hiện đời khá trừ tai diệt tội, thân hậu cũng chẳng mất phần sinh ở phẩm hạ của bậc hạ (du thắng thiên cung vậy).

KHUYẾN NGƯỜI LÀM PHÚC

Các việc làm phúc thiện đều là tốt cả, song cái phúc thế gian có khi hưởng hết, rốt cuộc không ra khỏi luân hồi, chẳng bằng đem pháp này hướng về cõi Tây phương, thời chóng khỏi luân hồi, phúc báu này đâu có hết ư! Ta (Vương Nhật Huru) vì thế, nên quyển này, hiệu là quyển Khuyến dụ, như trước đã nói Vốn người không biết chữ, toàn nhờ người làm phúc, lấy tâm Bồ Tát làm tâm mình, vì người cắt nghĩa cho họ biết như tối đặng đèn, như lạc gặp đường, lấy pháp môn này rộng làm việc bố thí. Khiến ai ai cũng biết, ai ai cũng đều được thoát ly luân hồi, thời phúc báu muôn muôn kiếp bất tận, nơi thế giới Cực Lạc, ắt sinh vào phẩm thượng, đâu phải phúc báu thế gian cho hay sánh kịp.

KHUYẾN NGƯỜI TỤNG KINH

Phàm người tụng kinh, hay là người giữ trai giới vốn là thiện nghiệp. Đời sau ắt hưởng phúc báu không còn nghi vậy. Song phúc này có khi phải hết, chẳng hay thoát khỏi luân hồi, chỉ bằng tu pháp niệm Phật cầu về Tây phương, tức là khỏi ngoài vòng luân hồi. Chính người tội ác mà tu, còn được vãng sinh. Huống người trì trai tụng kinh, sinh lên bậc thượng phẩm chắc vậy.

Tuy vậy nhưng tu một mình mình, công đức rất nhỏ, không bằng khuyên người tu mới gọi là đại công.

Nếu đem pháp tu này truyền dạy và khuyên người thay nhau truyền dạy rộng ra, thời người kính mình trì trai tụng kinh, ắt tin trọng lời nói của mình mà làm theo thời công càng lớn, phúc càng nhiều. Hiện đời ai cũng quy y, cung kính, thân sau phúc đức đâu có hết ư!

KHUYẾN QUÍ NHÂN

Kẻ quý nhân, phải tự nghĩ rằng Tuy mọi việc đều như ý, mọi việc đều được khoái lạc. Song ngày giờ mau chóng thân mộng ảo khó bảo tồn. Từ xưa đến nay, những bậc cực quý có ai còn đâu, chẳng bằng trong khi gấp rút nhín chút thì giờ, mỗi ngày tu pháp niệm Tây phương, thời hiện đời khá tiêu tai bớt nghiệp, thân sau gá sinh trong hoa sen, bằng không khổ thú, thường hưởng khoái lạc, đâu chẳng tốt ư ?

Như triều nhà Tống ông Văn Hộ Công, ở đất Kinh sư cùng với ngài Tịnh Nghiêm Thiền sư kết duyên với mười muôn người đồng tu Tịnh độ. Ông Vương Mẫn Trọng, ông Dương Thứ Công, ông Các Trọng Thần, ông Mã Đồng Vương, ông Phùng Tế Xuyên đều là người quới nhân, mà tu Tịnh độ khá chẳng nhớ sao ?

Nếu phát tâm Đại thừa của Bồ Tát, đem pháp này dạy người và bảo người thay nhau khuyến hóa thời người kính mình là bậc quới nhân, đều tín trọng lời nói của mình, thời pháp môn của ta dạy đây, khá dùng rộng truyền, thời đặng phúc báu đâu dễ lường ư! Thân sau ắt sinh bậc thượng phẩm.

Nếu ngấm ngấm để qua ngày, không biết tu pháp này một ngày kia có ăn năn cũng chẳng khá kịp vậy.

KHUYẾN NGƯỜI THÔNG MINH

Người đại thông minh, rộng học nhớ dai, thốt lời thành văn, xuống bút thành bài, vốn là người đời chỗ tôn kính. Song đối với trong phần chân tánh của ta, dường như không ăn thua chi cả, ông Trang Tử nói Những việc ta thấy chẳng phải thiệt ta thấy, chính người kia tự thấy mà thôi. Những việc ta nghe, chẳng phải thiệt ta nghe, chính người khác tự nghe mà thôi.

Ta không thấy người tự thấy, ta không nghe người tự nghe, ấy là đặng chỗ đặng của người, chẳng phải đặng chỗ

đặng của mình. Thích cái thích của người, chẳng phải thích chỗ thích của mình vậy.

Một mai bỏ đi rồi, mới biết một đời bình sinh của ta, sở dĩ lưu ý ấy, không ích chi cho ta. Tuy sự nghiệp thông minh không thể bỏ đặng, nhưng phải mỗi ngày thừa trong lúc rảnh rang, để tâm về pháp Tịnh độ. Nếu người hiểu thấu lý này, thì ác duyên tự nhiên lần bớt, thiện duyên tự chứa thêm nhiều, lúc sinh tiền đây mình đã có chỗ khá vui.

Bằng đem pháp niệm đây dạy người, bảo người thay nhau khuyến hóa, thời họ kính mình là bậc thông minh hơn, người cũng tin theo lý đây, ắt họ nói lý niệm đây không khá nghĩ nữa. Thời các thuyết Tịnh độ khá dùng thanh truyền nơi đời càng lâu. Đây cũng là ông Bồ Tát phò trì giáo môn này vậy. Ngày kia ắt sinh lên bậc thượng phẩm chỗ đặng phúc báu đâu dễ gì lường được.

KHUYẾN NGƯỜI BÁN RƯỢU

Người mại tửu (bán rượu) phải tự nghĩ rằng Năm giống lúa, vốn để nuôi người, nay đem đâm nát đặt rượu, khiến người uống say, làm những việc bất thiện, tội đó về ai ?

Thường phải tự sám hối, niệm Phật A Di Đà phát lời đại nguyện rằng Nguyện ta từ khi bán rượu trở lại đây, tất cả những tội phá hoại năm giống lúa, thầy đều tiêu dứt, sau khi ta kiến Phật đắc đạo rồi, đều độ hết chỗ dùng năm giống lúa đặt rượu, khi trông gieo năm giống lúa, tất cả chỗ sát hại, loài

vi tế chúng sinh và tất cả chúng sinh ra sức cày cấy và tất cả những người uống rượu bị say, phá làng xóm, chửi bới thiên hạ, đều sinh về Tịnh độ.

Như vậy mỗi niệm không dứt, niệm tự thuần thực quyết định sinh về thế giới Cực Lạc.

Nếu đem pháp môn này dạy người bảo người thay nhau khuyến hóa, hiện đời khá dùng diệt tội mà thêm phúc, đời sau ắt sinh về phẩm trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI LÀM TIỆM CƠM

Người lập thực điểm (tiệm cơm) phải tự nghĩ rằng Ta dùng thịt các chúng sinh, băm xắt, nấu, nướng, cầu lợi nuôi sống, ta có bà con, muốn an ổn khoái lạc, nghề làm ăn của ta, chính do sát các loài mà đặng, rất là ác nghiệp. Nếu thay đổi nghiệp ấy là bậc thượng bằng chưa đổi liền được, vả bỏ bớt sự sát hại loài lươn, cá trẽ, cua rạm, ốc, sò v.v...

Những vật đó khó chết, và bao nhiêu vật mạng vi tế, tùy phần dùng thịt, ấy là người bậc trung vậy. Nếu lại chưa được, thì cứ niệm Phật A Di Đà, còn khá hơn người không niệm.

Kể sám hối phát lời đại nguyện Nguyện sau khi ta kiến Phật đắc đạo rồi, độ hết tất cả chúng sinh bị ta sát hại từ đời trước đến đời sau và tất cả thịt chúng sinh chỗ ta cần dùng, đều được sinh về Tịnh độ, mỗi niệm không thôi, niệm tự thuần thực, cũng sinh về thế giới Cực Lạc.

Nếu đem pháp môn này dạy người và bảo người thay nhau khuyến hóa, thời hiện đời khá tiêu diệt nghiệp tội, đời sau phúc báo vô cùng.

KHUYẾN ĐỒ THỊT

Người làm nghề đồ giả (hàng thịt) phải tự nghĩ rằng Người tham thịt kia, nên nuôi vật mạng. Ta tham lợi kia, nên giết vật mạng. Giết vật mạng kia nuôi dưỡng thân ta, nuôi sống bà con ta. Ta có bà con, muốn an vui không bệnh. Vật kia nó cũng có tánh mạng, nếu ta giết nó, thời mắc tội vô lượng.

Nếu hay dứt bỏ nghề hàng thịt, ấy là người bậc thượng vậy, bằng người nào chưa dứt bỏ được liền, vả cũng phải giảm bớt ấy là người bậc trung vậy. Bằng lại chưa đổi nghiệp đặng, cũng thường niệm Phật A Di Đà còn khá hơn người không niệm.

Kể sám hối phát lời đại nguyện rằng Nguyện sau khi ta kiến Phật đắc đạo rồi, độ hết tất cả chúng sinh là đã bị ta sát hại, từ bao kiếp lại đây, đều được sinh về Tịnh độ. Như vậy mỗi niệm mỗi niệm không dứt, niệm tự thuận thực, cũng đặng sinh về thế giới Cực Lạc.

Bằng đem pháp này dạy người và bảo người thay nhau khuyến hóa, thời hiện đời khá trừ nghiệp ác, đời sau được phúc báo vô cùng.

KHUYẾN NGƯỜI TẠI CHỖN PHONG TRẦN

Người ở chốn phong trần (hoa nương) phải tự nghĩ rằng Ta làm người phụ nhân, đã là không phải thiện nghiệp rồi, huống chi ta lại ở chốn phong trần, nghiệp kia lại càng bất thiện nữa.

Nếu hay tỉnh ngộ được trừ dâm nghiệp, ấy là người bậc thượng vậy, bằng chưa đặng liền được, thì nên thường niệm Phật A Di Đà phát lời đại nguyện rằng Nguyện ta ác nghiệp này lần tiêu, thiện nghiệp mỗi ngày thêm lớn. Áo cơm vừa đủ, sớm bỏ nghề này. Sau khi ta kiến Phật đắc đạo rồi, độ hết tất cả người, nhân ta mà làm nghiệp dâm đều được sinh về Tịnh độ. Mỗi niệm không dứt, niệm tự thuần thực, quyết định sinh về thế giới Cực Lạc.

Nếu đem pháp niệm đây dạy người, và khuyên người thay nhau khuyên hóa, hiện đời ắt được tai trừ tội hết, thân đời sau cũng được phúc báu vô cùng.

KHUYẾN NGƯỜI TỘI ÁC

Người có tội ác, phải tự nghĩ rằng Ta một đời bình sinh đã tạo nhiều tội ác. Một mai nhắm mắt lại rồi, thì biết làm sao cho đặng, chỉ bằng sớm lo sám hối niệm Phật A Di Đà, phát lời đại nguyện rằng Nguyện ta sau khi kiến Phật đắc đạo rồi, độ hết tất cả những người mà bị ta sát hại từ bao kiếp lại đây đều được sinh về Tịnh độ. Mỗi niệm không dứt, niệm tự

thuần thực, thời ác nghiệp cũng có thể bớt dần dần, thiện duyên càng thêm lớn, chắc sinh về thế giới Cực Lạc.

Bằng hay đem pháp môn này dạy người và khiến người thay nhau khuyến hóa, chẳng những hiện đời khá dùng diệt tội, mà thân đời sau, cũng được phúc báu vô cùng.

KHUYẾN NGƯỜI BỆNH KHỔ

Những người đời trước sát hại chúng sinh, nay mắc quả báo chết yểu, kẻ thấy người sát vui mừng theo, mắc báo phiền não.

Như người bệnh khổ chính là dư báo sát sinh đời trước là chính báo ăn thịt chúng sinh, cũng là chính báo làm cho chúng sinh bị tổn hại. Quả báo thiện ác ở nơi người, như bóng theo hình không rời khỏi đặng. Cho nên người mắc bệnh khổ phải tự trách rằng Do ác duyên đời trước của ta, nên nay mắc báo như thế này.

Thường niệm Phật A Di Đà, phát lời đại nguyện không còn làm ác, không còn sát sinh, không còn làm tổn hại tất cả chúng sinh. Nguyện thân này sớm lìa bệnh khổ, sau khi kiến Phật đắc đạo rồi, độ hết tất cả chúng sinh mà đã bị ta sát hại từ bao kiếp lại đây và tất cả kẻ oan người thân, cũng đều được sinh về Tịnh độ, mỗi niệm không dứt, niệm tự thuần thực, chắc sinh về thế giới Cực Lạc. Bằng đem pháp môn này dạy người và khuyến người thay nhau khuyến hóa. Khi làm

công lực thiện báo tự đặng nhiều, thời bệnh khổ kia ắt lành mạnh, và thân đời sau cũng được phúc báu vô cùng.

KHUYẾN NGƯỜI TẬT ÁC DỤC LÀM THẦN

Đời có người ganh ghét người ác kia. Nói người ác trong thế gian, sức ta không thể trị. Nguyên chết làm ông Thần để thống trị người kia, chớ ta không muốn sinh về Tây phương.

Xét trong kinh Phật nói Thần là một hạng còn ở trong lục đạo, còn là số đọa lạc, còn cảnh Tây phương kia, chính là một cảnh đã siêu xuất lục đạo luân hồi.

Cho nên người tu Tây phương lấy tâm chính trực từ bi làm gốc, chớ thấy làm đâu không phải là từ bi. Nếu người có gây tội ác, thời ta thương tâm ngu si kia, người có khốn khổ thời ta muốn cứu giúp kia, ấy là một sự không hệ lụy đến ta, nhưng mà ta đối với tất cả chúng sinh, có duyên lành to lớn vậy.

Kẻ làm Thần kia, do tâm chính trực sân hận làm gốc, chớ thấy cùng chỗ làm, không đâu chẳng phải là sân hận. Nếu răn lỗi của người thời bắt người thêm tật bệnh, trị tội người, thời càng gia tâm nóng nảy. Ấy là có hại cho người mà đối với mình, thì chịu hưởng hết phúc làm Thần.

Bởi tạo nghiệp sân hận, nên đọa trong địa ngục. Từ trong địa ngục ra, thời làm những loài mãng xà, bò cạp, không khi nào siêu thoát được vậy. Xưa có hai ông thầy đồng tu hành

một ông làm phúc còn một ông ưa sân, ông thầy làm phúc thường răn nhắc, mà ông sân kia chẳng nghe lời. Sau ông hay sân ấy chết đi.

Còn ông răn nhắc một bữa quá giang ghe hành khách đi qua đất Giang Thượng, nơi cung đình ông Thần trong miếu kia rất linh hiển và nói tiếng người được. Khách lên bờ tế Thần. Thần bảo khách rằng Ông thầy đồng đi dưới ghe của nhà người kia. Nên mời ông đến ra mắt ta. Ông thầy kia đến ra mắt, thì Thần mới nói rằng Ta là ông thầy đồng tu hành với ông, nhưng vì ta hay sân giận, nên nay bị đọa làm Thần ở miếu này.

Ông thầy kia muốn thấy hình Thần, nhưng mà Thần nép lánh không chịu, đến nỗi đôi ba phen ông thầy kia muốn thấy, túng thế Thần nọ mới bày một khúc hình rắn. Thần lại bảo rằng Có người cúng cho ta mười cây lụ, vậy ông nên vì ta, bàn làm việc siêu độ, rồi ông qua đất Hồng Châu, lên trên non phía Tây thì thấy ta. Ông thầy y lời nói, quả nhiên đến trên non phía Tây, thấy một con rắn mãng xà nằm chết, thân dài hai ba dặm. Than ôi! Quả báo sân hận như thế.

Vả người có một tâm rộng sáng vắng lặng như nước trong mát nhưng bị một niệm sân giận nổi lên, thời khác nào cầm vật như ướm quăng vào, làm hư nước trong mát lắm vậy. Nếu khởi một tâm từ bi, thời cũng như đở hương chiên đàn trong ấy, giúp cho nước kia được thêm mát mẻ cũng lắm vậy.

Nước kia tánh vốn yên lặng mà gió càng thổi mạnh sóng càng sôi trào. Gió sân giận không thổi nữa thì sóng lòng tất nhiên phải yên, mà nước lòng trở lại tánh lặng lẽ. Như thế thì sự an vui chắc chắn vĩnh viễn chính ở nơi lòng ta mà ta không tự thấy.

Than ôi! Người nhọc gì mà chẳng làm việc từ bi để tu về Tây phương. Lại sân hận mà phải đọa làm Thần há chẳng làm lắm ư.

KHUYẾN NGƯỜI TRUNG VỚI NƯỚC

Phải nghĩ rằng Chúng ta chịu ơn quốc gia nuôi dưỡng, tiền lương, lụa vải mỗi tháng, đều nhờ sức của dân nhọc nhằn mà đặng. Chúng ta sờ dĩ ngày ăn no đủ, áo mặc ấm mát. Trước đặng dâng cấp cha mẹ già, sau đặng nuôi dưỡng vợ con, dầu là ơn của quốc gia, dầu là sức của sinh dân, lúc không giặc giã cũng phải sửa sang đồ binh khí, tập luyện kỵ xa, dấy oai binh trận, binh quyền tướng dũng khiến nước ngoài khá sợ, tiêu giặc loạn trước khi chưa móng. Cầu cho quốc gia an thanh, sinh dân an ổn.

Mỗi ngày thâm niệm nghìn tiếng danh hiệu Phật A Di Đà, nguyện trong chỗ minh minh, giúp cho khí lực thân mình mạnh mẽ, có giặc nạn ra sức chống ngăn, tuy liều mình mà không đoái, lúc không giặc nạn thời canh phòng nghiêm ngặt, chẳng phải tham công danh mà xử hiệp giết oan. Cầu cho quốc gia thường an, sinh dân thường vui vẻ mà thôi. Ấy là tâm Bồ Tát ra làm hạnh tướng quân.

Lại hay đem pháp này dạy người và khuyên người thay nhau khuyên hóa. Như vậy thì thiện nghiệp thuần thực, phúc lộc càng thêm, thân đời sau cũng được sinh về Tịnh độ, sinh lên phẩm thượng của bậc trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI ÁC KHẨU

Thân, Khẩu, Ý là ba nghiệp, trong kinh tạng nói Quả báo phân nhiều nhân nơi khẩu nghiệp, vì là khẩu nghiệp dễ phát ra vậy.

Kinh Báo Ân nói Xưa có người giận bà mẹ đem cơm đến trẻ, bèn nói rằng Ta sinh trong bụng mẹ chẳng bằng sinh trong bụng con lừa, sau mắc quả báo đầu thai trong bụng con lừa.

Lại có người nữa, do mẹ đem cơm cho, nếu không vừa ý thời nói rằng Mẹ ta cho ta ăn, chẳng bằng cho chó. Sau rồi mắc báo sinh làm con chó.

Đây là quả báo của khẩu nghiệp cả. Nên có câu “Ác khẩu giả, nãi ác nợ chi khẩu, vi ngôn ngữ bất ôn hòa nhi”. Nghĩa là Ác khẩu đó, là lời thịnh nộ hung ác, chính là lời nói không ôn hòa vậy.

Người đời ít ai biết lý đây, bèn cho lời miệng ác, lời nhe là thường.

Vậy tôi (Vương Nhật Huru) kính khuyên người đời gắng giữ gìn việc ấy, thường niệm Phật A Di Đà để súc rửa sự nhơ nhớp của khẩu nghiệp.

Nghe người miệng ác, lời nhơ, cũng thường niệm danh hiệu đây, đừng rửa sạch cái nhơ nhớp của lỗ tai. Nguyên đem thiện nghiệp niệm Phật đời nay, rửa sạch cái nhơ nhớp nhiều kiếp đến nay. Được như vậy thì thiện nghiệp ngày thuần thực, ác nghiệp ngày tiêu vong.

Lại hay đem pháp niệm dạy người, và khiến người thay nhau khuyến hóa, thì tai nạn khá tiêu phúc lộc hằng được mãi mãi, và thân đời sau cũng được về Tịnh độ, sinh lên phẩm thượng của bậc trung vậy.

KHUYẾN NGƯỜI TUỔI GIÀ

Người đến tuổi già, tác bóng quang âm có chùng, lại không đường trước khá tới, chính nên tu hành, thiết đáng tu hành, vì sao thấy đặng chính nên tu hành ? Người sinh ở đời đặng nhiều một ngày gây nhiều tội một ngày, tính đến sáu bảy, mười tuổi, tội lỗi thật chứa bằng non.

Xưa ông Bá Ngọc tuổi đời năm mươi mà biết cái lỗi năm bốn mươi chín. Huống chi những kẻ không bằng ông Bá Ngọc thì ai mà khỏi lỗi. Thử ở trong đó hỏi đầu tướng xem, đâu chẳng hổ thẹn, đâu chẳng kinh sợ ?

Ta cả ngày dầm bùn lội nước đều vì con cháu, song đến khi hạ trường đầu (hấp hối) dù con thảo cháu thuận có thay thế cái chết cho ta đặng không ? Và có thể, sau khi ta chết rồi chịu tội thế đặng không ?

Hay là chỉ trơ trọi một mình, đến chỗ vua Diêm La, mặc dầu ngài phán đoán. Chi bằng lúc ta còn sống một ngày, một ngày ta niệm Phật A Di Đà, như vậy đem theo đặng, như thế nhờ cây đặng, có cái đó thấy đặng chính nên tu hành.

Thế nào mới thật chính đáng tu hành ?

Nghĩa là Khi còn đang tuổi trẻ mạnh khỏe, ai ai cũng lo kinh dinh sự nghiệp. Hoặc người cầu vị quan, hoặc người lo gia tài, hoặc người buông lung tử sắc, hoặc người làm thi văn, hoặc người mua danh tiếng, chỉ lo đua bơi đi tới, không nghĩ lúc sau.

Đến khi sương pha mái đầu, tuổi già xâm xâm áp đến, con đường chết gần kề, chỉ một mực giam hãm trong ngục lửa.

Dù cho chẳng bỏ, mặc dầu thiệt người ham muốn sự đời, nhưng đến chừng giờ đó, tâm niệm tự nhiên thôi hết. Tâm niệm đã thôi hết, thì niệm Phật liền tự chuyên nhất.

Trở mắt thấy con vô thường thì sự niệm Phật tự nhiên hăng hái. Sánh với tuổi trẻ tu hành, dường như việc ấy không hơn phân nửa, có cái đó thấy đặng thiệt đáng tu hành.

KHUYẾN ĐỒNG NAM

Nhà người sinh con trai, 7 tuổi đã cho vào trường đọc sách. Số là muốn cho con hiểu biết chữ nghĩa, lớn khôn làm nên. Tâm cha mẹ ai ai chẳng như vậy.

Đâu có biết đời người khó giữ, ít người đặng sống đến tuổi cao, hoặc mắc oan gia, đến nỗi chết yểu, hoặc đưa con cùng cha mẹ, có oan nghiệp đời trước, nay gá sinh trong nhà đó nỡ hại cha mẹ phá hoại gia sản.

Tôi (Vương Nhật Hư) kính khuyên ai là người cha mẹ, khi đưa con trẻ mới vừa biết nói, liền dạy nó mỗi ngày niệm bốn hiệu Thánh Tây phương (Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh) mỗi hiệu mười tiếng, niệm bài kệ đức Đại Từ Bồ Tát một biến, và tụng lời chú chân ngôn Tịnh độ, chú này chỉ có năm mươi chín chữ, rất dễ tụng trì.

Nếu ngày tụng đặng 500 biến, hoặc nghìn biến, không hạn một năm, cùng hai năm cũng có thể đủ ba mươi muôn biến.

Nghĩa là Từ sáu tuổi bắt đầu tụng đến bảy tuổi là rồi không ngăn gì sự vào trường đọc sách.

Dù đưa con ấy đời này không có oan ác với cha mẹ, nhưng tụng chú này cũng là bậc đại thiện đó, ắt được tiêu tai tăng phúc, bằng như hoặc có oan gia đời trước, nay nhờ trì

tụng chú này, cũng được giải oan trừ nghiệp, chẳng cũng thiện ư ?

Nếu không tin lời này, đến chùng đó ăn năn cũng vô ích, nên đức Không Tử nói câu “Bất viết như chi hà, như chi hà giả, vị như chi hà, dã dĩ”. Nghĩa là Không biết nói làm sao, không biết làm sao đó, ta cũng không biết làm sao nói cho được, thôi vậy.

KHUYẾN THẮT NỮ

Ta (Vương Nhật Huru) thấy những người phụ nữ phần nhiều nhân khi sinh đẻ, mà đến nỗi bệnh nhiều, hoặc có khi hoạn sinh nghịch sản làm cho thân mẹ phải tiêu vong. Đây chính là bà mẹ cùng với đứa con sinh kia, đời trước có mắc nợ oan gia, nên bây giờ có oan báo như thế.

Cứ trong kinh tạng nói Muốn dứt tất cả cội gốc nghiệp chướng và được vãng sinh về cõi Tịnh độ thì phải tụng lời chú chân ngôn này. Nghĩa là Người đọc tụng chú này, Đức Phật A Di Đà thường đứng trước đầu người ấy, không cho oan gia làm hại.

Hiện đời an ổn, khi mạng chung tự tại vãng sinh, nếu người nào tụng đủ hai mươi muôn biến thì hột giống Bồ đề mộng sinh. Tụng ba mươi vạn biến thì quyết định trước mặt thấy Phật A Di Đà.

Tôi (Vương Nhật Hưu) kính khuyên những người khi còn làm con gái ở bên thân cha mẹ, lúc rảnh rang ít việc, nên mỗi ngày tụng bốn hiệu Thánh Tây phương, mỗi hiệu mười tiếng như trên đã nói và, tụng bài kệ đức Đại Từ Bồ Tát một biến. Ngoài ra mỗi ngày tụng lời chú chân ngôn này 500 biến, hoặc nghìn biến. Một năm không đủ thì hai năm, thì cũng có thể đủ ba mươi muôn biến.

Hay khiến trọn đời khỏi mắc nạn hoạnh sinh nghịch tử. Bằng cha mẹ nếu để con gái buông lung chơi đùa lơ lỉnh, hoặc không tin lời đây một mai oan trái gặp nhau, thì mắc hại lớn, bấy giờ ăn năn cũng không kịp.

Dù cho đứa con gái kia đời này không oan gia ở bên thân cha mẹ, trước tụng lời chân ngôn này ba mươi muôn biến. Trông căn lành lớn ấy, làm duyên lành lớn ấy, có nào chẳng đáng. Đối ân ái đây, thật là thậm thiện mà phúc cũng lớn đó vậy.

Vậy những người thiếu nữ nghe đến bài này khá chẳng gắng sức trì tụng ư ?

QUYỂN SÁU HẾT



QUYỂN BẢY**CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ****ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN****LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI**

Người tham thiền phần nhiều không tin Tịnh độ, nói tu Tịnh độ là chấp tướng. Muốn chỉ ngay tâm người thấy tánh thành Phật mà thôi.

Lời ấy rất hay, nhưng không dễ gì được, trở thành tệ đó lắm vậy. Nên nay tôi (*Vương Nhật Hữu*) giảng rõ cái tệ của người tham thiền và dẫn sự tích làm pháp chứng, cho các người tu hành, không biết chỗ cốt yếu của Tịnh độ, cũng xin giảng nói luôn đây, cho nên quyển này gọi là quyển “CHỈ MÊ QUY YẾU”.

**ĐỜI TỔNG ÔNG THANH THẢO ĐƯỜNG THÂN
ĐỜI SAU CỦA ÔNG, LÀ ÔNG TĂNG LỖ CÔNG**

Triều nhà Tống, có ông Thanh Thảo Đường. Lúc ông còn sống tuổi ngoài chín mươi, có người đàn bà nhà họ Tăng, thường tới lui trai cúng và bố thí y, vật cho Hòa thượng. Hòa thượng Thanh Thảo Đường cảm ơn kia, bèn nói Lão tăng này sẽ làm con trai cho phu nhân.

Ngày qua tháng lại Xuân mãn Thu sang, một hôm người đàn bà ấy sinh đặng đứa con trai, nhớ lại lời trước kia, liền sai

người đến thăm ông Thảo Đường thì ông ấy đã tọa hóa rồi vậy. Đứa con trai bà sinh kia bèn đặt tên Tăng Lỗ Công vậy.

Do đời trước Lỗ Công làm ông thầy, từng tu phúc, tu huệ, nên nay tuy rằng tuổi nhỏ mà thi đỗ khoa cao, sau làm quan đến chức Tể tướng, thấy trong thế tục xem đó không ai hơn vậy.

Song tuy như vậy nhưng đó cũng là một sự sai lầm. Vì sao ? Vì trong thế cuộc phú quý này không lâu dài, hưởng hết phúc thì là không. Lại phải theo nghiệp duyên mà đi luân hồi không có khi nào dứt. Chẳng bằng niệm Phật sinh ngay về Tây phương, thấy Phật dứt sinh tử là việc lớn, rồi trở lại làm Tể tướng cũng không muộn gì.

Cho nên tuy vào trong thai bào thọ sinh, nhưng mà một tánh linh mình đây không muội. Sở dĩ tuy ở trong cảnh giới luân hồi, đã không chịu luân hồi, mà tới lui trong đường sinh tử vẫn được tự như vậy. Nay chưa đặng dứt sinh tử, bèn bo bo nhớ ơn nghĩa, vì người làm con, thời không khỏi tâm thân ái hằng ở luân hồi, thật là thất kế lắm vậy.

GIỚI THIỀN SƯ HẬU THÂN ĐÔNG PHA

Chùa Ngũ Tổ ngài Giới Thiền sư, là thân đời trước ông Đông Pha, việc ứng nghiệm chẳng phải một. Do đời trước của ông tu hành, nên đời nay được thông minh hơn người. Do vì tánh ưa quen năm món độc (*ngũ dục lạc*) chứa trù, nên đời

nay, ý hay diêu lòi thi thơ, ngoài chịu sự đày trách (*trấn nhậm xứ ngoài sáu năm*). Đây cũng là một sự lắm to vậy.

Nếu đời trước làm ông thầy tham thiền mà gồm tu Tây phương nữa, thời ắt đặng sinh Tịnh độ thành tựu đại phúc đại huệ đâu còn sinh lại cõi này, chịu nhiều khổ não ư ?

Song nghe ông Đông Pha một hôm đi trấn nhậm phía Nam có mang theo một bức tượng Phật A Di Đà. Người hỏi có chi vậy ? Ông đáp Bức tượng này là việc công cứ của ta sinh Tây phương vậy.

Nếu quả như thế, thời ông Đông Pha đến đây mới là đắc kế, đó cũng là thiện căn gieo trồng đời trước, nên nay sáng ngộ hơn người, và mới ngộ được lý này có vậy.

Ta (*Vương Nhật Hưu*) nghe ông Lỗ Trực, đời trước làm người đàn bà tụng kinh Pháp Hoa. Do công đức tụng kinh, nên đời nay thông minh có chức quan. Đây cũng là theo nghiệp duyên mà đến cõi này vậy.

Nếu sinh về Tây phương thì đâu có như vậy mà thôi ư!

TRIẾT LÃO HẬU THÂN ĐA ƯU KHỔ

Có ông Triết Lão thiền sư, trụ trì chùa Đại Sát đất Kinh sư, bốn mươi năm không ngủ, ngồi thiền định khổ như thế. Khi qua đời cũng ngồi và thị tịch, sau khi đem áo bằng giấy

thieu đốt, ra ngọc Xá lợi. Có ông quan trong triều đem 30 ngàn mua một cái áo giấy ấy. Vì áo kia có Xá Lợi có vậy.

Ôi! Sự hiệu nghiệm tham thiền của ông đã như thế, nếu ông tu Tây phương, thì chắc được bậc bất thối chuyển địa Bồ Tát, đường sinh tử vẫn tự như. Rồi trở lại thế giới này tế độ chúng sinh, có chi chẳng đặng. Vì không biết tu pháp này, nên mới sinh trong nhà đại phú quý, một đời chịu nhiều sự ưu khổ khá thương vậy ư. Dẫu cho hưởng đại phú quý, rốt cuộc có khi hết, y cữ luân hồi.

Hoặc có người hỏi Sự tu hành tinh tấn của ông Triết Lão như thế, vì lẽ gì mà đời nay phải chịu nhiều sự ưu khổ vậy ?

Ông Vương Nhật Hưu đáp Đức Phật có nói

Dã linh bá thiên kiếp

Sở tác nghiệp bất vong

Nhân duyên hội ngộ thời

Quả báo hườn tự thọ

Nghĩa là

Dù cho trăm ngàn kiếp

Chỗ tạo nghiệp không mất

Khi nhân duyên gặp gỡ

Quả báo lại mình chịu.

Ngài Vĩnh Gia đại sư cũng nói Dứt sinh tử thời nghiệp chướng xưa nay không, bằng chưa dứt lẽ phải thường nợ trước. Do ông Triết Lão, chưa từng dứt được sinh tử là việc lớn, đời nay tuy sinh trong nhà đại phú quý, chính là tâm nguyện của ông đời trước vậy, cho nên phải chịu nhiều điều ưu khổ, đó chính là lúc nhân duyên gặp gỡ, và phải trả nợ đời trước tới nghìn trăm đời lận.

Nếu ông sinh Tây phương, thời nợ trước chẳng cần trả vậy. Vì sao ? Vì sinh tử tự như, cho nên tuy vào trong tất cả cõi sinh tử chúng sinh, làm việc tế độ to tát. Nhưng mà một chân tánh của ta không hề mê muội, được siêu thoát ngoài ba cõi, đâu còn phải trả nợ đời trước ư.

Vả luận ông Triết Lão tu hành tinh tấn, còn không thể siêu thoát ngoài ba cõi, đâu chẳng phải ba cõi quá cao, biển khổ kia quá rộng, lượng sóng ba đào kia quá gấp, cho nên không dễ gì siêu thoát được.

Tu Tây phương mà được siêu thoát ngoài ba cõi là nhờ sức Phật vậy. Đã có sức Phật hộ trì mà không nương tựa, khác nào người bần cùng đói rét, thấy bậc giàu sang mà không nương cậy.

Nhật Hưu này thương lắm.

CỔ LÃO HẬU THÂN ĐAM PHÚ QUÝ

Có ông Huệ Cổ trưởng lão, trước trụ trì chùa Thái Bình đất Thư Châu, sau qua ở chùa Đại Sát đất Triết Đông, cũng là hàng tôn túc trong sơn môn vậy.

Sau khi chết đầu sinh trong nhà Tể tướng, tuy tuổi nhỏ mà đỗ khoa cao, đời rất là vinh hiển. Song đây cũng là một sự thất kế rất lớn. Vì sao ? Đời trước trai giới, đời nay ăn thịt, ắt nói sự ăn thịt là ngon a ? Đời trước thanh tu đời nay gần sắc dục, ắt nói sự sắc dục là đẹp nhỉ ? Đời trước thiên định, đời nay hưởng phú quý ắt cho phú quý là phải sao ? Ví như voi lớn sa lầy, bước một bước càng lún sâu một bước, khôn sao mà khôn thế!

Kinh Lăng Nghiêm nói Tai nghe và tiếng nghe hết, cái nghe hết cũng không trụ. Tâm giác và cảnh bị giác không, tánh giác không đã viên mãn.

Nghĩa là Sự bị nghe tột rồi, tâm nghe tột cũng không trụ, cho nên nói, tuy hưởng sự khoái lạc trong đời, khác nào cái không trụ nói trên. Cái không trụ trước, đã không trụ thời là quá khứ. Quá khứ thì không được lâu vậy.

Lại có tâm năng giác và cảnh trần bị giác, thì rốt cuộc cũng quy về nơi không. Không thời là chẳng thật vậy. Thiết đặng nơi đây, không mà giác đó, thời tánh chân giác cực viên, mà không còn sa đọa vậy.

Giả sử ông Cổ Lão mà ngộ đặng lý này (*chân giác*) thì quyết không sinh trong nhà Tể tướng.

Dầu chưa đặng tỏ ngộ chân tánh, vả tu Tây phương mau thoát khỏi luân hồi cung đặng vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói Người tu hành trong thế gian như lóng nước đục. Lóng đó tuy trong, nhưng chưa gạn bỏ cặn đục, khuấy đó đục lại, là nghĩa nói ông Cổ Lão vậy.

Bằng sinh Tây phương thấy Phật đắc đạo, trở lại sinh thế giới này, thì cũng như gạn bỏ cặn đục, thuần đặng một thứ nước trong, mặc dầu khuấy đó cũng không đục nữa, vậy cho nên dù là hàng tôn túc, mà chưa ngộ được nhân tánh, thời cũng chẳng khá chẳng tu Tây phương. Xem sự tích ông Cổ Lão này cũng đủ làm gương cho lớp sau vậy.

TÂY PHƯƠNG NHƯ HIỆN THỌ QUAN

Ví như người có chức quan nhỏ mà không chịu, ắt muốn tu học làm quan to (*trạng nguyên*) chí kia vẫn tốt vậy. Song chức Trạng nguyên không thể chắc đặng, vẫn không bằng lãnh liền chức quan nhỏ, một mặt tu học, bằng thi đậu chức quan to thời như trên gắm thêm hoa. Bằng chẳng đặng đó, cũng không mất phần làm quan.

Người tu Tây phương dụ như người lãnh liền chức quan nhỏ vậy. Một mặt tu học là dụ cả tu Tây phương, gồm tu pháp tham thiền nữa vậy. Chẳng đặng chức quan to là dụ kẻ

tham thiên chưa tỏ ngộ vậy. Không mất kia, người làm quan là dụ chóng khỏi luân hồi, hưởng sự khoái lạc lớn vậy.

Đã sinh Tây phương, thấy Phật nghe Pháp, đâu có lý nào không đại ngộ ư. Cho nên cái thuyết Tây phương không nên bỏ vậy.

BA BÒ TÁT TU ĐÂU SUẤT

Trong bộ Thập Luận Nghi của ngài Trí Giả có dẫn sự tích ba vị Bồ Tát tu pháp niệm Phật cầu sinh về cung trời Đâu Suất.

1 - Vị tên Vô Trước

2 - Vị tên Thế Thân

3 - Vị tên Sư Tử Giác

Ba vị Bồ Tát đây, giao ước với nhau rằng Trong ba người chúng ta, hễ ai sinh về Đâu Suất trước thấy Phật Di Lạc rồi, lập tức trở về báo tin cho biết.

Khi đó vị Sư Tử Giác chết trước vài năm không nghe tin tức. Kế vị Thế Thân tịch, ba năm mới về báo tin nói rằng Tôi sinh về Đâu Suất, lễ Phật Di Lạc, nghe Ngài thuyết pháp, mới được một ngày, lật đật trở về báo tin cho hay đây. Lại thay cõi trời Đâu Suất một ngày, mà ở cõi nhân gian ba năm vậy.

Vị Vô Trước hỏi Còn ngài Sư Tử Giác thế nào ?

Thế Thân đáp Sinh ngoại viện Đâu Suất đấm trước ngực trời, tức không thấy được Phật.

Vả chẳng ba vị Bồ Tát, tu về Đâu Suất, còn có tham trước không được thấy Phật, ấy là cội gốc luân hồi. Cho nên biết rằng Đâu Suất khó tu và có sa đọa, không bằng Tây phương dễ tu, mà không sa đọa vậy.

Ngài Trí Giả lại nói Có người thấy Phật Thích Ca mà không đắc đạo, còn người tu Tây phương thấy Phật A Di Đà, không có một ai mà không đắc đạo. Thế thì đủ biết rằng Đức Phật Thích Ca, cùng Phật A Di Đà, nguyện lực, công đức, oai thần kia, lớn nhỏ vẫn không đồng vậy.

Cho nên đức Đại Từ Bồ Tát nói rằng Mười phương ba đời Phật A Di Đà là thứ nhất. Niệm danh hiệu Ngài, tiêu tất cả tội liền đặng sinh Tịnh độ là phải vậy.

PHÁP HOA NI HẬU THÂN TÁC QUAN KỶ

Ông Âu Dương tên Vĩnh Thúc làm chức Tri huyện đất Vĩnh Châu, có một con hát nhà quan trong miệng thường bay hơi thơm hoa sen. Khi ấy có ông Tăng biết túc mạng của cô mà rằng Cô này đời trước làm cô ni tụng kinh Pháp Hoa mười năm, vì một niệm tưởng lầm, bèn đến nỗi như thế này.

Ông Tăng lại hỏi Vậy cô có nhớ tụng Kinh Pháp Hoa không ?

Đáp rằng Từ khi thất thân đến nay có rảnh đâu mà tụng.

Ông Tăng lấy bộ Kinh Pháp Hoa đưa cho thì cô đọc tụng như nước chảy, lấy kinh khác đưa cho, thì cô đọc không đặng. Do đây mà biết lời nói của ông Tăng đáng tin vậy.

Giả sử, cô ni này biết tu pháp môn Tây phương thì thượng phẩm thượng sinh chắc đặng vậy. Vì không biết nên phải sa đọa đến nỗi làm con hát khá chẳng thương ư! Do đây mà biết, hay đem pháp môn Tây phương này dạy người tu tập, công cứu giúp kia rất lớn vậy, phúc đức há dễ lường ư ?

PHẦN TỰ LUẬN

Từ lúc mới sinh cho đến khi xuống mồ, chúng ta chơi vơi như những cái bóng đi tìm chân lý, mà chúng ta tin rằng có. Vừa sinh ra đời chúng ta đã khóc và cũng còn khóc nữa khi ta phải lìa đời. Bị thúc đẩy bởi một sức mạnh vô hình, chúng ta chen vai thích cánh trên đời để làm những cử chỉ hời hợt. Thế nên Phật dạy

Trên bước đường tìm lẽ thật, các người chỉ tin cái gì mà chính các người tự mình sau khi suy luận, nhận là đúng, là hợp với lẽ phải, không trái với lòng mình, và ăn khớp với hoàn cảnh hiện tại. Sử sách, thánh hiền không đủ bảo đảm nếu chính lòng mình không cho, hoặc chưa cho là đúng.

Ngay đối với giáo lý của Phật cũng thế, cốt là các người cố gắng tìm tòi mãi mãi, và một ngày mai kia, nếu các người

vỡ lẽ thêm ra, nhận thấu có điều gì đúng hơn, thì đừng ngại ngừng mà không dứt bỏ, những gì mà hôm nay các người đã tin.

QUYỂN BẢY HẾT



QUYỂN TÁM

CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SỌAN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI

Thế giới Cực Lạc, tuy cách cõi này tới trăm vạn thế giới. Luận về sự tích, thời không xiết kể sự xa. Song nói về Huệ tánh của Phật, vì trùm cả hư không thế giới, không chỗ nào không có cho nên tất cả chúng sinh ý, tư tưởng, hành vi cử động, đều là ở trong tánh Phật cả. Nên người chí tâm khẩn thiết, không có một việc nào mà chẳng ứng nghiệm, cho nên quyển này đặt là quyển “HIỆN THỂ CẢM ỨNG”.

KIỆN SÁT SINH NIỆM PHẬT ĐẮC PHÚC

Trong bộ Quan Âm cảm ứng có chép rằng Đất Nhiều Châu người trong số lính là người Trịnh Lân, chết hồi đến âm phủ, Diêm Vương chiếu bộ nghiệm tra, do bắt lầm lại tha về. Vua Diêm Vương bảo rằng Người trở về nhân gian gắng sức làm lành, thấy ai sát sinh, người phải niệm Phật A Di Đà cùng Quan Thế Âm Bồ tát, con vật kia đặng đầu thai, người cũng đặng phúc lớn, và cũng một phần giúp cho ta khỏi mất công trị người ác. Do đây suy xét đủ thấy người niệm Phật A Di Đà đã siêu độ được vong giả lại được tăng thêm phúc thọ, chẳng những thế thân sau lại đặng sinh Tây phương vậy.

ÔNG TRẦN KHÍ NIỆM PHẬT TRỪ QUỶ

Ông Vương Nhật Hưu nói Ông Trần Khí ở đất Vọng Giang là người đồng quận với ta, thường giết oan mạng người. Sau thấy quỷ hiện. Khí sợ hãi, lật đật niệm Phật A Di Đà, quỷ không dám gần. Trần Khí niệm Phật không thôi, quỷ bèn không hiện. Sau thường niệm Phật, lúc lâm chung ngồi mà quá vắng.

Sau nửa năm, dựa nhập đưa cháu gái tên Diệu Quang trong nhà, nói rằng Ta nhờ niệm Phật A Di Đà, đã sinh về thế giới Cực Lạc, cử động nói năng y như lúc còn sống, bà con kẻ quen biết đều đến viếng thăm cả hai ba ngày.

Người trong gia quyến nói Tiếc vì lúc nó còn sống, không vẽ được chân dung của nó để thờ cúng. Trần Khí nghe

nói, liền hiện nguyên hình như lúc còn sống, nhưng cái nét mặt có phần tươi trẻ hơn. Bởi người sinh Tây phương sống hoài không chết, tóc đầu người ấy giống như tóc Phật, số là người ấy đã gần thành Phật vậy.

Sự tích này do kẻ sĩ nhân ở đất Vọng Giang là ông Châu Hiến Thúc, vì ta thuật lại.

TRUU TÂN VƯƠNG NIỆM PHẬT MỘNG GIÁC

Ông Vương Nhật Hưu nói Ta từng khuyên kẻ sĩ nhân đất Trấn Giang, là ông Truu Tân Vương, thuyết tu Tây phương.

Ta nói Nếu không rảnh rang, thì cứ mỗi bữa sớm mai chấp tay quay mặt về hướng Tây, niệm Nam Mô A Di Đà Phật mười biến cũng đặng.

Tân Vương tin đó, một hôm nọ nằm chiêm bao, thấy cùng với một sĩ nhân, đang dẫn ông đi đến pháp trường. Tân Vương trong cơn sợ hãi, liền niệm Phật A Di Đà đến mười tiếng, bèn thức dậy.

Đâu chẳng phải là Phật dùng đây, làm cho người kia tín tâm kiên cố ư.

TRƯƠNG KẾ TỔ NIỆM PHẬT CẦU SIÊU VONG

Ông Vương Nhật Hưu nói Ta từng cùng kẻ sĩ nhân đất Trấn Giang là ông Trương Kế Tổ, nói việc Tây phương. Kế

Tổ tin đó, bà nữ mẫu của ông chết, ông thường vì niệm Phật A Di Đà cầu siêu.

Một hôm ông nằm chiêm bao thấy nữ mẫu ông về, mượn y Bạch Diệp mặc, đến tạ ơn Kế Tổ mà từ biệt đi về Tây phương.

Xem đây nên biết phép niệm Phật cầu siêu vong giả thật rất linh vậy.

LƯU HUỆ TRỌNG NIỆM PHẬT AN GIÁC

Ông Vương Nhật Hưu nói Ông Lưu Huệ Trọng là bạn tri thức ta ngày trước, người làng Trường Hưng quận Hồ Châu. Do mỗi hôm nằm mộng thường sợ sệt, ta khuyên niệm Phật A Di Đà.

Huệ Trọng chí thành cao tiếng niệm 108 biến, đêm đó bèn ngủ yên. Ngày sau cũng niệm như ngày trước, từ đây đều đặn ngủ yên. Do đây ta thấy Phật lực rộng lớn không chỗ nào mà Ngài không che chở.

Sự tích này ta đã kể bày quyền trước nơi bài niệm Phật “An tịnh hình thân” rồi vậy.

BÀ NGUYỄN TẦU NIỆM PHẬT MẮT SÁNG

Ông Vương Nhật Hưu nói Có bà Nguyễn Niệm Tam Tầu ở tỉnh Điền Trang, huyện Hoài Ninh đồng quận với ta, đau hai con

mắt gần mù, thường niệm Phật A Di Đà và cặp mắt bà đặng sáng lại.

Sự tích này chính ta được thấy đó.

VUA DIÊM VƯƠNG KHUYÊN TƯƠNG BÀ NIỆM PHẬT

Đất Trấn Giang huyện Kim Đằng, làng Chu Lâm có bà Tương Bà tuổi cỡ 70, chết đến âm phủ, song mạng chưa hết, được vua Diêm La cho về và hỏi Người có tụng kinh chăng ? Đáp rằng Tụng không được.

Vua nói Không tụng kinh thời người cứ niệm Phật A Di Đà cũng được.

Đã tha về bấy giờ bà Tương Bà thuật chuyện vua Diêm La dạy ta niệm Phật, ta không còn nghi nữa, cho nên bà thường niệm danh hiệu Phật đây gần trăm hai tuổi mới qua đời.

Bà sinh Tịnh độ chắc chắn quyết định vậy. Đâu chẳng phải do bà niệm Phật, mà lại sống dai ư! Nếu không phải thì vì lẽ gì mà bà sống được lâu vậy ?

Sự tích này do kẻ sĩ nhân, huyện Kim Đằng là ông Trương Duyên Chi, vì ta thuật lại.

THIỆU AN PHỦ NIỆM PHẬT THOÁT NẠN

Đất Tấn Giang, ông Thiệu Bưu tên Hi Văn. Hồi còn làm học trò, một hôm nằm mộng thấy mình đi đến một chốn quan phủ người đều kêu ông là ông quan An phủ, Thiệu Bưu tự mừng và rằng Diêm này đâu không phải ta thi đậu, sẽ lãnh chức An phủ ư ? Rồi ông đi tới trước, thấy một vị quan hỏi rằng Người có biết tại do người thi chưa đậu không ? Đáp rằng Không biết. Vị quan ấy sai người dẫn Thiệu Bưu đi xem, thấy một chảo lớn nấu loài ốc sò. Ốc sò biết nói tiếng người, thấy Thiệu Bưu đi ngang qua liền kêu rằng Thiệu Bưu. Bưu sợ bèn niệm Phật A Di Đà, mới niệm một tiếng ốc sò liền biến thành chim Huỳnh tước (*se se*) bay đi.

Quả thật sau rồi Thiệu Bưu thi đỗ khoa cao làm quan đến chức An phủ sứ. Do đây thấy người sát sinh, ngăn đường trước của người, chẳng khá chẳng răn! Lại thấy Phật lực quảng đại chẳng khá chẳng kính. Quan chức tự có định phần chẳng khá tham cầu đặng.

NIỆM PHẬT BỆNH PHONG KHÔNG SINH

Ông Vương Nhật Hưu nói Tôi quá giang ghe người gàn đi đến giữa sông, đất Trấn Giang, nước cạn đi không được, bèn ghé lại chùa Kim Sơn mượn bốn bộ kinh, tức Kinh A Di Đà vậy.

Muốn so sửa khắc bản rộng truyền. Khi cầm viết tay bên phải có phong, mấy ngón tự run lia viết chữ không được, tôi

bèn giờ ngón niệm danh hiệu Phật A Di Đà và Quan Thế Âm vài tiếng, khẩn cầu xin cho tôi hết chứng bệnh phong, đừng viết cho rồi bộ kinh đây.

Nguyện vái xong ngón liền hết run, cho đến rồi quyển cũng không đau. Do đây thấy Phật cùng Bồ Tát, vẫn ở trước mặt, chỉ vì tín tâm của người không chí thiết vậy.

MỘNG TRUNG NIỆM PHẬT THOÁT KHỦNG CỤ

Ông Vương Nhật Hưu nói Tôi ở trong cơn mê mộng, có khi sợ sệt, niệm danh hiệu Phật A Di Đà cùng Quan Thế Âm Bồ tát, chưa từng có lúc nào mà chẳng đặng yên ổn, hoặc có khi liền thức dậy.

Thì đủ thấy Phật cùng Bồ tát oai thần mau chóng như thế, những người đủ tín tâm chỗ hiệu nghiệm. Ngài đâu không chứng.

NIỆM PHẬT NHÀ KHỎI ĐÈ CHẾT

Có một bà già bị mù hai con mắt, mượn thằng nhỏ dắt đi thường niệm Phật A Di Đà. Một bữa nọ nghỉ ở trong nhà cũ, nhà bỗng đổ sập. Thằng nhỏ bỏ chạy, bà già còn ở trong. Bèn có hai cây chống nhau, đỡ phía trên bà già đặng khỏi đè chết. Đây phép niệm Phật rất linh nghiệm như vậy đây.

Sự tích này do ông Diệu Định Cư sĩ vì tôi thuật lại.

NIỆM PHẬT BỆNH SỐT RÉT ĐƯỢC LÀNH

Có vị Viên quan tên Lý Tử Thanh, ở ngụ đất Tú Châu, ham mộ đạo Tiên, thường theo học Phật với ta (*Vương Nhật Hưu*), mấy năm trước mắc chứng bệnh rét bảo rằng Chỉ e lòng ông không tin, nếu tin đó bệnh ắt lành.

Ta trao cho một phương thuốc, dạy tới giờ bệnh phát, chuyên chú niệm A Di Đà Phật, rồi uống thuốc này. Ông Tử Thanh nghe lời làm theo ngày đó bệnh bớt 8 phân, ngày kế cũng bớt 8 phân, như vậy cho đến ngày chót là được lành mạnh. Ông Tử Thanh từ đấy rất tin Phật lý, thường dùng văn Tịnh độ để trong tay áo, đem theo tụng niệm.

THÊU TƯỢNG PHẬT THƯỜNG CÓ XÁ LỢI

Ông Chung Ly Trạch làm chức Thiếu sư ở đất Chân Châu, cho bà Nhậm thị phu nhân, tu Tây phương, chạm tượng Phật A Di Đà, bề cao bốn tấc tám phân, làm khám chạm trổ rất tốt, lúc đi đâu thường đội theo để chiêm bái, tượng kia ở giữa chân mày, thường tuôn ra ngọc xá lợi, lớn như hạt gạo, ánh sáng chiếu ngời.

Sự tích này rút trong bộ Bửu Châu tập.

MỘNG THẤY PHẬT LIÊN ĐẶNG THÔNG BIỆN

Đợi nhà Tùy, ông Huệ Tư thiền sư, nhân chiêm bao thấy Phật A Di Đà, thuyết pháp cho ông nghe. Lúc sau ông thông biện hơn người, điềm lành không phải một.

Sự tích này rút trong bộ truyện Vãng sinh.

NIỆM PHẬT TRỊ BỆNH ĐƯỢC LÀNH

Năm gần đây đất Tú Châu có ông thầy thường niệm Phật A Di Đà, vì người trị bệnh, có người bệnh rước ông đến niệm Phật, thường đặng lành mạnh. Người trong xứ Tú Châu, ai cũng khen ngợi ông cả.

NIỆM PHẬT THẮNG CHÁU KHỎI NẠN

Ông Vương Nhật Hưu nói Trong làng ta, có một ông cụ già mỗi khi có việc liền chấp tay chí tâm niệm Phật A Di Đà.

Thằng cháu ông mới ba tuổi, nhân theo mẹ đến đồng ruộng thoát mất đi, ông già tìm hỏi chẳng thấy, sau vài ngày có người mách bảo cho hay rằng Tôi thấy dấu chân thằng nhỏ ở ngoài suối kia!

Quả nhiên ra ngoài đó tìm đặng, thấy dấu chân đầy cả trên bãi. Không biết vì lẽ gì suối kia rất sâu mà thằng nhỏ này qua bên kia được và lâu mà không hề chi.

Người ta nói, đó là do ông nội nó có tâm chí thành niệm Phật A Di Đà, mới cảm được quả phúc như vậy.

PHẦN TỰ LUẬN

Thật ra đạo Phật là một chân lý cần phải tự mình kinh nghiệm, về một mặt khác, suy nghĩ và hiểu biết chưa thật đã đúng đường, khi nhận xét không thấu đáo.

Đối với đời sống hằng ngày, đạo Phật khuyên ta những gì ?

Nên dung hòa cuộc đời thực tế với lý tưởng vị tha, điều thuận hành vi và ý nghĩ, bác bỏ những sự tương vi, cảm thông cho sâu sắc định lý vô thường của hết thảy các pháp.

Nói tóm lại, hướng cuộc đời theo gương Đức Phật và cố gắng thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

QUYỂN TÁM HẾT



QUYỀN CHÍN

CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI

Trong Kinh Thập Lục Quán nói Người cầu về thượng phẩm thượng sinh, cần nên đọc tụng kinh điển Đại thừa, hiểu nghĩa đệ nhất thế thì người tu thượng phẩm, thâm ý của Phật chẳng khá chẳng biết. Nhưng nói thiên ý còn không biết đặng, huống chi thâm ý ư! Cho nên quyển này gọi là quyển “TỪ THIÊN CHÍ THÂM” rất cần dùng trong mỗi ngày, đều biên chép ra đây, gọi rằng Đễ giúp ích cho người tu thượng phẩm.

TẬP THUYẾT

Đức Khổng tử dạy ba nghìn đồ đệ, song chỗ yếu chỉ kia chẳng ngoài một bộ sách Luận Ngữ, mà đầu bộ sách ấy chỉ một câu “Học nhi thời tập chi”. Nghĩa là *Học thời thường tập đó*.

Ý nghĩa một câu này đâu chẳng phải việc cần gấp trước ư. Luận rằng Học là gì? Học là làm người quân tử, làm vị thánh nhân. Tập là chi? Tập là tập nghề bản, tập lễ nghi.

Học làm quân tử, làm thánh nhân, không thể vội gáp mà được, cho nên ắt phải theo thời, mà lần lần tập đó.

- Nếu học pháp rộng lớn, thì ngay trong thời chật hẹp mà tập đó.

- Nếu học tính cách ôn hoà, thì ngay trong thời nóng giận tập đó.

- Nếu học tư dung cung kính, thì ngay trong thời khinh dễ tập đó.

- Nếu học theo bậc lương thiện, thì ngay trong thời dữ tợn tập đó.

- Nếu học theo lễ độ khiêm nhường thì ngay trong thời kình chống tập đó.

- Nếu học theo phẩm hạnh siêng năng, thì ngay trong thời biếng nhác tập đó.

Thế thì câu nói “Học nhi thời tập chi” là chính trong thời của việc đó, mà tập luyện. Thì sự tập luyện của ta không luống uổng vậy. Sự tập kia ắt thành, thành thời tự có chỗ khá mừng.

Cho nên sách Luận Ngữ lại nói thêm câu “Bất diệc duyệt hồ”. Nghĩa là *Học đặng như thế chẳng cũng vui w!* Nếu ai ngộ đặng lý này, thì toàn trong bộ Luận Ngữ, lời nói thiện căn đều khá dùng tới.

Cho nên người học, dùng một câu này “Học nhi thời tập chi” trùm cả đầu một bộ sách, thật có ý nghĩa thâm thúy vậy.

Người tu Tây phương mà tán nơi đạo là rất nhờ ở sự tu tập, cho nên người tu Tây phương xem đây chẳng khá dùng chẳng biết vậy. (*Phải tu tập cho cần mẫn*).

CÁC THỨ LỢI NHÂN THUYẾT

THUYẾT NÓI VỀ ÔNG CÁC PHIÊN THÁI THỨ LỢI ÍCH NGƯỜI ĐỜI

Trong niên hiệu Đại Hoán đời nhà Đường, có một ông Viên Quân, vào trong chợ kinh sư mua giày, thấy một đôi giày rất lớn, in như đôi giày hời liêm cha mình đem chôn, mới hỏi Giày đây do đâu mà có? Người bán giày đáp rằng Một ông cụ già đem cặp tôi sửa còn để đây.

Hỏi Chùng nào ông ấy lại lấy, ta hãy đến hầu chuyện.

Quả thấy cha ông, xuống ngựa trả tiền lấy giày. Ông con lễ bái, cha không ngó lên ngựa mà đi. Ông con chạy theo cỡ hai ba dặm nhưng không kịp bèn kêu to rằng

Cha ôi! Tôi với cha khi sống, làm cha con vì lẽ gì hôm nay không có một lời lành chi để dạy tôi?

Người cha ngoái lại đáp Nên học với ông Các Phiên.

Hỏi Các Phiên là người thế nào?

Đáp Người trong thế gian.

Bấy giờ ông con tìm hỏi chỗ ở ông Các Phiền, thì lúc đó Phiền đang làm quan Thái Thú trấn nhậm đất Trấn Giang. Bèn đến ra mắt và thuật lại duyên cớ đó, lại hỏi ông Các Phiền rằng Do đâu cảm động đến người ở chốn u minh như thế?

Vì tôi khi trước, mỗi ngày làm một việc lợi ích cho người, ngày kế làm hai việc, lại ngày sau làm ba việc, hoặc mười việc cho đến tuổi này nay đã bốn mươi, chưa từng có một ngày nào bỏ.

Hỏi Làm sao gọi là làm việc ích cho người?

Các Phiền chỉ cái ghế trong chỗ ngồi mà rằng - Như cái này đây, để không ngay thẳng, người đi vấp té trật chân, ta sửa lại cho ngay thẳng, cũng là việc lợi ích cho người vậy. Lại nữa Nếu người khát nước, ta có thể cho một gáo nước người uống cũng là việc lợi ích cho người vậy.

Chẳng những thế thôi, cho đến lời nói nhỏ nhẹ, tính cách ôn hòa, làm cho người cảm mộ, làm việc phúc thiện cũng là việc lợi ích cho người. Cứ tuy theo mỗi việc nào có lợi ích ta đều làm đó. Trên thì bậc khanh tướng, dưới nhứt đến kẻ ăn xin ta đều có thể làm cả.

Duy ở nơi lâu mà không bỏ thôi.

Người con nghe nói rồi lễ tạ mà lui. Ông Các Phiền sau đặng tuổi cao mới qua đời.

Xem đây thời biết, việc lợi ích cho người chẳng khá chẳng gặng, việc tổn hại cho người đâu nên làm ư?

Nên có câu Ái nhân lợi vật vị chi nhân giả. Nghĩa là *Thương người lợi vật, mới đặng gọi là người nhân.*

Ông Các Phiền đặng đó. Các Phiền gồm tu Tịnh độ lấy việc làm phúc đây hồi hướng về Tây phương. Sau có ông thầy tham thiền nhập định, xuất thần qua bên cõi Tịnh độ, thấy ông Các Phiền ở bên ấy.

THÍ BẢO THUYẾT

THUYẾT NÓI PHÚC BÁO BỐ THÍ

Đạo nhà Nho nói Báo thí đặng phúc báo, cũng như đạo Phật nói Báo thí đặng quả báo.

Kỳ thật hai đạo cũng đồng một lý vậy. Phật nói Muốn đặng lúa ăn, phải siêng năng cày cấy, muốn cho có trí huệ, phải cần học vấn, muốn đặng thượng thọ, phải cần đưng sát sinh, muốn đặng giàu sang, phải cần bố thí.

Bố thí có bốn phép 1- Tài thí, 2- Pháp thí, 3- Vô úy thí, 4- Tâm thí.

Tài thí là gì? - Lấy của cho người.

Pháp thí là gì? - Lấy lời nói lành dạy người.

Vô úy thí là gì? - Người và tất cả chúng sinh đang khi sợ hãi, ta an ủi họ, khiến họ khỏi sợ hoặc dạy họ liả khỏi tâm sợ hãi, khiến họ hết sợ.

Tâm thí là gì? - Sức tuy không thể cứu người, nhưng thường giữ tâm cứu người.

Phật nói Hiếu dưỡng cha mẹ cũng là bố thí, còn thí cho người ngoài, cũng gọi là bố thí. Cho nên, ai là người làm kẻ dưới, phải cần trung thờ bề trên. Làm người lớn bề trên phải đủ tâm nhân từ an chúng. Làm thầy phải cần dạy bảo. Làm bạn phải thành thật với nhau. Trong một lời một câu, ắt cầu có lợi. Lúc một khi đi một khi đứng, ắt muốn khỏi phạm. Mỗi việc phương tiện lợi người, đừng cho có chỗ tổn hại, đều là bố thí cả. Sự làm như vậy, giữ tâm cũng như vậy, đời sau đâu chẳng đặng báo giàu sang.

Lời cổ ngữ nói Ai ai cũng biết nói có đời sau. Vì sao không tu để phúc đời sau. Đời nay phúc ta hưởng đây, chính là công tu đời trước. Cũng như lúa ta ăn năm nay, là sự làm ruộng năm ngoái. Người không thể buổi mai cấy lúa, mà buổi chiều đặng ăn, cũng như không thể mới làm phúc, mà liền đặng hưởng phúc. Sở dĩ lúa ắt nửa năm, phúc cũng phải cách đời vậy. Đức Khổng Tử nói

Hóa ô kỳ khí ư địa, bất tất tàng ư kỳ.

Lực ô kỳ bất xuất ư thân, bất tất vị kỳ.

Nghĩa là

Ghét ai có của đem chôn dưới đất, không dám để trong mình.

Ghét người có sức không ra xuất thân (lập thân) chẳng phải vì mình.

Ông Lão Tử nói

Ký dĩ vị nhân, kỷ dĩ hữu.

Ký dĩ dữ nhân, kỷ dĩ đa.

Nghĩa là

Đã đem của vì người, mình càng có.

Đã đem của cho người, mình càng nhiều.

Đều là nghĩa bố thí.

Ông Tăng Tử nói Xuất hồ nhĩ đã phản hồ nhĩ. Nghĩa là Ra ở nơi người, trở lại cũng nơi người.

Ông Lão Tử lại nói Thiên đạo hảo hườn. Nghĩa là Đạo công bằng của trời đất, ưa trả lại những thiện hoặc ác.

Đây đều là nghĩa quả báo cả. Đạo Nho, đạo Lão, hai đạo, đều nói Thí báo, nhưng không nói cách đời thôi.

Sở dĩ có câu

Ái nhân giả, nhân thường ái chi.

Kính nhân giả, nhân thường kính chi.

Tai nhân giả, nhân tất phản tai chi.

Nghĩa là

Thương người, người thường thương lại.

Kính người, người thường kính lại.

Hại người, người ắt sẽ hại lại.

Các việc đây đều là việc thí báo hiện đời cả. Nếu người biết dạng như thế, nên tu Tịnh độ để vun trồng thiện căn cho nhiều vậy.

BẠC CHÍ NHÂN NÓI THUYẾT SỐNG LÂU

Ông Vương Nhật Hưu nói Tôi từng nghe bậc chí nhân nói Người đời áo cơm tài lộc, chôn âm ti (*cân nhân quả*) đều có định số.

Nếu cần kiệm không tham, thời được lâu dài, xa xỉ quá tham cầu, hưởng hết thời mạng chung. Ví như người có tiền một ngàn, mỗi ngày xài một trăm, thời được mười ngày, mỗi ngày xài năm chục thì hai mươi ngày. Nếu buông lung xa xỉ, liền thấy bại vong, còn như số một ngàn, một ngày xài hết, khá chẳng sợ ư. Kinh Dịch nói

Thiên địa chi số, ngũ thập hựu ngữ.

Sở dĩ thành biến hóa, nhi hành quỷ thần.

Nghĩa là

Số trời đất, năm mươi lẻ năm.

Thành số biến hóa, mà làm quỷ thần.

Thế là trời đất rất lớn, biến hóa rất hay, quỷ thần rất nhiệm, còn không trốn được kiếp số hưởng nữa người u.

Kẻ hoặc hỏi Người thanh liêm cần kiệm sao mạng chết yểu, kẻ tham lam xa xỉ sao lại được sống lâu?

Ông Vương Nhật Hưu Kẻ thanh liêm cần kiệm mà mạng chết yểu là số đương đòi ít vậy. Nếu tham lam xa xỉ thời càng mau hơn nữa. Người tham lam xa xỉ mà được sống lâu là Số đương đòi nhiều vậy, nếu lại thanh liêm cần kiệm thì càng lâu hơn nữa.

Vả chẳng trời đất không riêng cho ai, lẽ nào lại nói số đương đòi có nhiều có ít u?

Đó chẳng qua là điều chỉ cho lý (*cân*) nhân quả đòi trước của mỗi người gây tạo vậy thôi.

Cho nên kinh nói

Yếu tri tiên thế nhân kim sinh thọ giả thị.

Yếu tri lai thế quá, kim sinh tác giả thị.

Nghĩa là

Muốn biết nhân đời trước, coi đời nay ta thọ những gì.

Muốn biết quả đời sau, xem ngay cái nhân hiện đời.

Nhưng hiện đời làm nhiều điều lành tốt, cũng có thể tăng thêm phúc thọ. Nên có câu Thần chi thính chi, giới nhĩ cảnh phúc. Nghĩa là *Thần nghe đó, ban cho nguồn phúc lành*.

Song hiện đời làm nhiều điều tội ác, thì cũng có thể giảm bớt phúc thọ nên nói Đa hành bất nghĩa, tất tự tệ. Nghĩa là *Làm nhiều việc bất nghĩa, ắt phải chết non*.

Vả như người tu Tịnh độ, vẫn chẳng những số nhiều phúc thọ nói trên. Song việc tổn phúc thọ, thời là ít đức vậy, đâu khá chẳng răn ư! Còn việc tăng thêm phúc thọ, thời là nhiều đức vậy, đâu khá chẳng gắng ư!

THỰC NHỤC THUYẾT

THUYẾT ĂN THỊT

Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật Thích Ca, Ngài kêu ông Đại Huệ Bồ Tát mà bảo rằng

Có vô lượng nhân duyên, cho nên chẳng nên ăn thịt vậy. Ta nay vì ông lược nói Này Đại Huệ! Tất cả chúng sinh từ xưa đến nay, nhân duyên xoay vần, thường làm bà con. Do vì ta tưởng bà con, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì khí phần bất tịnh chỗ sinh tưởng, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì chúng sinh nghe hơi thấy đều khủng bố, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì khiến người tu hành, từ tâm bất sát, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì kẻ phạm ngu thèm ăn, món hôi hám bất tịnh, danh đồn không tốt, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì

tụng kinh trì chú không được linh nghiệm, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì người sát sinh thấy hình khởi thức, ưa thềm vị ngon, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì kẻ ăn thịt chur Thiên ghét bỏ, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì hơi hôi trong miệng bay ra, cho nên không nên ăn thịt. Do vì nhiều ác mộng, cho nên không nên ăn thịt. Do vì trong rừng vắng vẻ, hổ lang beo sói nghe hơi đến bắt, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì khiến người uống ăn không tiết độ, cho nên chẳng nên ăn thịt. Do vì khiến người tu hành không sinh tâm nhàm chán, cho nên chẳng nên ăn thịt.

Này Đại Huệ! Phàm những người sát sinh vì có tham tài lợi cho nên sát sinh bán thịt. Những người ngu si ăn thịt chúng sinh kia, đem tiền làm lưới, mà bắt mấy con thịt. Người sát sinh kia, nếu dùng tài vật, nếu dùng câu lưới bắt các loài bay trên không, lội trong nước, đi trên bờ, món món sát hại, bán thịt cầu lợi.

Này Đại Huệ! Nếu trong thế gian, không ai bảo sát, không ai cầu mua, không ai tưởng ăn, mà có cá thịt bao giờ! Do vì có ấy cho nên chẳng nên ăn thịt. Phật lại nói bài kệ. Kệ rằng

Vì lợi sát chúng sinh.
Đem tiền mua những thịt.
Hai người đồng nghiệp ác.
Chết đọa ngục Khiếu hô (*kêu la*)

Thật vậy nếu trong thế gian không ai bảo sát, không ai tưởng ăn, không ai cầu mua, thì không ba món tịnh nhục. Song trong thế gian kia, đâu không phải nhân có người bảo giết, có người cầu mua, có người tưởng ăn, vì ba nguyên nhân ấy, cho nên chẳng nên ăn thịt uống rượu, ăn hành, họ, tỏi, đều là ngăn thánh đạo.

Ăn thịt thì không có tâm từ bi, hằng trái con đường chính giải thoát, lại bỏ lời Phật để lại, thế cho nên chẳng nên ăn, vì thịt chúng sinh vốn chẳng phải vật ta ăn. Vì do tai nghe mắt thấy hằng quen, xưa nay không biết ăn thịt là tội.

Bằng người tu hành, dứt được sự ăn thịt, người ấy vốn là bậc thượng vậy. Bằng không đoạn được, vả ăn ba món tịnh nhục mà giảm bớt.

Thí dụ như Bữa ăn có nhiều món giảm bớt còn một. Như hai bữa ăn đều có thịt phải một bữa ăn chay.

Người đời bồng lộc có chừng, nếu thực hành được như đây tự khá đặng diên thọ. Như sớm mai ăn chay lợi kia rất nhiều 1- Bớt nghiệp duyên, 2- Đặng thanh tịnh, 3- Chẳng hại nghiệp lành, 4- Đến buổi chiều ăn mặn, chẳng đến nỗi nhàm chay, mà muốn ăn mặn (*mạng*). Như thế tự đặng sống lâu. Bằng cho sự ăn chay là khó, đâu có biết ăn mặn còn tốn phí hơn. Vì sắm đồ ăn chay thì dễ làm mà để lâu được, nếu buông lung sự thèm muốn của miệng bụng, thì việc thèm muốn ấy có khi nào dứt. Cổ ngữ có câu rằng

Thế thượng dục vô đao binh kiếp.
Tu thị chúng sinh bất thực nhục.

Nghĩa là

*Trên đời muốn khỏi kiếp đao binh.
Cần phải mọi người đừng ăn thịt.*

Lại có câu

*Dục tri thế thượng đao binh kiếp.
Đản thính đồ môn dạ bán thính!*

Nghĩa là

*Muốn biết trên đời kiếp đao binh.
Chỉ nghe tiếng rên rỉ đêm khuya nơi cửa hàng thịt!*

Và câu

Nhất thế chúng sinh vô sát nghiệp.
Thập phương hà xứ khởi đao binh.
Gia gia hộ hộ thường tu thiện.
Thiên hạ hà sâu bất thái bình.

Nghĩa là

*Tất cả chúng sinh không nghiệp sát.
Mười phương xứ nào khởi đao binh,
Trăm họ người người đều tu thiện,
Lo gì thiên hạ chẳng thái bình.*

Song người thế gian không ai tránh khỏi, không ăn ba món tịnh nhục, nhưng sau ngày đó, ta phải vì những thịt chúng sinh mà bị ta ăn thường ngày niệm bốn hiệu Thánh Tây phương, và lời chân ngôn thần chú để cầu siêu độ cho chúng nó được vãng sinh, thì họa may có thể giải được oan gia dứt tội.

Cứ theo lời vua Diêm La dạy người Trịnh Lân thời ta nên chí thành niệm bốn hiệu Thánh để cầu siêu độ chắc đặng vãng sinh.

(Sự tích này đã nói trong quyển thứ tám).

Ba món tịnh nhục là 1- Không thấy sát, 2- Không nghe sát, 3- Không nghi người vì mình mà sát, 4- Tự nó chết và 5- Là chim rữ. Là năm món tịnh nhục.

GIỚI SÁT ĐẠO DÂM THUYẾT

Kinh Lăng Nghiêm Phật nói Tướng ưa sắc gái kết chặt trong tâm, nên có sự dâm dục. Thời các người thế gian cha mẹ con cháu sinh nhau không dứt. Những việc đây đều là do lòng tham muốn làm gốc.

Tham mến huyết nhục, tâm thích chẳng thôi, nên có sự ăn thịt, thời cả trong thế gian loài sinh trứng, loài sinh con, loài sinh nơi ướm, loài hóa sinh, tùy sức mạnh yếu ăn nuốt lẫn nhau.

Những việc như đây đều là do tâm tham sát làm gốc. Do người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê. Ăn các loài chúng sinh khác, cũng lại như thế, chết chết sinh sinh, trở lại ăn nhau, ác nghiệp đeo theo, tội đời vị lai. Như thế đều là do lòng tham trộm làm gốc.

Người thiếu mạng ta, ta trả nợ người, do nhân duyên đây cả trăm nghìn kiếp thường ở trong đường sinh tử.

Má mày yêu tâm ta, ta thương sắc má mày, do nhân duyên đây, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong vòng ràng buộc.

Như thế thì Sát, Đạo, Dâm ba món đây căn bản do nhân duyên, ác nghiệp quả báo đây, nói chuyện không dứt.

Bằng sinh về Tây phương Tịnh độ, thọ thân thanh tịnh, không nhân nơi dâm dục mà sinh, ăn cơm thanh tịnh, không nhân nơi sát hại mà có. Người bạn được thanh tịnh không phải đấm trước mà kết. Đây, đều là những người đã thoát ly cõi này rồi vậy. Song người tu thượng phẩm, đối với câu chuyện Sát, Đạo, Dâm nói trên đâu chẳng khá chẳng biết?

ẨM THỰC NAM NỮ THUYẾT

Câu chuyện ẩm thực và nam nữ người đời ai cũng rất thích lắm. Song người nào kiềm chế và thôi luôn, người ấy là vị Thánh nhân, còn kẻ tiết độ không buông lung cũng có thể

làm vị Hiền nhân, còn người buông lung, không tiết độ thiệt là kẻ hạ ngu!

Luận rằng Hai món ẩm thực và nam nữ đây đều là nguyên nhân gây tạo các nghiệp Sát sinh để no miệng bụng, chẳng phải tạo tội chớ chi! Dâm dục hao mòn trí huệ (*mất tánh thiên chân*) chẳng phải tạo tội chớ gì?

Huống chi hai món đây thay nhau trợ phát Bởi ăn uống ngon thời huyết khí thanh, huyết khí thanh, thời dâm dục lung (*nhiều*). Dâm dục lung, thời tổn huyết khí, huyết khí tổn, thời lại nhờ ẩm thực tu bổ. Hai món đây đều là nguyên do thay nhau tạo tội vậy.

Nếu bớt được và dứt luôn, thời dù món ăn hẩm hức cũng tự ngon vậy. Bằng buông lung thời người đời số thọ dụng có chừng, số hết thời chết sớm vậy.

Ngài Từ Giác thiền sư làm bài thi ẩm thực như vậy

Ẩm thực u nhân nhật nguyệt trường,
 Tinh thô tùy phận tắc cơ thương,
 Tài quá tam thôn thanh hà vật,
 Bất dụng tương tâm tế giáo lương.

Nghĩa là .

*Ăn uống nơi người ngày tháng dài (dài),
 Ngon dở miễn sao lấp ghe dòi,
 Nuốt vô khỏi cố thành vật khác,*

Sao chẳng để lòng chín chắn coi!

Nếu nghĩ xét được như thế, thì tự nhiên bớt được phần miệng bụng vậy.

Ông Vu Thật giả phu làm bài thi nữ sắc như vậy

*Bì bao cốt nhục tình niều phẩn,
Cượng tác kiêu nghiêu cuống hoạc nhân,
Thiên cổ anh hùng giai tọa thử,
Bách niên đồng tác nhất khanh trần.*

Nghĩa là

*Da bọc thịt xương cùng đái, phẩn,
Cưỡng làm nũng nũ khuynh gạt nhân, (người)
Nghìn thuở anh hùng đâu bị nó,
Trăm năm vui dập dưới hàm trần!*

Nếu nghĩ xét được như thế, thì tự nhiên bớt được việc dâm dục vậy.

Quả dứt được hai việc này rồi ở đời do đâu có tật bệnh và chết non, thân sau do đâu có địa ngục và súc sinh. Dù không khỏi hai việc này, nhưng chuyên tu Tịnh độ cũng mau thoát khỏi luân hồi. Thế thì người tu Tịnh độ, chẳng khá răn việc này ư !

THAM CHIẾT TIỀN TRÌNH THUYẾT

VÌ THAM, BỚT ĐƯỜNG TRƯỚC

Có hai vị quan viên, cầu mộng với ông Thần ở nơi miếu, đất Kinh sư, hỏi thăm việc đường trước.

Đêm đó một vị nằm chiêm bao thấy, có một người cầm cuốn sổ bộ lật ra chỉ và nói Người có biết đường trước của ông quan đồng đi với người kia không? Xem coi trong sổ thấy biên ông kia từ chức tiểu quan thăng lên đến chức Tể tướng, nhưng có một vòng. Vị quan viên kia hỏi Vòng đây là nghĩa là làm sao? Người cầm sổ đáp Do ông quan này vì tham của thế gian, mỗi một lần lấy của bất nghĩa, thời trong cuốn sổ này có vòng một vòng. Nếu ông quan ấy biết mau cải quá, thời còn khá làm được chức Giám Tư.

Lúc thức dậy thuật lại điềm mộng. Ông kia nghe đó, từ đây không dám lấy của phi nghĩa, quả nhiên sau làm đến chức Giám Tư.

Lại một sự tích nữa. Bà Hà Tiên Cô ở trong thế gian. Có một ông quan Chủ Bộ trước nhà, bỗng có một quyển Thiên thư (*sách trời*) rơi xuống. Vì ông không biết nét chữ, bèn tới ra mắt bà Tiên Cô cậy bà đọc giùm. Bà Tiên Cô lập bàn hương án lạy Thiên thư, rồi mới khai khán, xem xong bà mỉm cười, ông quan Chủ Bộ hỏi Thành thật đến cầu hỏi thăm, duyên có chi Tiên Cô lại cười?

Tiên Cô đáp Trong Thiên thơ nói Chủ Bộ thọ kim thập lượng chiết lộc ngũ niên. Nghĩa là Quan Chủ Bộ lãnh mười lượng vàng hồi lộ, nên trời bớt lộc ông năm năm.

Do đây xem đó, của bất nghĩa thật khá ghê sợ, nếu bỏ tâm này, tu Tịnh độ, thì duyên lành trọn vẹn vậy.

PHÚC HUỆ THUYẾT

Người đời chẳng khá chẳng gồm tu phúc và huệ, mỗi việc lợi người thường làm phương tiện, làm tất cả việc lành, chứa tất cả việc ác, chỗ gọi là tu phúc vậy.

Biết nhân quả, biết tội phúc, xem sách Thích thị (*kinh Phậ*) trong rõ lý tánh, xem sách Nho gia ngoài hiểu đạo thế, chỗ gọi là tu huệ vậy.

Tu phúc đặng giàu sang, tu huệ đặng sáng ngộ. Tu huệ không tu phúc, sáng ngộ mà cùng khốn. Tu phúc không tu huệ, đời sau giàu sang mà ngu si, phúc huệ nếu gồm tu vừa được giàu sang vừa được sáng ngộ. Cả hai món đều không tu, đã ngu si mà lại cùng khốn! Phậ sở dĩ phúc huệ gồm tu, cho nên mới nói Ngài là bậc Lương Túc Tôn, nghĩa là Phúc và Huệ hai món đều đủ vậy.

Xưa có hai người đồng tu hành, một người chuyên tu phúc, một người chuyên tu huệ, qua mấy kiếp sau người chuyên tu phúc nhân hưởng phúc mà tạo ác, đọa trong loài con tợng (*voi*), do có phúc dư đời trước, quân nhân cõi đi

đánh giặc, có công thắng trận, vị quốc vương ban cho đeo chuỗi Anh Lạc.

Còn người chuyên tu huệ kia sau dâng quả A La Hán nhưng vì trước không tu phúc nên nay làm ông Tăng đi khát thực, nhiều chỗ không cho cơm ăn. Cho nên Phật nói bài kệ như vậy

Tu phúc bất tu huệ.
 Tượng thân quải Anh Lạc.
 Tu huệ bất tu phúc.
 La Hán ứng cúng bạc.

Nghĩa là

*Tu phúc không tu huệ
 Làm voi đeo Anh Lạc
 Tu huệ không tu phúc
 Chứng quả mà đói ngặt.*

Thế nên cả hai món phúc và huệ đây chẳng khá chẳng gồm tu vậy. Nhưng sự bất đắc dĩ thà rằng Dầu tu huệ hơn nơi tu phúc, chớ đừng cho tu phúc hơn tu huệ vậy. Vì sao? Nếu huệ hơn nơi phúc, thời biết tội phúc mà răn dè cho khỏi truy đọa, bằng phúc hơn huệ, thời nhân hưởng phúc mà tạo ác, nên có nạn đọa sa!

Kinh Lăng Già nói Hưởng chút vui hiện tại mà trông quả khổ vị lai phải vậy.

Phật nói bài kệ rằng
 Gồm tu phúc cùng huê
 Lại niệm Phật A Di Đà
 Trong hoa sen chín phẩm
 Phẩm nhất lại nhường ta.

Người trai giới tỏ ngộ, tu đó, ắt sinh lên phẩm thượng có vậy.

Phật lại nói kệ nữa rằng
 Tuy tu phúc cùng huê
 Không biết niệm Di Đà
 Chưa đặng La Hán quả
 Luân hồi chẳng hện ra.

Song người ở trong thế giới này tu hành, đặng quả A La Hán mới khỏi luân hồi cố vậy.

TẬP TỪ THUYẾT

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát bảo rằng Muôn việc lành đều do nơi tâm từ sinh ra. Ông Lão Tử nói Ba ngôi báu của nhà đạo Tiên, cũng lấy tâm từ làm đầu dọc, ba ngôi báu 1. Thượng Thanh, 2. Ngọc Thanh, 3. Thái Thanh. Đạo nhà Nho nói Trong phép ngũ thường cũng lấy tâm nhân trước nhất. Ba đạo ý cũng đồng một.

Người đời có nhiều kẻ sân nộ (*nóng giận*) không biết ý đây. Chưa nói đến sự hại vật tạo nghiệp, trước tự tổn khí lực và hại tánh ôn hòa của mình. Song nếu có người đạt đến cảnh

nhân từ mới biết, nóng giận là việc không tốt, chính người kia, ngay trong khi đang nóng giận, thời họ không biết cái khổ của sự nóng giận, cũng như người đi trong chông gai, đến một chỗ nhà rộng yên ở, mới biết tánh nóng giận kiêu ỷ tích trữ trong tâm trước kia, dường như đi trong chông gai.

Đến khi tập thành tâm từ nhân, thời cũng như vào trong một nhà lớn vậy. Song tâm nhân từ đây, chẳng khá dùng nói cho hết nhưng phải đương trong lúc nóng giận mà tập đó (*tâm nhân từ*) lâu lâu tự có chỗ khá mừng.

Đạo Thích, đạo Tiên, hai đạo vẫn đã răn việc sân, đạo Nho cũng thế. Coi như người Hoàng Đồi muốn hại đức Không Tử, đức Không Tử đâu từng sân ư? Người Trang Thương chê bai thầy Mạnh Tử, Mạnh Tử đâu từng sân ư? Người Hàn Tín không trả thù cái nhục lòn trôn đứa nhỏ! Thầy An Quốc Sư chẳng oán lời nói uống nước tiểu của đứa học trò! Các đấng đây đều là bậc đấng làm gương cho ta bắt chước. Huống kẻ phạm thị bần hạ kẻ tôi đòi, xúc phạm đến mình, dễ sinh nóng giận, rất nên thận trọng và hoan hỷ vì rằng Chúng nó cũng là một loài người như ta vậy.

Song bởi chúng nó ít phúc nên mới phụng thờ ta, lẽ nào ta buông lung tánh tình, mà tạo ác nghiệp ư? Nhưng xét cho đúng lý mà nói Người tâm từ hòa đối với mình cả đặng tiện lợi.

Trong Đại Tạng Kinh nói Đòi nay người ta thấy ta hoan hỷ, do vì đòi trước ta thấy người hoan hỷ vậy, song sự hoan hỷ đây, cũng do một tâm từ hòa mà sinh ra cả.

Người tu Tịnh độ, đâu khá chẳng lấy đây làm tâm mình ư? Như tất cả chúng sinh, làm tội ác lớn, cũng đừng sinh tâm sân dấy như tâm trong sạch của mình. Vì thương người kia ngu si, nên mới như vậy. Phải chi người kia có trí huệ, ắt họ không làm như thế. Ta phải sinh lòng thương xót người ngu si kia vậy. Cho nên thầy Tăng Tử nói Như đặng tình kia, thì thương xót mà chớ mừng. Như thế rồi chuyên tu Tịnh độ, thời căn lành viên thực lắm vậy.

VI QUÂN TỬ THUYẾT

Người đòi ai cũng có thể làm quân tử, mà chẳng chịu là quân tử. Chẳng nên làm tiểu nhân, mà ắt muốn làm tiểu nhân. Nếu người thành tín cung kính, hoặc ôn hòa chính trực, hoặc tôn người hiền, khen người tài, hoặc tùy cơ lợi vật, những việc như đây. Đều là việc của người quân tử cả. Làm đó cũng chẳng khó chi, mà người chẳng chịu làm là sao ư?

Còn như dối trá khinh dễ, hoặc dữ tợn, đua vạy, hoặc nói xấu, bươi móc việc ác, hoặc lung tình hại vật. Những việc như đây, đều là việc của kẻ tiểu nhân vậy. Làm đó lại có ích chi, mà người làm mãi là sao ư?

Làm quân tử thời người mừng đó. Thần giúp đó, họa hoạn chẳng sinh, phúc lộc khá thêm, chỗ đặng nhiều vậy.

Tuy có khi cũng thất nhưng đó là mạng, chớ chẳng phải nhân làm quân tử mà thất, dù không làm quân tử cũng thất, vì mạng có định phần, có vậy.

Làm tiểu nhân, thời người oán đó, Thần giận đó, họa hoạn toan đến, phúc thọ vẫn bớt, chớ thất cũng nhiều.

Tuy có khi cũng đắc, nhưng đó là mạng chớ chẳng do làm tiểu nhân mà đắc, dù không làm tiểu nhân cũng đắc. Bởi vì mạng có định phần có vậy.

Đức Khổng Tử nói Người không biết mạng, không đủ làm quân tử, kẻ tiểu nhân không biết thiên mạng, nên ngài lại dạy cho biết rằng, dù đắc dù thất, cũng đều là mạng cả (*nhân quả*), người thấu đặng lý đây, đáng gọi là quân tử, càng đặng làm quân tử. Bằng không xét đặng lý này, thời tiểu nhân, bao giờ cũng vẫn làm tiểu nhân.

Như thế mà tu Tịnh độ, thời quyết định chẳng sinh ở phẩm hạ vậy.

VI THÁNH VI PHẬT THUYẾT

LÀM THÁNH LÀM PHẬT

Ông Vương Nhật Hưu nói Ta từng luận rằng Đức Khổng Tử sở dĩ làm bậc Thánh nhân vốn chẳng phải một mối. Song xét chỗ cốt yếu của ngài ở nơi câu

Tam nhân đồng hành,

Tất hữu ngã sư yên.

Nghĩa là

*Ba người đồng đi,
Ắt có thầy ta vậy.*

Người thiện đành rằng thầy ta. Nhưng người ác cũng là thầy ta nữa. Vì sao? Vì người lành ta nên bắt chước, người ác ta phải cải răn. Chỗ kiến thức như thế, đâu đáng chằng là bậc Thánh nhân.

Lại nữa ta từng nói Đức Phật Thích Ca sở dĩ Ngài làm Phật là vốn chẳng phải một mối. Song chỗ cốt yếu của Ngài là ở nơi câu Sơn trung tu hành thời, quốc vương xuất lập vấn thú sở tại. Nghĩa là Khi Ngài làm ông nhân nhục Tiên ở trong núi tu hành, gặp vị quốc vương (*Ca Lợi Vương*) đi săn, hỏi con thú ở đâu. Nếu Ngài bảo thật thì thú kia phải chết, bằng không bảo thật, thời là phạm vọng ngữ. Trong khi đang ngẫm nghĩ, bị quốc vương nổi giận, chặt đứt một cánh tay. Lại hỏi lần thứ hai, Ngài cũng ngẫm nghĩ chưa trả lời, lại bị chặt đứt một cánh tay nữa. Tiên nhân phát nguyện rằng Khi ta thành Phật trước độ người này, đừng để người trong thiên hạ bắt chước kia làm ác. Giữ tâm như vậy đâu chằng đáng làm Phật.

Sau khi, Ngài ra đời thành Phật trước độ ông Kiều Trần Như, Kiều Trần Như chính là vị quốc vương thuở đó vậy. Nếu người giữ tâm được như đây, mà chuyên tu Tịnh độ, thời mau cùng với các vị đại Bồ Tát đồng bậc vậy.

A LA HÁN THUYẾT

Đức Phật dạy rằng Bậc A La Hán tuy đặng hưởng nhân thiên cung, nhưng phúc cho người cũng ít. Giả sử có người, trăm năm cúng dường các vị A La Hán đầy cả bốn châu thiên hạ, nhưng chẳng bằng phát tâm Bồ đề cúng dường cho Phật một ngày. Vì sao? Bởi Phật Ngài từ vô lượng kiếp đến nay, tiếp độ chúng sinh, đâu chẳng phải đặng phúc, mà phúc lợi người cũng nhiều vậy.

Vị A La Hán, dứt đường sinh tử được chứng Niết Bàn (*Tiểu thừa*) cũng còn lối độ thiện kỳ thân (*tự lợi*) cho nên phúc lợi kịp người ít vậy.

Phật lại nói rằng Nếu người có phúc từng cúng dường Phật, nhưng cũng đừng nói rằng Cúng Phật là việc phúc đời sau.

Năm gần đây đất Tú Châu có một ông Tăng chuyên niệm Phật A Di Đà, vì người cầu bệnh, bệnh được mạnh lành. Như thế đâu nên nói rằng Cúng dường Phật, chẳng lợi ích cho đương đời ư? Đã nói rằng Cầu bệnh được lành, thời cầu phúc cũng có thể được! Nhưng chỉ sợ người tâm tin chẳng chí thú, nếu người tâm chí thành, cầu Phật thời không có một người nào mà Phật chẳng chứng.

Nếu chuyên tu Tịnh độ, nguyện trở lại cõi này hóa độ chúng sinh, rất chẳng phải là không phúc, cho nên người tu Tịnh độ, đối với đây chẳng khá chẳng biết vậy!

NHỊ THIÊN NHÂN THUYẾT

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Người đời có hai vị Thiên nhân theo người 1. Đồng sinh, 2. Đồng danh. Hai vị Thiên nhân thường thấy người, mà người chẳng thấy hai vị Thiên nhân. Hai vị Thiên nhân này, đâu chẳng phải chúng Thiện ác nhi bộ đồng tử.

Người khi mống ý thốt lời, động thân cất bước thường nghĩ hai vị Thiên nhân đó thấy người lẽ nào người làm ác mà không hổ thẹn hay sao?

Như vậy mà chuyên tu Tịnh độ thời chắc sinh lên bậc thượng phẩm. Hoặc người hỏi nạn rằng Mỗi một người có hai vị Thiên nhân thì tất cả người trong thế gian vô số, vậy chớ vị Thiên nhân ở đâu mà nhiều lắm thế?

Ông Vương Nhật Hưu đáp Một mặt trăng phổ hiện (*chiếu khắp*) trong tất cả vũng nước, vậy thử hỏi trăng kia ắt có nhiều ư?

TIỂU NHÂN QUẢ THUYẾT

Ông Vương Nhật Hưu nói Có người bắt cầu có người vớ cầu, đây là cái nhân nhỏ thiên đường, địa ngục vậy. Có người ngồi trên kiệu, có người khom lưng khiêng kiệu, đây là cái quả nhỏ thiên đường, địa ngục vậy. Còn nhiều việc khác nữa, so sánh đây nên thấy.

Thường giữ tâm như thế, mà tu Tịnh độ, vãng sinh về bậc thượng phẩm, chắc chắn không còn nghi gì nữa.

PHẦN TỰ LUẬN

Người đời vì mê lầm, nên không thể sống nhịp nhàng với chân tâm thường trú, rồi luôn luôn quay cuồng theo vọng thức phân biệt, là chấp ảnh tượng hào nhoáng ấy là tâm của mình, vì nhận sự lầm vô ý thức ấy, nên phải đau khổ khi nó luôn luôn sinh diệt và đổi mới.

Bởi tâm là chủ động của mọi sự hành động ở nơi thân thể, và ý nghĩ bất lương ở nội tâm.

Khi quan niệm được thuần thực nghĩa là Tâm không còn vọng niệm phân biệt đả đo theo với tiền trần giả ảnh, thì tâm được an nhiên tự tại.

Người tu hành cũng thế, một khi tâm tu đã an tịnh, nhờ định lực tu hành, thì chân tu được hiển lộ, thể nhập với chân lý, nghĩa là Trí giác đồng với chư Phật, thì Giới, Định, Huệ là con đường duy nhất, là tư tưởng bất hữu của mười phương các Đức Phật là thuyền Bát nhã đem chúng sinh đến cảnh giới Niết Bàn, là nơi kỳ ngộ của các đấng Chí Tôn chói rạng, cái hạnh phúc hoàn toàn vĩnh viễn.

HẾT QUYỂN CHÍN



QUYỀN MƯỜI

CHỨC QUỐC HỌC TÂN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI :

Người mà đạt lý chí thâm rồi, dù ở cảnh đời ngũ trước này, cũng như ở bên cõi Tịnh độ kia nào có khác ư ? Cho nên quyền này, biên những lý chí thâm gọi là : TỊNH TRƯỚC NHƯ NHẤT.

Song cũng không nên ý nơi đây, mà không tu nghiệp Tịnh độ, e dễ lạc về lời nói không đảm, chẳng khác như cái tệ nói suông của người tham thiền kia vậy !

TÌNH THUYẾT

Mừng, giận, yêu, ghét, thèm, muốn đều thuộc về chữ tình.

Nuôi tình là ác, lung tình là giặc, bẻ tình là thiện, dứt tình là Thánh.

Ăn uống đồ ngon, bận mặc đồ tốt, ở nhà rộng lớn, những việc như đây, thế gọi là nuôi tình.

Ăn uống ngoã nguê, bận mặc loè loẹt, nhà ở không nhàm, những việc như đây, thế gọi là lung tình.

Người phạm ta, ta không kể, người hiệp ta, ta không giận, người hại ta, ta không oán, thế gọi là bẻ tình.

Người phạm đó, hiệp đó, hại đó, ta coi như không và lại có tâm thương xót người ngu si kia nữa, thế gọi là dứt tình.

Nếu ngộ lý đây, thời lòng dạ thường thanh tịnh, cũng như ở bên cõi Tịnh độ kia. Nên Kinh Tịnh Danh nói : Kỳ tâm thanh tịnh tức Phật độ tịnh. Nghĩa là : *Tâm này thanh tịnh, tức cõi Phật tịnh vậy.*

THỌ DỤNG TỨC THỊ KHÔNG

Đức Phật Thế Tôn có dạy rằng : Tất cả sự thọ dụng tức là không (*hết*). Như thọ bao nhiêu món ăn ngon, lúc buông đũa rồi tức là không, khi đi ra nhiều người theo hầu, nhưng lúc đã đến chỗ rồi, tức là không, cả ngày chỉ đi dạo xem trên non dưới bể, nhưng lúc đã về nhà rồi, tức là không.

Lại nữa : Như ta ra làm việc lành đã xong, thì sự làm mệt nhọc kia tức là không, nhưng nghiệp lành vẫn còn. Làm việc ác cũng thế, lúc giận làm cho vừa ý, làm cho vừa ý rồi tức không, nhưng nghiệp ác vẫn còn.

Nếu thâm ngộ được lý đây, thời nên ăn chay lạt, khỏi mắc tội oan trái sát hại. Khi ra đi khá tùy phận, khỏi phiền não lao tâm khổ người, việc đạo chơi nên dứt, khỏi tội lỗi buông lung phé việc làm lành nên gắng, khỏi lỗi trễ nãi nhân lần. Việc ghét nên răn, khỏi tội buông lung thù oán.

Ta (*Vương Nhật Huru*) mừng đặng lý này, cho nên ta muốn ai cũng đều biết cả. (Thọ dụng có ba nghĩa : 1. Khổ thọ. - 2. Lạc thọ. 3. Xả thọ, tức bất khổ, bất lạc, phải vậy. Xả thọ tuy bất khổ bất lạc, nhưng cũng còn ở trong vòng tương đối Khổ với Lạc).

LỤC CĂN THUYẾT

Ngàn món trang điểm, chỉ vì hào nhoáng con mắt nửa tấc. Trăm món âm nhạc, chỉ vì vui thú lỗ tai một hột đậu. Hương trầm, hương Long não, hương Tóc xạ, chỉ vì thơm ngát cái mũi hai lỗ. Cỗ ăn trước nhà phương trượng, chỉ vì ngon cái lưỡi ba tấc, xinh đẹp nồn nà chỉ vì tấm thân hôi rữa. Thuận theo chào đón, chỉ vì cái y tình triu mến.

Nếu hay biết thấu lý này, mời thật là người khoái lạc không phiền não. Đức Phật dạy : Sở dĩ chúng sinh luân hồi từ vô thi nhĩn đến ngày nay, nhận sáu thằng giặc làm con, tự cướp lấy của báu nhà mình. Nghĩa là : Thằng giặc lục căn, đôi gạt, làm mất chân tánh vậy.

Thầy Mạnh Tử nói : Duy có bậc Thánh nhân, vậy sau khá dùng noi hình. Nghĩa là : Ngài không làm thằng giặc ấy vậy.

Có người dâm nữ tu chứng đạo quả. Đức Văn Thù hỏi : Thế nào là không sân ? Đáp rằng : Thấy tất cả chúng sinh không phải chúng sinh. Đức Văn Thù lại hỏi : Thế nào thấy 18 giới ? Đáp rằng : Như thấy kiếp hỏa đốt cả thế gian.

Đức Văn Thù khen rằng : Mầu thay lời nói ấy. Luận rằng : Tất cả chúng sinh xưa nay không có, chỉ nhân trong tâm vọng tưởng mà sinh, lại có chi gọi là sân ? 18 giới là : 6 căn, 6 trần, và 6 thức. Nhân 18 món đây cho nên sinh sự vô lượng, tạo ác vô lượng. Thế nên nói như hỏa thiêu cả thế gian. Nếu ngộ lý đây, tuy chưa sinh Tịnh độ, nhưng cũng như đã sinh về cõi Tịnh độ rồi, mà đã về Tịnh độ rồi, tìm vô lượng kiếp cũng không nghe tiếng sân hướng chi có thật.

CHÂN TÁNH THUYẾT

Kinh Kim Cang, đoạn 27 nói chỗ đại ý : Luận “Chân Tánh” ngoài không có chi, dụ như hư không, song hư không đây thuộc về ngoan không. Ngoan không là cái không, không thật có. Nay nói chân tánh mà dụ như hư không, là vì trong cái Không lại có cái Có, cho nên nói câu : Chân không bất không. Còn ngoan không, thời không thiệt có.

Bởi cái không này còn ở trong vòng tạo tác vì bị tạo tác nên có thể hoại diệt như : Một chỗ đất cứng chắc đây, đào ra một thước đất thời té ra một thước không đào ra một trượng đất, thời trống một trượng không v.v... Thế là ngoan không còn ở trong vòng tạo tác.

Lại nữa : Như dùng một cái chén không, để cơm vô đầy một chén, thì cái không hoại mất và trong một cái nhà không, bấy giờ rinh các vật liệu để vô đầy một nhà, thì cái không kia không còn nữa, thế là ngoan không có thể hoại diệt.

Bằng cái không của chân tánh, không ai tạo tác được ! Không ai phá hoại được ! Bỏ trong lửa, lửa không cháy, bỏ vào nước, nước không trôi, trời đất sập thế gian tan tành, chớ cái không của chân tánh nó vẫn độc lập từ vô thi, nhứt đến vô chung xưa nay chưa từng biến động, trùm cả mười phương thế giới hư không giới, cái không của chân tánh như thế, có cái gì làm cho nó hoại diệt ư ?

Nay nói cái không của chân tánh, không có vật chi để so sánh, cho nên sự bất đắc dĩ, tạm mượn cái ngoan không để so sánh đỡ đỡ thôi.

Thế nên trong Bát Nhã Tâm Kinh nói câu : Thị chư pháp không tướng. Nghĩa là : Các pháp đều không, tức là cái không của chân tánh vậy. Kế câu : Không trung vô sắc và câu : Vô tận, diệt vô đắc, đều là nêu cái tướng không của chân tánh cả, song trong chân tánh không có chi nữa, như trong ngoan không đều không có chi cả. Trong chân tánh đã không có chi nữa. Thế mà có tất cả chúng sinh là do một món vọng duyên, trong chân tánh hiện ra, ví như một bóng bọt nổi trên mặt nước. Nước là chân tánh, bóng bọt là chúng sinh, bóng bọt tan, trả về cho nguyên chất của nước, không còn bóng

bọt, cũng như chúng sinh hết vọng, trở về chân tánh không còn chúng sinh.

Lại nữa, chân tánh dụ như gương sáng, chúng sinh dụ như hình tượng. Tượng có tới có lui nhưng gương thường sừng sững, chúng sinh có sinh có diệt, nhưng chân tánh vẫn như như. Sinh diệt đã trừ, chân tánh bèn hiện, sinh diệt là vọng, chân tánh là chân vậy.

Cho nên Kinh Lăng Nghiêm nói : Chư vọng, tiêu vọng, bất chân hà đãi. Nghĩa là : Các vọng tiêu rồi, chẳng chân chớ chi nữa ?

Tánh chân đây, trên từ chư Phật, dưới đến loài xuẩn động hàm linh, tất cả đều có đủ, vốn không hề sai khác, nhưng khác, tức là vọng vậy.

CHÂN TÂM VÀ VỌNG TƯỚNG

Kinh Lăng Nghiêm quyển thứ nhất : Phật cùng ông A Nan bảy phen luận tâm. Nhưng rốt cuộc ông A Nan chỉ cái tâm tầm thường, cho là tâm, là vọng tướng, chớ chưa phải là chân tâm, chân tâm tức là tánh (*tịnh giác viên minh*).

Kinh Viên Giác nói : Chúng sinh vọng nhận bóng duyên sáu trần cho là tâm tướng của mình, đó là tầm thường, đó là bóng duyên của sáu trần, tâm vọng vốn không nhưng do ngoại cảnh có sáu món trần duyên cho nên trong hiện vọng tâm.

Như ngoại cảnh có sắc tốt, thời nội tâm khởi ra tâm ái sắc. Nhân ngoại cảnh có tiếng hay, thời nội tâm ái thính, cho đến nhân ngoại cảnh có : Hương, vị, xúc, pháp, thời nội tâm khởi ra tâm ái : Hương, vị, xúc, và pháp.

Luận rằng : Chân tánh như tấm gương, sáu trần như hình, vọng tâm như bóng. Nếu ngoài không cảnh sáu trần, thời trong cũng không có tâm vọng. Tâm vọng bị bóng duyên sáu trần. Hình đến bóng hiện, hình đi bóng diệt, mà tánh gương vẫn bất động.

Cho nên Kinh Kim Cang nói : Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, song ba tâm này đều gọi là tâm vọng tưởng cả, vì vọng tưởng cho nên có quá khứ, vì vọng tưởng cho nên có hiện tại, vì vọng tưởng cho nên có vị lai. Nếu chân tâm thì vô thủ vô chung, chưa từng biến động nào có quá khứ, vị lai và hiện tại.

Câu “bất khả đắc” là nghĩa không vậy. Như lúc đói muốn ăn, khi được ăn, thời tâm muốn kia đã quá khứ (*qua rồi*). Chính khi đang ăn biết ngon dở, là tâm hiện tại. Trước khi chưa muốn ăn thời tâm này chưa có, tức là tâm vị lai. Ba tâm này đều theo thời gian hoại diệt, cho nên nói “Bất khả đắc”.

NGŨ UẨN GIAI KHÔNG

Trong Bát Nhã Tâm Kinh nói : Đức Quán Tự Tại Bồ tát ngài dùng Bát nhã trí, thấy rõ năm uẩn đều không, nên khởi được tất cả sự khổ ách.

Năm uẩn là : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc là : Sắc thân. Thọ là : Thọ dụng. Tưởng là : Tư tưởng. Hành là : Hành vi tạo tác nghiệp lành nghiệp dữ. Thức là : Phân biệt rõ biết.

Năm món dây chứa nhóm, kết chặt, ngăn che chân tánh cho nên gọi “Ngũ Uẩn” hay gọi là “Ngũ Âm” cũng đồng một nghĩa che tối chân tánh vậy.

Song sắc thân, chung quy về một định luật là hoại diệt. Thọ dụng cũng thế tùy thời liền qua. Thế thời Sắc, Thọ hai món dây dẫu chẳng phải là không ư ? Và như ta tư tưởng một vật chi, khi đã đặng rồi, thì là không tư tưởng nữa vậy, thế thì tư tưởng dẫu dẫu chẳng phải là không ư ?

Những hành vi tạo tác quày tâm xét lại, dường như mộng như huyễn thế thì hành vi dẫu dẫu chẳng phải là không ư ?

Thức ta phân biệt biết hết nhiều món sự vật nhưng sinh lại đời sau không còn biết nữa, thế thời vọng thức dẫu dẫu chẳng phải là không ư ?

Câu tất cả sự khổ ách đều từ năm món này sinh ra. Nếu ta nay có thể dùng Bát nhã trí, soi thấu thấy rõ. Sắc thân là không, thời chẳng chấp nơi sắc thân mà sợ chết mất. Thế là độ khỏi một món khổ ách của Sắc uẩn. Thấy rõ thọ dụng là không, thời không cố thọ dụng, mà tham phụng dưỡng thân này, thế là độ khỏi một món khổ ách của Thọ uẩn. Thấy rõ tư tưởng là không, thời không đắm mê tư tưởng mà ý thường thanh tịnh, thế là độ khỏi một món khổ ách của Tưởng uẩn. Thấy rõ hành vi tạo tác

tất cả là không, thời chẳng chấp chỗ sở hành mà được yên lặng thế là độ khỏi một món khổ ách của Hành uẩn. Thấy rõ chỗ phân biệt hiểu biết rốt cuộc vốn không, thời chẳng chấp sự hiểu biết và phân biệt, mà thường được chính định thế là độ khỏi một món khổ ách của Thức uẩn vậy. Cho nên trước đầu kinh có câu : “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách” là vậy.

Song năm uẩn đây, đều là không phải lý chân thật, chính là bóng duyên vọng tưởng trong chân tánh hiện ra, cho đến 6 căn, 6 trần, 6 thức, 12 nhân duyên, 4 Đế cũng đều như thế cả.

PHÉ TÂM DỤNG HÌNH

Lời ông Vương Nhật Huru nói : Ông Bồ Tát “Tự lợi, lợi tha”.

Sách Liệt Tử nói : Đức Không Tử phê tâm dụng hình. Phê tâm là : Tâm không nhiễm với muôn vật. Dụng hình là : Ứng thân với muôn vật. Ta (*Wang Nhật Huru*) rất yêu lời ấy, cho nên dù lao khổ tiều tụy mà không lấy làm thất ý. Dù vinh hoa phụng dưỡng cũng chẳng lấy làm đắc ý. Bởi tâm không dính mắc với muôn vật vậy.

Nhân thương Bồ Tát đã dứt sinh tử, mới gá sinh trong tất cả chúng sinh, thi thiết giáo hóa, tâm không trước nhiễm muôn vật, hình ứng với muôn vật để giáo hóa vậy.

Thế thì đức Không Tử phát tâm như đây chính là bậc Bồ tát vậy.

DỤNG HÌNH HÀI THUYẾT

Bài kệ của vị Thiên nhân lễ xương khô.

Kệ rằng :

Người là đời trước của ta.

Ta tu nay chứng Thiên nhân đà.

Y báu tùy tâm niệm hiện đến.

Cơm ngọc tự nhiên có hóa ra.

Nhờ người kiếp trước tu hành khổ.

Khiến ta nay đặng ta khoái ta.

Rải hoa thành thật cúng dường đó.

Người đời thấy vậy chớ kinh la.

Lại bài kệ ngạ quỷ đánh tử thi (*thây chết*). Kệ rằng :

Nhân tại đây da hôi thối này.

Lãng xăng lít xít chạy liền quay.

Chỉ biết ham ăn ưa khoái lạc.

Chẳng chịu tạm hồi xét nghĩ thay.

Chút mảy nghiệp lành không tu tập.

Huỳnh tuyên tạo tội năm, tháng, ngày.

Hôm nay roi đánh đau tới nước.

Giận này khó nổi quên tới mây.

Hai bài kệ đây, để dạy người đời thời được, chớ không nên chấp chặt có đúng sự thật như vậy. Vì sao ? Bởi thần thức gá trong xác thân này, do thần thức sai khiến. Thần thức

ví như người thợ, xác thân dụ như rìu búa. Người thợ biết dùng rìu búa khéo, thời làm món đồ tốt, dùng không khéo, thời món đồ phải xấu. Vị Thiên nhân đời trước biết dùng thân tu hành, nên nay được phúc làm vị Thiên nhân. Còn loài ngựa quý đời trước không biết dùng thân tu hành cứ làm ác, nên nay mắc báo làm loài ngựa quý đó cũng tại chỗ khéo dùng, cùng không khéo dùng, đắc, thất cũng tại đời trước, mà nay phải thọ báo đó thôi. Chớ dù lễ dù đánh, cũng nào có ích ?

TỀ SINH TỬ THUYẾT

DỨT SINH TỬ

Tưởng ngón chân cái bên phải, sung rửa chảy nước nhờn, lần lần rửa tới ống chân, tới gối, tới lưng, chân bên trái cũng thế. Dần dần rửa khỏi trên lưng, đến bụng, đến ngực, cho đến cổ, đến đầu, cả mình đều rửa ráo, chỉ còn xương trắng.

Kể phân rành từng cái, quán xem xương trắng ấy, mỗi mỗi thấy hết. Tịnh tâm quán xem xương trắng thật lâu, mới nghĩ : Người quán xương trắng này là ai ? Và xương trắng kia là ai ? Mới biết thân thể với thần thức ta, vẫn là hai vật. Lại lần lần tập quán xương trắng lìa ta, trước lìa một trượng, rồi đến 5 trượng, 10 trượng cho đến 100 trượng, 1000 trượng, thời biết xương trắng cùng ta rõ ràng không ăn thua chi cả. Thường tưởng như thế thời thần thức cùng thân thể ta vốn là hai vật.

Thần thức tạm ở trong thân thể, thân thể dụ như cái nhà. Thần thức dụ như chủ nhà, chủ đi nhà sập, cũng như thức thần ra, thân này phải rã.

Đâu nên nói rằng : Hình hài này chết lâu không hoại và thần thức ở mãi trong đó ư ?

Tu hành quán tưởng như thế, thời mới ngộ hầu dứt được đường sinh tử. Huống chi, thức thần bỏ thân này, thời được vắng sinh về Tịnh độ. Mỗi ngày cứ tu như thế, tự nhiên có chỗ đặng, chỗ đặng ai tu nấy biết, như người uống nước, lạnh nóng người khác không thể biết đặng. Tu được như thế, thời thân thể tráng kiện, và tinh thần thường được sáng ngộ vậy.

NGÃ THUYẾT

NÓI VỀ SỰ : Còn cái hữu ngã, không nên chấp rằng vô ngã, nếu chấp vô ngã thời sa theo vật dục.

LUẬN VỀ LÝ : Do tứ đại giả hiệp, tuy rằng : Hữu ngã, nhưng không nên chấp hữu ngã. Nếu chấp hữu ngã, thì lùm mây đen (*vật dục*) che lấp mặt nhật Huệ (*chân tánh*).

Cho nên đức Không Tử làm thi tứ tuyệt có câu : “Vô ngã” thật vậy. Ông Bồ Tát thời “Vô ngã tướng”.

Nếu ta hiểu thấu đặng lý này, thời tâm lượng ta cũng như hư không, thênh thang vô biên tế, há còn cái phân biệt. Trước

vói thanh nữa ư ? Nhưng chỉ sợ, là sợ không dễ gì đạt thấu lý : Tâm Vô ngã thôi !

NAM MÔ BẢN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

QUYỀN MUỖI HẾT

LỜI BẠT

CHỨC THAM CHÍNH ÔNG CHÂU ĐẠI TỬ VIẾT (LỜI ÔNG CHÂU ĐẠI TỬ)

Ông Long Thơ, Vương Nhật Hưu là người học lực thâm chí, thông hiểu sáu kinh : Luận, Mạnh, Lão, Trang, những chỗ cốt yếu của tiền nhân, ông không bỏ một lời một chữ, chỗ dụng chí rất cần.

Thế mà, một bữa nọ, ông bỏ ráo, chuyên tu theo giáo môn Tây phương, làm văn Tịnh độ, sắp đặt chỗ dờ, hay, cao, thấp, có lớp lang để ấn thí cho những kẻ hữu duyên với quyền này. Ông lại qua đất Triết Giang và các quận, thân hành khắc bản để trong nhà bán sách nơi tỉnh Kiến An (bên Trung Hoa) lòng từ bản khoản hình như không có bữa mô rảnh.

Tôi, (Đại Tử) nghe trong Kinh Vô Lượng Thọ nói : Chúng sinh nghe đặng danh hiệu Phật, tín tâm hoan hỷ nhĩn đến một niệm nguyện sinh nước kia, liền được vãng sinh, đặng bậc Bất thối chuyển.

Bất thối chuyển theo tiếng Phạm “A dung việt trí”, Kinh Pháp Hoa nói : Đức Di Lạc Bồ Tát đã chứng đặng bậc này. Nay chúng ta, nếu nhất tâm niệm Phật, được sinh về Tây phương liền đồng đức Di Lạc. Lời Phật nói không dối, ta nên tin thọ. Niên hiệu Thiệu Hưng ngày mùng 7 tháng tư nhuận, năm Nhâm Ngọ, ông Duy Tâm cư sĩ ở đất Kinh Khê, họ Châu tên Quỳ, hiệu Đại Tư viết lời bạt này.

LỜI BẠT

CHỨC TRẠNG NGUYÊN ÔNG LƯU THỊ CHẾ VIẾT

Trước nghe đức Lục Tổ cùng ông Di Sĩ Quân luận tướng trạng Tây phương, lời giản dị, ý rất rõ ràng. Đông (Ta bà), Tây (Tịnh độ) không hề xa cách, nhưng không lấy gì mô tả tướng trạng để thuật lại cho lớp sau, kịp xem văn Tịnh độ của ông Vương Nhật Huru ai dè rành rành vậy !

Số là, pháp không đốn, tiệm, nhưng căn có lợi và độn, cho nên đức Lục Tổ vì bậc người thượng trí, thuyết pháp đệ nhất nghĩa. Nên dời Tây qua Đông ở trong giây phút nói rồi tỉnh ngộ, không chờ nghĩ nghị, còn ông Vương Nhật Huru toan muốn khai ngộ cho kẻ hạ căn, luận làm bộ này, chỉ đường lối đi về Tây phương, nên lật đặt khắc bản ấn hành mà sợ hành không được rộng, cũng bởi một tâm thương người, khá gọi rằng : đã Cần lại Thiết vậy.

Có người nhân được văn ông Vương Nhật Huru mà ngộ nhập ấy đâu chẳng phải. Đặng chim bẻ ná, được cá quên (phá) nôm ư !

Niên hiệu Thiệu Hưng, năm Nhâm Ngọ tháng sáu ngày mùng sáu, ông Mộc Nạp, tên Lư Chương, biệt hiệu Lư Thị chế viết lời bạt này.

LỜI BẠT

CỦA NGÀI DIỆU HỖ TỨC NGÀI ĐẠI HUỆ THIỀN SƯ VIẾT (LỜI NGÀI ĐẠI HUỆ NÓI)

Ông Long Thơ Vương Hư Trung Nhật Hư, sau khi bác lăm quần thư, lại để tâm xem kinh Phật, lấy việc lợi người làm nhiệm vụ mình, thật đáng gọi ông là bậc “Hỏa trung liên giả” (Sen mọc trong lửa) hay là tức tục nhi chân, cư trần bất nhiễm. Phật nói : Tự mình chưa độ, trước lo độ người là : Bồ tát phát tâm. Tự giác đã viên, lại hay giác người là : Như Lai ứng thể.

Ta (Diệu Hổ) khen chí ông Long Thơ nên đề lời bạt sau đây. Nếu bậc đã thấy tánh mình là Di Đà, tức rõ Tịnh độ tại nơi tâm, bằng người chưa đặng như thế, thời quyển văn ông Long Thơ này, công chưởng luống uổng vậy.

Năm Canh Thìn, tháng 8, ngày 20, chùa Song Kinh, ngài Diệu Hổ hiệu Tôn Hạo viết lời bạt này, tại nhà sách của Lư Cảnh Văn (xứ Trung Hoa).

LỜI MỘNG KÝ NGƯỜI LÝ THỊ Ở ĐẤT LÔ LĂNG (xứ Trung Hoa)

Người Ngạn Bất, là người con nhà họ Lý. Trong niên hiệu Càn Đạo, năm Quý Tỵ, trong nhà mắc chứng bệnh dịch. Ngày mùng 5 tháng 4, Ngạn Bất cũng bệnh, com thuốc không nạp, đến sớm mai ngày 19, nằm mộng thấy một người mặc áo rộng hình dạng thanh bai, lấy tay rờ trên mình Ngạn Bất và nói ta cho Ngạn mau mạnh. Ngạn Bất sợ nói : Ông là người nào ?

- Ta là Long Thơ.

- Tôi có bệnh dậy không nổi, có phương chi cứu tôi lành mạnh chăng ?

- Người có nhớ chàng Quan Trọng dạy người niệm Phật không ?

- Nhớ và mỗi ngày tôi vẫn tụng niệm Phật A Di Đà không thôi.

- Người dậy ăn cháo trắng, bệnh liền mạnh.

Bấy giờ Ngạn Bất thức dậy ăn cháo trắng bệnh liền mạnh. Sau thấy tượng vẽ ông Long Thơ, giống in như người thấy trong mộng, Ngạn Bất có nghe, cư sĩ là người lão thông 6 kinh, lại rành bộ kinh Dịch dạy người không mới, kẻ tới học rất đông đảo. Người Tạ Quân cất nhà Tịnh Dật cúng cho ông, kẻ lương

gia tử đệ dập đầu đầy ngoài ngõ. Ngày 11 tháng giêng, Ngạn Bất cho con đến học, chẳng bao lâu về nói : Cư Sĩ đêm nay giảng sách xong, tụng kinh lễ Phật như thường, nhưng đến canh ba, niệm vài tiếng Phật thật to và nói Phật đến rước ta, nói rồi đứng qua đời !

Đêm đó người trong nước có kẻ mộng thấy 2 người mặc áo xanh dẫn ông đi về hướng Tây. Truyền ra điềm tốt này, kẻ quen biết cùng người không quen thuộc biết, rủ nhau đến lễ kính đầy nhà, nhưng tiếc vì không được nghe ông thuyết pháp luận.

Nhắc lại trước ba ngày chưa thị tịch, ông dặn cả các người gắng tấn đạo nghiệp, có nghe ông nói : “Sau này không còn thấy tôi nữa”. Trước 10 ngày đến viếng cụ Triệu Công, qua tịnh thất người bạn Hàng Tá nói rằng : Đạo nghiệp của tôi đã xong, giờ đi tốt. Rồi liền cộng số niệm Phật mỗi ngày tính kể : Chín trăm mười hai vạn năm trăm câu, dán trên vách nhà ông cụ Triệu Công Trưởng Lão.

Ôi! Nếu ta chưa phải là người căn tánh sáng ngộ thấu lý tử sinh, thì không dễ gì đến bậc này ! Ngạn Bất một phen bệnh gần chết, quan quách áo chần đã bày ra ở trước, nhờ Cư sĩ ban ơn cứu giúp, bèn dựng mạnh lành, khá gọi là : “Cốt nhục tử sinh” vậy ! Kẻ hoặc hỏi : Ngạn Bất mộng thấy là nhân tư tưởng mà thấy ! Song việc hiệu nghiệm ăn cháo trắng đâu khá đối ư ?

Chỉ biết Cư sĩ lòng bi nguyện thâm thâm, công muốn kịp người. Tuy ở trong cõi Thường Tịch Quang, nhưng không quên niệm lực, ngài khuyến tu Tịnh độ, kết duyên thành Phật, khá chẳng gắng vó và tiến tới hay sao ?

Kính khắc tượng ngài và chép sự tích cảm ứng để rộng truyền không dám trôi lờ, vì sợ làm truyền người sau, cho nên thấy sao thuật vậy, chép đủ ra đây. Trong mong kẻ thấy người nghe kính tín, đồng nhờ lợi ích. Thần linh sáng ngổ của ông Vương, thật chứng lời này !

Ông họ Vương tên Nhật Hưu, tự Hư Trung hiệu Long Thơ Cư sĩ, năm này : ngày Hạ ngươn, đất Lô Lãng người Lý Ngạn Bất kính ghi lời bạt này.

TỰ LỢI LỢI THA

Kinh nói : Chưa dặng độ mình, trước lo độ người là Bồ Tát phát tâm. Tự giác đã viên, lại hay giác tha là Như Lai ứng thể.

Chúng ta đáng bắt chước theo chí nguyện của ngài Long Thơ Vương Nhật Hưu. Sau khi bác lãm quần thơ, để tâm qua đạo Phật, lấy việc lợi người làm nhiệm vụ mình, thật là một “Hỏa trung liên giả” hay là tức tục nhi chân cư trần bất nhiễm. Nếu thấy tánh mình là Di Đà, liền rõ nơi tâm là Tịnh độ. Bằng chưa như thế thời bộ Long Thơ Tịnh độ này giá trị càng thêm giá trị.

TỰ LỢI LỢI THA

Thế nào tự lợi, lợi tha ? Kinh Hoa Nghiêm nói : Một tức tất cả, tất cả tức là một, thật vậy. Tất cả giữa này không có cái gì một mình nó, mà đứng vững và tồn tại, như một chén cơm ta ăn đây không phải một mình ta làm ruộng mà có cơm ăn. Lại còn nhờ người thợ rèn, rèn phản, rèn cuốc mới có thể làm ruộng được, nhưng thợ rèn không thể tự lực rèn phản, rèn cuốc đặng, lại còn phải nhờ người đi tìm mỏ sắt nữa kia v.v...

Trái lại, người làm ruộng, có cơm ăn nhưng không thể ăn cơm lạt, cần có người làm muối, nhưng người làm muối chẳng lẽ ăn muối không ! Cần phải đem đôi gạo nấu cơm ăn. Nhưng cơm ăn không lẽ đổ dưới đất ăn ! Cần phải có người làm chén, mà người làm chén, không lẽ ăn chén được, cần phải bán chén lấy tiền mua gạo nấu cơm ăn trở lại, cho đến người có tiền, cũng chẳng lẽ ăn tiền, mà cần nhất phải đem tiền mua vật này vật khác để ăn nữa.

Xem như thế thời trong vũ trụ này, từ loài người cho đến loài thảo mộc, không có một loài nào, riêng một mình mình mà được sinh trưởng và tồn tại. Ta không nên tự phụ rằng : Ta làm ta ăn không cần đến ai. Đừng nói đâu xa chính trong mâm cơm ta ăn đây thì biết, bao nhiêu công nghệ của bao nhiêu người rồi ! Đức Phật dạy chúng Tăng khi ăn cơm phải tưởng phép “Tam Đề, Ngũ Quán” là nghĩa này. Khi sắp ăn, trước cúng dường mười phương Phật, cầu nguyện cho thí chủ, sau “Xuất sinh” (thí) cho quỷ thần ăn no đủ. Là không

quên nghĩa tự lợi, lợi tha, và biết ơn tất cả. Chẳng những ở gần bên cạnh mà người ở đâu đâu, bấy lâu ta không quen biết, cũng đều là ân nhân với ta cả.

Ví như ta đau, tiêm một mũi thuốc, chẳng những ơn một ông thầy thuốc tiêm cho ta, mà là biết ơn bao nhiêu tất cả bậc tiền nhân đã có công lao chế tạo và làm sách để lại. Ta quán được như thế, thì tất cả đồng bào là ruột thịt, tương thân, tương ái. Khi ta ra đi, thấy tất cả người làm công này nghề khác. Người làm việc người, tức là làm việc cho ta. Ta làm việc ta, tức là làm việc cho người, vì rằng : Làm riêng mà ăn chung vậy.

Bộ Long Thư Tịnh độ này từ đầu chí cuối, chỉ mục đích tự lợi, lợi tha. Ông Vương Nhật Hưu sau khi thi đậu Tấn sĩ xem qua giáo lý Phật Đà cao thượng mà phát tâm, chớ không phải là kẻ “chán đời” và đem món thuốc cam lồ của đạo Phật giúp ích một phần trị an cho hội, chớ không phải ký sinh trùng. Như trong bộ sách này đã nói : Đạo Phật không khác như đạo Nho.

Đạo Nho dạy phép Tam cương, Ngũ thường, cũng như đạo Phật dạy tín đồ phép Tam quy, Ngũ giới đều là chủ nghĩa giúp ích nhân quần xã hội tự lợi lợi tha cả.

Vậy rất mong quý đạo hữu đồng tu, đồng học gắng tìm xem đạo lý, giáo lý Phật Đà cho chín chắn, hầu mong cải tạo thế giới bất lương, thường niệm Phật A Di Đà, để sửa chữa cho được một tâm hồn trong sạch. Giúp đỡ và đoàn kết tương thân liên ái,

con thảo cha lành, hòa thuận yêu thương, đừng đánh đập nhau, đừng hà hiếp nhau, mạnh được yếu thua và nguyện cùng nhau thoát ly sinh tử và nguyện đồng cùng nhau sinh lên cõi Tịnh độ một nhà, khá vậy.

KẾT LUẬN

Người đời thường nhắc nhở luôn đến hai chữ “hạnh phúc”. Nhưng, hạnh phúc là gì ? Đời không phải là một bức tranh vô cùng tuyệt tác nữa, mà trái lại, là một lớp phấn mỏng che dấu những gì xấu xa tội lỗi của con người, và là một trường mộng ảo không thôi nghĩ của những tư lợi nhỏ nhen do bản ngã thấp hèn sai sử. Thế giới rung rinh, màn trời chiếu đất, sự khốc liệt kết quả ngày nay, là do một định luật gây nhân kết oán từ vô lượng kiếp, đủ làm bằng chứng cho sự xét nghiệm !

Riêng mỗi chúng ta khi lành mạnh đã khổ, khi đau, già, chết còn muôn phần khổ hơn nữa, nào là má cốp, răng long, da nhăn, lưng còng, chân tay run rẩy, lụm cùm đi đứng phải cậy người.

Đấy ! Đời là thế đấy, vô lượng sự thống khổ luôn luôn bức bách, tử thần đứng chực mô tê, từ khi sinh đến khi chết, không một lúc nào chúng ta được thanh thoi vui vẻ, muôn vàn đau khổ không sao kể xiết.

Hiện nay chúng ta cũng như tất cả mọi người, đang mang tấm thân giả dối, đang ở vào tình cảnh lầm than đau khổ,

chính vì chúng ta còn chất chứa trong tâm những sự mê lầm, ích kỷ, độc ác, tham lam, nhận giả làm chân. Nói một cách khác là chính vì ta chưa thiết thực một lòng tu học theo lời Phật dạy.

Ngoài đạo Phật tìm đâu được một quan niệm chân chính về vũ trụ bao la, tìm đâu được phương châm cao quý để sống nhịp nhàng với tâm hồn bên trong và cảnh vật bên ngoài, vì chỉ trong sự nhịp nhàng hiếm có, nhưng phải cố gắng ấy, hạnh phúc của ta và tất cả mọi loài mới có thể thực hiện được.

Vả chẳng vật chất chỉ là những làn sóng năng lực trôi xuôi, tinh thần chỉ là những tâm niệm. Cái có ta nắm trong tay sắp với không. Và cái không trong tay sắp đầy có. Danh vọng không vững chắc, mà tiền bạc cũng chẳng lâu bền. Nhưng giòng nước vô tình, thực vô tình, chúng hết ghé bến này đến ghé bến khác. Như bọt nước động nổi đó rồi tan đó, ai hoài công đón bắt, nắm giữ làm chi cho thêm thất vọng ? Càng tham lại càng giận, vì lòng tham lam bao giờ cũng đi đôi với sự thất vọng, và bị thực tế cay nghiệt phũ phàng. Càng giận lại càng si mê, vì giận dữ là một lò lửa thiêu đốt tâm can và làm lu mờ trí sáng.

Xét kỹ chút nữa, thì thấy tâm ta tự hồi nào đến giờ, đâu trải qua vô số kiếp trì trệ trong luân hồi, khi chịu thân này, lúc mang xác khác nhưng Tâm vẫn là Tâm, vẫn trước không đâu, sau không có đuôi (*tiền tiền vô thủ, hậu hậu vô chung*),

chỉ vì bị những tư tưởng tối tăm phân biệt choán lấp, nên phải ngăn ngại không có trí thông, gây ra vô số kiếp luân hồi nghiệp báo.

Nếu một khi tâm ấy đã tự biết tâm. Định tâm thì trí hiểu biết sáng tỏ. Tất cả sự ác độc đều chính ở trong tâm, mà đã còn ở trong tâm thì dù loài người càng khôn ngoan lanh lợi, càng bị tư tưởng lường gạt, làm cho nhân tâm trở nên khỗ sở, ngày cũng như đêm, tâm trí bị thúc giục bởi những tánh tà điều ngã chấp vì thế nên tâm trí chúng ta nếu chưa được trên nền tảng chân chính, thì không thể làm cho đời sống được hoàn toàn thiện mỹ.

Thân của ta là thân sinh diệt không ngừng, sống chết đều do tâm sai khiến, duy có tâm là chủ, nếu tự ý tâm ta gây ra việc dữ thì dầu ta có muốn thân ta được chân chính, cũng không thể có chân đứng được.

Hơn nữa một khi tâm không còn ham muốn thì đối với sắc đẹp, tiếng hay, mùi ngon, vật lạ, danh vọng, quyền lợi không thể lay chuyển được lòng ta. Chùng ấy chúng ta không còn để tâm lưu luyến và siêng năng tự tiến để cải tạo hoàn cảnh nhân tâm đến chỗ thật đẹp và lành.

Bởi thế gian là đời, hễ mê nhân chịu quả là thế gian, thấy khổ của mình của đời mà ngao ngán nhàm chán, mà phát tâm tìm cho ra con đường thoát khổ. Xét như thế thì khi bảo rằng : Không, là khi giác quan ta không cảm giác được và khi ta bảo rằng : Sắc, là khi giác quan ta có tiếp xúc được với những

luồng năng lực ấy. Thật ra vũ trụ không có chỗ nào cũng Có Không, và chỗ nào cũng Không Có. Cho nên Kinh Bát Nhã có nói : Sắc chẳng khác gì Không, Không chẳng khác gì sắc, Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Toàn là giả dối, như chiêm bao, vô thường, như mây khói, tương đối như màu sắc cả.

Những thí dụ như thế, có thể kể ra rất nhiều, chỉ tóm lại là chúng ta bị phụ thuộc chặt chẽ vào một sự tổ chức của nhục thể vậy.

Phật Pháp bất diệt, đó là định luật duy nhất, Đức Phật khi đã giác ngộ tâm trí vắng lặng và trong suốt, không những tự giải thoát, mà còn là một gương sáng hoàn mỹ để truyền bá cái chân lý duy nhất và bất diệt cho mọi loài cùng giải thoát.

NAM MÔ BẢN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT HẾT



MƯỜI CÔNG ĐỨC ẤN TỔNG KINH SÁCH, TƯỢNG PHẬT

Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.

Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh ngục tù.

Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.

Bốn là, các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.

Năm là, tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiển sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.

Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phúc lộc đời đời.

Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.

Tám là, ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.

Chín là, vĩnh viễn xa lìa đường ác, sinh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phúc lộc tròn đầy.

Mười là, hay vì tất cả chúng sinh trông các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sinh làm ruộng phúc điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phúc quả thù thắng. Sinh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe Pháp phúc huệ rộng lớn, chúng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

ẤN QUANG ĐẠI SƯ DẠY

Ấn tống kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên gặp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phúc, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề ấn tống, để trông cội phúc đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

